

Số: 157/BVCTCH-VTTBYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2026

V/v yêu cầu báo giá Khớp nhân tạo

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Chấn thương Chính hình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Khớp nhân tạo thuộc dự toán mua sắm thường xuyên với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

**1. Đơn vị yêu cầu báo giá:**

Bệnh viện Chấn thương Chính hình

Địa chỉ: 929 Trần Hưng Đạo, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh

**2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:**

Họ và tên: Trần Kim Sang

Đơn vị công tác: Phòng Vật tư - thiết bị y tế

Điện thoại: 028 38 366 991; 098 911 0721, 090 982 7291

Email: [trankimsang73@yahoo.com](mailto:trankimsang73@yahoo.com); [ttbinh.bvctch@gmail.com](mailto:ttbinh.bvctch@gmail.com)

*(Lưu ý: Người liên hệ có trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận thông tin; Hãng sản xuất, nhà cung cấp không gửi hồ sơ trực tiếp cho cá nhân.)*

**3. Cách thức tiếp nhận báo giá:**

Nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận báo giá, đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp thực hiện như sau:

**3.1. Tiếp nhận bản giấy (bắt buộc):**

Hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi 01 bộ hồ sơ bản giấy, gồm:

- Báo giá;
- Bảng thông tin kỹ thuật sản phẩm.

Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Văn thư của Bệnh viện (không gửi trực tiếp cho cá nhân) theo địa chỉ: 929 Trần Hưng Đạo, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3.2. Tiếp nhận bản mềm (đồng thời):**

Hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi hồ sơ qua email:

- [trankimsang73@yahoo.com](mailto:trankimsang73@yahoo.com);
- [ttbinh.bvctch@gmail.com](mailto:ttbinh.bvctch@gmail.com).

Hồ sơ bản mềm bao gồm:

- File scan và file Excel của “Báo giá” và “Bảng thông tin kỹ thuật sản phẩm”;
- File scan các tài liệu liên quan đến thông tin, xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm (nếu có).

**4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:** Từ 08 giờ 30 phút ngày 30 tháng 01 năm 2026 đến trước 15 giờ 30 phút ngày 09 tháng 02 năm 2026.

2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 09 tháng 02 năm

## II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục Khớp nhân tạo theo “Bảng mô tả tính năng kỹ thuật” đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp; yêu cầu về vận chuyển, bảo quản hàng hóa:

2.1. Địa điểm cung cấp:

Bệnh viện Chấn thương Chính hình

Địa chỉ: 929 Trần Hưng Đạo, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2. Yêu cầu về vận chuyển, bảo quản hàng hóa:

- Hàng hóa còn nguyên vẹn, không bị hư hao trong quá trình vận chuyển.
- Có hướng dẫn bảo quản sản phẩm.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng theo từng đợt đặt hàng của Chủ đầu tư. Thời gian giao hàng trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông tin đặt hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt đặt hàng trong vòng 90 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận được hóa đơn tài chính.

5. Các thông tin khác:

- Nhà thầu thực hiện báo giá theo đúng mẫu “Báo giá” và điền đầy đủ thông tin vào “Bảng thông tin kỹ thuật sản phẩm” đính kèm.

- Căn cứ vào “Bảng mô tả tính năng kỹ thuật”, nhà thầu lựa chọn sản phẩm chào giá cho phù hợp.

- Nhà thầu có thể chào sản phẩm có tính năng kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn và phải chứng minh rõ ràng đầy đủ trong “Bảng thông tin kỹ thuật sản phẩm”.

(Đính kèm theo Bảng mô tả tính năng kỹ thuật).

Trân trọng./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Phòng VTTBYT (để tiếp nhận, tổng hợp);
- <https://muasamcong.mpi.gov.vn>;
- Lưu: VT, VTTBYT, TKS (02).

GIÁM ĐỐC



Hoàng Mạnh Cường



## BẢNG MÔ TẢ TÍNH NĂNG KỸ THUẬT

### Gói thầu: Khớp nhân tạo năm 2026

(Kèm theo Công văn số 157/BVCTCH-VTTBYT ngày 28 tháng 01 năm 2026)

Stt	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Tính năng kỹ thuật
A		<b>Khớp bàn, ngón tay</b>			
1	Khớp xương bàn tay - ngón tay MCP, PIP nhân tạo - P1	Khớp xương bàn tay - ngón tay MCP, PIP nhân tạo	Bộ	10	Khớp bàn đốt MCP và khớp gian đốt gần PIP nhân tạo đúc liền khối gồm một vùng uốn ngang ở giữa và các cuống khớp Chất liệu: Silicon y tế MED 4550. Bề mặt: Nhẵn, không có lớp phủ. Kích thước: 7 kích thước khác nhau, rộng 12 - 18mm với bước tăng 1mm, dài từ 35mm - 75mm Tiêu chuẩn: CE, ISO Xuất xứ: Châu Âu
2	Khớp xương thang - xương bàn tay ngón cái CMC nhân tạo - P2	Khớp xương thang - xương bàn tay ngón cái CMC nhân tạo	Bộ	10	Khớp xương thang - xương bàn tay ngón cái nhân tạo, đúc liền khối gồm một phần thân hình trụ và một cuống khớp neo bốn cạnh. Chất liệu: Silicon y tế MED 4550. Bề mặt: Nhẵn, không có lớp phủ. Kích thước: Có 3 kích cỡ khác nhau, đường kính 13 ; 14 ; 15mm, chiều dài 28 ; 31; 35mm tương ứng Tiêu chuẩn: CE, ISO Xuất xứ: Châu Âu
A		<b>Khớp gối các loại, các cỡ</b>			
3	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng - P3	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng	Bộ	30	Tiêu chuẩn ISO, CE 1. Lõi cầu xương đùi: chất liệu Cobalt - Chrome, có lõi cầu trái/ phải có xi măng, gồm tối thiểu 10 cỡ, độ nghiêng trước sau 4 độ, độ dày lõi cầu tối đa 8mm, độ rộng mặt trước sau tương ứng với các cỡ từ 50-74mm, độ rộng trong ngoài từ 54-79mm 2. Đệm mâm chày: Chất liệu polyethylene - UHMWPE Là loại có gờ chống trật sau Độ dày lớp đệm từ 7-19mm, bước tăng 2mm. 3. Mâm chày: Chất liệu Cobalt - Chrome Có tối thiểu 9 cỡ. Độ nghiêng sau 5 độ, độ rộng mặt trước sau tương ứng với các cỡ từ 38mm-58mm, độ rộng trong ngoài từ 56.5mm-85mm. 4. Xi măng ngoại khoa có kháng sinh: được đóng gói 2 thành phần 40 Gam bột Radiopaque Polymer Powder bao gồm: 82.48 % Poly(methyl acrylate /methyl methacrylate, 0.86 % Benzoyl peroxide, 14.70 % Zirconium dioxide và 1.96 % Gentamicin sulfate 20 ml chất lỏng Monomer Liquid bao gồm: 98.47% Methyl methacrylate 1 ( Stabilized with Hydroquinone), 1.53% DmpT ( N-dimethyl-p-toluidine), độ nhớt cao.

4	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng - P4	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng	Bộ	50	<p>1. Lõi cầu lặn trên lớp đệm như gối tự nhiên (ball in socket), bán kính góc ổn định 0 - 90 độ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 8 cỡ lõi cầu đùi: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8</li> <li>- Độ rộng mặt trên (A/P): 59, 61, 64, 66, 70, 73, 77, 80mm</li> <li>- Độ dài mặt trên (M/L): 51, 54, 57, 60, 64, 68, 72, 76 mm</li> </ul> <p>2. Mâm chày: Mâm chày phải cho chân phải và trái cho chân trái.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 11 kích cỡ (size): 1, 2, 2+, 3, 4, 5, 6, 6+, 7, 8, 8+</li> <li>- Độ rộng mặt trên (A/P): 40, 43, 46, 49, 52, 55, 58, 61, 64mm</li> <li>- Độ dài mặt trên (M/L): 54, 58, 62, 66, 70, 74, 78, 82, 86mm.</li> <li>- Chiều dài thân (Stem Length): 31; 34; 38; 41mm</li> </ul> <p>3. Lớp đệm: Chất liệu UHMWPE có 6 độ dày 10; 12; 14; 17; 20; 24mm.</p> <p>4. Bánh chè: chất liệu UHMWPE, 3 chân. Có kích cỡ về độ dày và đường kính: 26 x 8,0 mm; 29 x 8,0mm; 32 x 8,0 mm; 35 x 8,0 mm; 38 x 10 mm; 41 x 11,0 mm.</p> <p>5. Xi măng: Xi măng: Xi măng được đóng gói gồm: Một ống chất lỏng monomer 14.4g và 16.4g vô trùng và một gói bột polymer 40g * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC và FDA. Xi măng tiêu chuẩn: ISO 13485, EU và FSC * Xuất xứ các nước G7</p>
5	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng (thiết kế kiểu PS) - P5	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng (thiết kế kiểu PS)	Bộ	50	<p>Thiết kế BALAN SEE bán kính đơn (0-95°) hạn chế cắt bỏ xương đùi xa và sau bằng nhau định hình và tái tạo cân bằng dây chằng, độ gấp duỗi tối đa 150°</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế kiểu patellofemoral bảo tồn xương, cơ chế khóa chèn xương chày đa hướng mạnh mẽ.</li> </ul> <p>1. Lõi cầu đùi (Femoral Component): Chất liệu hợp kim CoCr, loại lõi cầu đùi trái/ phải với 15 size, 10 kiểu chuẩn và 5 kiểu mở rộng đối với size 3N, 4N, 5N, 6N, 7N.</p> <p>2. Mâm chày (Tibial Plate): Chất liệu Ti-6Al-4V với 9 kích cỡ sử dụng; Chiều ngang: 58, 61, 64, 67, 70, 74, 77, 80 và 85mm; Chiều sâu (trước sau): 38, 40, 42, 44, 46, 49, 52, 55 và 59mm</p> <p>3. Lớp đệm mâm chày (Tibial Bearing): Thiết kế kiểu PS chất liệu Vitamin E highly crosslinked, kích thước từ 9 -25mm với 8 độ dày khác nhau</p> <p>4. Bánh chè (Patellar Component): Chất liệu UHMWPE Vitamin E gồm 6 kích cỡ: size 27 (độ dày 7.5mm); size 29 (độ dày 7.5mm); size 32 (độ dày 8.5mm); size 35 (độ dày 9mm); size 38 (độ dày 9.5mm); size 41mm (độ dày 10mm)</p> <p>5. Xi măng: Xi măng: Xi măng được đóng gói gồm: Một ống chất lỏng monomer 14.4g và 16.4g vô trùng và một gói bột polymer 40g * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và FDA. Xi măng tiêu chuẩn: ISO 13485, EU và FSC * Xuất xứ các nước G7</p>

6	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng (thiết kế kiểu PS+) - P6	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng (thiết kế kiểu PS+)	bộ	40	<p>Thiết kế BALAN SEE bán kính đơn (0-95°) hạn chế cắt bỏ xương đùi xa và sau bằng nhau định hình và tái tạo cân bằng dây chằng, độ gấp duỗi tối đa 150°</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế kiểu patellofemoral bảo tồn xương, cơ chế khóa chèn xương chày đa hướng mạnh mẽ.</li> <li>1. Lõi cầu đùi (Femoral Component): Chất liệu hợp kim CoCr, loại lõi cầu đùi trái/ phải với 15 size, 10 kiểu chuẩn và 5 kiểu mở rộng đối với size 3N, 4N, 5N, 6N, 7N.</li> <li>2. Mâm chày (Tibial Plate): Chất liệu Ti-6Al-4V với 9 kích cỡ sử dụng; Chiều ngang: 58, 61, 64, 67, 70, 74, 77, 80 và 85mm; chiều sâu (trước sau): 38, 40, 42, 44, 46, 49, 52, 55 và 59mm</li> <li>3. Lớp đệm mâm chày (Tibial Bearing): Thiết kế kiểu PS +; chất liệu Vitamin E highly crosslinked, kích thước từ 9 -25mm với 8 độ dày khác nhau</li> <li>4. Bánh chè (Patellar Component): Chất liệu UHMWPE Vitamin E' gồm 6 kích cỡ: size 27 (độ dày 7.5mm); size 29 (độ dày 7.5mm); size 32 (độ dày 8.5mm); size 35 (độ dày 9mm); size 38 (độ dày 9.5mm); size 41mm (độ dày 10mm)</li> <li>5. Xi măng: Xi măng xương có kháng sinh Gentamicin: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần dung dịch pha có trọng lượng 14.4g: MMA (Methyl methacrylate) 84.4%; Butyl methacrylate: 13.2 %; DMPT (N,N-dimethyl-p-toluidine) 2.4%; HQ (Hydroquinone) 20ppm</li> <li>- Thành phần xi măng bột 41.6g: Poly(methyl methacrylate) (PMMA) 84.3% ; Barium sulphate (BaSO4) 9.6%; Benzoyl peroxide (BPO) 2.3%; Gentamicin sulphate 3.8%</li> </ul> </li> </ul> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và FDA. Xi măng tiêu chuẩn: ISO 13485, EU và FSC * Xuất xứ các nước G7</p>
7	Khớp gối toàn phần có xi măng loại cố định PS, góc gấp gối 155 độ - P7	Khớp gối toàn phần có xi măng loại cố định PS, góc gấp gối 155 độ	Bộ	20	<p>*Thiết kế phù hợp với kỹ thuật mổ cắt dây chằng chéo sau</p> <p>01. Lõi cầu xương đùi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim Co-Cr hoặc Titan hoặc hợp kim Titan, phù SpheroGrip</li> <li>- Có tối thiểu 8 cỡ lõi cầu đùi, tăng dần từ cỡ nhỏ đến cỡ lớn, phân biệt trái/ phải, kích cỡ trước sau trong khoảng từ 52mm đến 72mm, kích cỡ trong ngoài trong khoảng từ 55mm đến 77mm (1,1B,2,2A,2B,3,4,5).</li> </ul> <p>02. Mâm chày:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim Co-Cr hoặc Titan hoặc hợp kim Titan, và phù SpheroGrip</li> <li>- Thiết kế nhiều kích cỡ khác nhau, tăng dần từ nhỏ đến lớn, phù hợp với lõi cầu đùi. Kích cỡ trước sau khoảng từ 42mm đến 56mm, kích cỡ trong ngoài khoảng từ 62mm đến 85mm</li> <li>- Có chuôi chuẩn hoặc chuôi dài, có 5 kích cỡ trái và phải: 1,2,3,4,5.</li> </ul> <p>03. Lớp lót mâm chày:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene cao phân tử.</li> <li>- Có chốt dừng (post-cam) hỗ trợ chống trượt ra sau.</li> <li>- Được thiết kế phù hợp với mâm chày và lõi cầu đùi tương ứng, mỗi kích cỡ có nhiều bề dày khác nhau từ thấp lên cao, bước tăng <math>\leq 2\text{mm}</math>, có 8 kích cỡ trái và phải (1,1B,2,2A/2B,3,4,5), có 5 độ dày 10,12,14,16,18mm</li> <li>- Thiết kế kiểu cố định (Fix bearing).</li> </ul> <p>04. Bánh chè:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyethylene cao phân tử.</li> <li>- Có nhiều kích cỡ khác nhau, tăng dần từ cỡ nhỏ đến cỡ lớn.</li> </ul> <p>* 01 Xi măng sinh học kèm dung dịch pha. Có chứng nhận tiêu chuẩn ISO và CE.</p>

8	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng XUC-vitamin E bảo tồn xương tối đa - P8	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng XUC-vitamin E bảo tồn xương tối đa	Bộ	35	<p>1. Lõi cầu đùi: bằng hợp kim CoCrMo cứng và nhẵn, độ dày lõi cầu 9mm, mặt trước nghiêng 5°, độ gập gối tối đa 155°, xoay trong-xoay ngoài 12.5°, theo nguyên lý chuyển động đa điểm tái tạo sinh lý theo khớp gối tự nhiên. Lõi cầu CR giúp bảo tồn xương, không cần đục hộp tại rãnh liên lõi cầu. Có 13 cỡ mỗi bên trái, phải, bước nhảy 2mm. Độ rộng trong ngoài từ 56mm-80mm và độ rộng trước sau từ 52mm-76mm.</p> <p>2. Lớp lót: bằng Polyethylene Crosslink siêu cao phân tử liên kết chéo bổ sung vitamin E (E-XPE) tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa. Lớp lót XUC gờ khóa ngàm với rãnh trượt giúp chống bụi ma sát (Micromotion). Lớp lót có độ dốc sau 6° và cạnh trước cao tới 14.5mm chống trượt ra trước và sau. Có 5 độ dày 9mm, 11mm, 13mm, 15mm, 18mm.</p> <p>3. Mâm chày: bằng Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) có cơ chế khóa ngoại biên giúp giảm wear ở bề mặt lớp lót. Mặt dưới thiết kế dạng module đặc biệt có đầu chờ để gắn thêm miếng ghép titanium bù xương và chuỗi nối dài xương chày khi cần. Mặt dưới mâm chày có vân nhám, độ dày 3mm, chân mâm chày dài 33mm-42mm. Có 8 cỡ từ 0-7, không phân biệt trái-phải, với độ rộng trong ngoài: 60mm-84mm và độ rộng trước sau: 39.5mm-58.5mm.</p> <p>4. Bánh chèo: bằng Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo, dạng vòm có 3 chân (Peg) cố định. Có 7 cỡ với các đường kính 26mm-44mm ứng với độ dày 7mm, 8mm, 8.5mm, 9mm, 9.5mm, 10mm, 10.5mm.</p> <p>5. Cement xương:  - Xi măng độ nhớt trung bình, thời gian trộn ≤ 30 giây, đông đặc ≤ 5 phút, thời gian làm việc của xi măng 4.5 phút ở nhiệt độ phòng 20 độ C. Xi măng cứng sau 7-8 phút  - Thành phần tối thiểu bao gồm:  + 01 gói bột xi măng tối thiểu 40g, được tiệt trùng bằng ethylene oxide. Thành phần gồm 87.6% Polymethyl Methacrylate, 10% Barium Sulphate và 2.4% Benzoyl Peroxide có tác dụng không thấm xạ  + 01 lọ dung dịch pha xi măng tối thiểu 20ml được tiệt trùng bằng màng lọc sợi rỗng siêu nhỏ. Thành phần gồm 98.8% Methyl methacrylate, 1.2% N-N dimethyl-p-toluidine, 18-20 ppm Hydroquinone hoặc tương đương để pha xi măng.  Bộ khớp có chứng nhận Tiêu chuẩn FDA hoặc CE/ISO.</p>
---	--	---	----	----	--

9	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng XUC- bảo tồn xương tối đa, góc gập gối tối đa 155 độ - P9	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng XUC- bảo tồn xương tối đa, góc gập gối tối đa 155 độ.	Bộ	35	<p>1. Lõi cầu đùi:  Vật liệu Cobalt Chrome, cạnh dày 9mm, mặt trước nghiêng 5 độ, độ gập gối tối đa <math>\geq 155</math> độ, rãnh bánh chè được thiết kế chuyển động đa điểm tái tạo sinh lý theo khớp gối tự nhiên. Thiết kế không cần cắt xương tại rãnh liên lõi cầu. Rãnh liên lõi cầu có khe rộng 18mm cho mọi cỡ. Có 13 cỡ mỗi bên trái và phải với bước nhảy 2mm/cỡ, độ rộng trong ngoài từ 56mm đến 80mm và độ rộng trước sau từ 52mm đến 76mm.</p> <p>2. Lớp lót:  Vật liệu Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo . Có gờ khóa bằng cơ chế khóa ngầm cùng với rãnh trượt. Độ dốc sau 5° và cạnh trước cao 12.5mm. Có 5 cỡ: 9mm, 11mm, 13mm, 15mm, 18mm.</p> <p>3. Mâm chày:  Vật liệu hợp kim Titanium alloy (Ti-6Al-4V) không có lỗ mặt trên, dạng module có đầu chờ để gắn thêm miếng ghép bù xương 5mm và 10mm và gắn thêm chuỗi nối dài xuống xương chày 30mm. Mặt dưới có vân nhám, độ dày 3mm, chân mâm chày dài 33mm-42mm. Mâm chày có cơ chế khóa ngoại biên giúp giảm mài mòn mặt có 8 cỡ từ 0-7 tương ứng với độ rộng trong/ngoài: 60mm-84mm và độ rộng trước/sau:39.5mm-58.5mm.</p> <p>4. Bánh chè:  Vật liệu Polyethylene liên kết chéo XPE. Thiết kế bánh chè dạng vòm với 3 chân cố định và rãnh chứa xi măng. Có 7 cỡ với các đường kính 26mm, 29mm, 32mm, 35mm, 38mm, 41mm, 44mm ứng với độ dày 7mm, 8mm, 8.5mm, 9mm, 9.5mm, 10mm, 10.5mm.</p> <p>5. Xi măng xương:  - Xi măng độ nhớt trung bình, thời gian trộn <math>\leq 30</math> giây, đông đặc <math>\leq 5</math> phút, thời gian làm việc của xi măng 4.5 phút ở nhiệt độ phòng 20 độ C. Xi măng cứng sau 7-8 phút.  - Thành phần tối thiểu bao gồm:  + 01 gói bột xi măng tối thiểu 40g, được tiệt trùng bằng ethylene oxide. Thành phần gồm 87.6% Polymethyl Methacrylate, 10% Barium Sulphate và 2.4% Benzoyl Peroxide có tác dụng không thấm xạ  + 01 lọ dung dịch pha xi măng tối thiểu 20ml được tiệt trùng bằng màng lọc sợi rỗng siêu nhỏ. Thành phần gồm 98.8% Methyl methacrylate, 1.2% N-N dimethyl-p-toluidine, 18-20 ppm Hydroquinone hoặc tương đương để pha xi măng.  Bộ khớp có chứng nhận Tiêu chuẩn FDA hoặc CE/ISO.</p>
---	--	--	----	----	---



10	Khớp gối toàn phần Vega FB, gấp gối tối đa 160 độ - P10	Khớp gối toàn phần Vega FB, gấp gối tối đa 160 độ	Bộ	40	<p>Khớp gối cố định toàn phần mâm chày không đối xứng, chất liệu chính của Lõi Cầu và Mâm Chày làm bằng hợp kim Cobalt-Chrome Molybdenum (CoCrMo) đánh bóng bề mặt, bên ngoài được phủ bởi các lớp hợp kim chromium nitride, chromium carbon nitride ngoài cùng phủ lớp zirconium nitride nhằm hạn chế tối thiểu các trường hợp bệnh nhân mẫn cảm với Cobalt và Chrome, lõi cầu đùi đa trục dạng J, thiết kế dạng chêm mặt cắt trước làm giảm thiểu mất xương và tăng diện tích tiếp xúc của lõi cầu lên bề mặt xương, gấp gối tối đa 160 độ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lõi cầu có các Size : F1, F2, F3, F4, F5, F6, F7, F8.</li> <li>- Lớp đệm mâm chày được làm bằng vật liệu cao cấp Beta Polyethylent ( UHMWPE -ISO 5834-2 ) có kích thước 10,12,14,16,18,20 mm, thiết kế nghiêng sau 3 độ làm giảm nguy cơ trật khớp.</li> <li>- Bánh chèn: dạng vòm có 3 chân (Peg) cố định.</li> </ul> <p>+ Vật liệu: Beta Polyethylene (UHMWPE theo tiêu chuẩn ISO 5834-2 được chiếu xạ tia Beta)</p> <p>+ Có 5 kích cỡ tương ứng với kích thước đường kính x độ dày (không tính chiều cao chốt) là 26x7, 29x8, 32x9, 35x10, 38x11mm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mâm chày thiết kế dạng vẩy cá gồm các size: T0, T1, T2, T3, T4, T5.</li> </ul> <p>Cơ chế kết hợp Mâm chày và lõi cầu :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ T0: F1, F2, F3, khả thi F4</li> <li>+ T1: F1, F2, F3, F4, Khả thi F5</li> <li>+ T2 : F2, F3, F4, F5, Khả thi F1 và F6</li> <li>+ T3: F3, F4, F5, F6, Khả thi F2 và F7</li> <li>+ T4: F4, F5, F6, F7, Khả thi F3</li> <li>+ T5 :F5, F6, F7, Khả thi F4</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn: ISO, CE</p> <p>-- Tặng kèm stapler bấm khâu da sau ca phẫu thuật</p>
11	Khớp gối cố định PS, không bánh chèn kèm xi măng kháng sinh tương thích với kỹ thuật phẫu thuật xâm lấn tối thiểu không cần mở lòng tủy xương đùi - P11	Khớp gối cố định PS, không bánh chèn kèm xi măng kháng sinh tương thích với kỹ thuật phẫu thuật xâm lấn tối thiểu không cần mở lòng tủy xương đùi	Bộ	5	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lõi cầu đùi PS có xi măng chất liệu CoCrMo, có 7 kích cỡ với chiều trước-sau (A-P) từ 52.1 - 73.2mm, chiều trong-ngoài (M-L) từ 60 - 80.5mm Thiết kế đa bán kính được tối ưu hóa trên mặt phẳng đứng dọc, độ dày lõi cầu sau dày hơn 2.5mm so với lõi cầu xa giúp tăng độ offset phía sau, cải thiện khả năng gấp gối và lấp đầy khoảng trống khớp gối khi gấp, giúp bù đắp cho việc mất PCL. Rãnh bánh chèn có góc nghiêng 8° phù hợp với nhiều góc Q khác nhau của bệnh nhân nam và nữ. Hình dạng đường hầm từ 0-45° giúp xương bánh chèn chuyển động mượt mà.</li> <li>2. Lớp đệm mâm chày PS cố định chất liệu UHMWPE Bề mặt khớp trên có độ dốc ra sau là 3 độ. Có 7 Kích cỡ chính, với chiều trước - sau (F / A-P) từ 39 - 52.3mm, chiều trong - ngoài (G / M-L) từ 60 - 80.5mm Độ dày: 10mm, 12mm, 14mm, 17mm, 20mm.</li> <li>3. Mâm chày khớp gối cố định có xi măng chất liệu Hợp kim Ti6Al4V. Có 8 kích cỡ (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, và 7 plus) với chiều trước-sau (D / A-P) từ 39mm - 52.3 (54.7)mm, Chiều trong-ngoài (E / M-L) từ 60mm - 80.5 (84.5)mm</li> <li>4. Xi măng xương có kháng sinh Gentamicin, độ nhớt trung bình, màu xanh, cần quang, 40g</li> </ol> <p>Tương thích với Hệ thống cân chỉnh tùy phụ để áp dụng kỹ thuật xâm lấn tối thiểu không cần mở rộng lòng tủy xương đùi</p> <p>Cung cấp kèm Bộ dụng cụ thay Khớp gối, Hệ thống cân chỉnh tùy phụ EMAS, các dụng cụ hỗ trợ và bộ bơm rửa khớp gối khi sử dụng</p>



14	Khớp gối toàn phần di động K-MOD,UC-MB - P14	Khớp gối toàn phần di động K-MOD,UC-MB	Bộ	20	<p>1. Lõi cầu đùi (Femoral Component):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: CoCrMo. Kích cỡ: Có 6 cỡ trái/ phải. Lõi cầu dày 9mm và không có hộp (Boxless)</li> <li>- Nghiêng trước 4° để giảm notching. Rãnh bánh chè 6 độ;</li> <li>- Đa bán kính: bán kính thứ nhất mở rộng đến góc gấp 30 độ, bán kính thứ hai hoạt động đến góc gấp 90 độ.</li> </ul> <p>2. Mâm chày (Tibial Baseplate):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: CoCrMo, đoạn cuối có nút mâm chày (Tibial Plug). Kích cỡ: 6 cỡ đồng dạng, dạng mô-đun hoàn hảo: bất kỳ size nào của insert cũng đều tương thích với bất kỳ size nào của mâm chày. Bề mặt tiếp xúc được đánh bóng như gương để giảm mài mòn lớp đệm. Mâm chày tương thích với 28 cỡ cuống xương chày, chiều dài 60, 100, 140mm</li> </ul> <p>3. Lớp đệm (Tibial Insert):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (UHMWPE). Kích cỡ: 6 cỡ từ 1-6, độ dày: 10, 12, 14, 16mm</li> <li>- Kiểu UC. Dạng hy sinh dây chằng chéo sau, mặt trước nhô cao nhằm tránh khớp gối trượt ra phía trước.</li> </ul> <p>4. Bánh chè (Patella):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử UHMWPE, Kích cỡ: 28,32,36mm, độ dày 8, 9, 10mm, đồng dạng, ba chân, tương thích với tất cả các cỡ lõi cầu đùi</li> </ul> <p>5. Xi măng: sinh học có kháng sinh Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE Xuất xứ: G7</p>
15	Khớp gối toàn phần nhân tạo AAP hệ thống rãnh trượt khóa mâm chày với lớp đệm, lõi cầu chất liệu COCR, dạng PS, Hi-Flex - P15	Khớp gối toàn phần nhân tạo AAP hệ thống rãnh trượt khóa mâm chày với lớp đệm, lõi cầu chất liệu COCR, dạng PS, Hi-Flex	Bộ	30	<p>1. Lõi cầu đùi: Vật liệu Cobalt Chrome, cạnh dày 9mm, mặt trước nghiêng 15 độ, độ gấp gối tối đa <math>\geq 145</math> độ, rãnh bánh chè được thiết kế phù hợp với khớp gối tự nhiên. Thiết kế cắt xương tại rãnh liên lõi cầu. Có 9 cỡ mỗi bên trái và phải: + Kích thước lõi cầu trong ngoài ML(mm): 59, 61, 64, 66, 68, 71, 73, 75, 79. + Kích thước lõi cầu trước sau AP(mm): 53, 56, 58, 61, 63, 66, 68, 70, 72. + Lõi cầu sau bất đối xứng. Được đánh bóng với chất liệu hợp kim cobalt chromium CoCrMo.</p> <p>2. Lớp lót: Vật liệu Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo. Có gờ khóa bằng cơ chế khóa ngầm cùng với rãnh trượt. Có 9 cỡ (1- 9) tương ứng bề dày mâm chày 6mm, 8mm, 10mm, 12mm, 14mm, 16mm. Các sise lớp đệm có độ dày nhỏ nhất 6mm giúp bảo tồn xương tối đa.</p> <p>3. Mâm chày: Mâm chày (Tibial tray) với 9 kích cỡ: size 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Thiết kế hệ thống trượt khóa mâm chày với lớp đệm. + Tương ứng kích thước mâm chày trong ngoài ML(mm): 59, 63, 67, 71, 75, 79, 83, 87, 91. + Tương ứng kích thước mâm chày trước sau AP(mm): 38, 41, 43, 46, 48, 51, 53, 56, 58. + Tương ứng chiều cao mâm chày Height of Keel(mm): 33, 33, 36, 36, 36, 39, 39, 39.</p> <p>4. Bánh chè:</p> <p>Bánh chè (Patella) với đường kính: 25, 28, 31, 34, 37mm; độ dày có 2 kích cỡ 7.5mm và 10mm ,tái tạo bề mặt oval, tái tạo bề mặt cầu, hai mặt lõi. Chất liệu polyethylene Highly cross-linked UHMWPE.</p>

16	Khớp gối toàn phần nhân tạo PS, Hi-Flex, lớp đệm phủ Vitamin E, bánh chèo phủ vitamin E - P16	Khớp gối toàn phần nhân tạo PS, Hi-Flex, lớp đệm phủ Vitamin E, bánh chèo phủ vitamin E	Bộ	30	<p>1. Lõi cầu đùi: Vật liệu Cobalt Chrome, cạnh dày 9mm, mặt trước nghiêng 15 độ, độ gập gối tối đa <math>\geq 145</math> độ, rãnh bánh chèo được thiết kế phù hợp với khớp gối tự nhiên. Thiết kế cắt xương tại rãnh liên lõi cầu.</p> <p>Có 9 cỡ mỗi bên trái và phải: Tương ứng kích thước lõi cầu trong ngoài ML(mm): 59, 61, 64, 66, 68, 71, 73, 75, 79. Tương ứng kích thước lõi cầu trước sau AP(mm): 53, 56, 58, 61, 63, 66, 68, 70, 72. Lõi cầu sau bất đối xứng. Được đánh bóng với chất liệu hợp kim cobalt chromium CoCrMo.</p> <p>2. Lớp lót: PE có bổ sung vitamin E (VE Highly cross-linked UHMWPE) Vật liệu Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo bổ sung vitamin E. Có gờ khóa bằng cơ chế khóa ngàm cùng với rãnh trượt. Có 9 cỡ (1-9) tương ứng bề dày mâm chày 6mm, 8mm, 10mm, 12mm, 14mm, 16mm. Các sise lớp đệm có độ dày nhỏ nhất 6mm giúp bảo tồn xương tối đa.</p> <p>3. Mâm chày: Mâm chày (Tibial tray) với 9 kích cỡ: size 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Thiết kế hệ thống trượt khóa mâm chày với lớp đệm. Tương ứng kích thước mâm chày trong ngoài ML(mm): 59, 63, 67, 71, 75, 79, 83, 87, 91. Tương ứng kích thước mâm chày trước sau AP(mm): 38, 41, 43, 46, 48, 51, 53, 56, 58. Tương ứng chiều cao mâm chày Height of Keel(mm): 33, 33, 36, 36, 36, 39, 39, 39.</p> <p>4. Bánh chèo: Bánh chèo (Patella) với đường kính: 25, 28, 31, 34, 37mm; độ dày có 2 kích cỡ 7.5mm và 10mm, tái tạo bề mặt oval, tái tạo bề mặt cầu, hai mặt lõi. Chất liệu polyethylene VE Highly cross-linked UHMWPE, có Vitamin E.</p>
17	Khớp gối bán phần có xi măng loại cố định - P17	Khớp gối bán phần có xi măng loại cố định	Bộ	5	<p>* Bán cầu đùi: hợp kim CoCrMo (ISO 5832-4), có 4 cỡ F1 - F4 mỗi bên trái phải.</p> <p>* Lớp đệm: nhựa PE cao phân tử UHMWPE (ISO 5834-1/2), kiểu cố định, độ dày 9-10-11-12-14mm</p> <p>* Mâm chày bán phần: hợp kim CoCrMo (ISO 5832-4), có 5 cỡ T1 - T5 mỗi bên trái phải.</p> <p>* Xi măng xương có kháng sinh</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE</p> <p>Xuất xứ Châu Âu</p>
18	Khớp gối toàn phần có xi măng, thiết kế siêu đồng dạng, loại di động, trụ mâm chày nghiêng 5° - P18	Khớp gối toàn phần có xi măng, thiết kế siêu đồng dạng, loại di động, trụ mâm chày nghiêng 5°	Bộ	50	<p>* Lõi cầu đùi: hợp kim Co-Cr (ISO 5832-4), độ gập duỗi tối đa 155°, rãnh trượt xương bánh chèo nghiêng 7 độ giảm bớt lực căng của gân bánh chèo, bán kính đơn lõi cầu từ -20° đến 90°, có 8 kích cỡ F0 - F7</p> <p>* Mâm chày: hợp kim Co-Cr (ISO 5832-4), trụ mâm chày đơn khối, tâm xoay lệch trục 1/3 về phía trước, trụ mâm chày nghiêng 5 độ, có 9 kích cỡ T00, T0 - T7 phù hợp lõi cầu đùi</p> <p>* Lớp đệm: nhựa Polyethylene cao phân tử (ISO 5834-1/2), kiểu di động, độ dày tối thiểu 6mm, có thể xoay <math>\pm 20^\circ</math> quanh trục. Độ đồng dạng cao giữa lõi cầu đùi và lớp đệm làm tăng diện tích tiếp xúc, giảm ứng suất. Lớp đệm được vát phía sau tránh tổn thương mô mềm, mỗi loại có 4 cỡ độ dày H10 - H16</p> <p>* Bánh chèo: vật liệu Polyethylene cao phân tử (cross-linked) (ISO 5834-1/2), dạng hình vòm (dome), có 3 chân, kích cỡ <math>\varnothing 26 - 41</math>mm</p> <p>* Xi măng xương có kháng sinh</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE</p> <p>Xuất xứ Châu Âu</p>
19	Khớp gối toàn phần không xi măng - P19	Khớp gối toàn phần không xi măng	Bộ	2	<p>* Lõi cầu đùi: hợp kim Co-Cr (ISO 5832-4), độ gập duỗi tối đa 155°. Lớp phủ kép 100<math>\mu</math>m HAP trên nền 700<math>\mu</math>m Titanium độ xốp cao. Rãnh trượt xương bánh chèo nghiêng 7 độ giảm bớt lực căng của gân bánh chèo, bán kính đơn lõi cầu từ -20° đến 90°, có 8 kích cỡ F0 - F7</p> <p>* Mâm chày: hợp kim Co-Cr (ISO 5832-4), trụ mâm chày đơn khối, tâm xoay lệch trục 1/3 về phía trước, trụ mâm chày nghiêng 5 độ. Lớp phủ kép 100<math>\mu</math>m HAP trên nền 700<math>\mu</math>m Titanium độ xốp cao. Có 9 kích cỡ T00, T0 - T7 phù hợp lõi cầu đùi</p> <p>* Lớp đệm: nhựa Polyethylene cao phân tử (ISO 5834-1/2), kiểu di động, độ dày tối thiểu 6mm, có thể xoay <math>\pm 20^\circ</math> quanh trục. Độ đồng dạng cao giữa lõi cầu đùi và lớp đệm làm tăng diện tích tiếp xúc, giảm ứng suất. Lớp đệm được vát phía sau tránh tổn thương mô mềm, mỗi loại có 4 cỡ độ dày H10 - H16</p> <p>* Bánh chèo: vật liệu Polyethylene cao phân tử (cross-linked) (ISO 5834-1/2), dạng hình vòm (dome), có 3 chân, kích cỡ <math>\varnothing 26 - 41</math>mm</p> <p>Tiêu chuẩn CE/FDA, ISO</p>

20	Khớp gối toàn phần cố định có xi măng có mấu ngừa trật khớp, trụ mâm chày nghiêng 3° - P20	Khớp gối toàn phần cố định có xi măng có mấu ngừa trật khớp, trụ mâm chày nghiêng 3°	Bộ	50	<p>* Lõi cầu đùi: hợp kim Co-Cr-Mo, có mấu "Cam" ngăn ngừa trật khớp. Hình dạng cong tăng tầm hoạt động của xương bánh chè. Có size từ F3 - F12</p> <p>* Mâm chày: Hợp kim Co-Cr-Mo, dạng cố định (fixed bearing) PS, có vòng tăng cường chịu lực, chứa lớp đệm, rãnh dọc chống xoay. Trụ mâm chày nghiêng 3° thiết kế phù hợp giải phẫu sinh lý, có size T3 - T12</p> <p>* Lớp đệm: Polyethylene cao phân tử, kiểu cố định (Fixed Type), hình dạng phù hợp lõi cầu tăng sự tiếp xúc, chống trật, lõi cầu đùi có khả năng xoay trên bề mặt đĩa đệm, có size FI 3 – FI 12, mỗi size có độ dày lớp đệm từ 10 - 20mm</p> <p>* Bánh chè: Polyethylene cao phân tử, dạng 3 chân (peg) hình vòm (dome), chân dài 5.5mm, biên ngoài 1.5mm, size Ø26 – 40mm.</p> <p>* Xi măng xương có kháng sinh</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE/FDA</p>
21	Khớp gối cố định toàn phần mâm chày không đối xứng, chất liệu Cobalt-Chrome đánh bóng - P21	Khớp gối cố định toàn phần mâm chày không đối xứng, chất liệu Cobalt-Chrome đánh bóng	Bộ	30	<p>Khớp gối cố định toàn phần</p> <p>1. Lõi cầu đùi (Femoral Component):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt-Chrome (ISO 5832-4). Kích cỡ: gồm 14 cỡ: 7 cỡ Standard và 7 cỡ Narrow mặt trong ngoài lõi cầu giảm 4mm</li> <li>- Đa trục, dạng chữ J: trục R1 giúp tiếp xúc tối đa với lớp đệm, giúp gối vững hơn; R2 giảm mức độ gối trượt về phía sau; R3 làm giảm bề mặt tiếp xúc khi gấp gối hoàn toàn, 4° chêm mặt cắt trước. Độ dày đoạn xa 8mm và lõi cầu phía sau dày 8mm, gấp 140°, khoảng cách trước sau 38-58mm; khoảng cách giữa 2 lõi cầu trong ngoài là 19mm. Rãnh xi măng 0.5mm. Dạng UC hoặc GMK PS có thể điều chỉnh độ xoay trục +/-10 độ chống lại việc cán 2 bên lõi cầu. Tương thích với định vị All In One cutting 5in1</li> </ul> <p>2. Mâm chày (Tibial Baseplate):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt-Chrome (ISO 5832-4). Kích cỡ: 6 cỡ Trái và 6 cỡ Phải, đánh số từ 1-6.</li> <li>- Thiết kế không đối xứng trái-phải nhằm tăng cường tối đa độ che phủ xương. Cuống dài 34mm dịch chuyển về phía trước 3mm, dạng vây cá 130° rộng 45-55mm. Rãnh xi măng 0.5mm.</li> </ul> <p>3. Lớp đệm (Tibial Insert):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (ISO 5834-2), loại UC, PS. Kích cỡ: có 6 cỡ khác nhau có độ dày: 10, 12, 14, 17, 20mm hoặc dày 7, 9, 11, 14, 17mm</li> <li>- Mặt trước cao 5.65-6.80mm, mặt sau cao 1.30-2.60mm, đỉnh cao chống trật trước từ 8,50-10,00mm. Cốt CAM cao 18mm. Vít cố định bằng Ti6Al4V (ISO 5832-3); được khóa chặt vào mâm chày bằng cơ chế "rãnh kẹt".</li> </ul> <p>4. Bánh chè (Patella):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: UHMWPE (ISO 5834-2). Kích cỡ: 4 cỡ 26, 29, 32, 35mm, độ dày 10mm, không đối xứng, 3 chân, tương thích với tất cả các cỡ lõi cầu đùi</li> </ul> <p>5. Xi măng: sinh học có kháng sinh</p> <p>Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE</p> <p>Xuất xứ: Châu Âu</p>

22	Khớp gối di động toàn phần mâm chày không đối xứng, chất liệu Cobalt-Chrome đánh bóng - P22	Khớp gối di động toàn phần mâm chày không đối xứng, chất liệu Cobalt-Chrome đánh bóng	Bộ	30	<p>Khớp gối di động toàn phần</p> <p>1. Lõi cầu đùi (Femoral Component):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt-Chrome (ISO 5832-4). Kích cỡ: gồm 14 cỡ: 7 cỡ Standard và 7 cỡ Narrow mặt trong ngoài lõi cầu giảm 4mm</li> <li>- Đa trục, dạng chữ J: trục R1 giúp tiếp xúc tối đa với lớp đệm, giúp gối vững hơn; R2 giảm mức độ gối trượt về phía sau; R3 làm giảm bề mặt tiếp xúc khi gấp gối hoàn toàn, 4° chêm mặt cắt trước. Độ dày đoạn xa 8mm và lõi cầu phía sau dày 8mm, góc gấp 0-120°, khoảng cách trước sau 38-58mm; khoảng cách giữa 2 lõi cầu trong ngoài là 19mm. Rãnh xi măng 0.5mm. Dạng UC. Tương thích với định vị All In One cutting 5in1</li> </ul> <p>2. Mâm chày (Tibial Baseplate):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt-Chrome (ISO 5832-4). Kích cỡ: 6 cỡ Trái và 6 cỡ Phải, đánh số từ 1-6.</li> <li>- Thiết kế không đối xứng trái-phải nhằm tăng cường tối đa độ che phủ xương. Cuống dài 34mm dịch chuyển về phía trước 3mm, dạng vây cá 130° rộng 45-55mm. Rãnh xi măng 0.5mm.</li> </ul> <p>3. Lớp đệm (Tibial Insert):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (ISO 5834-2), loại UC. Kích cỡ: có 6 cỡ khác nhau có độ dày: 10, 12, 14, 17, 20mm hoặc dày 6, 8, 10, 13, 16mm</li> </ul> <p>4. Bánh chè (Patella):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: UHMWPE (ISO 5834-2). Kích cỡ: 4 cỡ 26, 29, 32, 35mm, độ dày 10mm, không đối xứng, 3 chân, tương thích với tất cả các cỡ lõi cầu đùi</li> </ul> <p>5. Xi măng: sinh học có kháng sinh Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE Xuất xứ: Châu Âu</p>
23	Khớp gối toàn phần cố định có xi măng, góc gấp gối 130 độ - P23	Khớp gối toàn phần cố định có xi măng, góc gấp gối 130 độ.	Bộ	30	<p>1. Lõi cầu đùi (Femoral Component):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt-Chrome (CoCr), được phủ 2 lớp Plasma sprayed titanium (80µm) và HAP (80µm).</li> <li>- Lõi cầu gồm 9 kích cỡ phải và trái, từ 0 đến 8. Mặt cong đơn từ 0 độ tới 100 độ, mặt cắt phía trước nghiêng 6 độ.</li> <li>- Kích thước lõi cầu đùi tăng đều 2mm cho các kích cỡ từ 0 đến 4 và tăng đều 3.2mm cho các kích cỡ từ 4 đến 8. Kích thước lõi cầu đùi tăng đều 2.6mm giữa các kích cỡ.</li> <li>- Kích thước trước sau (AP): 44,6/ 47,1/ 49,7/ 52,3/ 54,9/ 57,5/ 60,1/ 62,6/ 65,3mm tương ứng 9 size từ 0 đến 8.</li> <li>- Kích thước trong ngoài (ML): 56/ 58/ 60/ 62/ 64,1/ 67,2/ 70,3/ 73,4/ 76,7mm tương ứng 9 size từ 0 đến 8.</li> </ul> <p>2. Mâm chày (Tibial Baseplate):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt-Chrome (CoCr), được phủ 2 lớp Plasma sprayed titanium (80µm) và HAP (80µm).</li> <li>- Gồm 9 kích cỡ từ 0 đến 8, được thiết kế dùng chung cho gối trái và gối phải. Thiết kế kiểu Fixed - Bearing, ổn định sau.</li> <li>- Kích thước trước sau (AP): 39/ 41,4/ 43,6/ 45,9/ 48,2/ 50,5/ 52,8/ 55/ 57,3mm tương ứng 9 size từ 0 đến 8.</li> <li>- Kích thước trong ngoài (ML): 60/ 63,5/ 67/ 70,5/ 74/ 77,5/ 81/ 84,5/ 88mm tương ứng các 9 từ 0 đến 8.</li> </ul> <p>3. Lớp đệm (Tibial Insert)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: UHMW Polyethylene. Kích cỡ: có 6 độ dày: (từ 10 đến 20mm)</li> </ul> <p>4. Bánh chè (Patella):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: UHMW Polyethylene. Kích cỡ: 23mm, 26mm, 29mm cho Inset và 30mm, 33mm, 36mm cho Onset.</li> </ul> <p>5. Xi măng (Cement): có kháng sinh Gentamycine. Tiêu chuẩn ISO, CE. Xuất xứ: nhóm G7.</p>

24	Khớp gối toàn phần di động có xi măng, thiết kế bảo tồn xương - P24	Khớp gối toàn phần di động có xi măng, thiết kế bảo tồn xương.	Bộ	33	<p>1. Lõi cầu đùi (Femoral Component): + Chất liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) theo tiêu chuẩn ISO5832-4, gồm 9 kích cỡ phải/trái từ 1 đến 9, thiết kế kiểu ổn định trước (Ultra-congruents), bảo tồn xương. Kích thước chiều rộng ngang lõi cầu 55/58/61/64/67/70/73/76/80mm tương ứng các size từ 1 đến 9.</p> <p>2. Mâm chày (Tibial Baseplate): + Chất liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) theo tiêu chuẩn ISO5832-4, gồm 9 kích cỡ từ 0 đến 8, thiết kế phải/trái. + Mâm chày thiết kế kiểu di động (Rotating Baseplate), biên độ xoay quanh trục của lớp đệm 20 độ, có thể gắn thêm miếng chêm và cuống dài. Miếng chêm có độ dày 5 mm và 10mm, có 9 kích cỡ từ 0 đến 8. Cuống dài có đường kính 13mm với các chiều dài 20mm, 40mm, 70mm, 110mm.</p> <p>3. Lớp đệm (Tibial Insert) + Chất liệu: PEXEL UHMWPE. Kích cỡ: có 3 độ dày 10mm, 12mm, 15mm. Thiết kế kiểu ổn định trước (Ultra-congruents).</p> <p>4. Bánh chè (Patellar): + Chất liệu: UHMW Polyethylene. Kích cỡ: 23mm, 25mm, 28mm.</p> <p>5. Xi măng có kháng sinh Gentamycine. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO. Xuất xứ: nhóm G7.</p>
25	Khớp gối toàn phần cố định bảo tồn xương - P25	Khớp gối toàn phần cố định bảo tồn xương	Bộ	30	<p>1. Thành phần đầu xương đùi (Femoral Component): Chất liệu: hợp kim Cobalt Chromium Molybdenum - ISO5832/4. Bề mặt: phủ lớp TiNbn, độ nhám đạt tiêu chuẩn ISO 7207-2. Bề mặt tiếp xúc xương: các lỗ nhỏ để phân bố đều xi măng. Kích cỡ: 10 kích cỡ từ 4-13, phân biệt trái, phải. Kích thước trong/ngoài (M/L): 57,5; 60; 62,5; 65; 67,5; 70; 72,5; 75; 77,5; 80mm. Kích thước trước/sau (A/P): 51; 52,5; 54,5; 56,5; 59,5; 62,5; 65,5; 68,5; 71,5; 75mm.</p> <p>2. Thành phần mâm chày (Tibia TOP): Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium - ISO5832/3. Kích cỡ: 10 kích cỡ mâm chày kết hợp với đệm mâm chày theo mã màu (XS-A/hồng, B-C/xanh lá, D-E/đỏ, F-G/xanh dương, H-I/cam). Kích thước trong/ngoài (M/L 1): 57; 61; 65; 69; 72; 75; 79; 84; 89; 92mm. (M/L 2): 37,4; 39,4; 43,8; 43,8; 48,9; 48,9; 53,9; 53,9; 59,9; 59,9mm. Kích thước trước/sau (A/P): 37; 39,2; 41,9; 44,6; 46,4; 48,3; 50,9; 54; 57; 60mm. Chiều cao: 30,5; 30,5; 32; 32; 33,5; 33,5; 35; 35; 36,5; 36,5mm. Đầu xa có thể gắn thêm cuống khớp nối dài.</p> <p>3. Đệm mâm chày (Liner): - Chất liệu: UHMW PolyEthylene không có Calcium Stearate - ISO5834/1/2 - Độ dày: 9 độ dày (9mm, 10mm, 11mm, 12mm, 13mm, 14mm, 15mm, 17mm, 20mm).</p> <p>4. Bánh chè (Patella): Chất liệu: UHMW PolyEthylene không có Calcium Stearate - ISO5834/1/2. Kích cỡ: 6 kích cỡ (28mm-38mm, mỗi bước tăng 2mm). Độ dày bánh chè 8mm, 8.5mm, 9mm, 9.5mm, 10mm, có cạnh dày 2 mm. Khoảng cách chốt đối xứng 14.2 trên cung 120°. - Xuất xứ: Châu Âu - Tiêu chuẩn chất lượng ISO + CE</p>

26	Khớp gối toàn phần di động loại UC -Vitamin E - P26	Khớp gối toàn phần di động loại UC -Vitamin E	Bộ	30	<p>1. Thành phần đầu xương đùi (Femoral component): Chất liệu: hợp kim Cobalt Chromium Molybdenum - ISO5832/4. Bề mặt: phủ lớp TiNbn, độ nhám đạt tiêu chuẩn ISO 7207-2. Bề mặt tiếp xúc xương: các lỗ nhỏ để phân bố đều xi măng. Kích cỡ: 10 kích cỡ từ 4-13, phân biệt trái, phải. Kích thước trong/ngoài (M/L): 57,5; 60; 62,5; 65; 67,5; 70; 72,5; 75; 77,5; 80mm. Kích thước trước/sau (A/P): 51; 52,5; 54,5; 56,5; 59,5; 62,5; 65,5; 68,5; 71,5; 75mm.</p> <p>2. Thành phần mâm chày (BIOLOY TIBIA):          - Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium - ISO5832/3. Kích cỡ: 7 kích cỡ A,B,C,D,E,F,G. Đầu xa có thể gắn thêm cuống khớp nối dài. Kích thước trong/ngoài (M/L 1): 61, 65; 69; 72; 75; 79; 84 mm. (M/L 2): 39,4; 43,8; 43,8; 48,9; 48,9; 53,9; 53,9mm. Kích thước trước/sau (A/P): 39,2; 41,9; 44,6; 46,4; 48,3; 50,9; 54mm.          - Chiều cao: 30,5; 32; 32; 33,5; 33,5; 35; 35mm.</p> <p>3. Đệm mâm chày (Mobile insert): Loại UC mang lại sự ổn định cao. Chất liệu: UHMW Polyethylene không có Calcium Stearate - ISO5834/1/2, có thêm Vitamin E.          - Độ dày: 10 độ dày (9mm, 10mm, 11mm, 12mm, 13mm, 14mm, 15mm, 17mm, 18mm, 20mm).</p> <p>4. Bánh chè (Patella): Chất liệu: UHMW Polyethylene không có Calcium Stearate - ISO5834/1/2. Độ dày bánh chè 8mm, 8.5mm, 9mm, 9.5mm, 10mm, có cạnh dày 2 mm          Khoảng cách chốt đối xứng 14.2 trên cung 120°. Kích cỡ: 6 kích cỡ (28mm-38mm, mỗi bước tăng 2mm).          - Xuất xứ: Châu Âu. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO + CE</p>
27	Khớp gối toàn phần loại cố định-AS lớp đệm Vitamin E phân biệt trái-phải - P27	Khớp gối toàn phần loại cố định-AS lớp đệm Vitamin E phân biệt trái-phải	Bộ	30	<p>1. Thành phần đầu xương đùi (Femoral Component): Chất liệu: hợp kim Cobalt Chromium Molybdenum - ISO5832/4. Lớp phủ bề mặt: Phủ nhám TiNbn - ISO7207-2.          - Kích cỡ: 10 kích cỡ từ 4-13, phân biệt trái, phải. Kích thước trong/ngoài (M/L): 57,5; 60; 62,5; 65; 67,5; 70; 72,5; 75; 77,5; 80mm. Kích thước trước/sau (A/P): 51; 52,5; 54,5; 56,5; 59,5; 62,5; 65,5; 68,5; 71,5; 75mm</p> <p>2. Thành phần mâm chày (Tibia TOP):          - Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium - ISO5832/3.          - Kích cỡ: 10 kích cỡ mâm chày kết hợp với đệm mâm chày theo mã màu (XS-A/hồng, B-C/xanh lá, D-E/đỏ, F-G/xanh dương, H-I/cam).          - Kích thước trong/ngoài (M/L 1): 57; 61, 65; 69; 72; 75; 79; 84; 89; 92mm          (M/L 2): 37,4; 39,4; 43,8; 43,8; 48,9; 48,9; 53,9; 53,9; 59,9; 59,9mm          - Kích thước trước/sau (A/P): 37; 39,2; 41,9; 44,6; 46,4; 48,3; 50,9; 54; 57; 60mm          - Chiều cao: 30,5; 30,5; 32; 32; 33,5; 33,5; 35; 35; 36,5; 36,5mm.</p> <p>3. Đệm mâm chày (Liner):          - Loại AS có hình dạng giải phẫu môi trước cao ở giữa giúp tránh trượt sau xương chày          - có 5 kích cỡ phân biệt trái phải. Độ dày: 9 độ dày (9mm, 10mm, 11mm, 12mm, 13mm, 14mm, 15mm, 17mm, 20mm) phù hợp với từng mã màu của size mâm chày.          - Chất liệu: UHMW PolyEthylene không có Calcium Stearate, bổ sung thêm Vitamin E</p> <p>4. Bánh chè (Patella): Chất liệu: UHMW PolyEthylene không có Calcium Stearate - ISO5834/1/2. Độ dày bánh chè 8mm, 8.5mm, 9mm, 9.5mm, 10mm, có cạnh dày 2 mm          Khoảng cách chốt đối xứng 14.2 trên cung 120°. Kích cỡ: 6 kích cỡ (28mm-38mm, mỗi bước tăng 2mm).          - Xuất xứ : Châu Âu. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO + CE</p>

28	Khớp gối nhân tạo toàn phần có xi măng phương pháp hi sinh dây chằng chéo sau, lõi cầu chất liệu zirconium&niobium - P28	Khớp gối nhân tạo toàn phần có xi măng phương pháp hi sinh dây chằng chéo sau, lõi cầu chất liệu zirconium&niobium	Bộ	30	<p>1. Lõi cầu xương đùi (Femoral Components) chất liệu Oxidized Zirconium với 11 cỡ, phân biệt chân trái/phải: 7 cỡ tiêu chuẩn: 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 4 cỡ hẹp 3N, 4N, 5N, 6N. Chiều trong-ngoài từ 58-80mm, chiều trước-sau từ 50-75mm. Hộp ổn định lõi sau có tường phía trước.</p> <p>2. Mâm chày (Tibial Baseplates) Chất liệu hợp kim titanium 6Al-4V (ISO 5832/3). Có 8 cỡ, phân biệt chân trái/phải: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8. Chiều trước-sau từ 42mm-59mm, chiều trong ngoài từ 60-85mm. Dốc 3 độ, bề dày 2.3mm.</p> <p>3. Đĩa đệm mâm chày (Articular Insert) với 4 kích cỡ: size 1-2, 3-4, 5-6, 7-8. Mỗi size có các độ dày sau: 9, 11, 13, 15, 18, 21, 25 mm; cho phép gập gối lên tới 155 độ. Chất liệu ultra-high molecular weight polyethylene (ASTM F 648).</p> <p>4. Bánh chè (Patella) với đường kính: 26, 29, 32, 35mm; độ dày 9mm, 13mm tính cả chiều cao chốt, Chất liệu ultra-high molecular weight polyethylene (ASTM F 648).</p> <p>5. Xi măng sinh học không kháng sinh. Bột xi măng chất liệu Poly-(methylacrylate, methyl methacrylate), zirconium dioxide, benzoyl peroxide và chất tạo màu colorant E141.</p> <p>Dung dịch pha chứa: Methyl methacrylate, N,N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chất tạo màu E141. Xi măng Palacos có màu xanh lá trái ngược với mô xung quanh nhằm dễ thao tác.</p>
29	Khớp gối nhân tạo toàn phần có xi măng thiết kế hộp ổn định lõi sau - P29	Khớp gối nhân tạo toàn phần có xi măng thiết kế hộp ổn định lõi sau	Bộ	30	<p>1. Lõi cầu xương đùi (Femoral Condyle) chất liệu CoCr với các cỡ 1N, 2N, 3N, 3, 4N, 4, 5N, 5, 6N, 6, 7, 8. trong đó cỡ N (narrow) hẹp hơn 2mm môi bên theo chiều trong ngoài so với cỡ tiêu chuẩn. Mặt trước nghiêng 3 độ. Chiều trước sau các cỡ tương ứng: 47, 51, 54, 58, 61, 65, 70, 75mm. Lõi cầu sau có bề dày 9.5mm (với các cỡ từ 1-6), 11.5mm (với cỡ 7,8).</p> <p>2. Mâm chày (Tibial tray) Chất liệu titanium với 8 kích cỡ riêng biệt trái, phải: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8. Chiều trước sau các cỡ: 42, 45, 48, 50, 52, 54, 56, 59mm. Chiều trong ngoài: 60, 64, 68, 71, 74, 77, 81, 85mm. Bề dày 2.3mm, độ dốc 3 độ.</p> <p>3. Đĩa đệm mâm chày (Articular Insert) với 4 kích cỡ: size 1-2, 3-4, 5-6, 7-8. Mỗi size có các độ dày sau: 9, 11, 13, 15, 18 mm. Chất liệu UHMWPE.</p> <p>4. Bánh chè (Patella) với đường kính: 26, 29, 32, 35mm; độ dày 9mm, 13mm tính cả chiều cao chốt, Chất liệu ultra-high molecular weight polyethylene (ASTM F 648).</p> <p>5. Xi măng xương Palacos không kháng sinh. Bột xi măng một gói 44.0g bột có chứa 38.3g Poly-(methylacrylate, methyl methacrylate), 5.3g zirconium dioxide, 0.4g hydrous benzoyl peroxide và chlorophyll VIII.</p> <p>Dung dịch pha 20ml một ống chứa: 18.4g Methyl methacrylate, 0.4g N,N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chlorophyll VIII. Chất tạo màu chlorophyll (E141) đánh dấu vị trí của xi măng trong phẫu trường.</p>

30	Khớp gối biên độ gấp duỗi 155 độ, có bánh chè - P30	Khớp gối biên độ gấp duỗi 155 độ, có bánh chè	Bộ	<p>35</p> <p>1. Lõi cầu đùi: là loại được thiết kế để an toàn với khả năng gấp duỗi lên tới 155 độ. Biên độ xoay trong-ngoài lên tới 25 độ.          Có hộp cắt đa hướng, kết hợp với tải trọng nén, tạo ra hiệu ứng hình nêm giúp tăng cường độ vững của khớp          Có các cỡ âm với lõi cầu móng hơn 2mm trước sau giúp cân bằng gấp duỗi mà vẫn bảo tồn xương và bảo tồn mô mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Cobalt Chrome</li> <li>- Có 6 cỡ lõi cầu đùi phải: B, C, D, E, F, G</li> <li>- Có 6 cỡ lõi cầu đùi trái: B, C, D, E, F, G</li> <li>- Tương ứng với các kích thước:</li> <li>+ Kích thước trước sau (A/P): 50.3, 54.5, 58.6, 62.5, 66.5, 71.6</li> <li>+ Kích thước trong ngoài (M/L): 58, 60, 64, 68, 72, 76.5"</li> </ul> <p>2. Lớp lót mâm chày:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Polyethylene cao phân tử liên kết chéo giúp kéo dài tuổi thọ</li> <li>- Có 46 loại lót mâm chày phù hợp với các cỡ lõi cầu và mâm chày khác nhau"</li> </ul> <p>3. Mâm chày: là loại có thể kết nối với chuỗi nối dài</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: hợp kim Titanium</li> <li>- Có 8 kích cỡ (size) mâm chày từ cỡ số 1 đến cỡ số 8, bước tăng 1"</li> </ul> <p>4. Bánh chè</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Polyethylene cao phân tử</li> </ul> <p>5. Xi măng xương:</p> <p>Đóng gói sẵn gồm 2 phần: phần bột xi măng và dung dịch pha xi măng, được chỉ định sử dụng cho phẫu thuật thay khớp. Phần bột xi măng có ( 40g ) thành phần : Poly(methyl methacrylate/styrene) 58.75%; Poly(methyl acrylate/methyl methacrylate) 28.15%; Zirconium dioxide 12.24%; Benzoyl peroxide 0.86%</p> <p>Phần dung dịch pha ( 20ml ) có các thành phần: Methyl methacrylate 99.35%; N,N-dimethyl-p-toluidine 0.65%"</p>
----	---	---	----	--

PHC  
VIA  
HUC  
HIA

31	Khớp gối thiết kế theo giải phẫu biên độ gấp duỗi 155 độ, lớp lót Medial Congruent - P31	Khớp gối thiết kế theo giải phẫu biên độ gấp duỗi 155 độ, lớp lót Medial Congruent	Bộ	2	<p>1. Lõi cầu đùi (Femoral Component): Được thiết kế linh hoạt với nhiều cỡ trung gian giúp tăng cường độ an toàn và độ gấp duỗi lên đến 155 độ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Cobalt Chrome</li> <li>- Có các cỡ lõi cầu đùi phải : 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11</li> <li>- Có các cỡ lõi cầu đùi trái : 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11</li> <li>- Tương ứng với các kích thước:</li> <li>+ Kích thước trước sau (Overall A/P): 48.1, 50.7, 51.9, 54, 56, 59, 60.1, 62.1, 64.6, 66.6, 69.3 mm.</li> <li>+ Kích thước trong ngoài (Overall M/L): 55.5, 57, 58.5, 60, 61.5, 63, 64.5, 66, 67.5, 69, 70.5 mm.</li> <li>+ Độ dày: 8mm, 9 mm.</li> </ul> <p>2. Mâm chày (Tibial Tray): Được thiết kế trái, phải theo giải phẫu học của cơ thể con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Tivanium.</li> <li>- Có 9 kích cỡ (size) mâm chày : A, B, C, D, E, F, G, H, J.</li> <li>- Tương ứng với các kích thước:</li> <li>+ Độ rộng mâm chày trong (Medial A/P): 40.2, 42.5, 44.9, 47.2, 50.2, 53.3, 56.5, 59.8, 63.5 mm.</li> <li>+ Độ rộng mâm chày ngoài (Lateral A/P): 35.1, 37.2, 39.5, 41.8, 44.6, 47.4, 50.2, 53.3, 56.7 mm.</li> </ul> <p>Có thể kết nối với chuỗi nối dài cỡ J</p> <p>3. Lớp lót mâm chày (Articular Surfaces):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Polyethylene cao phân tử liên kết chéo kèm Vitamin E có thiết kế trái, phải.</li> <li>- Có 11 loại đệm mâm chày mỗi bên trái phải: 1-2/AB, 3-4/AB, 4-5/CD, 4-5/EF, 6-7/CD, 6-7/EF, 8-9/CD, 8-11/EF, 8-11/GH, 12/GH, 12/J</li> <li>- Độ dày khoang trước trong lên tới 3.4mm</li> <li>- Độ dày khoang sau trong lên tới 13mm</li> </ul> <p>4. Bánh chèn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Polyethylene cao phân tử</li> <li>- Có 6 kích cỡ về độ dày và đường kính: 26 x 7,5 mm. 29 x 8,0 mm. 32 x 8,5 mm. 35 x 9,0 mm. 38 x 9,5 mm. 41 x 10,0 mm.</li> </ul> <p>5. Xi măng xương:</p> <p>Đóng gói sẵn gồm 2 phần: phần bột xi măng và dung dịch pha xi măng, được chỉ định sử dụng cho phẫu thuật thay khớp</p> <p>Phần bột xi măng có thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Poly(methyl methacrylate/styrene) 58.75%</li> <li>Poly(methyl acrylate/methyl methacrylate) 28.15%</li> <li>Zirconium dioxide 12.24%</li> <li>Benzoyl peroxide 0.86%</li> </ul> <p>Phần dung dịch pha có các thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Methyl methacrylate 99.35%</li> <li>N,N-dimethyl-p-toluidine 0.65%</li> </ul>
32	Khớp Gối Toàn Phần CR Có Xi Măng - P32	Khớp Gối Toàn Phần CR Có Xi Măng	Bộ	20	<p>Lõi cầu đùi CR trái/phải: Vật liệu CoCr. Với 5 kích cỡ khác nhau mỗi bước tăng 2 mm.</p> <p>Mâm chày: Vật liệu Titan, với 5 kích cỡ khác nhau dùng chung cho 2 bên trái phải.</p> <p>Lớp đệm CR: Vật liệu UHMWPE. Thiết kế bảo tồn xương và rút ngắn thời gian phẫu thuật. Có độ dốc 5° về phía sau để cất xương chày theo chiều ngang. Chiều cao 9,11,13,15 mm cho mỗi kích cỡ.</p> <p>Bánh chèn: Vật liệu UHMWPE. Đường kính 29,32,35,38 mm</p> <p>Xi măng xương sinh học - Tiêu chuẩn G7.</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485 và có 2 chứng nhận lưu hành trở lên trong đó có ít nhất 1 giấy chứng nhận lưu hành thuộc nhóm G7.</p>

33	Khớp gối toàn phần cố định có xi măng, loại ổn định phía sau, mâm chày có nối thêm chuỗi dài - P33				
33.1	Khớp gối toàn phần cố định có xi măng, loại ổn định phía sau, mâm chày có nối thêm chuỗi dài	Bộ	50	<p>1. Lòai cầu đùi, có xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: hợp kim cobalt-chromium-molybdenum. Kích cỡ: 11 cỡ bên trái và 11 cỡ bên phải, độ dày mặt trước từ 6.7 - 7.2mm</li> <li>- Biên độ chuyển động tối đa 135°, góc gấp gối từ 0 đến 100°</li> <li>- Khe hở của khoang liên lòai cầu nghiêng 4 độ</li> <li>- Mặt cắt phía trước nghiêng 6° và mặt cắt phía sau nghiêng 3°</li> </ul> <p>2. Mâm chày, có xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: hợp kim cobalt-chromium-molybdenum. Kích cỡ: 11 cỡ bên trái và 11 cỡ bên phải, tương ứng với kích thước trong/ngoài (M/L): 58mm - 84mm (mỗi bước tăng 2.6mm) và kích thước trước/sau (A/P): 37.7mm - 54.6mm</li> <li>- Có thể nối thêm chuỗi đường kính 12mm, 14mm tương ứng với chiều dài 30mm, 50mm, 70mm</li> </ul> <p>3. Lớp đệm mâm chày:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Polyethylene cao phân tử (UHMW-PE). Kích cỡ: 11 cỡ, mỗi cỡ có 6 chiều cao từ 9mm, 10mm, 11mm, 13mm, 15mm, 17mm. Có hệ thống khóa chống trượt.</li> </ul> <p>4. Bánh chèo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Polyethylene cao phân tử (UHMW-PE). Thiết kế với 3 chân cắm và được cố định bằng xi măng</li> <li>- Có 05 đường kính 27mm, 30mm, 33mm, 36mm, 39mm. Độ dày 8.5mm</li> </ul> <p>5. Xi măng cùng hãng sản xuất</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Đóng gói tiệt trùng</li> <li>* Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</li> </ul>	
33.2	Chuỗi nối dài mâm chày	Cái	20	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: hợp kim cobalt-chromium-molybdenum.</li> <li>- Kích cỡ: có 3 cỡ, chiều dài 30mm, 50mm, 70mm</li> <li>- Thân chuỗi hình trụ, đường kính 12mm, 14mm</li> <li>- Tương thích với "Khớp gối toàn phần cố định có xi măng, loại ổn định phía sau, mâm chày có nối thêm chuỗi dài"</li> <li>* Đóng gói tiệt trùng</li> <li>* Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</li> </ul>	
A	Khớp gối thay lại				



34	Khớp gối thay lại - P34	Khớp gối thay lại	Bộ	3	<p>1. Lõi cầu đùi ACCK: Chất liệu: Hợp kim Co - Cr - Mo. Kích cỡ: Có 7 kích cỡ bên trái và 7 kích cỡ bên phải. Chiều rộng ngang x Dài trước-sau (MLxAP) theo mm: 56×52; 62×57; 67×61; 72×66; 74×68; 79×72; 84×76.</p> <p>2. Mâm chày ACCK: Chất liệu: Hợp kim Co - Cr - Mo. Kích cỡ: Có 7 kích cỡ. Chiều rộng ngang x Dài trước-sau (MLxAP) theo mm: 59×38; 63×41; 67×43; 71×46; 75×48; 79×51; 83×53. Cơ chế khóa bằng bu-lông (bolt-locking) đảm bảo độ cố định tối đa, loại bỏ nguy cơ lỏng lẻo của vật tư.</p> <p>3. Miếng đệm mâm chày: Chất liệu: UHMWPE (Polyethylene PE có trọng lượng phân tử siêu cao)- Kích cỡ: Có 8 độ dày từ 8mm đến 22mm (mỗi bước tăng 2mm). Cắt xương ít tối thiểu vì có miếng đệm mỏng 8mm. Chiều rộng ngang x Dài trước-sau (MLxAP) theo mm: 54×35; 63×40; 71×45; 71×46; 71×47; 71×48; 71×49; 71×50; 71×51; 79×51 giúp đạt độ bao phủ tối ưu., ổn định tốt trong mọi hướng chuyển động (trước – sau, trong – ngoài), hạn chế nguy cơ mòn hoặc hỏng khớp sớm. Miếng đệm có chiều cao đa dạng từ 31-43mm để tùy chỉnh chính xác theo từng bệnh nhân.</p> <p>4. Chuôi nối dài ACCK: Chất liệu: Hợp kim Titanium; Loại chuôi: Có 2 lựa chọn chuôi thẳng và chuôi lệch tâm; Kích cỡ: Có 2 lựa chọn chiều dài 80mm và 120mm. Chuôi nối dài có 6 lựa chọn đường kính 8mm, 10mm, 12mm, 14mm, 16mm, 18mm giúp tương thích với đường kính ống tủy xương từng bệnh nhân, đảm bảo độ vừa khít chắc chắn với ống tủy.</p> <p>5. Miếng chêm lõi cầu đầu xa xương đùi Chất liệu: Hợp kim Titanium. Kích cỡ: Hai độ dày 5mm và 10mm giúp bù xương, khôi phục cân bằng khớp, điều chỉnh chiều dài chân và tăng độ ổn định cho khớp gối sau mổ thay lại, tối ưu khả năng chịu tải và vận động sau mổ</p> <p>6. Miếng chêm lõi cầu phía sau xương đùi Chất liệu: Hợp kim Titanium. Kích cỡ: Hai độ dày 5mm và 10mm giúp bù xương, khôi phục cân bằng khớp, điều chỉnh chiều dài chân và tăng độ ổn định cho khớp gối sau mổ thay lại, tối ưu khả năng chịu tải và vận động sau mổ.</p> <p>7. Miếng chêm mâm chày (một nửa) Chất liệu: Hợp kim Titanium . Kích cỡ: Hai độ dày 5mm và 10mm giúp bù xương, khôi phục cân bằng khớp, điều chỉnh chiều dài chân và tăng độ ổn định cho khớp gối sau mổ thay lại, tối ưu khả năng chịu tải và vận động sau mổ. Có xi măng xương kháng sinh hoặc không kháng sinh</p>
35	Khớp gối toàn phần có xi măng loại mono bản lề - xoay chuôi dài phù hợp thay lại và mất chức năng dây chằng Endo Model - P35	Khớp gối toàn phần có xi măng loại mono bản lề - xoay chuôi dài phù hợp thay lại và mất chức năng dây chằng Endo Model	Bộ	3	<p>01. Phần xương đùi bản lề : Làm từ hợp kim CoCrMo, cấu tạo tương thích giải phẫu học. Có 04 cỡ lõi cầu đùi phải và 04 cỡ lõi cầu đùi trái. (tương ứng với x-small 55/160mm, small 60/182mm, medium 65/185mm, large 75/190mm), Có bản lề kết nối với mâm chày, chuôi vẹo ngoài sẵn 6 độ góc gấp gối 142 độ. Tối ưu cho các bệnh nhân mất chức năng của các dây chằng</p> <p>Phần mâm chày có chốt bản lề: Kiểu xoay lúc gấp và khóa xoay lúc duỗi tối đa để đi lại, làm từ hợp kim CoCrMo. Có 04 cỡ mâm chày phải và 04 cỡ lõi cầu đùi trái. (chiều dài x-small/120mm, small/160mm, medium/160mm, large/ 160mm). Có chốt cố định bản lề liên kết với lõi cầu tăng tối đa sự cố định các thành phần.</p> <p>Phần insert mâm chày: Vật liệu Polyethylene cao phân tử khóa xoay, có vít cố định với mâm chày. Phần insert mâm chày (PE Articular Surfaces): Vật liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) khóa xoay, có vít cố định với mâm chày.</p> <p>02. Phần đệm cho mâm chày (Tibial Spacers): Bảng chất liệu X-LINKed nhựa siêu bền các cỡ: x-small/5,10,15mm, small/5,10,15mm, medium/5,10,15mm, large/5,10,15mm sử dụng cho khuyết xương mâm chày.</p> <p>* 01 Xi măng sinh học kèm dung dịch pha.</p>
36	Bộ khớp gối toàn phần thay lại PSA - P36				

36.1	Bộ khớp gối toàn phần thay lại PSA	Bộ	3	<p>1. Lõi cầu đùi (số lượng: 01 cái) chất liệu Cobalt Chrome (Co-Cr), độ rộng trong ngoài: 56mm đến 76mm và độ rộng trước sau 52mm -72mm (bước nhảy 4mm). Thiết kế dạng cốt-cam khớp với cuống mâm chày. Chân lõi cầu có cấu tạo đầu chờ để gắn chuỗi nối dài và gắn thêm mảnh ghép. Có 6 cỡ mỗi bên từ 1-6 và 2 bên trái-phải.</p> <p>2. Lớp lót PE có bổ sung vitamin E( số lượng: 01 cái) chất liệu Polyethylene Crosslink cao phân tử liên kết chéo bổ sung vitamin E (E-XPE). Thiết kế có cấu tạo cốt cam bằng PE. Có gờ khóa bằng cơ chế khóa ngàm chắc chắn, cùng với rãnh trượt phía dưới . Chiều cao cốt cam lên tới 21.4mm; xoay trong/ngoài <math>\geq 3.7^\circ</math> và vẹo trong/ngoài <math>\leq 1.4^\circ</math>. Độ dày lớp đệm này có 8 cỡ từ 9mm, 11mm, 13mm, 15mm, 18mm, 21mm, 25mm, 30mm.</p> <p>3. Mâm chày (số lượng: 01 cái) chất liệu bằng hợp kim Titanium, có 6 cỡ từ 1 đến 6 với độ rộng trong ngoài: 63-80mm và độ rộng trước/sau: 42-55.5mm tùy theo kích cỡ. Chân mâm chày có cấu tạo đầu chờ để gắn chuỗi nối dài. Có thể gắn thêm mảnh ghép bù xương cho cả khoang trong và khoang ngoài. Có thể gắn đầu chuyển trục xương trong trường hợp mất mốc giải phẫu.</p> <p>4. Bánh chèo (số lượng: 01 cái) chất liệu Polyethylene liên kết chéo XPE. Thiết kế bánh chèo dạng vòm với 3 chân cố định và rãnh chứa xi măng. Có 7 cỡ với các đường kính 26mm, 29mm, 32mm, 35mm, 38mm, 41mm, 44mm ứng với độ dày 7mm, 8mm, 8.5mm, 9mm, 9.5mm, 10mm, 10.5mm.</p> <p>5. Xi măng xương:(số lượng: 01 túi): Xi măng xương có độ quán trung bình. Bộ khớp có chứng nhận Tiêu chuẩn FDA hoặc CE/ISO.</p>
36.2	Chuôi nối dài xương chày	Cái	6	<p>Vật liệu bằng hợp kim Titanium, có thiết kế dạng thẳng giúp nối dài trong lòng tủy xương chày tăng độ vững, chuôi thẳng có 5 cỡ độ dài (30/75/100/150/200 mm) và 6 cỡ đường kính: Ø10; Ø12; Ø14; Ø16; Ø18; Ø20. Tiệt trùng. Bộ khớp có chứng nhận tiêu chuẩn FDA và CE/ISO</p>
36.3	Chuôi nối dài xương đùi	Cái	3	<p>1. Chuôi nối dài xương đùi vật liệu hợp kim Titanium, có thiết kế dạng thẳng hoặc dạng cong giúp nối dài trong lòng tủy xương đùi tăng độ vững cho khớp. Chuôi có độ dài (30/75/100/150/ 200mm) với dạng thẳng , ( 150mm /200mm ) với dạng cong và có 6 kích cỡ đường kính: Ø10; Ø12; Ø14; Ø16; Ø18; Ø20.</p> <p>2. Vít chốt bằng Titanium, đường kính 5mm x độ dài 14mm, giúp nối chuôi với lõi cầu đùi. Tiệt trùng. Bộ khớp có chứng nhận tiêu chuẩn FDA và CE/ISO</p>
36.4	Đầu chuyển	Cái	6	<p>Vật liệu bằng hợp kim Titanium, có thiết kế dạng hình nêm, có độ lệch tâm 2mm, 4mm, 6mm. Tiệt trùng. Bộ khớp có chứng nhận tiêu chuẩn FDA và CE/ISO</p>
36.5	Miếng ghép bù xương mâm chày	Cái	6	<p>Vật liệu bằng hợp kim Titanium, thiết kế dạng cạnh tròn khuyết cho cả khoang trong và khoang ngoài, có 6 cỡ và có độ dày 5mm, 10mm, 15mm . Tiệt trùng. Bộ khớp có chứng nhận tiêu chuẩn FDA và CE/ISO</p>
36.6	Miếng ghép bù xương phía sau lõi cầu đùi	Cái	6	<p>Vật liệu bằng Cobalt Chrome. Bù xương lõi cầu sau: dạng cạnh tròn, 6 cỡ, độ dày 4 hoặc 8mm. Bù xương đầu xa: dạng cạnh vuông, 6 cỡ, độ dày 4/8/12/16mm. Tiệt trùng. Bộ khớp có chứng nhận tiêu chuẩn FDA và CE/ISO</p>
A	Khớp háng bán phần có xi măng			

37	Bộ khớp háng bán phần có xi măng - P37	Bộ khớp háng bán phần có xi măng	Bộ	3	<p>Bipolar:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu : CoCr</li> <li>- Phần bên trong của đầu lưỡng cực được làm bằng vật liệu polyethylene</li> <li>- Khả năng tương thích sinh học được tối ưu hóa.</li> <li>- Cây ghép có cơ chế khóa kẹp</li> <li>- Đường kính từ 44mm - 60mm (Bước tăng 2mm)</li> </ul> <p>Head</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: CoCr</li> <li>- 12/14 Taper</li> <li>- Implant có bề mặt siêu bóng</li> <li>- Đường kính: 28mm (-3; +0; +4; +8; +12); 32mm (-3; +0; +4; +8; +12); 36mm (-3; +0; +4; +8)</li> </ul> <p>Chuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium có 08 kích cỡ từ Size 3 đến size 10</li> <li>- Phạm vi thân chuôi cho phép cây ghép phù hợp với mọi kích thước xương</li> <li>- Phạm vi thân chuôi được gắn xi măng bao gồm 11 thân chuôi xương đùi tiêu chuẩn với góc 135°</li> <li>- Phạm vi thân chuôi được gắn xi măng bao gồm 10 thân chuôi xương đùi bên với góc 126°</li> <li>- Taper 12/14, hình nón hoàn toàn</li> </ul> <p>. Xi măng:</p> <p>Xi măng: Xi măng được đóng gói gồm: Một ống chất lỏng monomer 14.4g và 16.4g vô trùng và một gói bột polymer 40g</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và EC</p>
38	Khớp háng bán phần có xi măng, có rãnh đầu chuôi phân bố áp lực lên xi măng. Tầm vận động 68° - P38	Khớp háng bán phần có xi măng, có rãnh đầu chuôi phân bố áp lực lên xi măng. Tầm vận động 68°.	Bộ	3	<p>* Cuống xương đùi: Thép không rỉ (Stainless steel), có 01 rãnh tại đầu chuôi để phân bố áp lực lên xi măng, Neck Taper 12/14 mm. Góc cổ chuôi: 132°, có 5 size (3, 5, 7, 9 và 11), chiều dài 129 - 161mm. Cuống vuốt thon dần có rãnh làm giảm lực cắt, tăng độ chịu nén. Định tâm đường kính ngoài 16 – 22, có 4 cánh.</p> <p>* Ổ cối lưỡng cực 2 lớp: lớp ngoài Co-Cr Mo được đánh bóng chính xác; bên trong nhựa Polyethylene cao phân tử 2 tâm chuyển động, góc xoay 68°, có cơ chế khóa vòng giúp lắp chỏm xương đùi đơn giản và ngừa trật khớp. Size: Ø38-60mm.</p> <p>* Đầu xương đùi: hợp kim Co-Cr-Mo được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size: Ø22-28mm (S, M, L)</p> <p>* Nút chặn xi măng: nhựa Polyethylene cao phân tử, size Ø13-20-27mm.</p> <p>* Xi măng xương có kháng sinh</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE/FDA</p>
A		<b>Khớp háng bán phần không xi măng</b>			
39	Bộ khớp háng bán phần không xi măng - P39	Bộ khớp háng bán phần không xi măng	Bộ	20	<p>Tiêu chuẩn ISO, CE</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chỏm khớp Bipolar: Vô chất liệu thép không gỉ 316 L - M25W, được đánh bóng 5/8 phần cầu, lớp lót chất liệu UHMWPE, vòng khóa bằng vật liệu Polyethylene. Đường kính từ 41 đến 59mm, sử dụng cùng chỏm khớp đường kính 28mm.</li> <li>2. Chỏm khớp đường kính 28mm: Chất liệu CoCrMo. Cổ côn loại 12/14, chỏm 28 có 5 cỡ (S: -3.5mm, M: 0mm, L +3.5mm, XL+7mm).</li> <li>3. Chuôi khớp háng không xi măng phủ HAP toàn bộ: Chất liệu: Ti6Al4V. Cổ côn: 12/ 14. Chiều dài chuôi từ 115 đến 180mm. Góc cổ chuôi 135 độ, có 10 cỡ từ 8-18, Chiều dài Offset từ 38.2-44.7mm, độ cao cổ 35.5mm, Chiều dài cổ 38.35mm. Phần đầu gần chuôi có rãnh ngang 2 mặt, thân chuôi có rãnh dọc 4 hướng giúp tăng cường độ bám xương, đỉnh chuôi có ren vận giúp tháo lắp dễ dàng.</li> </ol>

40	Khớp háng bán phần không xi măng - P40	Khớp háng bán phần không xi măng	Bộ	10	<p>1. Chuôi xương đùi: Chuôi dạng nêm thuôn, được vát hai mặt phẳng với góc nghiêng 3 độ, có gờ dọc thân chuôi, thiết diện phần gần được thiết kế với mặt trong bo tròn; mặt ngoài xòe rộng. Đầu xa dạng viên đạn được đánh bóng. Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). Lớp phủ bề mặt đoạn gần chuôi phun plasma Titanium, xử lý phun cát tại vùng thân xương. Độ côn 12/14. Góc cổ chuôi 132 độ. Có 10 kích cỡ chiều dài chuôi từ 110mm đến 158mm. Cuống cổ có 7 offset 39mm, 40mm, 42mm, 44mm, 45mm, 46mm, 47mm. Chiều dài cổ: 33mm, 35mm, 37mm, 38mm, 39mm và 40mm. Đường kính đầu xa: 10 kích cỡ từ 7mm đến 16mm</p> <p>2. Chòm xương đùi: Chất liệu: Hợp kim Co-Cr-Mo. Kích cỡ: đường kính 22mm, 28mm, 32mm, 36mm; có nhiều chiều dài cổ: -4, 0, +4, +8, +12.</p> <p>3. Chòm bán phần: Bao gồm hai lớp: Lớp ngoài làm bằng hợp kim Co-Cr-Mo lớp trong làm bằng UHMWPE; có cơ chế tự khóa. Kích thước: Đường kính trong 22mm và 28mm. Đường kính ngoài từ 38mm và 40mm đến 56mm (bước tăng 1mm).</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.</p>
41	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuôi phủ HA toàn thân, góc cổ chuôi 135° - P41	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chuôi phủ HA toàn thân, góc cổ chuôi 135°	Bộ	10	<p>1. Chuôi xương đùi: Thiết kế vai bên có độ nghiêng thấp giúp dễ dàng đưa chuôi vào qua đường mổ nhỏ, đặc biệt là trong phương pháp mổ tiếp cận lối trước. Chuôi nhỏ có đầu xa đường kính 5.5mm, có rãnh ngang, rãnh dọc. Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). Có lớp phủ kép plasma Titanium dày 50mm và HA dày 150mm phủ. Độ côn: 12/14. Góc cổ chuôi 135 độ. Có 11 cỡ chiều dài chuôi từ 115mm đến 190mm, chiều dài cổ 3 kích thước 35mm, 38mm và 41mm. Có 11 cỡ offset từ 32mm-44.1mm. Đường kính đầu xa: 11 kích cỡ từ 5,5mm - 13,4mm.</p> <p>2. Chòm xương đùi: Chất liệu: Hợp kim Co-Cr-Mo. Kích cỡ: đường kính 22mm, 28mm, 32mm, 36mm; có nhiều chiều dài cổ: -4, 0, +4, +8, +12.</p> <p>3. Chòm bán phần: Bao gồm hai lớp: Lớp ngoài làm bằng hợp kim Co-Cr-Mo lớp trong làm bằng UHMWPE; có cơ chế tự khóa. Kích thước: Đường kính trong 22mm và 28mm. Đường kính ngoài từ 38mm và 40mm đến 56mm (bước tăng 1mm).</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.</p>
42	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi phủ HA toàn thân, chòm ceramic - P42	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi phủ HA toàn thân, chòm ceramic	Bộ	10	<p>1. Chuôi xương đùi: Thiết kế vai bên có độ nghiêng thấp giúp dễ dàng đưa chuôi vào qua đường mổ nhỏ, đặc biệt là trong phương pháp mổ tiếp cận lối trước. Chuôi nhỏ có đầu xa đường kính 5.5mm, có rãnh ngang, rãnh dọc. Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). Có lớp phủ kép plasma Titanium dày 50mm và HA dày 150mm. Độ côn: 12/14. Góc cổ chuôi 135 độ. Có 11 cỡ chiều dài chuôi từ 115mm đến 190mm, chiều dài cổ 3 kích thước 35mm, 38mm và 41mm. Có 11 cỡ offset từ 32mm-44.1mm. Đường kính đầu xa: 11 kích cỡ từ 5,5mm - 13,4mm của từng bệnh nhân.</p> <p>2. Chòm xương đùi: Chất liệu: Ceramic Delta (gồm sinh học cao cấp) là loại vật liệu gốm thể hệ 4 bao gồm Zirconia (ZrO<sub>2</sub>) được gia cường bằng Alumina (Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>) có độ bền cơ học cao hơn so với Ceramic truyền thống. Kích cỡ: 28mm, 32mm, 36mm; có nhiều chiều dài cổ: S, M, L, XL trong ứng với -4, -3.5, 0, +3.5, +4, +8</p> <p>3. Chòm bán phần: Bao gồm hai lớp: Lớp ngoài làm bằng hợp kim Co-Cr-Mo lớp trong làm bằng UHMWPE; có cơ chế tự khóa. Kích thước: Đường kính trong 22mm và 28mm. Đường kính ngoài từ 38mm và 40mm đến 56mm (bước tăng 1mm).</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.</p>
43	Bộ khớp háng bán phần không xi măng cổ liền HA - P43	Bộ khớp háng bán phần không xi măng cổ liền HA	Bộ	30	<p>1. Đầu lưỡng cực: chất liệu Cobalt Chrome với bề mặt chịu lực polyethylene liên kết chéo A-CLASS, đường kính từ 36mm đến 65 mm với mỗi kích cỡ tăng 1mm. Phạm vi chuyển động 100° - Lớp lót chất liệu Cross-linked polyethylene, có một vòng hỗ trợ UHMWPE bên trong vỏ cố định và có một vòng khóa UHMWPE lắp ráp phía trên vòng hỗ trợ.</p> <p>2. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 28, 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm, ±3,5mm, +7mm).</p> <p>3. Cuống xương đùi với góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm). Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (38- 45mm), cổ trung (43-50mm), cổ dài (46 - 53mm). Thân chuôi Titanium Alloy phủ lớp Hydroxyapatite (HA). Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm. M/L With 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ côn 12/14</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC và FDA</p> <p>* Xuất xứ các nước G7</p>

44	Bộ khớp háng bán phần không xi măng cổ liền Plasma - P44	Bộ khớp háng bán phần không xi măng cổ liền Plasma	Bộ	30	<p>1. Đầu lưỡng cực: chất liệu Cobalt Chrome với bề mặt chịu lực polyethylene liên kết chéo A-CLASS, đường kính từ 36mm đến 65 mm với mỗi kích cỡ tăng 1mm. Phạm vi chuyển động 100°</p> <p>- Lớp lót chất liệu Cross-linked polyethylene, có một vòng hỗ trợ UHMWPE bên trong vỏ cố định và có một vòng khóa UHMWPE lắp ráp phía trên vòng hỗ trợ.</p> <p>2. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 28, 32, 36mm. Lỡ tăng giảm (+0mm,±3,5mm,+7mm).</p> <p>3. Cuống xương đùi chất liệu Hợp kim Titanium, Góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37- 44mm), cổ dài (42 - 49mm). Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (38- 45mm), cổ trung (43-50mm), cổ dài (46 - 53mm). Thân chuôi phun lớp Plasma (0.5mm). Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm. M/L With 27- 36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ côn 12/14</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC và FDA</p> <p>* Xuất xứ các nước G7</p>
45	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài Z cổ rời - P45	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài Z cổ rời	Bộ	20	<p>1. Đầu lưỡng cực: chất liệu Cobalt Chrome với bề mặt chịu lực polyethylene liên kết chéo A-CLASS, đường kính từ 36mm đến 65 mm với mỗi kích cỡ tăng 1mm. Phạm vi chuyển động 100°</p> <p>- Lớp lót chất liệu Cross-linked polyethylene, có một vòng hỗ trợ UHMWPE bên trong vỏ cố định và có một vòng khóa UHMWPE lắp ráp phía trên vòng hỗ trợ.</p> <p>2. Đầu xương đùi: làm bằng Cobalt Chrome đường kính 28, 32, 36mm. Lỡ tăng giảm (+0mm,±3.5mm,+7mm).</p> <p>3. Cổ rời: Chất liệu: Titanium và Cobalt Chrome. Góc cổ Varus 127 độ, góc cổ Neutral 135 độ, góc cổ Valgus 143 độ, chiều dài cổ: 27mm-38.5mm.</p> <p>4. Cuống xương đùi chất liệu Titanium. Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (34- 43mm), cổ dài (43 - 51mm). Góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (31- 40mm), cổ dài (39 - 47mm). Chiều dài: 176mm, 181mm, 186mm, 191mm, 196mm, 201mm, 206mm, 211mm, 216mm</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC và FDA</p> <p>* Xuất xứ các nước G7</p>
46	Khớp háng bán phần không xi măng - P46	Khớp háng bán phần không xi măng	Bộ	27	<p>1. Cuống xương đùi: làm bằng hợp kim Titanium (Ti6AL4V) bên ngoài được phủ lớp Hydroxy apatite (HA) ≥70% , Độ kết dính ≥ 80% độ dày 120-190µm. Cổ côn (Taper) 12/14. Độ di lệch cổ chuôi (Offset): 38.2, 38.5, 39.5, 40.0, 41.0, 41.5, 42.0, 43.0, 43.5, 44.5. Góc cổ chuôi 135°. Có 10 size, chiều dài thân chuôi: 116, 131, 141, 146, 151, 156, 161, 166, 171, 181. Độ bền kéo &gt;15MPA</p> <p>2. Đầu xương đùi: Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr). Kích cỡ: 22mm; 28mm; 32mm; 36mm; 40mm có các size (S, M, L, XL).</p> <p>3. Đầu lưỡng cực: Có hai lớp, lớp ngoài cùng làm bằng vật liệu Stainless Steel, lớp trong làm bằng Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) với vòng khóa khớp kín. Đường kính trong 22mm &amp; 28mm. Đường kính ngoài từ 38mm, 40mm - 59mm, mỗi Size tăng 1mm.</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và TGA</p> <p>* Xuất xứ tại nước châu âu</p>
47	Khớp háng bán phần không xi măng - P47	Khớp háng bán phần không xi măng	Bộ	20	<p>1. Cuống xương đùi: Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti6AL4V), phủ bên ngoài Titanium-Plasma rỗ tổ ong. Độ dày của lớp phủ 195 - 255 µm. Có 2 loại cổ chuôi Standard và Hight Offset, góc cổ chuôi 132°. Cổ côn (Taper) 12/14. Có 13 size: từ 0 - 12, chiều dài chuôi từ 128mm, 130mm, 133mm, 136mm, 138mm, 140mm, 143mm, 145mm, 148mm, 151mm, 153mm, 158mm, 163mm. Cường độ kéo &gt; 22 MPA, Cường độ cắt &gt; 22 MPA.</p> <p>2. Đầu xương đùi: Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr). Kích cỡ: 22mm; 28mm; 32mm; 36mm, 40mm có các size (S, M, L, XL)</p> <p>3. Đầu lưỡng cực: Có hai lớp, lớp ngoài cùng làm bằng vật liệu Stainless Steel, lớp trong làm bằng Polyethylene cao phân tử (UHMWPE). Đường kính trong 22mm &amp; 28mm. Đường kính ngoài từ 38mm, 40- 59mm, mỗi Size tăng 1mm.</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và TGA</p> <p>* Xuất xứ tại nước châu âu</p>

48	Bộ khớp háng bán phần không xi măng - P48	Bộ khớp háng bán phần không xi măng	Bộ	20	<p>Bipolar: Chất liệu : CoCr; Phần bên trong của đầu lưỡng cực được làm bằng vật liệu polyethylene; Khả năng tương thích sinh học được tối ưu hóa; Cây ghép có cơ chế khóa kẹp; Đường kính từ 44mm - 60mm (Bước tăng 2mm)</p> <p>Head</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: CoCr</li> <li>- 12/14 Taper</li> <li>- Implant có bề mặt siêu bóng</li> <li>- Đường kính: 28mm (-3; +0; +4; +8; +12); 32mm (-3; +0; +4; +8; +12); 36mm (-3; +0; +4; +8)</li> </ul> <p>Chuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium Plasma+HA Coating có 10 kích cỡ từ Size 1 đến Size 10</li> <li>- Phạm vi thân chuôi cho phép cây ghép phù hợp với mọi kích thước xương.</li> <li>- Chuôi không xi măng bao gồm 11 thân chuôi xương đùi tiêu chuẩn với góc nghiêng 135°</li> <li>- Chuôi không xi măng bao gồm 10 thân chuôi xương đùi bên với góc nghiêng 126°</li> <li>- Tất cả các chuôi không xi măng đều được phủ lớp phủ titan plasma+HA</li> <li>- 12/14 Taper, hình nón hoàn toàn</li> </ul> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và EC</p>
49	Khớp háng toàn phần không xi măng chuôi Filler phủ HA kích thích tạo xương - P49	Khớp háng toàn phần không xi măng chuôi Filler phủ HA kích thích tạo xương	Bộ	10	<p>1. Chuôi khớp không xi măng: Chất liệu: hợp kim Titanium (TA6V ELI), được phủ 2 lớp gồm 1 lớp titanium xốp cao cấp kết hợp phủ lớp HA (hydroxyl apatite) toàn thân làm tăng khả năng kích thích tạo xương tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136, cổ 5°42'30" góc 135 độ, côn 12/14, độ dài cổ 42.43mm. Các rãnh chéo có độ sâu: 1mm, các rãnh dọc có độ sâu: 0,35mm, và các rãnh ngang. Các cỡ và chiều dài tương ứng là: 9x130mm, 10x140mm, 11x145mm, 12x150mm, 13x155mm, 14x160mm, 15x165mm, 16x170mm, 18x180mm, 20x190mm.</p> <p>Khoảng cách bán kính thẳng góc của cổ và Chuôi khớp (Offset) tương ứng là: 9x41.5mm, 10x42.3mm, 11x43.1mm, 12x43.9mm, 13x44.8mm, 14x45.6mm, 15x46.4mm, 16x47.2mm, 18x48mm, 20x48.9mm.</p> <p>2. Ổ cối không xi măng: Vật liệu hợp kim titanium TA6V ELI tiêu chuẩn ISO 5832-3 và ASTM F136 được phủ hai lớp: Lớp titanium dạng xốp độ dày: 200µm (±60µm), lớp phủ HA ( hydroxyl apatite) độ dày: 120µm (±40µm).</p> <p>Có 10 cỡ đường kính: 44, 46, 48, 50, 52, 54, 56, 58, 60, 62mm.</p> <p>Ổ cối cỡ 46mm có 3 lỗ bắt vít cố định, Ổ cối cỡ từ 48 đến 60mm có 5 lỗ để bắt vít cố định, Ổ cối cỡ từ 62mm có 7 lỗ để bắt vít cố định.</p> <p>Vành bên trong của ổ cối được trang bị 3 dây 6 răng để đảm bảo phương tiện cố định bổ sung cho lớp lót ổ cối UHMWPE và chống xoay.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ổ cối 48, 50mm dùng chung một lót ổ cối, ổ cối 52, 54, 56mm dùng chung 1 lót ổ cối, ổ cối 58, 60, 62mm dùng chung một lót ổ cối.</li> </ul> <p>3. Lót ổ cối: Chất liệu polyethylene cao phân tử UHMWPE bờ chống trật khớp 8 độ, phần trên của vành cũng có 2 lỗ, một lỗ để khóa lớp lót khi đặt vào bằng tay và lỗ còn lại để cho phép phát hiện điểm chụp X-quang từ sự hiện diện của điểm đánh dấu chụp X-quang.</p> <p>4. Vít ổ cối: Chất liệu titanium alloy TA6V ELI đường kính 6.5mm dài từ 15 mm đến 50 mm</p> <p>5. Chỏm khớp: Đường kính 28 mm, chất liệu thép không gỉ chiều dài cổ: - 3.5 ; +0; +3.5; +7 mm.</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. Xuất xứ: G7</p>

PHO  
 YÊN  
 HỒI  
 HINH  
 HW

50	Khớp háng bán phần bipolar không xi măng chuôi Filler phủ HA - P50	Khớp háng bán phần bipolar không xi măng chuôi Filler phủ HA	Bộ	20	<p>Thông số kỹ thuật chi tiết:</p> <p>1. Cuống khớp (Cuống xương đùi): Chất liệu: hợp kim Titanium (TA6V ELI), được phủ 2 lớp gồm 1 lớp titanium xốp cao cấp kết hợp phủ lớp HA (hydroxyl apatite) toàn thân làm tăng khả năng kích thích tạo xương tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136, cổ 5°42'30" góc 135 độ, côn 12/14, độ dài cổ 42.43mm. Các rãnh chéo có độ sâu: 1mm, các rãnh dọc có độ sâu: 0,35mm, và các rãnh ngang. Các cỡ và chiều dài tương ứng là: 9x130mm, 10x140mm, 11x145mm, 12x150mm, 13x155mm, 14x160mm, 15x165mm, 16x170mm, 18x180mm, 20x190mm.</p> <p>Khoảng cách bán kính thẳng góc của cổ và Chuôi khớp (Offset) tương ứng là: 9x41.5mm, 10x42.3mm, 11x43.1mm, 12x43.9mm, 13x44.8mm, 14x45.6mm, 15x46.4mm, 16x47.2mm, 18x48mm, 20x48.9mm.</p> <p>2. Vỏ đầu chòm+ Lót đầu chòm: Vỏ đầu chòm chất liệu thép không gỉ theo tiêu chuẩn ISO 5832-1D đường kính từ 38 đến 62 mm</p> <p>+ Đường kính ngoài: 25 cỡ từ 38-62 mm với mỗi bước tăng 1mm.</p> <p>+ Lót đầu chòm: Vật liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) với gờ chống trượt theo tiêu chuẩn ISO 5834-1/2 + 1.4441.</p> <p>3. Chòm khớp: chất liệu thép không gỉ, có hai loại: đường kính 22.22 mm dùng với vỏ đầu chòm đường kính 38; 39; 40 mm, đường kính chòm 28 mm dùng với vỏ đầu chòm đường kính từ 41 đến 62 mm mỗi bước tăng 1 mm. Chiều dài cổ: -4; -3.5; +0; +3.5; +4; +7 mm.</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. Xuất xứ: G7</p>
51	Khớp háng bán phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate (CaP) HX - P51	Khớp háng bán phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate (CaP) HX	Bộ	15	<p>01. Cuống xương đùi (Ti6Al4V): Bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm), bên trong là hợp kim titanium Ti6Al4V, chuôi dạng thẳng, có các rãnh dọc, rãnh ngang chống lún, chống xoay; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang giúp cố định vững chắc, bảo tồn xương vùng máu chuyển, tương thích giải phẫu học, đầu chuôi dạng Taper: 12/14 mm, được đánh bóng đầu chuôi, góc cổ thân chuôi: 130 độ, có các cỡ/chiều dài 8/115mm, 9/130mm, 10/140mm, 11/145mm, 12/150mm, 13/155mm, 14/160mm, 15/165mm, 16/170mm, 18/180mm, 20/190mm.</p> <p>02. Đầu xương đùi CoCrMo: Đường kính 22 (-3.5,0); 24 (-3.5,0)mm với bipolar cup 40 - 42mm. Đường kính 28 (-3.5,0,+3.5)mm với bipolar cup 44 - 64mm.</p> <p>03. Đầu bipolar VarioCup CoCrMo: Bên trong là Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), Vòng khóa an toàn Safety Ring bằng Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), 13 size 40 - 64mm Có chứng nhận tiêu chuẩn ISO và CE.</p>
52	Bộ khớp háng bán phần Bipolar II - chuôi dài không xi măng U2 , góc cổ chuôi 130 độ - P52	Bộ khớp háng bán phần Bipolar II - chuôi dài không xi măng U2 , góc cổ chuôi 130 độ	Bộ	10	<p>1. Chòm bán phần : có mặt ngoài bằng CoCrMo, độ nhám Ra 0.02 µm, vành chòm UHMWPE 1 khối liền mạch dày 5mm chống tuột chòm; mặt trong là lớp lót UHMWPE siêu cao phân tử đi kèm với vòng khóa 1 khối. Đường kính ngoài từ 38mm đến 56mm, đường kính trong 22.2mm, 26mm và 28mm.</p> <p>2. Chòm xương đùi: bằng chất liệu hợp kim CoCrMo ; kích thước 22.2mm (+0mm, +3mm, +6mm, +9mm), 26mm (-2mm, +0mm , +3mm, +6mm, +9mm), 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) với taper 12/14.</p> <p>3. Chuôi dài không xi măng: (số lượng: 01 cái) Vật liệu hợp kim Titanium Alloy dạng hình nêm 3 chiều và cổ trơn, bề mặt phun Titanium Plasma Spray toàn thân, góc cổ thân 130 độ, taper 12/14, đầu xa đánh bóng và vuốt nhọn.</p> <p>Có 2 dạng: - Dạng thẳng (chiều dài 180mm với 7 lựa chọn đường kính đầu xa có các cỡ từ size 11mm; size 12mm; size 13mm; size 14mm; size 15mm; size 16.5mm và size 18mm) - Dạng cong + Chân trái: chiều dài 230mm, tương ứng 7 lựa chọn đường kính đầu xa có các cỡ từ size 11mm; size 12mm; size 13mm; size 14mm; size 15mm; size 16.5mm và size 18mm. + Chân phải: chiều dài 230mm, tương ứng 7 lựa chọn đường kính đầu xa có các cỡ từ size 11mm; size 12mm; size 13mm; size 14mm; size 15mm; size 16.5mm và size 18mm.</p> <p>Bộ khớp có chứng nhận tiêu chuẩn FDA và CE/ISO.</p>

53	Bộ khớp háng bán phần Bipolar II - chuôi không xi măng UTF-reduced, góc cổ chuôi 130 độ - P53	Bộ khớp háng bán phần Bipolar II - chuôi không xi măng UTF-reduced, góc cổ chuôi 130 độ	Bộ	20	<p>1. Chỏm bán phần : có mặt ngoài bằng CoCrMo, độ nhám Ra 0.02 <math>\mu\text{m}</math>, vành chỏm UHMWPE 1 khối liền mạch dày 5mm chống tuột chỏm; mặt trong là lớp lót UHMWPE siêu cao phân tử đi kèm với vòng khóa 1 khối. Đường kính ngoài từ 38mm đến 56mm, đường kính trong 22.2mm, 26mm và 28mm.</p> <p>2. Chỏm xương đùi: bằng chất liệu hợp kim CoCrMo ; kích thước 22.2mm (+0mm, +3mm, +6mm, +9mm), 26mm (-2mm, +0mm, +3mm, +6mm, +9mm), 28mm (-3mm, +0mm, +2.5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) với taper 12/14.</p> <p>3. Chuôi xương đùi : loại cố định đầu gần, dạng nêm 2 chiều và cổ tron, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám dày 0.5mm, đầu taper 12/14.</p> <p>Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm và đến 43.5mm</p> <p>Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 16 cỡ từ #00;#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14,tương ứng với chiều dài từ 114mm ;120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ;#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14, tương ứng với chiều dài từ 120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm).</p> <p>Bộ khớp có chứng nhận tiêu chuẩn FDA, PMDA và CE/ISO.</p>
54	Khớp háng bán phần không xi măng hình côn 3 mặt giải phẫu, cá nhân hóa góc cổ chuôi, phủ Plasmapore - P54	Khớp háng bán phần không xi măng hình côn 3 mặt giải phẫu, cá nhân hóa góc cổ chuôi, phủ Plasmapore	Bộ	20	<p>1. Chuôi khớp liền thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu hợp kim titanium Ti6Al4V, phủ lớp titanium nhám Plasmapore dày 0.35mm để cố định tại đầu gần.</li> <li>- Vật liệu: Hợp kim titan Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3, phủ titanium nguyên chất ở đầu gần.</li> <li>- Thiết kế: Dạng hình côn ba mặt giải phẫu, vát thuôn dần 7° ở mặt trước-sau và mặt bên phần gần, 3° ở mặt bên phần xa với đường cắt xương khoảng 50°.</li> <li>- Cổ chuôi: Taper 12/14 mm, phù hợp với nhiều loại chỏm khớp.</li> <li>- Góc cổ chuôi: Có 3 lựa chọn 122°, 132°, 142°, phù hợp với đa dạng hình thái giải phẫu.</li> <li>- Có phiên bản chuôi dành cho bệnh nhân loạn sản khớp háng, cho phép điều chỉnh chiều dài chi lên đến 10 mm.</li> <li>- Đầu chuôi: thiết kế lệch tâm, giúp tránh va chạm với xương trong quá trình đóng chuôi.</li> <li>- Kích thước: Tối thiểu 12 cỡ chuôi (size 0-11), chiều dài từ 119.5 mm đến 149.5 mm.</li> <li>- Chất liệu: Cobalt-chromium</li> <li>- Kích cỡ: 12/14. Đường kính các cỡ: 22.2mm; 28mm. Đường kính 22.2 mm dùng với chỏm khớp bán phần đường kính 39-55mm, Đường kính chỏm 28 mm dùng với chỏm khớp bán phần đường kính từ 43-55mm</li> </ul> <p>3. Chỏm khớp bán phần (Ổ cối lưỡng cực)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: vỏ ngoài bằng vật liệu thép cấy ghép chuyên dụng, lớp lót bằng polyethylene cao phân tử UHMWPE</li> <li>- Thiết kế tự định tâm với vòng khóa chống trật.</li> <li>- Kích thước đường kính ngoài khoảng từ 39 - 55mm</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.</p> <p>-- Tặng kèm stapler bấm khâu da sau ca phẫu thuật</p>

55	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore - P55	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore	Bộ	20	<p>Stem: có taper 8/10 &amp; 12/14, Biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh &amp; rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore <math>\mu</math>-CaP ( calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp,</p> <p>* Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm.</p> <p>-Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi): 145-190mm</p> <p>-Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám Plasmapore dày 0.35mm</p> <p>* Head: Chất liệu hợp kim ISODUR F Cobalt-chromium forged alloy (CoCrMo / ISO 5832-12). Có taper 12/14. Có biên độ xoay 135°, đầu gần chòm 22.2mm cho Bipolar có đường kính 39mm - 51mm, chòm 28mm cho Bipolar cho đường kính 43mm - 55mm. Có nhiều size S, M, L, XL, XXL.</p> <p>* Cup bipolar: chất liệu Ultra high molecular weight polyethylene UHMWPE bên trong , (ISO 5834-2), bên ngoài chất liệu Implant Stainless steel ISO 5832-1 có các size 39mm-55mm, có vòng khóa chống trật.</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO, CE</p> <p>- Tặng kèm stapler bấm khâu da sau ca phẫu thuật</p>
56	Bộ khớp háng Bán phần (Chuôi 130°) - P56	Bộ khớp háng Bán phần (Chuôi 130°)	Bộ	10	<p>1/ Chuôi khớp 130°: Chất liệu: Titanium alloy +HA coating. Góc cổ 130°. Chiều dài thân chuôi từ 125 - 155mm tương ứng 7 cỡ. Base offset 36 - 42mm. Chiều dài cổ 31 - 36mm. Chiều rộng đầu xa từ 6 - 12mm tương ứng.</p> <p>2/ Đầu xương đùi (femoral head): Chất liệu: Cobalt-Chromium-Molybdenum (CoCrMo) casted. Kích thước: 24mm và 28mm, tương ứng 4 cỡ S, M, L, XL(loại 28mm). Chiều dài cổ tương ứng các cỡ -3.5, 0, +3.5, +7mm.</p> <p>3/ Đầu lưỡng cực (Bipolar): Chất liệu: Vỏ ngoài Stainless Steel+ lõi trong UHMWPE. Đường kính Ngoài/(Trong) tương ứng: Ngoài: từ 38 - 44mm (Trong 24mm), từ 42 - 54mm (Trong 28mm); bước tăng 2mm.</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích.</p>
57	Bộ khớp háng Bán phần - P57	Bộ khớp háng Bán phần	Bộ	10	<p>1/ Chuôi khớp: Chất liệu: Titanium alloy. Có lớp phủ phản ứng sinh học: 250 <math>\mu</math>mTi+ HA 50 <math>\mu</math>m. Góc cổ 135°. Vai chuôi có dát thích ứng với phương pháp rạch ít xâm lấn phù hợp tối ưu, bảo tồn xương. Chiều dài thân chuôi từ 115mm - 190mm tương ứng 11 cỡ. Base offset khoảng từ 38 - 42.8mm. Chiều dài cổ 38.2mm.</p> <p>2/ Đầu xương đùi (femoral head): Chất liệu: Cobalt-Chromium-Molybdenum (CoCrMo) casted. Kích thước: 24mm và 28mm, tương ứng 4 cỡ S, M, L, XL(loại 28mm). Chiều dài cổ tương ứng các cỡ -3.5, 0, +3.5, +7mm</p> <p>3/ Đầu lưỡng cực (Bipolar): Chất liệu: Vỏ ngoài Stainless Steel+ lõi trong UHMWPE. Đường kính Ngoài/(Trong) tương ứng: Ngoài: từ 38 - 44mm (Trong 24mm), từ 42 - 54mm (Trong 28mm); bước tăng 2mm.</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích.</p>
58	Khớp háng bán phần không xi măng Optima 135 độ - P58	Khớp háng bán phần không xi măng Optima 135 độ	Bộ	20	<p>1. Thân cán khớp háng đùi 135 độ không xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium; Kích cỡ: #8(đường kính 5.7x115x135 độ); #9(đường kính 5.1x130x135 độ); #10(đường kính 5.5x140x135 độ); #11(đường kính 6.5x145x135 độ); #12(đường kính 7.5x150x135 độ); #13(đường kính 8.4x155x135 độ); #14(đường kính 9.1x160x135 độ); #15(đường kính 10.0x165x135 độ); #16(đường kính 11.2x170x135 độ).</li> <li>- Đặt tính: Bề mặt chuôi thô ráp tăng độ bám kích thích mọc xương.</li> </ul> <p>2. Đầu chòm khớp háng đùi Co-Cr-Mo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Co-Cr-Mo; Kích cỡ: đường kính đầu chòm là 24mm với chiều dài chòm là 3.5mm; đường kính đầu chòm là 28mm với chiều dài chòm là 1.5mm, 5mm, 8.5mm, 12mm, 15.5mm.</li> <li>- Đặt tính: được đánh bóng để giúp tối đa lực ma sát hạn chế mài mòn.</li> </ul> <p>3. Đầu khớp háng bán phần Co-Cr-Mo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Co-Cr-Mo+ nhựa phân tử polyethylene-PE; Kích cỡ: đường kính ngoài 39/41/43/45/47/49/51/53/55mm và đường kính trong là 24/28mm.</li> <li>- Đặt tính: được đánh bóng hạn chế mài mòn khi chòm di chuyển</li> </ul> <p>Có kèm theo hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng.</p>

59	Khớp háng bán phần không xi măng, toàn bộ bề mặt được phủ HA $100 \pm 20\mu\text{m}$ - P59	Khớp háng bán phần không xi măng, toàn bộ bề mặt được phủ HA $100 \pm 20\mu\text{m}$	Bộ	20	<p>Khớp háng bán phần Metal on Poly</p> <p>1. Cuống xương đùi (Stem):  - Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V), grade 5ELI (ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT <math>100 \pm 20\mu\text{m}</math>, Kích cỡ: 9 cỡ từ 1-9 chiều dài: 1x127, 2x137, 3x142, 4x147, 5x152, 6x157, 7x162, 8x167, 9x177mm.  - Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuôi <math>135^\circ</math> và <math>125^\circ</math>, cổ chuôi dài 41mm/ 42mm; offset 37-43mm/ 44-50mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Taper 12/14 (góc <math>5^\circ 42'30''</math>).</p> <p>2. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):  - Chất liệu: thép không gỉ/ Cobalt Chrome (CoCr), có đường kính 28mm (-3.5, +0, +3.5, +7, +11) gồm các cỡ S, M, L, XL, XXL</p> <p>3. Đầu khớp háng bán phần (Bipolar head):  - Chất liệu: thép không gỉ (ISO5832-1)/ Cobalt Chrome Molybden (ISO 5832-4). Kích thước 39-58mm, bước tăng 1mm;  - Lớp đệm: Chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) (ISO 5834-2). Đường kính trong: 28mm. Kích cỡ: 39-41mm, 42-44mm, 45-47mm, 48-50mm, 51-54mm, 55-58mm.  Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng  Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE  Xuất xứ: G7</p>
60	Khớp háng bán phần không xi măng chuôi phủ HA toàn phần, chòm lưỡng cực 38-62mm, góc cổ chuôi $135^\circ$ - P60	Khớp háng bán phần không xi măng chuôi phủ HA toàn phần, chòm lưỡng cực 38-62mm, góc cổ chuôi $135^\circ$ .	Bộ	20	<p>1. Chuôi:  - Chất liệu: Titan TiAl6V4 phủ HA có độ dày <math>155 \pm 30 \mu\text{m}</math> toàn phần, độ xốp <math>\leq 10\%</math>, Cấu tạo TiAl6V4 alloy phủ tổ ong 60% bề mặt <math>330 - 390\mu\text{m}</math>  - Kích thước: 11 cỡ trung bình  - Góc cổ thân: <math>135^\circ</math>. Taper 12/ 14 mm. Cỡ chuôi 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20. tương ứng 114,5mm/129,5mm/139,4mm/144,4mm/149,4mm/154,3mm/159,4mm/164,4mm/169,4mm/179,4mm/189,4mm.  Rộng A/P: 26.7/27.9/29.1/30.3/31.5/32.4/33.3/34.9/36.1/38.1/40.1. M/L: 13.3/13.3/14.3/14.7/15.2/15.5/16.3/16.8/16.8/18.7/20.1.  Cuối thân A/P: 5.5/5.2/6/7/7.8/8.3/9.3/10.3/10.8/11.9/12.8.  M/L: 7/8/9/9.5/10/10/10/10/10/11/11.  Có các cỡ offset: 38.5/ 39/ 39.5/ 40/ 40.5/ 41/ 41.5/ 42/ 42.5/ 43.5/ 44.5mm.</p> <p>2. Chòm (femoral head) :  - Vật liệu CoCrMo có tỷ lệ Chromium: 26,5-30,0%, Molybdenum: 4,5-7,0%, Nickel: max. 1,0%, Iron: max. 1,0%, Carbon: max. 0,35%, Manganese: max. 1,0%, Silicium: max. 1,0%. Đường kính 22mm(-4/0/+4), 28mm (-3.5/0/+3.5/+7)</p> <p>3. Chòm lưỡng cực:  Chất liệu bằng CoCrMo ISO 5832-4, bên trong lớp phủ PE và vòng khóa PE bằng nhựa UHMWPE ISO 5834-2, đường kính ngoài từ 38-59mm, bước tăng 1mm</p>
61	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi thon nhỏ phù hợp lòng tùy nhỏ - P61	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi thon nhỏ phù hợp lòng tùy nhỏ.	Bộ	20	<p>Kết hợp với dụng cụ mổ lỗi trước</p> <p>Khớp háng bán phần không dùng xi măng, chuôi thon nhỏ phù hợp lòng tùy nhỏ, làm bằng chất liệu hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) phủ HA toàn thân, góc cổ thân <math>131^\circ</math>, chòm bán phần kép nhỏ từ 39 -&gt; 59 mm.</p> <p>1. Chuôi khớp không dùng xi măng Pressfit chất liệu Titanium Alloy Ti-6Al-4V phủ HA toàn thân. Rãnh ngang chống lún và rãnh dọc chống xoay với đường cắt xương <math>41^\circ</math>. Góc cổ thân <math>131^\circ</math>, cổ chuôi 12/14mm, có 10 cỡ 7.5:114mm (offset C:31mm;D:36mm), 9:117mm (offset C:31mm;D:37mm), 10:119mm (offset C:34mm;D:40mm), 11:121mm (offset C:34mm;D:41mm), 12.5:124mm (offset C:34mm;D:41mm), 13.5:126mm (offset C:37mm;D:45mm), 15:129mm (offset C:37mm;D:45mm), 16:132mm (offset C:37mm;D:46mm), 17.5:134mm (offset C:37mm;D:47mm), 20:139mm (offset C:37mm;D:48mm).</p> <p>2. Chòm xương đùi: chất liệu CoCrMo, đường kính 22 (-3mm, 0mm), 28mm (-3,5mm, 0mm, +3,5mm, +7mm, +10,5mm). Taper 12/14</p> <p>3. Chòm bán phần: bên ngoài chất liệu bằng hợp kim CoCrMo, đường kính ngoài từ 39-59mm, bước tăng 1mm.</p> <p>4. Lớp lót bên trong bằng Polyethylene có thể tách rời và vòng khóa chòm, bao gồm các size 39-41mm, 42-44mm, 45-47mm, 48-50mm, 51-53mm, 54-56mm, 57-59mm  Tiêu chuẩn: CE</p>

INAP  
BI  
CHÁ  
CH  
PS

62	Khớp háng bán phần không xi măng TPS Titanium Plasma - P62	Khớp háng bán phần không xi măng TPS Titanium Plasma.	Bộ	10	<p>Kết hợp với dụng cụ mổ lõi trước.</p> <p>1. Chuôi khớp không dùng xi măng VarioLoc TPS Pressfit chất liệu Titanium Alloy Ti-6AL-4V phủ hạt Titanium Plasma. Rãnh dọc giúp kích thích xương xốp nhanh bám vào đầu gần chuôi, với đường cắt xương 41 độ. Góc cổ thân 131°, cổ chuôi 12/14mm, có 12 cỡ: 5:109mm(offset C:31mm;D:35mm), 6:111mm(offset C:31mm;D:35mm), 7.5:114mm(offset C:31mm;D:36mm), 9:117mm(offset C:31mm;D:37mm), 10:119mm(offset C:34mm;D:40mm), 11:121mm(offset C:34mm;D:41mm), 12.5:124mm(offset C:34mm;D:41mm), 13.5:126mm(offset C:37mm;D:45mm), 15:129mm(offset C:37mm;D:45mm), 16:132mm(offset C:37mm;D:46mm), 17.5:134mm(offset C:37mm;D:47mm), 20:139mm(offset C:37mm;D:48mm).</p> <p>2. Chòm xương đùi: chất liệu CoCrMo, đường kính 22 (-3mm, 0mm), 28mm (-3,5mm, 0mm, +3,5mm, +7mm, +10,5mm). Taper 12/14</p> <p>3. Chòm bán phần Vario: bên ngoài chất liệu bằng hợp kim CoCrMo, đường kính ngoài từ 39-59mm, bước tăng 1mm.</p> <p>4. Lớp lót bên trong bằng Polyethylene UHMWPE có thể tách rời và vòng khóa chòm, bao gồm các size 39-41mm, 42-44mm, 45-47mm, 48-50mm, 51-53mm, 54-56mm, 57-59mm</p> <p>Tiêu chuẩn: CE</p>
63	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi có rãnh dọc chống xoay, phun plasma rỗ tổ ong. Tầm vận động 68° - P63	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi có rãnh dọc chống xoay, phun plasma rỗ tổ ong. Tầm vận động 68°.	Bộ	20	<p>* Cuống xương đùi: Hợp kim Titanium (Ti6Al4V) phủ Ti-Plasma rỗ tổ ong, chuôi tiết diện hình chữ nhật, có rãnh dọc chống xoay, được vát thuận dần hai bên 5°; hai mặt trước-sau 2° làm tăng độ chịu nén, chống lún. Góc cổ chuôi 132°. Neck Taper 12/14 mm, có 11 kích cỡ, dài 137 - 177mm</p> <p>* Ổ cối lưỡng cực 2 lớp: lớp ngoài Co-Cr Mo được đánh bóng chính xác; bên trong nhựa Polyethylene cao phân tử 2 tâm chuyển động, góc xoay 68°, có cơ chế khóa vòng giúp lắp chòm xương đùi đơn giản và ngừa trật khớp. Size: Ø38-60mm.</p> <p>* Đầu xương đùi: hợp kim Co-Cr-Mo được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size: Ø22-28mm (S, M, L)</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE/FDA</p>
64	Khớp háng bán phần không xi măng, phủ HA toàn chuôi - P64	Khớp háng bán phần không xi măng, phủ HA toàn chuôi	Bộ	30	<p>* Cuống xương đùi: loại H, vật liệu hợp kim Titanium, phủ HA toàn chuôi dày 155µm, thiết kế rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Góc cổ chuôi 135°, Neck Taper 12/14, có 10 kích cỡ T09 - T20, chiều dài 130 - 190mm, tiêu chuẩn ISO 5832-3.</p> <p>* Đầu xương đùi: thép không gỉ (ISO 5832-1) được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size: Ø22.2; 28mm.</p> <p>* Ổ cối lưỡng cực 2 lớp: lớp ngoài thép không gỉ (ISO 5832-1) được đánh bóng chính xác; bên trong nhựa Polyethylene cao phân tử (ISO 5834-2), có cơ chế khóa vòng bằng PE giúp lắp chòm xương đùi đơn giản và ngừa trật khớp. Có 25 size: Ø38-62mm.</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE</p> <p>Xuất xứ Châu Âu</p>
65	Khớp háng bán phần không xi măng dày 80µm, dạng chêm 3 chiều - P65	Khớp háng bán phần không xi măng dày 80µm, dạng chêm 3 chiều	Bộ	15	<p>Khớp háng bán phần Metal on Poly không xi măng</p> <p>1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt Chrome/ thép không gỉ. Kích cỡ: đường kính 22, 28mm; gồm các cỡ S (-3.5), M (+0), L (+3.5), XL (+7), XXL (+10.5).</li> </ul> <p>2. Đầu khớp háng bán phần (Bipolar head):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Bên ngoài thép không gỉ và lớp đệm bên trong UHMWPE. Kích cỡ từ 39mm-60mm, đầu chòm xương đùi và đầu lưỡng cực được giữ chặt bằng vòng giữ đàn hồi bên trong.</li> </ul> <p>3. Cuống xương đùi (Stem):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb (ISO 5832-11), sandbalsted 5µm và phủ HA 80µm; kích cỡ: 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN, 0SN, 1SN, ... 10SN. Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm so với cỡ chuẩn; góc cổ thân 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 37.9-48mm;</li> <li>- Dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip</li> </ul> <p>Tương thích với Bộ trợ cụ định vị di động AMIS, kỹ thuật mổ lõi trước ít xâm lấn</p> <p>Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE</p> <p>Xuất xứ: Châu Âu</p>

66	Khớp háng bán phần không xi măng, thân chuỗi phủ 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatide (HA) 100µm - P66	Khớp háng bán phần không xi măng, thân chuỗi phủ 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatide (HA) 100µm.	Bộ	30	<p>1. Cuống xương đùi (Stem): + Chất liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatide (HA) 100µm, thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Kích thước: có 12 kích cỡ từ 7 đến 20. Chiều dài tương ứng: 110mm, 115mm, 120mm, 125mm, 130mm, 135mm, 140mm, 145mm, 150mm, 155mm, 160mm, 170mm. Offset tương ứng 35,1/ 36,0/ 37,5/ 39,4/ 40,4/ 41,5/ 41,9/ 42,4/ 43,1/ 43,9/ 44,9/ 45,3. Chiều dài cổ chuỗi từ 38mm đến 38,5mm. Góc cổ chuỗi 135°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối đầu xương đùi.</p> <p>2. Đầu xương đùi (Head): + Chất liệu: Co-Cr, kích thước 22.2mm (-2, +0, +2), 28mm (-7, -3.5, +0, +3.5, +7, +10.5mm).</p> <p>3. Chòm xương đùi (Shell): + Chất liệu: Bên ngoài thép không gỉ và lớp đệm Polyethylene cao phân tử UHMWPE kèm vòng khóa chống trật. Kích cỡ: từ 39mm đến 59mm, bước tăng 1mm với size 39-57mm, bước tăng 2mm với size 57-59mm. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE. Xuất xứ: nhóm G7.</p>
67	Khớp háng bán phần không xi măng PM 734, phủ: 500µm Titanium nguyên chất - P67	Khớp háng bán phần không xi măng PM 734, phủ: 500µm Titanium nguyên chất	Bộ	15	<p>1. Cuống khớp : - Chất liệu Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V)-ISO5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất xấp bằng công nghệ phun Plasma. Cấu trúc bề mặt có nhiều rãnh chạy dọc theo trục cuống khớp. - Kích cỡ: có 10 kích cỡ 6,25/137mm; 7,5/137mm; 8,75/139,5mm; 10/142mm; 11,25/146,5mm; 12,5/147mm; 13,75/151,5mm; 15/152mm; 17,5/162,5mm 20/162,5mm - Góc cổ chuỗi: 135°, cổ côn 12/14 (góc trên 5°42'30"). - Offset: 2 loại Standard (34,8mm; 36,1mm; 37,0mm; 37,4mm; 38,2mm; 38,7mm; 41,4mm); Lateralized (41,1mm; 42,4mm; 43,5mm; 43,7mm; 44,8mm; 45;47,7mm) - Phương pháp khử trùng tia bức xạ với lượng 25 kGy, hoặc phương pháp VH2O2</p> <p>2. Đầu chòm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Hỗn hợp thép không gỉ nitro hóa cao PM734 - ISO5832/9 - Đường kính: 28mm (-3,5; 0; +3,5; +7; +10,5; +14,0)</p> <p>3. Đầu chòm Bipolar (Bipolar head): - Chất liệu: hợp kim thép không gỉ nitro hoá cao PM734 - ISO5832/9 - Kích cỡ: có 22 kích cỡ từ 39-60mm với mỗi bước tăng 1mm, đều sử dụng head đường kính 28mm.</p> <p>4. Lót đầu chòm Bipolar (Liner) - Chất liệu: làm từ polyethylen cao phân tử, không có stearat canxi - ISO5834/1/2, có vòng khóa giữ chòm xương đùi - Đầu chòm Bipolar và lót đầu chòm được kết hợp theo mã màu (39-42/xanh lá; 43-45/vàng; 46-52/xanh dương; 53-60/đỏ) - Xuất xứ: Châu Âu - Tiêu chuẩn chất lượng ISO + CE</p>

NH  
N T  
NH

68	Khớp háng bán phần không xi măng CoCr chuỗi phủ 2 lớp 300µm Titanium + 50µm HA - P68	Khớp háng bán phần không xi măng CoCr chuỗi phủ 2 lớp 300µm Titanium + 50µm HA	Bộ	15	<p>1. Cuống khớp: Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Niobium (Ti6Al7Nb) - ISO5832/11. Lớp phủ: 2 lớp 300µm Titanium xốp nguyên chất + 50µm Hydroxyapatite bằng công nghệ phun plasma. Kết cấu: có nhiều rãnh dọc và ngang xung quanh thân cuống khớp. Kích cỡ chuỗi: có 12 kích cỡ từ 1/130,3mm ; 2/140,3mm; 3/145,4mm; 4/150,4mm; 5/155,5mm; 6/160,5mm; 7/165,5mm; 8/170,4mm; 9/175,4mm; 10/179,9mm; 11/185,4mm; 12/190,4mm. Góc cổ chuỗi: 12/14, 5°43'30". Chiều dài cổ chuỗi (39mm; 41mm; 42mm; 43mm; 44mm; 45mm).</p> <p>- Offset: có 2 loại offset Standard CCD: 135° ( 38,6mm; 39,3mm; 40mm; 40,8mm; 41,5mm; 42,2mm; 42,9mm; 43,6mm; 44,1mm; 45,6mm); Lateralized CCD: 127° ( 44,9mm; 45,5mm; 46,3mm; 47,0mm; 47,7mm; 48,4mm; 49,1mm; 49,8mm; 50,3mm; 51,8mm)</p> <p>- Phương pháp khử trùng tia bức xạ với lượng 25 kGy, hoặc phương pháp VH2O2.</p> <p>2. Đầu chòm xương đùi (Femoral head): Chất liệu: Hợp kim Cobalt Chromium Molybdenum - ISO5832/12. Đường kính: 28mm (-3,5; +0; +3,5; +7).</p> <p>3. Đầu chòm Bipolar (Bipolar head):</p> <p>- Chất liệu: hợp kim thép không gỉ nitro hoá cao PM734 - ISO5832/9.</p> <p>- Kích cỡ: có 22 kích cỡ từ 39-60mm với mỗi bước tăng 1mm, đều sử dụng head đường kính 28mm.</p> <p>4. Lót đầu chòm Bipolar (Liner)</p> <p>- Chất liệu: làm từ polyethylen cao phân tử, không có stearat canxi - ISO5834/1/2, có vòng khóa giữ chòm xương đùi.</p> <p>- Đầu chòm Bipolar và lót đầu chòm được kết hợp theo mã màu (39-42/xanh lá; 43-45/vàng; 46-52/xanh dương; 53-60/đỏ).</p> <p>- Xuất xứ: Châu Âu. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO + CE</p>
69	Khớp háng bán phần không xi măng Modular chuỗi HA - P69	Khớp háng bán phần không xi măng Modular chuỗi HA	Bộ	15	<p>1. Cuống khớp: Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Niobium (Ti6Al7Nb) - ISO5832/11. Lớp phủ: Phủ 80µm Hydroxyapatite bằng công nghệ phun plasma. Kết cấu: có nhiều rãnh dọc và ngang xung quanh thân cuống khớp. Kích cỡ chuỗi: có 12 kích cỡ từ 1/130,3mm. 2/140,3mm; 3/145,4mm; 4/150,4mm; 5/155,5mm; 6/160,5mm; 7/165,5mm; 8/170,4mm; 9/175,4mm; 10/179,9mm; 11/185,4mm; 12/190,4mm. Góc cổ chuỗi: 12/14, 5°43'30". Chiều dài cổ chuỗi (39mm; 41mm; 42mm,43mm; 44mm; 45mm). Offset: có 2 loại offset Standard CCD: 135° (38,6mm; 39,3mm; 40mm; 40,8mm; 41,5mm; 42,2mm; 42,9mm; 43,6mm; 44,1mm; 45,6mm); Lateralized CCD: 127° (44,9mm; 45,5mm; 46,3mm; 47,0mm; 47,7mm; 48,4mm; 49,1mm; 49,8mm; 50,3mm; 51,8mm). Phương pháp khử trùng tia bức xạ với lượng 25 kGy, hoặc phương pháp VH2O2.</p> <p>2. Đầu chòm xương đùi (Femoral head): Chất liệu: Hỗn hợp thép không gỉ nitro hóa cao PM734 - ISO5832/9. Đường kính: 28mm (-3,5; 0; +3,5; +7; +10,5; +14,0)</p> <p>3. Đầu chòm Bipolar (Bipolar head): Chất liệu: hợp kim thép không gỉ nitro hoá cao PM734 - ISO5832/9. Kích cỡ: có 22 kích cỡ từ 39-60mm với mỗi bước tăng 1mm, đều sử dụng head đường kính 28mm.</p> <p>4. Lót đầu chòm Bipolar (Liner): Chất liệu: làm từ polyethylen cao phân tử, không có stearat canxi - ISO5834/1/2, có vòng khóa giữ chòm xương đùi. Đầu chòm Bipolar và lót đầu chòm được kết hợp theo mã màu (39-42/xanh lá; 43-45/vàng; 46-52/xanh dương; 53-60/đỏ)</p> <p>- Xuất xứ: Châu Âu</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO + CE</p>
70	Khớp háng bán phần không xi măng phủ HA, góc cổ chuỗi 135/126/145 độ, chòm khớp cổ côn 12/14 ASTM F 799 - P70	Khớp háng bán phần không xi măng phủ HA, góc cổ chuỗi 135/126/145 độ, chòm khớp cổ côn 12/14 ASTM F 799	Bộ	20	<p>1. Cuống khớp không xi măng phủ HA: chất liệu hợp kim titanium 6Al-4V tiêu chuẩn ISO5832, phủ Ti-plasma 180 micron, lớp ngoài phủ HA dày 50µm, dài từ 119/125/132/136/139/143/147/151/155/159/163/167/171 mm, góc cổ chuỗi 135 độ hoặc 126 độ hoặc 145 độ. Bề rộng chuỗi 29mm-44mm. Hai loại có hoặc không có viên cổ.</p> <p>2. Chòm khớp phủ hợp cổ côn 12/14 chất liệu Cobalt Chromium ASTM F 799, kích thước 22mm (+0,+4,+8,+12); 26mm (+0,+4,+8,+12); kích thước 28mm; 32mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16); kích thước 36mm (-3, +0, +4, +8).</p> <p>3. Chòm lưỡng cực có lót đường kính trong 22 và 28mm, đường kính ngoài từ 38 đến 55 mm (bước tăng 1), chất liệu Cobalt Chrome/UHMWPE. Độ dày lớp polyethylene tối thiểu 5mm. Phạm vi chuyển động 82 độ với cổ +0 và 88 độ với cổ -3.</p>

71	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi tự khóa phủ titanium và HA, ổ cối có khóa răng chống trật khớp - P71	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi tự khóa phủ titanium và HA, ổ cối có khóa răng chống trật khớp	Bộ	50	<p>1. Chuôi xương đùi: Loại tự khoá, cổ có gờ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium</li> <li>- Phủ 2 lớp: Titanium 120µm và Hydroxyapatite 80µm.</li> <li>- Góc cổ chuôi 135°. Côn 12/14 - 5°40'</li> <li>- Cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương.</li> <li>- Kích cỡ: size x chiều dài: 9 x 130mm, 10 x 140mm, 11 x 145mm, 12 x 150mm, 13 x 155mm, 14 x 160mm, 15 x 165mm, 16 x 170mm.</li> </ul> <p>2. Đầu xương đùi (chòm):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: thép không ri</li> <li>- Đường kính 22.2mm (-2, 0, +3), đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5)</li> </ul> <p>3. Ổ cối bán phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: bề mặt ngoài bằng thép không ri, bên trong bằng polyethylene</li> <li>- Bề mặt ngoài được đánh bóng cao với độ nhám &lt;0,5µm</li> <li>- Ổ cối có cơ chế khóa răng chống trật khớp.</li> <li>- Kích cỡ: 38-60 (bước tăng 2)</li> <li>* Tiết trùng bằng tia Gamma</li> <li>* Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</li> </ul>
72	Bộ khớp háng bán phần chuôi thường - P72	Bộ khớp háng bán phần chuôi thường	Bộ	20	<p>1. Chòm bán phần:</p> <p>Vật liệu: hợp kim cobalt chrome</p> <p>Kích cỡ:</p> <p>Với loại đường kính trong 28mm có 20 cỡ từ 41mm đến 60mm</p> <p>Có lớp lót bên trong chòm bằng chất liệu Polyethylene sử dụng cơ chế khóa xoay và nhấn</p> <p>Có khóa chòm bán phần và lớp lót bằng kim loại dạng vòng tròn</p> <p>2. Chòm khớp:</p> <p>Vật liệu: hợp kim Cobalt-Chromium Molybdenum</p> <p>Sử dụng an toàn trong môi trường cộng hưởng từ (MRI) 1.5T và 3.0T</p> <p>Đường kính (head) có các loại: 22.2, 28, 32, 36, 40, 44mm</p> <p>Đối với chòm có đường kính 22.2mm có 3 loại offset -2mm, 0 và +3mm</p> <p>Đối với chòm có đường kính 28, 32, 36, 40 và 44mm có 5 loại offset -3.5, 0 +3.5, +7 và +10.5mm</p> <p>3. Chuôi khớp háng:</p> <p>Vật liệu Ti-6Al-4V phủ Plasma;</p> <p>Góc cổ chuôi 131 độ, tối ưu hóa tâm vận động;</p> <p>Cổ chuôi côn 12/14, loại cố định đầu gần, có rãnh ở phía đầu xa tạo kênh giúp máu và mảnh xương có thể thoát ra ngoài trong quá trình phẫu thuật;</p> <p>Chuôi được thiết kế giúp cố định trong-ngoài</p> <p>Đầu xa được thiết kế bề mặt nhẵn bóng cao giúp dễ đưa chuôi vào lòng ống tủy;</p> <p>Cổ chuôi dạng thuôn gọn phía dưới cổ côn 12/14 giúp tăng biên độ vận động;</p> <p>Kích cỡ chuôi (Stem Size) có 14 cỡ từ 4 đến 22.5 mm</p> <p>Chiều dài chuôi (Stem Length) có 14 cỡ từ 107mm đến 144mm</p> <p>Dài độ dài cổ chuôi từ 28mm đến 49mm và dài độ rộng cổ thân từ 33mm đến 58mm tương ứng với 5 chiều dài chòm khớp từ -3.5mm, +0mm, +3,5mm, +7mm, +10.5mm, phân bố theo 14 cỡ chuôi tạo sự đa dạng để tương thích với các kích thước giải phẫu xương đùi của bệnh nhân.</p>

73	Khớp háng bán phần không xi măng - P73	Khớp háng bán phần không xi măng	Bộ	20	<p>Chuôi xương đùi: Loại tiêu chuẩn vật liệu Ti6Al4V, được phủ 2 lớp Ti Plasma và HA với 11 Kích cỡ từ 0 đến 11, côn 12/14</p> <p>- Ổ Cối: Bán phần với 2 lớp vật liệu bên ngoài hợp kim CoCr, bên trong PE, Cơ chế khóa kẹp chống trật khớp. với 9 kích cỡ từ 44 - 60 mm. mỗi bước tăng 2mm</p> <p>- Chòm xương đùi: Vật liệu CoCr có kích cỡ 28mm (-3 + 0 +4 +8 +12), Côn 12/14.</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485, Có 2 chứng nhận lưu hành trở lên trong đó có 1 chứng nhận lưu hành thuộc nhóm G7</p>
A		Khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài			không lấy loại revision
74	Khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài - P74	Khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài	Bộ	3	<p>1. Chuôi xương đùi: Chuôi thuôn 2° và tiết diện hình tròn có thể được đặt với mọi góc xoay. Chuôi có 8 gờ dọc với các cạnh sắc nét, nhằm bám dính chắc chắn vào vỏ xương đùi, từ đó đảm bảo độ ổn định chống xoay, chống lún tối ưu. Có 2 lỗ trên đầu gắn xương đùi để cột cáp hoặc chỉ thép tăng cường độ vững vùng máu chuyển lớn và máu chuyển bé. Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). Bề mặt thân chuôi được xử lý phun cát hoặc phun plasma Titanium ở phần đầu gắn. Độ côn: 12/14. Góc cổ chuôi 135°. Có 16 kích cỡ. Chiều dài chuôi 190mm và 225mm. Có 3 cỡ offset: 42mm, 44mm, 46mm. Chiều dài cổ 3 kích thước 59mm, 62mm và 65mm.</p> <p>2. Chòm xương đùi: Chất liệu: Hợp kim Co-Cr-Mo. Kích cỡ: đường kính 22mm, 28mm, 32mm, 36mm; có nhiều chiều dài cổ: -4, 0, +4, +8, +12.</p> <p>3. Chòm bán phần: Bao gồm hai lớp: Lớp ngoài làm bằng hợp kim Co-Cr-Mo lớp trong làm bằng UHMWPE; có cơ chế tự khóa. Kích thước: Đường kính trong 22mm và 28mm. Đường kính ngoài từ 38mm và 40mm đến 56mm (bước tăng 1mm).</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.</p>
75	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài Z cổ rời - P75	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài Z cổ rời	Bộ	8	<p>1. Đầu lưỡng cực: chất liệu Cobalt Chrome với bề mặt chịu lực polyethylene liên kết chéo A-CLASS, đường kính từ 36mm đến 65 mm với mỗi kích cỡ tăng 1mm. Phạm vi chuyển động 100°</p> <p>- Lớp lót chất liệu Cross-linked polyethylene, có một vòng hỗ trợ UHMWPE bên trong vỏ cố định và có một vòng khóa UHMWPE lắp ráp phía trên vòng hỗ trợ.</p> <p>2. Đầu xương đùi: làm bằng Cobalt Chrome đường kính 28, 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm, ±3.5mm, +7mm).</p> <p>3. Cổ rời: Chất liệu: Titanium và Cobalt Chrome. Góc cổ Varus 127 độ, góc cổ Neutral 135 độ, góc cổ Valgus 143 độ, chiều dài cổ: 27mm-38.5mm.</p> <p>4. Cuống xương đùi chất liệu Titanium. Góc cổ Varus cổ điển 8° là 127 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (34- 43mm), cổ dài (43 - 51mm). Góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (31- 40mm), cổ dài (39 - 47mm). Chiều dài: 176mm, 181mm, 186mm, 191mm, 196mm, 201mm, 206mm, 211mm, 216mm</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC và FDA</p> <p>* Xuất xứ các nước G7</p>
76	Khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài - P76	Khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài	Bộ	7	<p>Thông số kỹ thuật chi tiết:</p> <p>1. Cuống khớp loại dài chất liệu Titanium (TA6V ELI) ISO 5832-3 có phủ toàn bộ HAP (hydroxyl apatite) làm tăng khả năng kích thích tạo xương, đồng thời một phần chuôi được phủ lớp siêu tinh thể titan xấp xỉ tăng độ bám dính. Cổ chuôi 12/14 (5°42'30"). Có 3 chốt đầu dưới bắt vít chống lún, chống xoay. Vai chuôi có hai lỗ bắt chỉ thép ghép xương vững chắc. Có 4 kích cỡ và 4 chiều dài cho chân trái và chân phải riêng biệt.</p> <p>+ Chân trái: các cỡ từ 10; 12; 14; 16 đường kính 10; 12 mm cho chân trái chiều dài từ 190; 240; 290; 340mm.</p> <p>+ Chân phải: các cỡ từ 10; 12; 14; 16 đường kính 10; 12 mm cho chân phải chiều dài từ 190; 240; 290; 340mm.</p> <p>2. Vỏ đầu chòm+ Lót đầu chòm: Vỏ đầu chất liệu thép không gỉ theo tiêu chuẩn ISO 5832-1D đường kính từ 38 đến 62 mm.</p> <p>+ Vỏ đầu chòm có 25 kích cỡ từ 38-62 mm với mỗi bước tăng 1mm.</p> <p>+ Lót đầu chòm chất liệu: Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) với gờ chống trật theo tiêu chuẩn ISO 5834-1/2 + 1.4441.</p> <p>3. Chòm khớp: chất liệu thép không gỉ, có hai loại: đường kính 22.22 mm dùng với vỏ đầu chòm đường kính 38; 39; 40 mm, đường kính chòm 28mm dùng với vỏ đầu chòm đường kính từ 41 đến 62 mm mỗi bước tăng 1 mm. Chiều dài cổ: -4; -3.5; +0; +3.5; +4, +7 mm.</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. Xuất xứ: G7</p>

77	Bộ khớp háng bán phần Bipolar II - chuỗi dài không xi măng U2 , góc cổ chuỗi 130 độ - P77	Bộ khớp háng bán phần Bipolar II - chuỗi dài không xi măng U2 , góc cổ chuỗi 130 độ	Bộ	7	<p>1. Chôm bán phần : có mặt ngoài bằng CoCrMo, độ nhám Ra 0.02 <math>\mu\text{m}</math>, vành chòm UHMWPE 1 khối liền mạch dày 5mm chống tuột chòm; mặt trong là lớp lót UHMWPE siêu cao phân tử đi kèm với vòng khóa 1 khối. Đường kính ngoài từ 38mm đến 56mm, đường kính trong 22.2mm, 26mm và 28mm.</p> <p>2. Chòm xương đùi: bằng chất liệu hợp kim CoCrMo ; kích thước 22.2mm (+0mm, +3mm, +6mm, +9mm), 26mm (-2mm, +0mm , +3mm, +6mm, +9mm), 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) với taper 12/14.</p> <p>3. Chuỗi dài không xi măng: (số lượng: 01 cái) Vật liệu hợp kim Titanium Alloy dạng hình nêm 3 chiều và cổ trơn, bề mặt phun Titanium Plasma Spray toàn thân, góc cổ thân 130 độ, taper 12/14, đầu xa đánh bóng và vuốt nhọn. Có 2 dạng: - Dạng thẳng (chiều dài 180mm với 7 lựa chọn đường kính đầu xa có các cỡ từ size 11mm; size 12mm; size 13mm; size 14mm; size 15mm; size 16.5mm và size 18mm) - Dạng cong + Chân trái: chiều dài 230mm, tương ứng 7 lựa chọn đường kính đầu xa có các cỡ từ size 11mm; size 12mm; size 13mm; size 14mm; size 15mm; size 16.5mm và size 18mm. + Chân phải: chiều dài 230mm, tương ứng 7 lựa chọn đường kính đầu xa có các cỡ từ size 11mm; size 12mm; size 13mm; size 14mm; size 15mm; size 16.5mm và size 18mm. Bộ khớp có chứng nhận tiêu chuẩn FDA và CE/ISO.</p>
78	Bộ khớp háng Bán phần (Chuỗi dài) - P78	Bộ khớp háng Bán phần (Chuỗi dài)	Bộ	3	<p>1/ Chuỗi khớp: Chất liệu: Titanium. Góc cổ 135°. Chiều dài thân chuỗi từ 170 - 200mm tương ứng 16 cỡ. Base offset 42mm. Chiều dài cổ 37.5mm. Chiều rộng đầu gần từ 14 - 22mm tương ứng.</p> <p>2/ Head: Chất liệu: CoCrMo casted. Kích thước: 24 và 28mm, tương ứng 4 cỡ S, M, L, XL(loại 28mm). Chiều dài cổ tương ứng các cỡ -3.5, 0, +3.5, +7mm.</p> <p>3/ Bipolar: Chất liệu: S+UHMWPE. Đường kính Ngoài/(Trong) tương ứng: Ngoài: từ 38 - 44mm (Trong 24mm), từ 42 - 54mm (Trong 28mm); bước tăng 2mm. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích.</p>
79	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài, chuỗi có rãnh dọc chống xoay, đuôi xẻ rãnh - P79	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài, chuỗi có rãnh dọc chống xoay, đuôi xẻ rãnh.	Bộ	8	<p>* Cuống xương đùi: Hợp kim Titanium, chuỗi tiết diện hình chữ nhật, rãnh ngang chống lún và rãnh dọc chống xoay, được vát thuôn dần hai bên 8°-12°; hai mặt trước-sau 6° làm tăng độ chịu nén, chống lún. Có lỗ buộc dây. Đuôi chuỗi xẻ rãnh giúp phân bố đều ứng suất. Góc cổ chuỗi 135°. Neck Taper 12/14 mm, có 11 kích cỡ, dài 133 - 213mm</p> <p>* Ổ cối lưỡng cực 2 lớp: lớp ngoài Co-Cr Mo được đánh bóng chính xác; bên trong nhựa Polyethylene cao phân tử 2 tâm chuyển động, góc xoay 68°, có cơ chế khóa vòng giúp lắp chòm xương đùi đơn giản và ngừa trật khớp. Size: Ø38-60mm.</p> <p>* Đầu xương đùi: hợp kim Co-Cr-Mo được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size: Ø22-28mm (S, M, L) Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE/FDA</p>
80	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài, thân chuỗi phủ 2 lớp T40 titanium và Calcium Hydroxyapatide (HA) - P80	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài, thân chuỗi phủ 2 lớp T40 titanium và Calcium Hydroxyapatide (HA).	Bộ	2	<p>1. Cuống xương đùi (Stem): + Chất liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium và Calcium Hydroxyapatide (HA), thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún, có khe dọc cuối chuỗi làm tăng tiết diện bám xương. Kích thước: có 6 kích cỡ gồm 10, 12, 14, 16, 18, 20 với chiều dài: 200mm, 210mm, 220mm, 230mm, 240mm và đường kính cuối chuỗi 10, 12, 13, 14mm. Góc cổ chuỗi: phổ biến ở hai góc độ 135°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối đầu xương đùi.</p> <p>2. Đầu xương đùi (Head): + Chất liệu: Co-Cr, kích thước 22.2mm (-2, +0, +2), 28mm (-7, -3.5, +0, +3.5, +7,+10.5mm).</p> <p>3. Chòm xương đùi (Shell): + Chất liệu: Bên ngoài thép không rỉ và lớp đệm Polyethylene cao phân tử UHMWPE kèm vòng khóa chống trật. Kích cỡ: từ 39mm đến 59mm, bước tăng 1mm với size 39-57mm, bước tăng 2mm với size 57-59mm. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE. Xuất xứ: nhóm G7.</p>

81	Bộ khớp háng bán phần chuỗi dài - P81	Bộ khớp háng bán phần chuỗi dài	Bộ	2	<p>1. Chòm bán phần:            Vật liệu: hợp kim cobalt chrome            Kích cỡ:            Với loại đường kính trong 28mm có 20 cỡ từ 41mm đến 60mm            Có lớp lót bên trong chòm bằng chất liệu Polyethylene sử dụng cơ chế khóa xoay và nhấn            Có khóa chòm bán phần và lớp lót bằng kim loại dạng vòng tròn</p> <p>2. Chòm khớp:            Vật liệu: hợp kim Cobalt-Chromium Molybdenum            Sử dụng an toàn trong môi trường cộng hưởng từ (MRI) 1.5T và 3.0T            Đường kính (head) có các loại: 22.2, 28, 32, 36, 40, 44mm            Đối với chòm có đường kính 22.2mm có 3 loại offset -2mm, 0 và +3mm            Đường kính (head) có các loại: 28 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm, 32 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm, 36 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm, 40 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm, 44 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm</p> <p>3. Chuỗi khớp háng:            Vật liệu: hợp kim Titanium, thân được phủ Protasul-100 toàn bộ            Góc cổ chuỗi (neck angle): 135 độ, cổ chuỗi côn 12/14 loại không xi măng            Thân chuỗi hình nón nghiêng góc 2 độ, cổ chuỗi dạng không gờ, có 8 gờ chống xoay chạy dọc thân chuỗi, có 2 lỗ ở thân chuỗi để cố định chi thép.            Có 40 loại chuỗi tương ứng độ dài chuỗi có 4 loại 190mm, 225mm, 265mm, 305mm.            Chuỗi dài 190mm có 7 loại đường kính từ 14 mm đến 20 mm, bước tăng 1mm            Chuỗi dài 225mm có 9 loại đường kính từ 14 mm đến 22 mm, bước tăng 1mm            Chuỗi dài 265mm có 12 loại đường kính từ 14 mm đến 25 mm, bước tăng 1mm            Chuỗi dài 305mm có 12 loại đường kính từ 14 mm đến 25 mm, bước tăng 1mm</p>
82	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài, góc cổ chuỗi 125/131 độ, dài 190/240/300mm - P82	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài, góc cổ chuỗi 125/131 độ, dài 190/240/300mm	Bộ	5	<p>1. Cuồng khớp đầu côn 12/14. Cỏ dạng hình thang tròn, giúp tăng phạm vi chuyển động.            Hai tuý chọn cỏ: Standard Offset (131 độ), High Offset (125 độ) Chuỗi hình thon chất liệu Titanium. Thiết kế rãnh độc quyền: Gồm chốt rãnh lớn và chốt rãnh nhỏ. Chốt rãnh lớn cung cấp độ ổn định dọc và xoay, giảm nguy cơ lún. Tăng chiều rộng 50% từ đầu xa đến đầu gần. Chốt rãnh nhỏ cung cấp độ ổn định dọc, tăng cả chiều rộng và chiều cao từ đầu xa tới đầu gần, tạo cấu trúc hình nêm đa dạng giúp chống lún.            Chiều dài chuỗi: 190mm, 240mm, 300mm            Đường kính: 12-27mm (bước tăng 1mm). Chuỗi dài 190mm có đường kính 12-21mm.</p> <p>2. Chòm khớp phù hợp cỏ côn 12/14 chất liệu Cobalt Chromium ASTM F 799, kích thước 22mm (+0,+4,+8,+12); 26mm (+0,+4,+8,+12); kích thước 28mm; 32mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16); kích thước 36mm (-3, +0, +4, +8).</p> <p>3. Chòm lưỡng cực có lót đường kính trong 22 và 28mm, đường kính ngoài từ 38 đến 55 mm (bước tăng 1), chất liệu Cobalt Chrome/UHMWPE. Độ dày lớp polyethylene tối thiểu 5mm. Phạm vi chuyển động 82 độ với cỏ +0 và 88 độ với cỏ -3.</p>

83	Khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 200-300mm phủ titanium và HA, ổ cối có khóa răng chống trật khớp - P83	Khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 200-300mm phủ titanium và HA, ổ cối có khóa răng chống trật khớp	Bộ	5	<p>1. Chuôi xương đùi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Hợp kim titanium aluminium vanadium, phủ 2 lớp: Titanium 120<math>\mu</math>m và Hydroxyapatite 80<math>\mu</math>m. Góc cổ chuỗi 130°, côn 12/14 - 5°40', cổ chuỗi hình elip và được đánh bóng gương, cổ chuỗi có gờ viền quanh. Thân chuỗi có 2 lỗ bắt vít điều chỉnh, vít khóa đường kính 5.5mm, dài 28-55mm, vít điều chỉnh đường kính 5.5mm, dài 30-35mm</li> <li>- Kích cỡ: có 3 cỡ: 12, 14, 16 (bước tăng 2), chiều dài 200, 250mm, 300mm</li> </ul> <p>2. Đầu xương đùi (chôm):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép không rỉ. Đường kính 22.2mm (-2, 0,+3), đường kính 28mm (-3.5, 0,+3.5)</li> </ul> <p>3. Ổ cối bán phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: bề mặt ngoài bằng thép không rỉ, bên trong bằng polyethylene. Bề mặt ngoài được đánh bóng cao với độ nhám &lt;0,5<math>\mu</math>m. Ổ cối có cơ chế khóa răng chống trật khớp.</li> <li>- Kích cỡ: 38-60 (bước tăng 2)</li> <li>* Đóng gói tiệt trùng</li> <li>* Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</li> </ul>
A		<b>Khớp háng toàn phần không xi măng COC</b>			
84	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng (Ceramic on Ceramic) - P84	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng (Ceramic on Ceramic)	Bộ	10	<p>Tiêu chuẩn ISO, CE</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Ổ cối không xi măng: Phủ 2 lớp Titanium và HAP, có 3 lỗ bắt vít, đường kính từ 46 - 66mm, bước tăng 2mm.</li> <li>Lót ổ cối chất liệu BIOLOX® delta ceramic: đường kính phù hợp với ổ cối từ 46 - 66mm, đường kính trong có các cỡ 32mm và 36mm.</li> <li>Vít ổ cối: Chất liệu Titanium TA6V4 ELI, tự taro: Đường kính 6.5mm, chiều dài từ 15 - 45mm. (02 cái).</li> <li>Chôm khớp: Chất liệu BIOLOX®delta ceramic, đường kính gồm các loại 32mm, 36mm, cổ côn: 12/14.</li> <li>Chuôi khớp háng không xi măng phủ HAP toàn bộ: Chất liệu: Ti6Al4V. Cổ côn: 12/ 14. Chiều dài chuỗi từ 115 đến 180mm. Góc cổ chuỗi 135 độ, có 10 cỡ từ 8-18, Chiều dài Offset từ 38.2-44.7mm, độ cao cổ 35.5mm, Chiều dài cổ 38.35mm. Phần đầu gắn chuỗi có rãnh ngang 3 mặt, thân chuỗi có rãnh dọc 4 mặt giúp tăng cường độ bám xương, đỉnh chuỗi có ren vận giúp tháo lắp dễ dàng.</li> </ol>
85	Khớp háng toàn phần không xi măng, ceramic on ceramic - P85	Khớp háng toàn phần không xi măng, ceramic on ceramic	Bộ	5	<ol style="list-style-type: none"> <li>Chuôi xương đùi: Chuôi dạng nêm thuận, được vát hai mặt phẳng với góc nghiêng 3 độ, có gờ dọc thân chuỗi, thiết diện phần gần được thiết kế với mặt trong bo tròn; mặt ngoài xòe rộng. Đầu xa dạng viên đạn được đánh bóng. Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). Lớp phủ bề mặt đoạn gần chuỗi phun plasma Titanium, xử lý phun cát tại vùng thân xương. Độ côn 12/14. Góc cổ chuỗi 132 độ. Có 10 kích cỡ chiều dài chuỗi từ 110mm đến 158mm. Cuồng cổ có 7 offset 39mm, 40mm, 42mm, 44mm, 45mm, 46mm, 47mm. Chiều dài cổ: 33mm, 35mm, 37mm, 38mm, 39mm và 40mm. Đường kính đầu xa: 10 kích cỡ từ 7mm đến 16mm.</li> <li>Chôm xương đùi Ceramic: Chất liệu: Ceramic Delta (gồm sinh học cao cấp) là loại vật liệu gốm thể hệ 4 bao gồm Zirconia (ZrO<sub>2</sub>) được gia cường bằng Alumina (Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>) có độ bền cơ học cao hơn so với Ceramic truyền thống. Kích cỡ: 28mm, 32mm, 36mm; có nhiều chiều dài cổ: S, M, L, XL tương ứng với -4, -3.5, 0, +3.5, +4, +8.</li> <li>Ổ cối: Chất liệu: Hợp kim Titanium. Bề mặt được phủ lớp plasma Titanium xốp xuất xứ từ Anh. Có 14 kích cỡ từ 38mm đến 64 mm. Mỗi bước tăng 2mm. Ổ cối sử dụng cơ chế khóa Innerchange, tạo ra sự liên kết chắc chắn giữa miếng lót polyethylene và ổ cối. Ổ cối tương thích với tất cả miếng lót là UHMWPE, HXLPE và Ceramic. Thiết kế 12 rãnh răng cưa trên vòng lót, có 3-5 lỗ bắt vít và có 2 lỗ bắt vít ở vị trí ụ ngồi giúp cúp cổ định, vững chắc hơn. Ổ cối sử dụng được big head, cup 46 - 48 sử dụng được head 32mm, cup 50 trở lên sử dụng được cup 36mm.</li> <li>Miếng lót ổ cối Ceramic: Chất liệu: Ceramic Delta (gồm sinh học cao cấp) là loại vật liệu gốm thể hệ 4 bao gồm Zirconia (ZrO<sub>2</sub>) được gia cường bằng Alumina (Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>) có độ bền cơ học cao hơn so với Ceramic truyền thống.</li> <li>Vít ổ cối: Xoay đa hướng, tự taro. Chất liệu: Hợp kim Titanium. Kích cỡ: Đường kính 6,5mm; có 12 kích cỡ chiều dài từ 15mm đến 70mm (mỗi bước tăng 5mm).</li> <li>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.</li> </ol>

ANH  
 BỀ  
 HẢI  
 CHỈ  
 05

86	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ HA toàn thân, ceramic on ceramic - P86	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ HA toàn thân, ceramic on ceramic	Bộ	5	<p>1. Chuôi xương đùi: Thiết kế vai bên có độ nghiêng thấp giúp dễ dàng đưa chuỗi vào qua đường mổ nhỏ, đặc biệt là trong phương pháp mổ tiếp cận lối trước. Chuôi nhỏ có đầu xa đường kính 5.5mm, có rãnh ngang, rãnh dọc. Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). Có lớp phủ kép plasma Titanium dày 50mm và HA dày 150mm. Độ côn: 12/14. Góc cổ chuỗi 135 độ. Có 11 cỡ chiều dài chuỗi từ 115mm đến 190mm, chiều dài cổ 3 kích thước 35mm, 38mm và 41mm. Có 11 cỡ offset từ 32mm-44.1mm. Đường kính đầu xa: 11 kích cỡ từ 5,5mm - 13,4mm của từng bệnh nhân.</p> <p>2. Chòm xương đùi Ceramic: Chất liệu: Ceramic Delta (gồm sinh học cao cấp) là loại vật liệu gốm thể hệ 4 bao gồm Zirconia (ZrO<sub>2</sub>) được gia cường bằng Alumina (Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>) có độ bền cơ học cao hơn so với Ceramic truyền thống. Kích cỡ: 28mm, 32mm, 36mm; có nhiều chiều dài cổ: S, M, L, XL tương ứng với -4, -3.5, 0, +3.5, +4, +8.</p> <p>3. Ổ cối: Chất liệu: Hợp kim Titanium. Bề mặt được phủ lớp plasma Titanium xấp xuất xứ từ Anh. Có 14 kích cỡ từ 38mm đến 64 mm. Mỗi bước tăng 2mm. Ổ cối sử dụng cơ chế khóa Innerchange, tạo ra sự liên kết chắc chắn giữa miếng lót polyethylene và ổ cối. Ổ cối tương thích với tất cả miếng lót là UHMWPE, HXLPE và Ceramic. Thiết kế 12 rãnh răng cưa trên vòng lót, có 3-5 lỗ bắt vít và có 2 lỗ bắt vít ở vị trí ụ ngồi giúp cúp cổ định, vững chắc hơn. Ổ cối sử dụng được big head, cup 46 - 48 sử dụng được head 32mm, cup 50 trở lên sử dụng được cup 36mm.</p> <p>4. Miếng lót ổ cối Ceramic: Chất liệu: Ceramic Delta (gồm sinh học cao cấp) là loại vật liệu gốm thể hệ 4 bao gồm Zirconia (ZrO<sub>2</sub>) được gia cường bằng Alumina (Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>) có độ bền cơ học cao hơn so với Ceramic truyền thống.</p> <p>5. Vít ổ cối: Xoay đa hướng, tự taro. Chất liệu: Hợp kim Titanium. Kích cỡ: Đường kính 6,5mm; có 12 kích cỡ chiều dài từ 15mm đến 70mm (mỗi bước tăng 5mm).</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.</p>
87	Khớp háng toàn phần không xi măng Origin Ceramic on Ceramic - P87	Khớp háng toàn phần không xi măng Origin Ceramic on Ceramic	Bộ	10	<p>1. Cuống xương đùi: làm bằng hợp kim Titanium (Ti6AL4V) bên ngoài được phủ lớp Hydroxy apatite (HA) ≥70% , Độ kết dính ≥ 80% độ dày 120-190µm. Cổ côn (Taper) 12/14. Độ đi lệch cổ chuỗi (Offset): 38.2, 38.5, 39.5, 40.0, 41.0, 41.5, 42.0, 43.0, 43.5, 44.5. Góc cổ chuỗi 135°. Có 10 size, chiều dài thân chuỗi: 116, 131, 141, 146, 151, 156, 161, 166, 171, 181. Độ bền kéo &gt;15MPA</p> <p>2. Đầu xương đùi: Vật liệu: Chất liệu Ceramic. Kích cỡ: 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, có các size (S, M, L, XL)</p> <p>3. Ổ cối: Vật liệu: Ti6Al4V, bên ngoài được phủ một lớp Hidroxy apatite (HA) trên nền Titanium lỗ tổ ong độ dày 100 micron. Độ kết dính ≥ 80% ; Ca/P 1.67. Hàm lượng HA (%HAP) &gt; 70%. Độ nhám lớp phủ HA 40 micron, có 3 lỗ bắt vít hoặc nhiều lỗ bắt vít. Kích cỡ từ 44mm - 70mm (Bước tăng 2mm)</p> <p>4. Lớp đệm: Vật liệu: làm bằng Ceramic, ăn mòn côn không đáng kể, không giải phóng Ion kim loại. Đường kính trong tương ứng 28mm, 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p>5. Vít ổ cối: Vật liệu: Đường kính 6.5 mm, chiều dài từ 15-70 mm (Bước tăng 5mm)</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và TGA</p> <p>* Xuất xứ tại nước châu âu</p>
88	Khớp háng toàn phần không xi măng Aria Ceramic on Ceramic - P88	Khớp háng toàn phần không xi măng Aria Ceramic on Ceramic	Bộ	10	<p>1. Cuống xương đùi: Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti6AL4V), phủ bên ngoài Titanium-Plasma rỗ tổ ong. Độ dày của lớp phủ 195 - 255 µm. Có 2 loại cổ chuỗi Standard và Hight Offset, góc cổ chuỗi 132°. Cổ côn (Taper) 12/14. Có 13 size: từ 0 - 12, chiều dài chuỗi từ 128mm, 130mm, 133mm, 136mm, 138mm, 140mm, 143mm, 145mm, 148mm, 151mm, 153mm, 158mm, 163mm. Cường độ kéo &gt; 22 MPA, Cường độ cắt &gt; 22 MPA.</p> <p>2. Đầu xương đùi: Vật liệu: Chất liệu Ceramic. Kích cỡ: 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, có các size (S, M, L, XL)</p> <p>3. Ổ cối: Vật liệu: Ti6Al4V, bên ngoài được phủ một lớp Hidroxy apatite (HA) trên nền Titanium lỗ tổ ong độ dày 100 micron. Độ kết dính ≥ 80% ; Ca/P 1.67. Hàm lượng HA (%HAP) &gt; 70%. Độ nhám lớp phủ HA 40 micron, có 3 lỗ bắt vít hoặc nhiều lỗ bắt vít. Kích cỡ từ 44mm - 70mm (Bước tăng 2mm)</p> <p>4. Lớp đệm: Vật liệu: làm bằng Ceramic, ăn mòn côn không đáng kể, không giải phóng Ion kim loại. Đường kính trong tương ứng 28mm, 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p>5. Vít ổ cối: Vật liệu: Đường kính 6.5 mm, chiều dài từ 15-70 mm (Bước tăng 5mm)</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và TGA</p> <p>* Xuất xứ tại nước châu âu</p>

89	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi cổ liền Ceramic on Ceramic chuỗi Plasma - P89	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi cổ liền Ceramic on Ceramic chuỗi Plasma	Bộ	10	<p>1. Ổ cối: hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, độ xốp 30%, độ dày 114µm, gồm đường kính các cỡ từ 44mm-70mm, bước tăng 2mm</p> <p>2. Lớp lót bằng Rim-Lock Ceramic, có bề chống trật 0 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Rim-Lock. Đường kính 42-68mm</p> <p>3. Đầu xương đùi làm bằng Biolox Delta đường kính các cỡ 28, 32, 36, 40mm. Lõi điều chỉnh được (+0mm, ±3,5mm, ±4mm)</p> <p>4. Cuống xương đùi với góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm). Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (38- 45mm), cổ trung (43-50mm), cổ dài (46 - 53mm). Thân chuỗi Titanium Alloy phủ lớp Plasma (0.5mm). Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm. M/L With 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ côn 12/14</p> <p>5. Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm (Bước tăng 5mm)</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC và FDA</p> <p>* Xuất xứ các nước G7</p>
90	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chòm Ceramic on Ceramic chuỗi phủ HA - P90	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chòm Ceramic on Ceramic chuỗi phủ HA	Bộ	10	<p>1. Ổ cối: hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, phủ HA độ xốp 30% độ dày 114µm, gồm đường kính các cỡ từ 44mm-70mm, bước tăng 2mm</p> <p>2. Lớp lót bằng Rim-Lock Ceramic, có bề chống trật 0 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Rim-Lock. Đường kính 42-68mm</p> <p>3. Đầu xương đùi làm bằng Biolox Delta đường kính các cỡ 28, 32, 36, 40mm. Lõi điều chỉnh được (+0mm, ±3,5mm, ±4mm)</p> <p>4. Cuống xương đùi với góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm). Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (38- 45mm), cổ trung (43-50mm), cổ dài (46 - 53mm). Thân chuỗi Titanium Alloy phủ lớp Hydroxyapatite (HA). Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm. M/L With 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ côn 12/14</p> <p>5. Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm (Bước tăng 5mm)</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC và FDA</p> <p>* Xuất xứ các nước G7</p>
91	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi Filler phủ HA Ceramic on Ceramic - P91	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi Filler phủ HA Ceramic on Ceramic	Bộ	10	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>1. Chuôi khớp không xi măng : Chất liệu: hợp kim Titanium (TA6V ELI), được phủ 2 lớp gồm 1 lớp titanium xốp cao cấp kết hợp phủ lớp HA (hydroxyl apatite) toàn thân làm tăng khả năng kích thích tạo xương tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136, cổ 5°42'30" góc 135 độ, côn 12/14, độ dài cổ 42.43mm. Các rãnh chéo có độ sâu: 1mm, các rãnh dọc có độ sâu: 0,35mm, và các rãnh ngang. Các cỡ và chiều dài tương ứng là: 9x130mm, 10x140mm, 11x145mm, 12x150mm, 13x155mm, 14x160mm, 15x165mm, 16x170mm, 18x180mm, 20x190mm.</p> <p>Khoảng cách bán kính thẳng góc của cổ và Chuôi khớp (Offset) tương ứng là: 9x41.5mm, 10x42.3mm, 11x43.1mm, 12x43.9mm, 13x44.8mm, 14x45.6mm, 15x46.4mm, 16x47.2mm, 18x48mm, 20x48.9mm.</p> <p>2. Ổ cối không xi măng: Vật liệu TA6V ELI, phủ HA (hydroxyl apatite). Có 10 cỡ đường kính: 44 - 62mm bước tăng 2 có 5 lỗ để bắt vít.</p> <p>3. Lót ổ cối: Chất liệu Biolox Delta® Ceramic có 4 cỡ: Lót ổ cối dùng với chòm đường kính 28mm/32mm/36mm.</p> <p>4. Vít ổ cối: Chất liệu hợp kim titanium TA6V ELI đường kính 6.5mm dài từ 15;20;25;30;35;30;45;50 mm .</p> <p>5. Chòm khớp: Chất liệu Alumina (Biolox Delta®) CERAMIC: 74% alumina (Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>) + 24% zirconia (ZrO<sub>2</sub>) + 2% chromium oxide (Cr<sub>2</sub>O<sub>3</sub>)</p> <p>Đường kính chòm 28mm, 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p>Đường kính 28mm chiều dài đầu chòm : - 3.5 /0/ +3.5 mm.</p> <p>Đường kính 32mm chiều dài đầu chòm: -4/0/+4/+7mm</p> <p>Đường kính 36mm/40mm chiều dài đầu chòm: -4/0/+4/+8mm</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. Xuất xứ: G7</p>

92	Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate (CaP) HX, LCU-MobileLink, Ceramic on Ceramic - P92	Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate (CaP) HX, LCU-MobileLink, Ceramic on Ceramic	Bộ	5	<p>01. Cuồng xương đùi LCU (Ti6Al4V):          Bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm), bên trong là hợp kim titanium Ti6Al4V, chuôi dạng thẳng, có các rãnh dọc, rãnh ngang chống lún, chống xoay; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang giúp cố định vững chắc, bảo tồn xương vùng máu chuyển, tương thích giải phẫu học, đầu chuôi dạng Taper: 12/14 mm, được đánh bóng đầu chuôi, góc cổ thân chuôi:130 độ, có các cỡ/chiều dài 8/115mm, 9/130mm, 10/140mm, 11/145mm, 12/150mm, 13/155mm, 14/160mm, 15/165mm, 16/170mm, 18/180mm, 20/190mm.</p> <p>02. Đầu xương đùi gốm (ceramic):          Kích cỡ: 28(-3.5,0,+3.5)mm,32(-4,0,+4)mm, 36 (-4,0,+4)mm, 40 (-4,0,+4)mm</p> <p>3. Lớp đệm gốm (BIOLOX delta ceramic) các cỡ:          đường kính trong 28mm (ổ cối 42 - 44mm)          đường kính trong 32mm (ổ cối 46 - 48mm)          đường kính trong 36mm (ổ cối 50 - 52mm)          đường kính trong 36,40mm (ổ cối 54 - 72mm)</p> <p>04.Ổ cối MobileLink loại press fit chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V) phủ ngoài lớp Plasma (công nghệ phun Plasma tinh khiết) hoặc phủ Calcium phosphate (TiCaP). Có 3 lỗ bắt vít hỗ trợ hoặc nhiều lỗ bắt vít hỗ trợ dành cho các ca thay lại. Tương thích với cả lớp đệm loại chuyển động đôi, lớp đệm tăng offset để chuyển đổi trong phẫu thuật.          Có 16 cỡ từ 42-72mm mỗi bước tăng 2mm.</p> <p>05. Vít ổ cối có đường kính 6.5mm dài từ 15-80mm          Có bộ dụng cụ mô lồi trước          Có tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE</p>
93	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi dạng cong giải phẫu học (anatomic stem), góc cổ thân chuôi 126 độ, phủ calcium phosphate (CaP) HX, SPCL-MobileLink, Ceramic on Ceramic - P93	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi dạng cong giải phẫu học (anatomic stem), góc cổ thân chuôi 126 độ, phủ calcium phosphate (CaP) HX, SPCL-MobileLink, Ceramic on Ceramic.	Bộ	5	<p>01. Cuồng xương đùi SP-CL hợp kim Tilastan-S (Ti6Al4V) :          Thiết kế dạng cong theo giải phẫu học xương đùi, bên ngoài phủ lớp HX ®(điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm)          Rãnh chống lún, xoay.          Hệ thống chuôi riêng biệt theo 2 bên trái/phải xương đùi 16 size.          Góc cổ thân chuôi CCD 126 độ, đầu chuôi dạng taper 12/14.</p> <p>02. Đầu xương đùi gốm (ceramic):          Kích cỡ: 28(-3.5,0,+3.5)mm, 32(-4,0,+4)mm, 36 (-4,0,+4)mm, 40 (-4,0,+4).</p> <p>3. Lớp đệm gốm (BIOLOX delta ceramic) các cỡ:          đường kính trong 28mm (ổ cối 42 - 44mm)          đường kính trong 32mm (ổ cối 46 - 48mm)          đường kính trong 36mm (ổ cối 50 - 52mm)          đường kính trong 36,40mm (ổ cối 54 - 72mm)</p> <p>04.Ổ cối MobileLink loại press fit chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V) phủ ngoài lớp Plasma (công nghệ phun Plasma tinh khiết) hoặc phủ Calcium phosphate (TiCaP). Có 3 lỗ bắt vít hỗ trợ hoặc nhiều lỗ bắt vít hỗ trợ dành cho các ca thay lại. Tương thích với cả lớp đệm loại chuyển động đôi, lớp đệm tăng offset để chuyển đổi trong phẫu thuật.          Có 16 cỡ từ 42-72mm mỗi bước tăng 2mm.</p> <p>05. Vít ổ cối có đường kính 6.5mm dài từ 15-80mm          Có bộ dụng cụ mô lồi trước          Có tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE</p>

94	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng UTF-reduced góc cổ chuôi 130 độ, Ceramic on Ceramic (kích thước chòm 28/32/36/40) - P94	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng UTF-reduced góc cổ chuôi 130 độ, Ceramic on Ceramic (kích thước chòm 28/32/36/40)	Bộ	10	<p>1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám dày 0.3 mm và phủ HA 0.08mm. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có 2 loại: ít lỗ vít (Cluster) hoặc nhiều lỗ vít (Multi hole), có 14 cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển 2mm. Chạm ổ cối có 2 dấu laser giúp định hướng lỗ bắt vít ổ cối. Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ. Các lỗ vít có nút chặn.</p> <p>2. Lớp lót: bằng Ceramic Biolox Delta thế hệ mới có các cỡ 28mm, 32mm, 36mm, 40mm tương thích với các chòm tiêu chuẩn.</p> <p>3. Chòm xương đùi Ceramic Biolox Delta: có hình cầu, taper 12/14 và các cỡ: 28mm (-2.5mm, +1mm, +4mm), 32mm (-3mm, +1mm, +5mm; +8mm), chòm lớn 36mm (-3mm, +1mm, +5mm; +9mm) và 40mm (-3mm, +1mm, +5mm, +9mm) giúp biên độ vận động lên tới 229°</p> <p>4. Chuôi xương đùi: loại cổ định đầu gần, dạng nêm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám dày 0.5mm, đầu taper 12/14.</p> <p>Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm và đến 43.5mm</p> <p>Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 16 cỡ từ #00;#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14,tương ứng với chiều dài từ 114mm ;120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ;#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14, tương ứng với chiều dài từ 120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm).</p> <p>5. Vít ổ cối : làm bằng Titanium (số lượng: 02 cái): mũ lục lăng, đường kính 6.5mm với các độ dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm, 40mm, 45mm, 50mm.</p> <p>Bộ khớp có chứng nhận tiêu chuẩn FDA, PMDA và CE/ISO.</p>
95	Khớp háng toàn phần không xi măng, hình côn 3 mặt giải phẫu, cá nhân hóa góc cổ chuôi, chuôi phủ Plasma (COC) - P95	Khớp háng toàn phần không xi măng, hình côn 3 mặt giải phẫu, cá nhân hóa góc cổ chuôi, chuôi phủ Plasma (COC)	Bộ	5	<p>1. Chuôi khớp: Vật liệu: Hợp kim titan Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3, phủ titanium nguyên chất ở đầu gần. Thiết kế: Dạng hình côn ba mặt giải phẫu, vát thuôn dần 7° ở mặt trước-sau và mặt bên phần gần, 3° ở mặt bên phần xa với đường cắt xương khoảng 50°. Cổ chuôi: Taper 12/14 mm, phù hợp với nhiều loại chòm khớp. Góc cổ chuôi: Có 3 lựa chọn 122°, 132°, 142°, phù hợp với đa dạng hình thái giải phẫu. Có phiên bản chuôi dành cho bệnh nhân loạn sản khớp háng, cho phép điều chỉnh chiều dài chi lên đến 10 mm. Đầu chuôi: thiết kế lệch tâm, giúp tránh va chạm với xương trong quá trình đóng chuôi. Kích thước: Tối thiểu 12 cỡ chuôi (size 0-11), chiều dài từ 119.5 mm đến 149.5 mm.</p> <p>2. Chòm khớp háng: Chất liệu: sứ Biolox delta (aluminium oxide matrix ceramic). Kích cỡ: 12/14. Đường kính các cỡ 28mm, 32mm, 36mm và 40mm.</p> <p>3. Lớp lót ổ cối: Chất liệu: sứ Biolox delta (aluminium oxide matrix ceramic). Kích cỡ: phù hợp với các chòm khớp cỡ 28mm, 32 mm, 36 mm, 40mm và ổ cối cỡ từ 44-70mm.</p> <p>4. Ổ cối nhân tạo không xi măng: Chất liệu: hợp kim titanium Ti6Al4V. Bề mặt của ổ cối được phủ lớp titanium nguyên chất siêu nhám bằng công nghệ phun plasma trong môi trường chân không, lớp phủ dày khoảng 0,35mm với mật độ vi lỗ khoảng 50% gia tăng bề mặt tiếp xúc xương. Thiết kế: ổ cối hình vòm, dẹt phẳng ở phần đỉnh và có các gai mịn ở phần thân ổ cối hỗ trợ cố định vào xương. Bề mặt bên trong ổ cối phủ lớp titanium nhám để hạn chế chuyển động và ngăn chặn sự hình thành các hạt mài mòn ở mặt sau lớp lót ổ cối. Kích cỡ: Gồm tối thiểu các cỡ từ 44mm - 70mm. Có tối thiểu 3 lỗ bắt vít. Dùng được cho cả lớp lót polyethylene, ceramic và chuyển động đôi.</p> <p>5. Vít ổ cối: Chất liệu: hợp kim titanium Ti6Al4V. Thiết kế: vít tự-cắt, xoay quanh trục +/- 9°. Kích cỡ: Đường kính cỡ 6.5mm; chiều dài khoảng từ 16-68mm, bước tăng 4mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.</p> <p>-Tặng kèm stapler bấm khâu da sau ca phẫu thuật</p>

1  
 2  
 3  
 4  
 5  
 6  
 7  
 8  
 9  
 10  
 11  
 12  
 13  
 14  
 15  
 16  
 17  
 18  
 19  
 20  
 21  
 22  
 23  
 24  
 25  
 26  
 27  
 28  
 29  
 30  
 31  
 32  
 33  
 34  
 35  
 36  
 37  
 38  
 39  
 40  
 41  
 42  
 43  
 44  
 45  
 46  
 47  
 48  
 49  
 50  
 51  
 52  
 53  
 54  
 55  
 56  
 57  
 58  
 59  
 60  
 61  
 62  
 63  
 64  
 65  
 66  
 67  
 68  
 69  
 70  
 71  
 72  
 73  
 74  
 75  
 76  
 77  
 78  
 79  
 80  
 81  
 82  
 83  
 84  
 85  
 86  
 87  
 88  
 89  
 90  
 91  
 92  
 93  
 94  
 95  
 96  
 97  
 98  
 99  
 100

96	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore, Ceramic On Ceramic - P96	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore, Ceramic On Ceramic	Bộ	5	<p>Stem:có taper 8/10 &amp; 12/14, đường cắt xương 55°, có cánh &amp; rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gân được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore <math>\mu</math>-CaP ( calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp,</p> <p>* Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm.</p> <p>- Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi) 145-190mm.</p> <p>* Ổ cối: Phủ công nghệ độc quyền Plasmapore CaP giúp mau liền xương từ 8-12 tuần, có các size từ 40mm - 70mm, có 3 lỗ bắt vít hướng 11h, 12h, 13h. Chất liệu Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3).</p> <p>* Liner: Chất liệu bằng BioloX® delta Aluminium Oxide matrix ceramic thế hệ mới nhất. Liner 40mm-46mm sử dụng head có đường kính 28mm, Liner 48mm-50mm sử dụng head có đường kính 32mm, Liner 52mm-54mm sử dụng head có đường kính 36mm, Liner 56mm -70mm sử dụng cho head 40mm</p> <p>* Head: Chất liệu bằng BioloX® delta Aluminium Oxide matrix ceramic. Có các size 28mm, 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p>* Vít: có các size 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, 44mm chất liệu ISOTAN® F Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3), góc xoay đa hướng +/- 9°</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO, CE</p> <p>-- Tặng kèm stapler bấm khâu da sau ca phẫu thuật</p>
97	Bộ khớp háng Toàn phần ceramic on ceramic - P97	Bộ khớp háng Toàn phần ceramic on ceramic	Bộ	5	<p>1/ Chuôi khớp: Chất liệu: Titanium alloy. Có lớp phủ phản ứng sinh học: 250 <math>\mu</math>mTi+ HA 50 <math>\mu</math>m. Góc cổ 135°. Vai chuôi có dát thích ứng với phương pháp rạch ít xâm lấn phù hợp tối ưu, bảo tồn xương. Chiều dài thân chuôi từ 115 - 190mm tương ứng 11 cỡ. Base offset khoảng từ 38 - 42.8mm. Chiều dài cổ 38.2mm.</p> <p>2/ Ổ cối: Chất liệu: Titanium alloy +Titanium. Đường kính Ngoài/(Trong) tương ứng: Ngoài: 44mm (Trong 36mm) - 64mm (Trong 54mm); bước tăng 2mm.</p> <p>3/ Lót ổ cối: Chất liệu: Ceramic. Đường kính Ngoài/(Trong) tương ứng: Ngoài: từ 36 - 38mm (Trong 28mm), từ 40 - 42mm (Trong 32mm), từ 44 - 54mm (Trong 36mm); bước tăng 2mm.</p> <p>4/ Đầu xương đùi (Femoral head): Chất liệu: Ceramic. Kích thước: 28, 32 và 36mm, tương ứng 4 cỡ S, M, L, XL(loại 32 và 36mm). Chiều dài cổ tương ứng các cỡ:</p> <p>- Loại kích thước 28mm: -3.5, 0, +3.5mm.</p> <p>- Loại kích thước 32 và 36mm: -4, 0, +4, +8mm.</p> <p>5/ Vít cho ổ cối: Chất liệu: Titanium alloy. Đường kính 6.3mm. Chiều dài 15 - 40mm, bước tăng 5mm.</p> <p>6/ Nút lỗ đi kèm: Chất liệu: Titanium alloy. Đường kính 10mm. Chiều dài 4mm.</p> <p>7/ Nút lỗ vít: Chất liệu: Titanium alloy. Đường kính 8mm. Chiều dài 3mm.</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích.</p>

98	Khớp háng toàn phần không xi măng -Ceramic on Ceramic, toàn bộ bề mặt được phủ lớp HA 100 ± 20µm - P98	Khớp háng toàn phần không xi măng -Ceramic on Ceramic, toàn bộ bề mặt được phủ lớp HA 100 ± 20µm	Bộ	10	<p>Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic</p> <p>1. Cuống xương đùi (Stem):          - Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V), grade 5ELI (ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100±20µm, Kích cỡ: 9 cỡ từ 1-9 chiều dài: 1x127, 2x137, 3x142, 4x147, 5x152, 6x157, 7x162, 8x167, 9x177mm.          - Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuôi 135° và 125°, cổ chuôi dài 41mm/ 42mm; offset 37-43mm/ 44-50mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Taper 12/14 (góc 5°42'30").</p> <p>2. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):          - Chất liệu: Ceramic BioloX Delta (ISO 6474), chòm 28mm (-3.5, +0, +3.5), 32mm (-4, +0, +4, +7), 36mm (-4, +0, +4, +8), 40mm (-4, +0, +4, +8) gồm; S, M, L, XL</p> <p>3. Ổ cối (Acetabular):          - Chất liệu: Ti6Al4V grade 5 ELI (ISO 5832-3), phủ Plasma Ti-Growth-C titanium Plasma Spray (400±100 micron) hoặc Titanium Y 367 (300±100micron); kích thước từ 44mm-72mm,          - Có 3 vây cá ở vị trí 70 độ mỗi bên, chống xoay, bề mặt nhám tổ ong; 3 lỗ vít thiết kế lệch trục lên đến 15 độ, cơ chế khóa lớp đệm bằng Neo hình nón (conical Anchor) ngăn chặn các vi chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Tương thích với mũi khoan 4,5mmx56mm (Drill bit)</p> <p>4. Lớp lót (Liner):          - Chất liệu: Ceramic BioloX Delta (ISO 6474), đường kính 28,32,36,40mm. Kích thước: 44-46mm, 48-50mm, 52-54mm, 56-58mm.</p> <p>5. Vít ổ cối:          - Chất liệu: Titanium, đường kính 6,5mm và dài 20-60mm.          Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng          Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE          Xuất xứ: G7</p>
99	Khớp háng toàn phần không xi măng chuôi phủ HA toàn phần, ceramic on ceramic, chòm ceramic 32/36/40mm, Ổ cối phủ HA trên ổ cối có 3 lỗ để bắt vít, góc cổ chuôi 135° - P99	Khớp háng toàn phần không xi măng chuôi phủ HA toàn phần, ceramic on ceramic, chòm ceramic 32/36/40mm, Ổ cối phủ HA trên ổ cối có 3 lỗ để bắt vít, góc cổ chuôi 135°.	Bộ	10	<p>1. Chuôi:          - Chất liệu: Titan TiAl6V4 phủ HA có độ dày 155 ± 30 µm toàn phần, độ xốp ≤ 10%, Cấu tạo TiAl6V4 alloy phủ tổ ong 60% bề mặt 330 - 390µm          - Kích thước: 11 cỡ trung bình          - Góc cổ thân: 135 độ. Taper 12/ 14 mm. Cỡ chuôi 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20. tương ứng          114,5mm/129,5mm/139,4mm/144,4mm/149,4mm/154,3mm/159,4mm/164,4mm/169,4mm/179,4mm/189,4mm.          Rộng A/P: 26.7/27.9/29.1/30.3/31.5/32.4/33.3/34.9/36.1/38.1/40.1. M/L: 13.3/13.3/14.3/14.7/15.2/15.5/16.3/16.8/16.8/18.7/20.1.          Cuối thân A/P: 5.5/5.2/6/7/7.8/8.3/9.3/10.3/10.8/11.9/12.8.          M/L: 7/8/9/9.5/10/10/10/10/11/11.          Có các cỡ offset: 38.5/ 39/ 39.5/ 40/ 40.5/ 41/ 41.5/ 42/ 42.5/ 43.5/ 44.5mm.</p> <p>2. Chòm:          - Chất liệu: BIOLOX® delta* CERAMIC (sứ) (Al2O3 và ZrO3)          - Đường kính: 32(S-XL), 36(S-XL) mm. 40(S-L)</p> <p>3. Ổ cối:          - Vật liệu: TiAl6V4, có phủ HA. Kích thước: 46/48/50/52/54/56/ 58/60/62/64/66/68mm với bước tăng 2mm. Có 3 lỗ bắt vít ổ cối có nút bịt, góc bắt vít ổ cối lên tới 15°.</p> <p>4. Miếng lót ổ cối:          - Chất liệu: Lớp đệm chất liệu Ceramic (Al2O3 và ZrO3)          Đường kính trong/ngoài: 32/39-44-48-52mm, 36/44-48-52mm, 40/48-52mm</p> <p>5. Vít ổ cối          - Chất liệu: TiAl6V4. Kích thước: 15-50mm bước tăng 5mm, đường kính 6.5mm          Tiêu chuẩn: ISO, CE</p>

100	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic, Ổ cối đóng ép - P100	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic, Ổ cối đóng ép	Bộ	10	<p>Kết hợp với dụng cụ mổ lõi trước.</p> <p>1. Ổ cối Variocup Pressfit: Dạng nén ép với nhiều răng nén ép, chất liệu hợp kim Titanium Ti-6AL-4V với cơ chế khóa ổ trục chịu lực, có lỗ bắt 3 vít, gồm đường kính các cỡ từ 42mm - 68mm, bước tăng 2mm.</p> <p>2. Lớp lót Ceramic: Chất liệu Ceramic (Alumina - Zirconia ISO6474-2), Có kích cỡ 28mm, 32mm, 36mm, 40 mm. tương thích với ổ cối từ 44mm đến 64mm</p> <p>3. Chỏm xương đùi: chất liệu Ceramic ( Alumina - Zirconia ISO 6474-2 ), 28mm (-3,5mm, 0mm, +3,5mm), 32mm (-4mm, 0mm, +4mm, +7mm), 36mm (-4mm, 0mm, +4mm, +8mm), 40mm (-4mm, 0mm, +4mm, +8mm). Taper 12/14</p> <p>4. Chuôi khớp không dùng xi măng: VarioLoc HA Pressfit chất liệu Titanium Alloy Ti-6AL-4V phủ HA toàn thân. Rãnh ngang chống lún và rãnh dọc chống xoay với đường cắt xương 41 độ. Góc cổ thân 131°, cổ chuôi 12/14mm, có 10 cỡ: 7.5:114mm(offset C:31mm;D:36mm), 9:117mm(offset C:31mm;D:37mm), 10:119mm(offset C:34mm;D:40mm), 11:121mm(offset C:34mm;D:41mm), 12.5:124mm(offset C:34mm;D:41mm), 13.5:126mm(offset C:37mm;D:45mm), 15:129mm(offset C:37mm;D:45mm), 16:132mm(offset C:37mm;D:46mm), 17,5:134mm(offset C:37mm;D:47mm), 20:139mm(offset C:37mm;D:48mm).</p> <p>5. Vít bắt ổ cối Titanium tự Taro có đường kính 6.5mm chiều dài từ 15-70mm.</p> <p>6. Nút vít chặn.</p> <p>7. Vít chặn</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO, CE</p>
101	Khớp háng toàn phần không xi măng COC, chuôi có rãnh dọc chống xoay, phun plasma rỗ tổ ong. Ổ cối phun plasma tổ ong 30% độ xốp - P101	Khớp háng toàn phần không xi măng COC, chuôi có rãnh dọc chống xoay, phun plasma rỗ tổ ong. Ổ cối phun plasma tổ ong 30% độ xốp	Bộ	10	<p>* Cuống xương đùi: Hợp kim Titanium (Ti6Al4V) phủ Ti-Plasma rỗ tổ ong, chuôi tiết diện hình chữ nhật, có rãnh dọc chống xoay, được vát thuôn dần hai bên 5°; hai mặt trước-sau 2° làm tăng độ chịu nén, chống lún. Góc cổ chuôi 132°. Neck Taper 12/14 mm, có 11 kích cỡ, dài 137 - 177mm</p> <p>* Ổ cối: hybrid cup vật liệu Titanium, phủ Titanium - Plasma dạng rỗ tổ ong với hơn 30% độ xốp, hình bán cầu, có 3 lỗ bắt vít, có 10 kích cỡ 44 - 74mm.</p> <p>* Lớp đệm: Ceramic (Sứ) thể hệ 4 (Màu hồng), đường kính trong Ø32-36mm, đường kính ngoài phù hợp ổ cối. Đặc tính cơ học cao, chống mài mòn tốt</p> <p>* Đầu xương đùi: Ceramic (Sứ) thể hệ 4 (Màu hồng) được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size Ø32-36mm (S, M, L).</p> <p>* Vít: Titanium đường kính Ø6,4mm, chiều dài 15 - 60mm.</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE/FDA</p>
102	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic On Ceramic, có lớp phủ Ti độ dày lớn, phủ HA toàn chuôi - P102	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic On Ceramic, có lớp phủ Ti độ dày lớn, phủ HA toàn chuôi	Bộ	10	<p>* Cuống xương đùi: loại H, vật liệu hợp kim Titanium, phủ HA toàn chuôi dày 155µm, thiết kế rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Góc cổ chuôi 135°, Neck Taper 12/14, có 10 kích cỡ T09 - T20, chiều dài 130 - 190mm, tiêu chuẩn ISO 5832-3.</p> <p>* Ổ cối : vật liệu Titanium (Ti6V4 ELI) ISO 5832-3, phun Titanium rỗ tổ ong có độ xốp cao dày 350µm, có 03 lỗ bắt vít. Có 10 kích cỡ ổ cối Ø46 - 64mm</p> <p>* Lớp đệm: Ceramic thể hệ 4 (màu hồng) (ISO 6474-2), đường kính trong Ø32, 36, 40mm, đường kính ngoài phù hợp ổ cối.</p> <p>* Đầu xương đùi: Ceramic cao cấp thể hệ 4 (màu hồng) (ISO 6474-2), dạng hình cầu, size 32; 36; 40mm</p> <p>* Vít neo: Titanium, Ø6.0mm, dài 20 - 45mm</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE</p> <p>Xuất xứ Châu Âu</p>

103	Khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic on Ceramic - P103	Khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic on Ceramic	Bộ	5	<p>Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic</p> <p>1. Đầu chỏm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Biolox Delta vật liệu: Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>-ZrO<sub>2</sub> (ISO 6474), đường kính 28,32,36mm; gồm: S (-4), S (-3.5), M (+0), L (+3.5), L (+4), XL (+7)</p> <p>2. Ổ cối (Acetabular): - Chất liệu: Titanium-Vanadium : Sandblasted, phủ Ti 100µm và HA 90µm. Kích cỡ từ 40-64mm, bước tăng 2mm - Dạng Ellip đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tích tiếp xúc lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 11h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, đỉnh bờ chống trật vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp đa răng. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm.</p> <p>3. Cuống xương đùi (Stem): - Chất liệu: Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb (ISO 5832-11), sandblasted 5µm và phủ HA 80µm. Kích cỡ: 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN,0SN,1SN,...10SN. Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm so với cỡ chuẩn; góc cổ thân 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 37.9-48mm; - Dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip</p> <p>4. Lớp lót (Liner): - Chất liệu: Biolox Delta vật liệu: Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>-ZrO<sub>2</sub> (ISO 6474). Kích cỡ: đường kính 32,36mm</p> <p>5. Vít ổ cối - Chất liệu Titanium. Kích cỡ: đường kính 6.5mm, dài 20-45mm. Tương thích với Bộ trợ cụ định vị di động AMIS, kỹ thuật mổ lối trước ít xâm lấn Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE Xuất xứ: Châu Âu</p>
104	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic, thân chuôi phủ 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatite (HA) 100µm - P104	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic, thân chuôi phủ 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatite (HA) 100µm.	Bộ	10	<p>1. Cuống xương đùi (Stem): + Chất liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatite (HA) 100µm, thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Kích thước: có 12 kích cỡ từ 7 đến 20. Chiều dài tương ứng: 110mm, 115mm, 120mm, 125mm, 130mm, 135mm, 140mm, 145mm, 150mm, 155mm, 160mm, 170mm. Offset tương ứng 35,1/ 36,0/ 37,5/ 39,4/ 40,4/ 41,5/ 41,9/ 42,4/ 43,1/ 43,9/ 44,9/ 45,3. Chiều dài cổ chuôi từ 38mm đến 38,5mm. Góc cổ chuôi: phổ biến ở hai góc độ 135°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối với đầu xương đùi.</p> <p>2. Đầu xương đùi (Head): + Chất liệu Ceramic Composite, kích thước 32mm (-4, +0, +4), 36mm (-4, +0, +4).</p> <p>3. Ổ cối (Cup): + Chất liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ 2 lớp theo công nghệ Plasma Sprayed porous Titanium (400µm - 600µm) và Calcium HydroxyApatite (HA) 80µm cho độ nhám cao. Thiết kế 4 lỗ bắt vít trên một cung không đối 120°. Kích cỡ: từ 46-62mm.</p> <p>4. Lớp đệm (Insert): + Chất liệu: Ceramic (hợp chất Alumina và Zirconia). Kích thước trong của lớp đệm: 32mm, 36mm, 40mm. + Có thiết kế đặc biệt: lớp đệm được thiết kế thấp hơn ổ cối 2.6mm giúp tăng biên độ vận động của khớp thêm tối đa 2°, đồng thời ngăn ngừa sự va chạm giữa cổ chuôi và lớp đệm làm giảm nguy cơ hỏng lớp đệm.</p> <p>5. Vít ổ cối (Screw): Chất liệu titanium TA6V, đường kính 6.0mm, chiều dài vít 20-50mm. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE. Xuất xứ: nhóm G7.</p>

105	Khớp háng toàn phần Ceramic on Ceramic, ổ cối 44 sử dụng chỏm 32, phủ 500µm Titanium nguyên chất xốp bằng công nghệ phun Plasma - P105	Khớp háng toàn phần Ceramic on Ceramic, ổ cối 44 sử dụng chỏm 32, phủ 500µm Titanium nguyên chất xốp bằng công nghệ phun Plasma.	Bộ	6	<p>1. Cuồng khớp: Chất liệu Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V)-ISO5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất xốp bằng công nghệ phun Plasma. Cấu trúc bề mặt có nhiều rãnh chạy dọc theo trục cuồng khớp. Kích cỡ: có 10 kích cỡ 6,25/137mm; 7,5/137mm; 8,75/139,5mm; 10/142mm; 11,25/146,5mm; 12,5/147mm; 13,75/151,5mm; 15/152mm; 17,5/162,5mm 20/162,5mm. Góc cổ chuôi: 135°, cổ côn 12/14 (góc trên 5°42'30"). Offset: 2 loại Standard (34,8mm; 36,1mm; 37,0mm; 37,4mm; 38,2mm; 38,7mm; 41,4mm); Lateralized (41,1mm; 42,4mm; 43,5mm; 43,7mm; 44,8mm; 45;47,7mm).</p> <p>- Phương pháp khử trùng tia bức xạ với lượng 25 kGy, hoặc phương pháp VH2O2</p> <p>2. Đầu chỏm xương đùi (Ceramic Ball Head):</p> <p>- Chất liệu: hỗn hợp Aluminium, Zirconia và một số oxydes khác (Al2O3+ZrO2), độ mài mòn thấp, khả năng chống ăn mòn cao, vật liệu tương thích sinh học.</p> <p>- Đường kính: 28mm (-3,5; +0; +3,5), 32mm (-4; +0; +4; +8 ), 36mm (-4; +0; +4; +8 ), 40mm (-4;+0; +4: +8).</p> <p>3. Ổ cối (Shell): Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) - ISO5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất bằng công nghệ phun Plasma.</p> <p>- Kích cỡ : có 15 kích cỡ từ 42–70mm với mỗi bước tăng 2mm. Phù hợp với tất cả các loại lớp đệm. Kết cấu: có hệ thống khóa giữ chặt lớp đệm, nút đẩy vít có thể tháo rời, vành ngoài mép có gờ để tối ưu hoá đóng press-fit. Ổ cối từ 42 sử dụng đầu chỏm xương đùi 28mm, ổ cối 44 đến 50 sử dụng đầu chỏm xương đùi 32mm, ổ cối 52 đến 70 sử dụng chỏm xương đùi 36, từ 56 đến 70 sử dụng đầu chỏm xương đùi 40mm.</p> <p>4. Lớp đệm (Ceramic liner): Chất liệu: hỗn hợp Alumina và Zirconia Oxide (Al2O3+ZrO2) - ISO6474. Kích thước: 28mm; 32mm; 36mm, 40mm.</p> <p>5. Vít ổ cối (Screw): hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V), đường kính 6.5mm, chiều dài: 20-50mm (mỗi bước tăng 5mm), 50-60mm (mỗi bước tăng 10mm).</p> <p>-Xuất xứ: Châu Âu</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO + CE</p>
106	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic, ổ cối 44 sử dụng chỏm 32, chuôi phủ 300µm Titanium + 50µm HA - P106	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic, ổ cối 44 sử dụng chỏm 32, chuôi phủ 300µm Titanium + 50µm HA	Bộ	6	<p>1. Cuồng khớp: Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Niobium (Ti6Al7Nb) - ISO5832/11. Lớp phủ: 2 lớp 300µm Titanium xốp nguyên chất + 50µm Hydroxyapatite bằng công nghệ phun plasma. Kết cấu: có nhiều rãnh dọc và ngang xung quanh thân cuồng khớp. Kích cỡ chuôi: có 12 kích cỡ từ 1/130,3mm; 2/140,3mm; 3/145,4mm; 4/150,4mm; 5/155,5mm; 6/160,5mm; 7/165,5mm; 8/170,4mm; 9/175,4mm; 10/179,9mm; 11/185,4mm; 12/190,4mm. Góc cổ chuôi: 12/14, 5°43'30". Chiều dài cổ chuôi (39mm; 41mm; 42mm, 43mm; 44mm; 45mm). Offset: có 2 loại offset Standard CCD: 135° (38,6mm; 39,3mm; 40mm; 40,8mm; 41,5mm; 42,2mm; 42,9mm; 43,6mm; 44,1mm; 45,6mm); Lateralized CCD: 127° (44,9mm; 45,5mm; 46,3mm; 47,0mm; 47,7mm; 48,4mm; 49,1mm; 49,8mm; 50,3mm;51,8mm). Phương pháp khử trùng tia bức xạ với lượng 25 kGy, hoặc phương pháp VH2O2.</p> <p>2. Đầu chỏm xương đùi (Ceramic Ball Head): Chất liệu: hỗn hợp Aluminium, Zirconia và một số oxydes khác (Al2O3+ZrO2), độ mài mòn thấp, khả năng chống ăn mòn cao, vật liệu tương thích sinh học. Đường kính: 28mm (-3,5; +0; +3,5), 32mm (-4; +0; +4; +8 ), 36mm (-4; +0; +4; +8 ), 40mm (-4;+0; +4: +8.).</p> <p>3. Ổ cối (Shell): Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) - ISO5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất bằng công nghệ phun Plasma. Kích cỡ : có 15 kích cỡ từ 42–70mm với mỗi bước tăng 2mm. Phù hợp với tất cả các loại lớp đệm. Kết cấu: có hệ thống khóa giữ chặt lớp đệm, nút đẩy vít có thể tháo rời, vành ngoài mép có gờ để tối ưu hoá đóng press-fit. Ổ cối từ 42 sử dụng đầu chỏm xương đùi 28mm, ổ cối 44 đến 50 sử dụng đầu chỏm xương đùi 32mm, ổ cối 52 đến 70 sử dụng chỏm xương đùi 36, từ 56 đến 70 sử dụng đầu chỏm xương đùi 40mm.</p> <p>4. Lớp đệm (Ceramic liner):- Chất liệu: hỗn hợp Alumina và Zirconia Oxide (Al2O3+ZrO2) - ISO6474. Kích thước: 28mm; 32mm; 36mm, 40mm.</p> <p>5. Vít ổ cối (Screw): hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V), đường kính 6.5mm, chiều dài: 20-50mm (mỗi bước tăng 5mm), 50-60mm (mỗi bước tăng 10mm).</p> <p>- Xuất xứ: Châu Âu - Tiêu chuẩn chất lượng ISO + CE</p>

107	Bộ khớp háng toàn phần (COC) - P107	Bộ khớp háng toàn phần (COC)	Bộ	10	<p>1. Ổ cối có 3 lỗ bắt vít (Cluster-holed), thiết kế dạng bán cầu, có 12 gờ chống xoay cách nhau 30 độ và gờ khóa lớp lót ổ cối nghiêng 18 độ  Vật liệu: hợp kim Tivanium, bên ngoài được phủ lớp titanium nguyên chất dạng sợi  Có 13 loại đường kính từ 44mm tới 68mm  Vít ổ cối:  Là loại tự ta-rô  Có các loại kích thước: 4.5 x 15mm, 4.5 x 40mm, 4.5 x 50mm, 4.5 x 60mm, 6.5 x 15mm, 6.5 x 40mm, 6.5 x 50mm, 6.5 x 60mm, 6.5 x 70mm, 6.5 x 80mm</p> <p>2. Lót ổ cối:  Vật liệu: gốm BIOLOX delta.  Đường kính ngoài: 44 - 80mm với mỗi bước tăng 2mm  Đường kính trong: 28, 32, 36, 40 mm</p> <p>3. Chôm khớp:  Vật liệu: Biolox delta ceramic  Kích thước:  - Đường kính 28mm, chiều dài cổ: -3.5, +0, +3.5  - Đường kính 32mm, chiều dài cổ: -3.5, +0, +3.5, +7  - Đường kính 36mm, chiều dài cổ: -3.5, +0, +3.5, +7  - Đường kính 40mm, chiều dài cổ: -3.5, +0, +3.5, +7</p> <p>4. Chuôi khớp háng:  Vật liệu Tivanium phủ Plasma dày 30µm - 70 µm  Góc cổ chuôi 131 độ, tối ưu hóa tầm vận động;  Cổ chuôi côn 12/14, loại cổ định đầu gân, có rãnh ở phía đầu xa tạo kênh giúp máu và mảnh xương có thể thoát ra ngoài trong quá trình phẫu thuật;  Chuôi được thiết kế giúp cố định trong-ngoài  Đầu xa được thiết kế bề mặt nhẵn bóng cao giúp dễ đưa chuôi vào lòng ống tủy;  Cổ chuôi dạng thuôn gọn phía dưới cổ côn 12/14 giúp tăng biên độ vận động;  Kích cỡ chuôi (Stem Size) có 14 cỡ từ 4 đến 22.5 mm  Chiều dài chuôi (Stem Length) có 14 cỡ từ 107mm đến 144mm  Độ dài cổ chuôi tiêu chuẩn có các cỡ -3.5, +0, +3.5, +7 và +10.5 tương ứng với 14 cỡ chuôi khác nhau</p>
-----	-------------------------------------	------------------------------	----	----	---



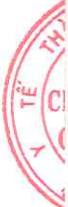
108	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi trung bình phủ titanium và HA không xi măng, Ceramic on ceramic - P108	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi trung bình phủ titanium và HA không xi măng, Ceramic on ceramic	Bộ	20	<p>1. Chuôi xương đùi: loại tự khoá, cổ có gờ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium, phủ 2 lớp: Titanium 120<math>\mu</math>m và Hydroxyapatite 80<math>\mu</math>m</li> <li>- Góc cổ chuỗi 135°, côn 12/14 - 5°40', cổ chuỗi hình elip và được đánh bóng gương</li> <li>- Kích cỡ: có 8 cỡ, size x chiều dài: 9 x 130mm, 10 x 140mm, 11 x 145mm, 12 x 150mm, 13 x 155mm, 14 x 160mm, 15 x 165mm, 16 x 170mm.</li> </ul> <p>2. Ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Hợp kim titanium aluminum vanadium, phủ 2 lớp: Titanium 120<math>\mu</math>m và Hydroxyapatite 80<math>\mu</math>m</li> <li>- Quanh viền có 4 đỉnh cố định chống xoay, đỉnh có 03 lỗ bắt vít. Kích cỡ: 46-62 bước tăng 2</li> </ul> <p>3. Lớp đệm Ceramic:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: BioloX Delta alumina/zirconia composite Ceramic, côn 18° 55'</li> <li>- Kích cỡ: có 3 cỡ</li> <li>+ Size 39 tương ứng với ổ cối 46, 48 và chòm đường kính 32mm</li> <li>+ Size 44 tương ứng với ổ cối 50, 52 và chòm đường kính 36mm</li> <li>+ Size 48 tương ứng với ổ cối 54-62 và chòm đường kính 36mm</li> </ul> <p>4. Đầu xương đùi (chòm) ceramic: vật liệu: BioloX delta alumina composite ceramic; đường kính 32mm (-4, 0, +4), 36mm (-4, 0, +4)</p> <p>5. Vít ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Hợp kim titanium aluminum vanadium; đường kính 5.5mm, chiều dài 20-45mm bước tăng 5mm</li> <li>* Đóng gói tiệt trùng</li> <li>* Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</li> </ul>
A		Khớp háng toàn phần không xi măng COP			
109	Khớp háng toàn phần không xi măng, ceramic on poly - P109	Khớp háng toàn phần không xi măng, ceramic on poly	Bộ	5	<p>1. Chuôi xương đùi: Chuôi dạng nêm thuận, được vát hai mặt phẳng với góc nghiêng 3 độ, có gờ dọc thân chuỗi, thiết diện phần gần được thiết kế với mặt trong bo tròn; mặt ngoài xòe rộng. Đầu xa dạng viên đạn được đánh bóng. Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). Lớp phủ bề mặt đoạn gần chuỗi phun plasma Titanium, xử lý phun cát tại vùng thân xương. Độ côn 12/14. Góc cổ chuỗi 132 độ. Có 10 kích cỡ chiều dài chuỗi từ 110mm đến 158mm. Cuồng cổ có 7 offset 39mm, 40mm, 42mm, 44mm, 45mm, 46mm, 47mm. Chiều dài cổ: 33mm, 35mm, 37mm, 38mm, 39mm và 40mm. Đường kính đầu xa: 10 kích cỡ từ 7mm đến 16mm.</p> <p>2. Chòm xương đùi Ceramic: Chất liệu: Ceramic Delta (gốm sinh học cao cấp) là loại vật liệu gốm thể hệ 4 bao gồm Zirconia (ZrO<sub>2</sub>) được gia cường bằng Alumina (Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>) có độ bền cơ học cao hơn so với Ceramic truyền thống. Kích cỡ: 28mm, 32mm, 36mm; có nhiều chiều dài cổ: S, M, L, XL tương ứng với -4, -3.5, 0, +3.5, +4, +8.</p> <p>3. Ổ cối: Chất liệu: Hợp kim Titanium. Bề mặt được phủ lớp plasma Titanium xốp xuất xứ từ Anh. Có 14 kích cỡ từ 38mm đến 64 mm. Mỗi bước tăng 2mm. Ổ cối sử dụng cơ chế khóa Innerchange, tạo ra sự liên kết chắc chắn giữa miếng lót polyethylene và ổ cối. Ổ cối tương thích với tất cả miếng lót là UHMWPE, HXLPE và Ceramic. Thiết kế 12 rãnh răng cưa trên vòng lót, có 3-5 lỗ bắt vít và có 2 lỗ bắt vít ở vị trí ụ ngoài giúp cúp cổ định, vững chắc hơn. Ổ cối sử dụng được big head, cup 46 - 48 sử dụng được head 32mm, cup 50 trở lên sử dụng được cup 36mm.</p> <p>4. Miếng lót ổ cối UHMWPE: Chất liệu: UHMWPE. Miếng lót được thiết kế để khóa cố định vào ổ cối thông qua một vòng khóa bao quanh, khớp vào rãnh liên kết tương ứng trên ổ cối. Tính ổn định xoay được đảm bảo khi các gờ chống xoay trên ổ cối ăn khớp với các rãnh trên miếng lót. Có gờ chống trượt</p> <p>5. Vít ổ cối: Xoay đa hướng, tự taro. Chất liệu: Hợp kim Titanium. Kích cỡ: Đường kính 6,5mm; có 12 kích cỡ chiều dài từ 15mm đến 70mm (mỗi bước tăng 5mm).</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.</p>

110	Khớp háng toàn phần không xi măng, lớp lót HXLPE, ceramic on poly - P110	Khớp háng toàn phần không xi măng, lớp lót HXLPE, ceramic on poly	Bộ	5	<p>1. Chuôi xương đùi: Chuôi dạng nêm thuôn, được vát hai mặt phẳng với góc nghiêng 3 độ, có gờ dọc thân chuôi, thiết diện phần gần được thiết kế với mặt trong bo tròn; mặt ngoài xòe rộng. Đầu xa dạng viên đạn được đánh bóng. Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). Lớp phủ bề mặt đoạn gần chuôi phun plasma Titanium, xử lý phun cát tại vùng thân xương. Độ côn 12/14. Góc cổ chuôi 132 độ. Có 10 kích cỡ chiều dài chuôi từ 110mm đến 158mm. Cuống cổ có 7 offset 39mm, 40mm, 42mm, 44mm, 45mm, 46mm, 47mm. Chiều dài cổ: 33mm, 35mm, 37mm, 38mm, 39mm và 40mm. Đường kính đầu xa: 10 kích cỡ từ 7mm đến 16mm.</p> <p>2. Chôm xương đùi Ceramic: Chất liệu: Ceramic Delta (gốm sinh học cao cấp) là loại vật liệu gốm thể hệ 4 bao gồm Zirconia (ZrO<sub>2</sub>) được gia cường bằng Alumina (Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>) có độ bền cơ học cao hơn so với Ceramic truyền thống. Kích cỡ: 28mm, 32mm, 36mm; có nhiều chiều dài cổ: S, M, L, XL tương ứng với -4, -3.5, 0, +3.5, +4, +8.</p> <p>3. Ổ cối: Chất liệu: Hợp kim Titanium. Bề mặt được phủ lớp plasma Titanium xấp xuất xứ từ Anh. Có 14 kích cỡ từ 38mm đến 64 mm. Mỗi bước tăng 2mm. Ổ cối sử dụng cơ chế khóa Innerchange, tạo ra sự liên kết chắc chắn giữa miếng lót polyethylene và ổ cối. Ổ cối tương thích với tất cả miếng lót là UHMWPE, HXLPE và Ceramic. Thiết kế 12 rãnh răng cưa trên vòng lót, có 3-5 lỗ bắt vít và có 2 lỗ bắt vít ở vị trí ụ ngoài giúp cúp cố định, vững chắc hơn. Ổ cối sử dụng được big head, cup 46 - 48 sử dụng được head 32mm, cup 50 trở lên sử dụng được cup 36mm.</p> <p>4. Miếng lót ổ cối HXLPE: Chất liệu: HXLPE (Polyethylene PE có độ liên kết chéo cao). Miếng lót được thiết kế để khóa cố định vào ổ cối thông qua một vòng khóa bao quanh, khớp vào rãnh liên kết tương ứng trên ổ cối. Tính ổn định xoay được đảm bảo khi các gờ chống xoay trên ổ cối ăn khớp với các rãnh trên miếng lót. Có gờ chống trật.</p> <p>5. Vít ổ cối: Xoay đa hướng, tự taro. Chất liệu: Hợp kim Titanium. Kích cỡ: Đường kính 6,5mm; có 12 kích cỡ chiều dài từ 15mm đến 70mm (mỗi bước tăng 5mm).</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.</p>
111	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ HA toàn thân, ceramic on poly - P111	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ HA toàn thân, ceramic on poly	Bộ	5	<p>1. Chuôi xương đùi: Thiết kế vai bên có độ nghiêng thấp giúp dễ dàng đưa chuôi vào qua đường mổ nhỏ, đặc biệt là trong phương pháp mổ tiếp cận lối trước. Chuôi nhỏ có đầu xa đường kính 5.5mm, có rãnh ngang, rãnh dọc. Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). Có lớp phủ kép plasma Titanium dày 50mm và HA dày 150mm. Độ côn: 12/14. Góc cổ chuôi 135 độ. Có 11 cỡ chiều dài chuôi từ 115mm đến 190mm, chiều dài cổ 3 kích thước 35mm, 38mm và 41mm. Có 11 cỡ offset từ 32mm-44.1mm. Đường kính đầu xa: 11 kích cỡ từ 5,5mm - 13,4mm của từng bệnh nhân.</p> <p>2. Chôm xương đùi Ceramic: Chất liệu: Ceramic Delta (gốm sinh học cao cấp) là loại vật liệu gốm thể hệ 4 bao gồm Zirconia (ZrO<sub>2</sub>) được gia cường bằng Alumina (Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>) có độ bền cơ học cao hơn so với Ceramic truyền thống. Kích cỡ: 28mm, 32mm, 36mm; có nhiều chiều dài cổ: S, M, L, XL tương ứng với -4, -3.5, 0, +3.5, +4, +8.</p> <p>3. Ổ cối: Chất liệu: Hợp kim Titanium. Bề mặt được phủ lớp plasma Titanium xấp xuất xứ từ Anh. Có 14 kích cỡ từ 38mm đến 64 mm. Mỗi bước tăng 2mm. Ổ cối sử dụng cơ chế khóa Innerchange, tạo ra sự liên kết chắc chắn giữa miếng lót polyethylene và ổ cối. Ổ cối tương thích với tất cả miếng lót là UHMWPE, HXLPE và Ceramic. Thiết kế 12 rãnh răng cưa trên vòng lót, có 3-5 lỗ bắt vít và có 2 lỗ bắt vít ở vị trí ụ ngoài giúp cúp cố định, vững chắc hơn. Ổ cối sử dụng được big head, cup 46 - 48 sử dụng được head 32mm, cup 50 trở lên sử dụng được cup 36mm.</p> <p>4. Miếng lót ổ cối UHMWPE: Chất liệu: UHMWPE. Miếng lót được thiết kế để khóa cố định vào ổ cối thông qua một vòng khóa bao quanh, khớp vào rãnh liên kết tương ứng trên ổ cối. Tính ổn định xoay được đảm bảo khi các gờ chống xoay trên ổ cối ăn khớp với các rãnh trên miếng lót. Có gờ chống trật.</p> <p>5. Vít ổ cối: Xoay đa hướng, tự taro. Chất liệu: Hợp kim Titanium. Kích cỡ: Đường kính 6,5mm; có 12 kích cỡ chiều dài từ 15mm đến 70mm (mỗi bước tăng 5mm).</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.</p>

CÔNG TY TNHH  
 SẢN XUẤT  
 VÀ  
 THƯƠNG MẠI  
 HAN

112	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ HA toàn thân, lớp lót HXLPE, ceramic on poly - P112	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ HA toàn thân, lớp lót HXLPE, ceramic on poly	Bộ	5	<p>1. Chuôi xương đùi: Thiết kế vai bên có độ nghiêng thấp giúp dễ dàng đưa chuỗi vào qua đường mổ nhỏ, đặc biệt là trong phương pháp mổ tiếp cận lõi trước. Chuôi nhỏ có đầu xa đường kính 5.5mm, có rãnh ngang, rãnh dọc. Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). Có lớp phủ kép plasma Titanium dày 50mm và HA dày 150mm. Độ côn: 12/14. Góc cổ chuỗi 135 độ. Có 11 cỡ chiều dài chuỗi từ 115mm đến 190mm, chiều dài cổ 3 kích thước 35mm, 38mm và 41mm. Có 11 cỡ offset từ 32mm-44.1mm. Đường kính đầu xa: 11 kích cỡ từ 5,5mm - 13,4mm của từng bệnh nhân.</p> <p>2. Chỏm xương đùi Ceramic: Chất liệu: Ceramic Delta (gồm sinh học cao cấp) là loại vật liệu gốm thể hệ 4 bao gồm Zirconia (ZrO<sub>2</sub>) được gia cường bằng Alumina (Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>) có độ bền cơ học cao hơn so với Ceramic truyền thống. Kích cỡ: 28mm, 32mm, 36mm; có nhiều chiều dài cổ: S, M, L, XL tương ứng với -4, -3.5, 0, +3.5, +4, +8.</p> <p>3. Ổ cối: Chất liệu: Hợp kim Titanium. Bề mặt được phủ lớp plasma Titanium xấp xuất xứ từ Anh. Có 14 kích cỡ từ 38mm đến 64 mm. Mỗi bước tăng 2mm. Ổ cối sử dụng cơ chế khóa Innerchange, tạo ra sự liên kết chắc chắn giữa miếng lót polyethylene và ổ cối. Ổ cối tương thích với tất cả miếng lót là UHMWPE, HXLPE và Ceramic. Thiết kế 12 rãnh răng cưa trên vòng lót, có 3-5 lỗ bắt vít và có 2 lỗ bắt vít ở vị trí ụ ngồi giúp cúp cổ định, vững chắc hơn. Ổ cối sử dụng được big head, cup 46 - 48 sử dụng được head 32mm, cup 50 trở lên sử dụng được cup 36mm.</p> <p>4. Miếng lót ổ cối HXLPE: Chất liệu: HXLPE (Polyethylene PE có độ liên kết chéo cao). Miếng lót được thiết kế để khóa cổ định vào ổ cối thông qua một vòng khóa bao quanh, khớp vào rãnh liên kết tương ứng trên ổ cối. Tính ổn định xoay được đảm bảo khi các gờ chống xoay trên ổ cối ăn khớp với các rãnh trên miếng lót. Có gờ chống trượt.</p> <p>5. Vít ổ cối: Xoay đa hướng, tự taro. Chất liệu: Hợp kim Titanium. Kích cỡ: Đường kính 6,5mm; có 12 kích cỡ chiều dài từ 15mm đến 70mm (mỗi bước tăng 5mm).</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.</p>
113	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly - P113	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly	Bộ	20	<p>1. Cuống xương đùi: làm bằng hợp kim Titanium (Ti6Al4V) bên ngoài được phủ lớp Hydroxy apatite (HA) ≥70% , Độ kết dính ≥ 80% độ dày 120-190µm. Cổ côn (Taper) 12/14. Độ đi lệch cổ chuỗi (Offset): 38.2, 38.5, 39.5, 40.0, 41.0, 41.5, 42.0, 43.0, 43.5, 44.5. Góc cổ chuỗi 135°. Có 10 size, chiều dài thân chuỗi: 116, 131, 141, 146, 151, 156, 161, 166, 171, 181. Độ bền kéo &gt;15MPa</p> <p>2. Đầu xương đùi: Vật liệu: Chất liệu Ceramic. Kích cỡ: 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, có các size (S, M, L, XL)</p> <p>3. Ổ cối: Vật liệu: Ti6Al4V, bên ngoài được phủ một lớp Hidroxy apatite (HA) trên nền Titanium lỗ tổ ong độ dày 100 micron. Độ kết dính ≥ 80% ; Ca/P 1.67. Hàm lượng HA (%HAP) &gt; 70%. Độ nhám lớp phủ HA 40 micron, có 3 lỗ bắt vít hoặc nhiều lỗ bắt vít. Kích cỡ từ 44mm - 70mm (Bước tăng 2mm)</p> <p>4. Lớp đệm: Vật liệu: UHMWPE, liên kết chéo: chiếu xạ tia Grama ở 7.5 MRads. Loại: Neutral (0°), Hooded 10°, Hooded 20° và có độ nghiêng +4mm. Đường kính trong tương ứng 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. Tiệt trùng ETO</p> <p>5. Vít ổ cối: Đường kính 6.5 mm, chiều dài từ 15-70 mm (Bước tăng 5mm)</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và TGA</p> <p>* Xuất xứ tại nước châu âu</p>
114	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly - P114	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly	Bộ	20	<p>1. Ổ cối: hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, độ xấp 30%, độ dày 114µm, gồm đường kính các cỡ từ 44mm-70mm, bước tăng 2mm</p> <p>2. Lớp lót bằng X-Linked Poly (liên kết chéo), có bờ chống trượt 0 độ 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cổ định Rim-Lock.</p> <p>3. Đầu xương đùi làm bằng BioloX Delta đường kính 28, 32, 36, 40mm. Lõi điều chỉnh được (+0mm, ±3,5mm, ±4mm).</p> <p>4. Cuống xương đùi với góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ đi lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm). Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ đi lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (38- 45mm), cổ trung (43-50mm), cổ dài (46 - 53mm). Thân chuỗi Titanium Alloy, phun lớp Plasma (0.5mm) hoặc phủ lớp Hydroxyapatite. Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm. M/L With 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ côn 12/14</p> <p>5. Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm (Bước tăng 5mm)</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC và FDA</p> <p>* Xuất xứ các nước G7</p>

115	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly - P115	Khớp háng toàn phần không xi măng Aria Ceramic on Poly	Bộ	20	<p>1. Cuống xương đùi: Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti6AL4V), phủ bên ngoài Titanium-Plasma rỗ tổ ong. Độ dày của lớp phủ 195 - 255 <math>\mu\text{m}</math>. Có 2 loại cổ chuôi Standard và Hight Offset, góc cổ chuôi 132°. Cổ côn (Taper) 12/14. Có 13 size: từ 0 - 12, chiều dài chuôi từ 128mm, 130mm, 133mm, 136mm, 138mm, 140mm, 143mm, 145mm, 148mm, 151mm, 153mm, 158mm, 163mm. Cường độ kéo &gt; 22 MPA, Cường độ cắt &gt; 22 MPA.</p> <p>2. Đầu xương đùi: Vật liệu: Chất liệu Ceramic. Kích cỡ: 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, có các size (S, M, L, XL)</p> <p>3. Ổ cối: Vật liệu: Ti6Al4V, bên ngoài được phủ một lớp Hidroxy apatite (HA) trên nền Titanium lỗ tổ ong độ dày 100 micron. Độ kết dính <math>\geq 80\%</math>; Ca/P 1.67. Hàm lượng HA (%HAP) &gt; 70%. Độ nhám lớp phủ HA 40 micron, có 3 lỗ bắt vít hoặc nhiều lỗ bắt vít. Kích cỡ từ 44mm - 70mm (Bước tăng 2mm)</p> <p>4. Lớp đệm: Vật liệu: UHMWPE, liên kết chéo: chiếu xạ tia Grama ở 7.5 MRads. Loại: Neutral (0°), Hooded 10°, Hooded 20° và có độ nghiêng +4mm. Đường kính trong tương ứng 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. Tiệt trùng ETO</p> <p>5. Vít ổ cối: Đường kính 6.5 mm, chiều dài từ 15-70 mm (Bước tăng 5mm)</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và TGA * Xuất xứ tại nước châu âu</p>
116	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic - P116	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic	Bộ	20	<p>1. Chuôi khớp háng: - Ti-6Al-4v, toàn bộ bề mặt được phủ lớp Porous Plasma Spray + HA có độ xốp tối ưu; Thân xương đùi thiết kế gắn với chòm có đường kính cổ chuôi 12/14 . Kích cỡ: từ 1 đến 11 cỡ với cổ 127 độ và 132 độ, chiều dài cổ 27mm - 40mm; Kích thước thân 96mm, 99mm, 102mm, 105mm, 108mm, 111mm, 114mm, 117mm, 120mm, 123mm, 126mm.</p> <p>2. Chòm xương đùi: - Vật liệu BIOLOX delta ceramic đường kính 22mm (0, +2, +4), 28mm (-3.5, 0, +3.5), 32mm (-4, 0, +4, +7), 36mm (-4, 0, +4, +8). Taper 12/14</p> <p>3. Ổ cối: Vật liệu: Ti-6Al-4v, thiết kế dạng bán cầu tỷ lệ tối ưu từ đầu đến vò bề mặt nhám tổ ong phủ lớp PPS (Độ dày: 30-150<math>\mu\text{m}</math>, độ xốp &lt; 10%, độ nhám (Rt) 30-80<math>\mu\text{m}</math>, độ kết tinh (Theo ISO 13779-3) &gt; 60%) + HA tinh khiết (Độ dày 350 - 700<math>\mu\text{m}</math>, độ bám dính 35 MPa, độ xốp 30-70%. độ nhám (Rt) 200 - 400<math>\mu\text{m}</math>); - Kích thước từ 40mm-76mm trong đó kích thước 40-46mm 2 lỗ bắt vít, 46- 58mm 3 lỗ bắt vít, 58- 76mm 5 lỗ bắt vít.</p> <p>4. Lớp đệm: vật liệu: Vitamin E kết hợp UHMWPE , có 2 dạng chống trật neutral (0°) và hooded (10°) đường kính trong 28mm,32mm, 36mm.</p> <p>5. Vít ổ cối: đường kính 6,5mm và chiều dài 16, (20-80mm bước tăng 5).</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và FDA * Xuất xứ các nước G7</p>



117	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic lớp đệm dạng Offset - P117	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic lớp đệm dạng Offset	Bộ	20	<p>1. Chuôi khớp háng:  - Ti-6Al-4v, toàn bề mặt được phủ lớp Porous Plasma Spray + HA có độ xốp tối ưu; Thân xương đùi thiết kế gắn với chòm B-One TM 12/14 .  Kích cỡ: từ 1 đến 11 cỡ với cổ 127 độ và 132 độ, chiều dài cổ 27mm - 40mm; Kích thước thân 96mm, 99mm, 102mm, 105mm, 108mm, 111mm, 114mm, 117mm, 120mm, 123mm, 126mm.</p> <p>2. Chòm xương đùi:  - Vật liệu BIOLOX delta ceramic đường kính 22mm (0, +2, +4), 28mm (-3.5, 0, +3.5), 32mm (-4, 0, +4, +7), 36mm (-4, 0, +4, +8). Taper 12/14</p> <p>3. Ổ cối:  Vật liệu: Ti-6Al-4v, thiết kế dạng bán cầu tỷ lệ tối ưu từ đầu đến vỏ bề mặt nhám tổ ong phủ lớp PPS (Độ dày: 30-150µm, độ xốp &lt; 10%, độ nhám (Rt) 30-80µm, độ kết tinh (Theo ISO 13779-3) &gt; 60%) + HA tinh khiết (Độ dày 350 - 700µm, độ bám dính 35 MPa, độ xốp 30-70%. độ nhám (Rt) 200 - 400µm);  - Kích thước từ 40mm-76mm trong đó kích thước 40-46mm 2 lỗ bắt vít, 46- 58mm 3 lỗ bắt vít, 58- 76mm 5 lỗ bắt vít.</p> <p>4. Lớp đệm: vật liệu: Vitamin E kết hợp UHMWPE , có bề chống trượt dạng offset đường kính trong 28mm,32mm, 36mm.</p> <p>5. Vít ổ cối: đường kính 6,5mm và chiều dài 16, (20-80mm bước tăng 5).  * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và FDA  * Xuất xứ các nước G7</p>
118	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi Filler phủ HA kích thích tạo xương Ceramic on PE - P118	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi Filler phủ HA kích thích tạo xương Ceramic on PE	Bộ	20	<p>1. Chuôi khớp không xi măng: Chất liệu: hợp kim Titanium (TA6V ELI), được phủ 2 lớp gồm 1 lớp titanium xốp cao cấp kết hợp phủ lớp HA (hydroxyl apatite) toàn thân làm tăng khả năng kích thích tạo xương tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136, cổ 5°42'30" góc 135 độ, côn 12/14, độ dài cổ 42.43mm. Các rãnh chéo có độ sâu: 1mm, các rãnh dọc có độ sâu: 0,35mm, và các rãnh ngang.  Các cỡ và chiều dài tương ứng là: 9x130mm, 10x140mm, 11x145mm, 12x150mm, 13x155mm, 14x160mm, 15x165mm, 16x170mm, 18x180mm, 20x190mm.  Khoảng cách bán kính thẳng góc của cổ và Chuôi khớp (Offset) tương ứng là: 9x41.5mm, 10x42.3mm, 11x43.1mm, 12x43.9mm, 13x44.8mm, 14x45.6mm, 15x46.4mm, 16x47.2mm, 18x48mm, 20x48.9mm.</p> <p>2. Ổ cối không xi măng: Vật liệu hợp kim titanium TA6V ELI được phủ hai lớp: Lớp titanium dạng xốp độ dày: 200µm (±60µm), lớp phủ HA (hydroxyl apatite) độ dày: 120µm (±40µm).  Có 10 cỡ đường kính: 44, 46, 48, 50, 52, 54, 56, 58, 60, 62 mm.  Ổ cối cỡ 46mm có 3 lỗ bắt vít cố định, Ổ cối cỡ từ 48 đến 60mm có 5 lỗ để bắt vít cố định, Ổ cối cỡ từ 62 có 7 lỗ để bắt vít cố định.  Vành bên trong của ổ cối được trang bị 3 dây 6 răng để đảm bảo phương tiện cố định bổ sung cho lớp lót ổ cối UHMWPE và chống xoay.  - Ổ cối 48, 50mm dùng chung một lót ổ cối, ổ cối 52, 54, 56mm dùng chung 1 lót ổ cối, ổ cối 58, 60, 62mm dùng chung một lót ổ cối.</p> <p>3. Lót ổ cối: Chất liệu polyethylene cao phân tử UHMWPE bề chống trượt khớp 8 độ, phần trên của vành cũng có 2 lỗ, một lỗ để khóa lớp lót khi đặt vào bằng tay và lỗ còn lại để cho phép phát hiện điểm chụp X-quang từ sự hiện diện của điểm đánh dấu chụp X-quang.</p> <p>4. Vít ổ cối: Chất liệu hợp kim titanium TA6V ELI đường kính 6.5mm dài từ 15;20;25;30;35;30;45;50mm</p> <p>5. Chòm khớp: Chất liệu (BioloX Delta®) CERAMIC: 74% alumina (Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>) + 24% zirconia (ZrO<sub>2</sub>) + 2% chromium oxide (Cr<sub>2</sub>O<sub>3</sub>) Đường kính 28 mm, chiều dài cổ: - 3.5 ; +0; +3.5 mm.  * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. Xuất xứ: G7</p>

119	Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuỗi 130 độ, chuỗi phủ calcium phosphate (CaP) HX, Ceramic on PE - P119	Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuỗi 130 độ, chuỗi phủ calcium phosphate (CaP) HX, Ceramic on PE.	Bộ	10	<p>01. Cuống xương đùi LCU hợp kim Titanium (Ti6Al4V): Bên ngoài phủ toàn thân chuỗi lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm), bên trong là hợp kim titanium Ti6Al4V, chuỗi dạng thẳng, có các rãnh dọc, rãnh ngang chống lún, chống xoay; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang giúp cố định vững chắc, bảo tồn xương vùng máu chuyển, tương thích giải phẫu học, đầu chuỗi dạng Taper: 12/14 mm, được đánh bóng đầu chuỗi, góc cổ thân chuỗi: 130 độ, có các cỡ/chiều dài 8/115mm, 9/130mm, 10/140mm, 11/145mm, 12/150mm, 13/155mm, 14/160mm, 15/165mm, 16/170mm, 18/180mm, 20/190mm.</p> <p>02. Đầu xương đùi gốm (ceramic): Kích cỡ: 28(-3.5,0,+3.5)mm, 32(-4,0,+4)mm, 36 (-4,0,+4)mm.</p> <p>03. Lớp đệm X-LINKed nhựa cao phân tử (crosslink UHMWPE) các cỡ: đường kính trong 28mm (ổ cối 42 - 44mm) đường kính trong 32mm (ổ cối 46 - 48mm) đường kính trong 36mm (ổ cối 50 - 72mm) Có gờ chống trật 5mm, Có các chốt cố định vị trí.</p> <p>04. Ổ cối MobileLink loại press fit chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V) phủ ngoài lớp Plasma (công nghệ phun Plasma tinh khiết) hoặc phủ Calcium phosphate (TiCaP). Có 3 lỗ bắt vít hỗ trợ hoặc nhiều lỗ bắt vít hỗ trợ dành cho các ca thay lại. Tương thích với cả lớp đệm loại chuyển động đôi, lớp đệm tăng offset để chuyển đổi trong phẫu thuật. Có 16 cỡ từ 42-72mm mỗi bước tăng 2mm.</p> <p>05. Vít ổ cối có đường kính 6.5mm dài từ 15-80mm Có bộ dụng cụ mổ lối trước Có tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE</p>
120	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi dạng cong giải phẫu học (anatomic stem), góc cổ thân chuỗi 126 độ, phủ calcium phosphate (CaP) HX, Ceramic on PE - P120	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi dạng cong giải phẫu học (anatomic stem), góc cổ thân chuỗi 126 độ, phủ calcium phosphate (CaP) HX, Ceramic on PE.	Bộ	10	<p>01. Cuống xương đùi SP-CL hợp kim Tilastan-S (Ti6Al4V): Thiết kế dạng cong theo giải phẫu học xương đùi, bên ngoài phủ lớp HX ®(điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm) Rãnh chống lún, xoay. Hệ thống chuỗi riêng biệt theo 2 bên trái/phải xương đùi 16 size. Góc cổ thân chuỗi CCD 126 độ, đầu chuỗi dạng taper 12/14.</p> <p>02. Đầu xương đùi gốm (ceramic): Kích cỡ: 28(-3.5,0,+3.5)mm, 32(-4,0,+4)mm, 36 (-4,0,+4)mm.</p> <p>03. Lớp đệm X-LINKed nhựa cao phân tử (crosslink UHMWPE) các cỡ: đường kính trong 28mm (ổ cối 42 - 44mm) đường kính trong 32mm (ổ cối 46 - 48mm) đường kính trong 36mm (ổ cối 50 - 72mm) Có gờ chống trật 5mm, Có các chốt cố định vị trí.</p> <p>04. Ổ cối MobileLink loại press fit chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V) phủ ngoài lớp Plasma (công nghệ phun Plasma tinh khiết) hoặc phủ Calcium phosphate (TiCaP). Có 3 lỗ bắt vít hỗ trợ hoặc nhiều lỗ bắt vít hỗ trợ dành cho các ca thay lại. Tương thích với cả lớp đệm loại chuyển động đôi, lớp đệm tăng offset để chuyển đổi trong phẫu thuật. Có 16 cỡ từ 42-72mm mỗi bước tăng 2mm.</p> <p>05. Vít ổ cối có đường kính 6.5mm dài từ 15-80mm Có bộ dụng cụ mổ lối trước Có tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE</p>

121	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng UTF-reduced góc cổ chuôi 130 độ, Ceramic on PE (kích thước chỏm 28/32/36) - P121	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng UTF-reduced góc cổ chuôi 130 độ, Ceramic on PE (kích thước chỏm 28/32/36)	Bộ	20	<p>1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám dày 0.3 mm và phủ HA 0.08mm. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có 2 loại: ít lỗ vít (Cluster) hoặc nhiều lỗ vít (Multi hole), có 14 cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển 2mm. Cạnh ổ cối có 2 dấu laser giúp định hướng lỗ bắt vít ổ cối. Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ. Các lỗ vít có nút chặn.</p> <p>2. Lớp lót: bằng Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo giúp tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu. Lớp lót có 2 dạng (0° và 20°), có 3 mẫu tròn giúp định hướng góc 20°. Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm, 40mm</p> <p>3. Chỏm xương đùi Ceramic BioloX Delta: có hình cầu, taper 12/14 và các cỡ: 28mm (-2.5mm, +1mm, +4mm), 32mm (-3mm, +1mm, +5mm; +8mm), chỏm lớn 36mm (-3mm, +1mm, +5mm; +9mm) và 40mm (-3mm, +1mm, +5mm, +9mm) giúp biên độ vận động lên tới 229°</p> <p>4. Chuôi xương đùi: loại cổ định đầu gập, dạng nêm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám dày 0.5mm, đầu taper 12/14.</p> <p>- Có 16 cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm đến 43.5mm</p> <p>- 1 góc cổ thân 130 độ có 2 lựa chọn offset: offset tiêu chuẩn (có 16 cỡ từ 00 - 14 với thân chuôi dài từ 114mm -161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ 0-14 với thân chuôi dài từ 120-161 mm).</p> <p>5. Vít ổ cối: làm bằng Titanium (số lượng: 02 cái): mũ lục lăng, đường kính 6.5mm với các độ dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm, 40mm, 45mm, 50mm.</p> <p>Bộ khớp có chứng nhận tiêu chuẩn FDA, PMDA và CE/ISO.</p>
122	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng UTF-reduced góc cổ chuôi 130 độ, Ceramic on PE có vitamin E (kích thước chỏm 28/32/36) - P122	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng UTF-reduced góc cổ chuôi 130 độ, Ceramic on PE có vitamin E (kích thước chỏm 28/32/36)	Bộ	20	<p>1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám dày 0.3 mm và phủ HA 0.08mm. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có 2 loại: ít lỗ vít (Cluster) hoặc nhiều lỗ vít (Multi hole), có 14 cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển 2mm. Cạnh ổ cối có 2 dấu laser giúp định hướng lỗ bắt vít ổ cối. Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ. Các lỗ vít có nút chặn.</p> <p>2. Lớp lót: bằng Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo bổ sung vitamin E giúp tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa. Lớp lót có 2 dạng (0° và 20°), có 3 mẫu tròn giúp định hướng góc 20°. Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm, 40mm</p> <p>3. Chỏm xương đùi Ceramic BioloX Delta: có hình cầu, taper 12/14 và các cỡ: 28mm (-2.5mm, +1mm, +4mm), 32mm (-3mm, +1mm, +5mm; +8mm), chỏm lớn 36mm (-3mm, +1mm, +5mm; +9mm) và 40mm (-3mm, +1mm, +5mm, +9mm) giúp biên độ vận động lên tới 229°</p> <p>4. Chuôi xương đùi: loại cổ định đầu gập, dạng nêm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám dày 0.5mm, đầu taper 12/14.</p> <p>Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm và đến 43.5mm</p> <p>Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 16 cỡ từ #00;#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14,tương ứng với chiều dài từ 114mm ;120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ:#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14, tương ứng với chiều dài từ 120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm).</p> <p>5. Vít ổ cối: làm bằng Titanium (số lượng: 02 cái): mũ lục lăng, đường kính 6.5mm với các độ dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm, 40mm, 45mm, 50mm.</p> <p>Bộ khớp có chứng nhận tiêu chuẩn FDA, PMDA và CE/ISO.</p>

123	Khớp háng toàn phần không xi măng, hình côn 3 mặt giải phẫu, cá nhân hóa góc cổ chuôi, chuôi phủ Plasma (COP) - P123	Khớp háng toàn phần không xi măng, hình côn 3 mặt giải phẫu, cá nhân hóa góc cổ chuôi, chuôi phủ Plasma (COP)	Bộ	20	<p>1. Chuôi khớp: Vật liệu: hợp kim titan Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3, phủ titanium nguyên chất ở đầu gần. Thiết kế: Dạng hình côn ba mặt giải phẫu, vát thuôn dần 7° ở mặt trước-sau và mặt bên phần gần, 3° ở mặt bên phần xa với đường cắt xương khoảng 50°. Cổ chuôi: Taper 12/14 mm, phù hợp với nhiều loại chỏm khớp. Góc cổ chuôi: Có 3 lựa chọn 122°, 132°, 142°, phù hợp với đa dạng hình thái giải phẫu. Có phiên bản chuôi dành cho bệnh nhân loạn sản khớp háng, cho phép điều chỉnh chiều dài chi lên đến 10 mm. Đầu chuôi: thiết kế lệch tâm, giúp tránh va chạm với xương trong quá trình đóng chuôi. Kích thước: Tối thiểu 12 cỡ chuôi (size 0-11), chiều dài từ 119.5 mm đến 149.5 mm.</p> <p>2. Chỏm khớp háng: Chất liệu: sứ BioloX delta (aluminium oxide matrix ceramic). Kích cỡ: cổ côn 12/14. Đường kính các cỡ 28mm; 32mm và 36mm</p> <p>3. Lớp lót ổ cối: Chất liệu: Vitelene nhựa polyethelene UHMWPE-XE kết hợp với vitamin E (0.1% tocopherol) cho khả năng chống oxy hóa và chống mài mòn lớp lót trong thời gian dài.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dày lớp lót tại khu vực chịu lực chính, tối thiểu dày 5,5 mm.</li> <li>- Thiết kế lớp lót có bờ chống trật phía sau, lót gắn vào ổ cối bằng cơ chế nén ép cho cả hai.</li> <li>- Kích cỡ: phù hợp với các chỏm khớp cỡ 28mm, 32 mm, 36 mm và ổ cối cỡ từ 44-70mm.</li> </ul> <p>4. Ổ cối nhân tạo không xi măng: Chất liệu: hợp kim titanium Ti6Al4V. Bề mặt của ổ cối được phủ lớp titanium nguyên chất siêu nhám bằng công nghệ phun plasma trong môi trường chân không, lớp phủ dày khoảng 0,35mm với mật độ vi lỗ khoảng 50% gia tăng bề mặt tiếp xúc xương.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế: ổ cối hình vòm, dẹt phẳng ở phần đỉnh và có các gai mịn ở phần thân ổ cối hỗ trợ cố định vào xương. Bề mặt bên trong ổ cối phủ lớp titanium nhám để hạn chế chuyển động và ngăn chặn sự hình thành các hạt mài mòn ở mặt sau lớp lót ổ cối.</li> <li>- Kích cỡ: Gồm tối thiểu các cỡ từ 44mm - 70mm. Có tối thiểu 3 lỗ bắt vít. Dùng được cho cả lớp lót polyethylene, ceramic và chuyển động đôi.</li> </ul> <p>5. Vít ổ cối: Chất liệu: hợp kim titanium Ti6Al4V hoặc tương đương. Thiết kế: vít tự-cắt, xoay quanh trục +/- 9°. Kích cỡ: Đường kính cỡ 6.5mm; chiều dài khoảng từ 16-68mm, bước tăng 4mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tặng kèm stapler bấm khâu da sau ca phẫu thuật</li> </ul>
124	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore, Ceramic On Poly Vitamin E - P124	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore, Ceramic On Poly Vitamin E	Bộ	20	<p>Stem: có taper 8/10 &amp; 12/14, biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh &amp; rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmapore <math>\mu</math>-CaP ( calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp,</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm.</li> <li>- Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi) 145-190mm.</li> <li>- Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám dày 0.35mm.</li> <li>* Ổ cối: Phủ công nghệ độc quyền Plasmapore 40% CaP giúp mau liền xương từ 8-12 tuần, có các size từ 44mm - 62mm thích hợp cho những bệnh nhân có ổ cối nhỏ, có 3 lỗ bắt vít hướng 11h, 12h, 13h. Chất liệu Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3).</li> <li>* Liner: Có bờ chống trật phía sau. Chất liệu bằng Ultra high molecular weight polyethylene (ISO 5834-2), kết hợp Vitamine E.</li> <li>- Độ dày lớp lót tại khu vực chịu lực chính, tối thiểu dày 5,5 mm.</li> <li>* Head: Chất liệu bằng BioloX® delta Alumina matrix composite ceramic thế hệ mới nhất. Có các size 28mm, 32mm, 36mm, 40mm.</li> <li>* Vít: có các size 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, 44mm chất liệu hợp kim Titanium (ISOTAN F).</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn: ISO, CE</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-- Tặng kèm stapler bấm khâu da sau ca phẫu thuật</li> </ul>

125	Bộ khớp háng Toàn phần ceramic on poly - P125	Bộ khớp háng Toàn phần ceramic on poly	Bộ	10	<p>1/ Chuôi khớp: Chất liệu: Titanium alloy. Có lớp phủ phản ứng sinh học: 250 <math>\mu\text{mTi} + \text{HA } 50 \mu\text{m}</math>. Góc cổ 135°. Vai chuôi có dát thích ứng với phương pháp rạch ít xâm lấn phù hợp tối ưu, bảo tồn xương. Chiều dài thân chuôi từ 115 - 190mm tương ứng 11 cỡ. Base offset khoảng từ 38 - 45.5mm. Chiều dài cổ 38.2mm.</p> <p>2/ Ổ cối: Chất liệu: Titanium alloy +Titanium. Đường kính Ngoài/(Trong) tương ứng: Ngoài: 44mm (Trong 36mm) - 64mm (Trong 54mm); bước tăng 2mm.</p> <p>3/ Lót ổ cối: Chất liệu: High Cross Linked Polyethylene. Đường kính Ngoài/(Trong) tương ứng: Ngoài: từ 36 - 38mm (Trong 28mm), từ 40 - 42mm (Trong 32mm), từ 42 - 54mm (Trong 36mm); bước tăng 2mm.</p> <p>4/ Head: Chất liệu: Ceramic. Kích thước: 28, 32 và 36mm, tương ứng 4 cỡ S, M, L, XL(loại 32 và 36mm). Chiều dài cổ tương ứng các cỡ:  - Loại kích thước 28mm: -3.5, 0, +3.5mm.  - Loại kích thước 32 và 36mm: -4, 0, +4, +8mm.</p> <p>5/ Vít cho ổ cối: Chất liệu: Titanium alloy. Đường kính 6.3mm. Chiều dài 20 - 35mm, bước tăng 5mm.</p> <p>6/ Nút lỗ đi kèm: Chất liệu: Titanium alloy. Đường kính 10mm. Chiều dài 4mm.</p> <p>7/ Nút lỗ vít: Chất liệu: Titanium alloy. Đường kính 8mm. Chiều dài 3mm.</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích.</p>
126	Khớp háng toàn phần không xi măng COP. Ổ cối loại Pressfit, hình bán cầu dẹt có 4 lỗ bắt vít; chất liệu Ti6Al4V phủ lớp titanium (TiCP), có vitamin E. Cuống xương đùi: Vật liệu Ti6Al4V, Ca5 (OH) (PO4)3, bề mặt phun nhám, thiết kế có rãnh cấu trúc sừng; tiết diện hình thang; dạng chêm 3 chiều, góc cổ chuôi 134 độ, có các rãnh nhỏ - P126	Khớp háng toàn phần không xi măng COP. Ổ cối loại Pressfit, hình bán cầu dẹt có 4 lỗ bắt vít; chất liệu Ti6Al4V phủ lớp titanium (TiCP), có vitamin E. Cuống xương đùi: Vật liệu Ti6Al4V, Ca5 (OH) (PO4)3, bề mặt phun nhám, thiết kế có rãnh cấu trúc sừng; tiết diện hình thang; dạng chêm 3 chiều, góc cổ chuôi 134 độ, có các rãnh nhỏ	Bộ	22	<p>1. Cuống xương đùi (Stem) :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Ti6Al4V, Ca5 (OH) (PO4)3</li> <li>- Toàn bộ bề mặt được phun nhám và phủ lớp HA dày 150<math>\mu\text{m}</math>; thân được thiết kế có rãnh cấu trúc sừng; tiết diện hình thang; dạng chêm 3 chiều (Triple Taper). Cổ chuôi 12/14 mm; được đánh bóng.</li> <li>- Góc cổ - thân chuôi (CCD-angle): 134 độ, có các rãnh nhỏ.</li> <li>+ Standard: 7 - 18 (bước tăng 1); chiều dài 125 - 180mm (bước tăng 5mm)</li> <li>+ Lateral: 7 - 18 (bước tăng 1); chiều dài 125 - 180mm (bước tăng 5mm)</li> <li>+ XS: 7 - 12 (bước tăng 1); chiều dài 125 - 145mm (bước tăng 5mm)</li> </ul> <p>2. Ổ cối RM Pressfit:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình bán cầu dẹt nguyên khối đàn hồi với cơ chế ép chặt (pressfit); có 4 lỗ bắt vít (có thể lựa chọn dùng vít hoặc không dùng vít); toàn bộ chất liệu PE và được làm giàu bằng Vitamin E, bên ngoài được làm bằng chất liệu Ti6Al4V và được phủ lớp Titanium Calcium Phosphate (TiCP). Đường kính trong 28, 32, 36 mm.</li> <li>- Kích cỡ: 44 - 70mm (bước tăng 2 mm)</li> <li>- Vật liệu: PE + Vitamin E, phủ TiCP.</li> </ul> <p>3. Đầu xương đùi chất liệu sứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: sứ ZTA (Al2O3-ZrO2) hỗn hợp đồng nhất Alumina và Zirconia chống mài mòn và chống nứt vỡ cao.</li> <li>+ Đường kính ngoài 32 mm với chiều dài cổ -4 (S), 0 (M), +4 (L), +8 (XL)</li> <li>+ Đường kính ngoài 36 mm với chiều dài cổ -4 (S), 0 (M), +4 (L), +8 (XL)</li> </ul> <p>4. Vít ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: TiCP; đường kính 4mm. Chiều dài: 22 - 52 mm (bước tăng 2mm)</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn chất lượng CE/EU, ISO 13485. Đã tiệt trùng sẵn. Xuất xứ: Châu Âu</p>

127	Khớp háng toàn phần COP không xi măng. Góc cổ chuôi 12/14, CCD 135 độ, chuôi dạng chữ C ôm sát calca, ổ cối dạng nguyên khối đàn hồi (pressfit) có lựa chọn bắt vít, vật liệu PE + Vitamin E, phủ TiCP, đường kính trong 28 - 36mm (bước tăng 4mm). Đầu xương đùi chất liệu sứ, đường kính từ 28 - 36mm (bước tăng 4mm) - P127	Khớp háng toàn phần COP không xi măng. Góc cổ chuôi 12/14, CCD 135 độ, chuôi dạng chữ C ôm sát calca, ổ cối dạng nguyên khối đàn hồi (pressfit) có lựa chọn bắt vít, vật liệu PE + Vitamin E, phủ TiCP, đường kính trong 28 - 36mm (bước tăng 4mm). Đầu xương đùi chất liệu sứ, đường kính từ 28 - 36mm (bước tăng 4mm)	Bộ	10	<p>1. Cuồng xương đùi dạng chữ "C"</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân chuôi thon nhỏ cong theo giải phẫu (dạng chữ "C") ôm sát bờ calcar giúp bảo tồn được nhiều xương và mô mềm hơn, tải lực toàn bộ lên calcar, hạn chế tải lực lên vùng máu chuyển lớn và xung quanh, giảm hủy xương của các vùng trên.</li> <li>- Vật liệu Ti6Al4V, bề mặt phủ 2 lớp: bên trong 250 <math>\mu</math>m Titanium Plasma Sprayed (TPS), bên ngoài 20 <math>\mu</math>m Calcium Phosphate (CaP).</li> <li>- Cổ chuôi 12/14 mm; hình thang được đánh bóng. Góc CCD 135 độ</li> <li>- Kích cỡ (stem size): 1 - 12 (bước tăng 1mm); loại chuôi Standard/Lateral; tương ứng chiều dài từ 84mm; 88mm; 91mm; 94mm; 97mm; 100mm; 103mm; 106mm; 109mm; 112mm; 115mm; 118mm.</li> </ul> <p>2. Ổ cối RM Pressfit:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình bán cầu dẹt nguyên khối đàn hồi với cơ chế ép chặt (pressfit); có 4 lỗ bắt vít (có thể lựa chọn dùng vít hoặc không dùng vít); toàn bộ chất liệu PE và được làm giàu bằng Vitamin E, bên ngoài được làm bằng chất liệu Ti6Al4V và được phủ lớp Titanium Calcium Phosphate (TiCP). Đường kính trong 28, 32, 36 mm.</li> <li>- Kích cỡ: 44 - 70mm (bước tăng 2 mm)</li> <li>- Vật liệu: PE + Vitamin E, phủ TiCP.</li> </ul> <p>3. Đầu xương đùi chất liệu sứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: sứ ZTA (Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>-ZrO<sub>2</sub>) hỗn hợp đồng nhất Alumina và Zirconia chống mài mòn và chống nứt vỡ cao.</li> <li>+ Đường kính ngoài 32 mm với chiều dài cổ -4 (S), 0 (M), +4 (L), +8 (XL)</li> <li>+ Đường kính ngoài 36 mm với chiều dài cổ -4 (S), 0 (M), +4 (L), +8 (XL)</li> </ul> <p>4. Vít ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: TiCP; đường kính 4mm. Chiều dài: 22 - 52 mm (bước tăng 2mm)</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn chất lượng CE/EU, ISO 13485. Đã tiệt trùng sẵn. Xuất xứ: Châu Âu</p>
128	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic On Poly, Ổ cối in 3D nguyên khối tối ưu hàn xương - P128	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic On Poly, Ổ cối in 3D nguyên khối tối ưu hàn xương	Bộ	5	<p>1. Chuôi khớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổ chuôi 12/14, góc cổ chuôi 135 độ, chất liệu Titanium, phủ HA toàn thân chuôi. Có rãnh ngang ở đầu gần chống lún và rãnh dọc ở đầu xa giúp cực đại hóa diện tích tiếp xúc của xương và chuôi.</li> <li>- Có <math>\geq 11</math> kích cỡ chuôi từ 8 đến 18 tương ứng chiều dài từ 116 mm đến 186mm, trong đó có ít nhất 1 kích cỡ chuôi có chiều dài <math>\leq 120</math>mm</li> <li>- Có 2 loại chuôi tiêu chuẩn và chuôi có độ di lệch cổ ngang <math>\geq 7.5</math>mm cho phép phục hồi cơ sinh học của háng chính xác, có 2 lựa chọn có vành cổ chuôi và không có vành cổ chuôi.</li> </ul> <p>2. Ổ cối hình bán cầu, đỉnh phẳng, được in 3 chiều nguyên khối từ bột Titan kết cấu cực kỳ thô ráp có các gai liên khối cao 0,4mm và độ rỗng cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có <math>\geq 13</math> kích cỡ chén liên tục với bước tăng 2mm, trong đó có tối thiểu 1 ổ cối có kích cỡ <math>\leq 42</math>mm, ổ cối có <math>\geq 5</math> lỗ bắt vít, nút bịt lỗ vít được gắn sẵn;</li> <li>- Kích thước chòm tương ứng : Ổ cối cỡ <math>\leq 48</math> sử dụng chòm 32mm; cỡ <math>\geq 50</math> sử dụng chòm 36mm.</li> </ul> <p>3. Lớp đệm: Chất liệu Xlinked Poly, có bờ chống trật 0 độ và 15 độ</p> <p>4. Chòm xương đùi chất liệu Delta Alumina Ceramic với các đường kính 32mm, 36mm, 40mm với 3 kích cỡ chiều dài cổ S, M, L cho mỗi đường kính.</p> <p>5. Vít: Chất liệu Titanium; đường kính 6,5mm; chiều dài từ 20-50mm bước tăng 5mm; côn 24 độ; mũi vít tự dẫn hướng ; đầu vít hình lục giác; mũi vít tự dẫn hướng ; đầu vít hình lục giác</p> <p>Tiêu chuẩn: CE, ISO Xuất xứ G7 Cung cấp kèm bộ dụng cụ tương thích khi sử dụng</p>

HỒ  
 SƠ  
 ĐỒ  
 KỸ  
 THUẬT  
 HỒ  
 SƠ  
 ĐỒ  
 KỸ  
 THUẬT

129	Khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic On PoLy, chuỗi phủ HA toàn thân, góc cổ chuỗi 135° - P129	Khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic On PoLy, chuỗi phủ HA toàn thân, góc cổ chuỗi 135°	Bộ	5	<p>1. Chuôi khớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổ chuỗi 12/14, góc cổ chuỗi 135 độ, chất liệu Titanium, phủ HA toàn thân chuỗi. Có rãnh ngang ở đầu gần chống lún và rãnh dọc ở đầu xa giúp cực đại hóa diện tích tiếp xúc của xương và chuỗi.</li> <li>- Có <math>\geq 11</math> kích cỡ chuỗi từ 8 đến 18 tương ứng chiều dài từ 116 mm đến 186mm, trong đó có ít nhất 1 kích cỡ chuỗi có chiều dài <math>\leq 120</math>mm</li> <li>- Có 2 loại chuỗi tiêu chuẩn và chuỗi có độ di lệch cổ ngang <math>\geq 7.5</math>mm cho phép phục hồi cơ sinh học của háng chính xác, có 2 lựa chọn có vành cổ chuỗi và không có vành cổ chuỗi.</li> </ul> <p>2. Ổ cối hình bán cầu, đỉnh phẳng, chất liệu Titanium phun plasma titan nhám phủ HA, có <math>\geq 3</math> lỗ bắt vít</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có <math>\geq 13</math> kích cỡ chén liên tục với bước tăng 2mm, trong đó có tối thiểu 1 chén có kích cỡ <math>\leq 42</math>mm;</li> <li>- Kích thước chòm tương ứng : Ổ cối cỡ <math>\leq 48</math> sử dụng chòm 32mm; cỡ <math>\geq 50</math> sử dụng chòm 36mm.</li> </ul> <p>3. Lớp đệm: Chất liệu Polyethylene cao phân tử liên kết chéo, có bờ chống trật 0 độ và 15 độ</p> <p>4. Chòm xương đùi chất liệu Delta Alumina Ceramic với các đường kính 32mm, 36mm với 3 kích cỡ chiều dài cổ S, M, L cho mỗi đường kính.</p> <p>5. Vít: Chất liệu Titanium; đường kính 6,5mm; chiều dài từ 20-50mm bước tăng 5mm; côn 24 độ; mũi vít tự dẫn hướng; đầu vít hình lục giác; mũi vít tự dẫn hướng; đầu vít hình lục giác</p> <p>Tiêu chuẩn: CE, ISO Xuất xứ G7 Cung cấp kèm bộ dụng cụ tương thích khi sử dụng</p>
130	Khớp háng toàn phần không xi măng -Ceramic on PE, toàn bộ bề mặt được phủ lớp HA $100 \pm 20\mu\text{m}$ - P130	Khớp háng toàn phần không xi măng -Ceramic on PE, toàn bộ bề mặt được phủ lớp HA $100 \pm 20\mu\text{m}$	Bộ	20	<p>Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly</p> <p>1. Cuống xương đùi (Stem):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V), grade 5ELI (ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT <math>100 \pm 20\mu\text{m}</math>, Kích cỡ: 9 cỡ từ 1-9 chiều dài: 1x127, 2x137, 3x142, 4x147, 5x152, 6x157, 7x162, 8x167, 9x177mm.</li> <li>- Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuỗi 135° và 125°, cổ chuỗi dài 41mm/ 42mm; offset 37-43mm/ 44-50mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Taper 12/14 (góc 5°42'30").</li> </ul> <p>2. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Ceramic BioloX Delta (ISO 6474), chòm 28mm (-3.5, +0, +3.5), 32mm (-4, +0, +4, +7), 36mm (-4, +0, +4, +8), 40mm (-4, +0, +4, +8) gồm; S, M, L, XL</li> </ul> <p>3. Ổ cối (Acetabular):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Ti6Al4V grade 5 ELI (ISO 5832-3), phủ Plasma Ti-Growth-C titanium Plasma Spray (<math>400 \pm 100</math> micron) hoặc Titanium Y 367 (<math>300 \pm 100</math> micron); kích thước từ 44mm-72mm,</li> <li>- Có 3 vẩy cá ở vị trí 70 độ mỗi bên, chống xoay, bề mặt nhám tổ ong; 3 lỗ vít thiết kế lệch trục lên đến 15 độ, cơ chế khóa lớp đệm bằng Neo hình nón (conical Anchor) ngăn chặn các vi chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Tương thích với mũi khoan 4,5mmx56mm (Drill bit)</li> </ul> <p>4. Lớp lót (Liner):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu XLPE (ISO 5834-2) Crosslinked/ XLPE+Vitamin E, đường kính 28,32,36mm; kích thước: 42mm; 44-46mm, 48-50mm, 52-54mm, 56-58mm.</li> <li>- Có hoặc không có bờ chống trật</li> </ul> <p>5. Vít ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium, đường kính 6,5mm và dài 20-60mm.</li> </ul> <p>Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE Xuất xứ: G7</p>

131	<p>Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi Actinia phủ HA toàn phần, ceramic on PE. cross-linked siêu liên kết, chòm ceramic 32/36mm, Ổ cối phủ HA trên ổ cối có 3 lỗ để bắt vít, góc cổ chuỗi 135° - P131</p>	<p>Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi Actinia phủ HA toàn phần, ceramic on PE. cross-linked siêu liên kết, chòm ceramic 32/36mm, Ổ cối phủ HA trên ổ cối có 3 lỗ để bắt vít, góc cổ chuỗi 135°.</p>	Bộ	20	<p>1. Chuôi:          -Chất liệu: Titan TiAl6V4 phủ HA có độ dày 155 ± 30 μm toàn phần, độ xốp ≤ 10%, Cấu tạo TiAl6V4 alloy phủ tổ ong 60% bề mặt 330 - 390μm          -Kích thước: 11 cỡ trung bình          -Góc cổ thân: 135 độ. Taper 12/ 14 mm. Cỡ chuỗi 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20. tương ứng 114,5mm/129,5mm/139,4mm/144,4mm/149,4mm/154,3mm/159,4mm/164,4mm/169,4mm/179,4mm/189,4mm.          Rộng A/P: 26.7/27.9/29.1/30.3/31.5/32.4/33.3/34.9/36.1/38.1/40.1. M/L: 13.3/13.3/14.3/14.7/15.2/15.5/16.3/16.8/16.8/18.7/20.1.          Cuối thân A/P: 5.5/5.2/6/7/7.8/8.3/9.3/10.3/10.8/11.9/12.8.          M/L: 7/8/9/9.5/10/10/10/10/11/11.          Có các cỡ offset: 38.5/ 39/ 39.5/ 40/ 40.5/ 41/ 41.5/ 42/ 42.5/ 43.5/ 44.5mm.</p> <p>2. Chòm:          - Chất liệu: BIOLOX® delta* CERAMIC (sứ) (Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub> và ZrO<sub>3</sub>)          - Đường kính: 32(S-XL), 36(S-XL) mm. 40(S-L)</p> <p>3. Ổ cối:          -Vật liệu: TiAl6V4, có phủ HA. Kích thước: 46/48/50/52/54/56/ 58/60/62/64/66/68mm với bước tăng 2mm. Có 3 lỗ bắt vít ổ cối có nút bịt, góc bắt vít ổ cối lên tới 15°.</p> <p>4. Miếng lót ổ cối:          -Chất liệu polyethylene cao phân tử siêu liên kết crosslinked UHMWPE tiệt trùng bằng công nghệ gama 75kGy          -Đường kính trong/ngoài: các cỡ: 32/39-44-48-52mm, 36/44-48-52mm.          -Chống trượt: 10 độ</p> <p>5. Vít ổ cối          - Chất liệu: TiAl6V4. Kích thước: 15-50mm bước tăng 5mm, đường kính 6.5mm          Tiêu chuẩn: ISO, CE</p>
132	<p>Khớp háng toàn phần không xi măng HA. Chòm Ceramic COP, Ổ cối đóng ép - P132</p>	<p>Khớp háng toàn phần không xi măng HA. Chòm Ceramic COP, Ổ cối đóng ép</p>	Bộ	20	<p>Kết hợp với dụng cụ mổ lõi trước.</p> <p>1. Ổ cối Variocup Pressfit : Dạng nén ép với nhiều răng nén ép, chất liệu hợp kim Titanium Ti-6AL-4V với cơ chế khóa ổ trục chịu lực , có lỗ bắt 3 vít, gồm đường kính các cỡ từ 42mm - 68mm, bước tăng 2mm .</p> <p>2. Lớp lót bằng Poly (Highly cross-linked UHMWPE) siêu bền giúp tăng khả năng chịu mài mòn, có bề chống trượt 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Ring-Lock.</p> <p>3. Chòm xương đùi: chất liệu Ceramic (Alumina - Zirconia ISO 6474-2) , 28mm (-3,5mm, 0mm, +3,5mm ), 32mm (-4mm, 0mm, +4mm, +7mm), 36mm (-4mm, 0mm, +4mm, +8mm), 40mm (-4mm, 0mm, +4mm, +8mm) . Taper 12/14</p> <p>4. Chuôi khớp không dùng xi măng VarioLoc HA Pressfit chất liệu Titanium Alloy Ti-6AL-4V phủ HA toàn thân. Rãnh ngang chống lún và rãnh dọc chống xoay với đường cắt xương 41 độ .Góc cổ thân 131°, cổ chuỗi 12/14mm, có 10 cỡ 7.5:114mm (offset C:31mm;D:36mm), 9:117mm (offset C:31mm;D:37mm) , 10:119mm (offset C:34mm;D:40mm), 11:121mm (offset C:34mm;D:41mm), 12.5:124mm (offset C:34mm;D:41mm), 13.5:126mm (offset C:37mm;D:45mm), 15:129mm (offset C:37mm;D:45mm), 16:132mm (offset C:37mm;D:46mm), 17,5:134mm (offset C:37mm;D:47mm), 20:139mm (offset C:37mm;D:48mm).</p> <p>5. Vít bắt ổ cối Titanium tự Taro có đường kính 6.5mm chiều dài từ 15-70mm.</p> <p>6. Nút vít chặn.</p> <p>7. Vít chặn</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO, CE</p>



133	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly, chuỗi có rãnh dọc chống xoay, phun plasma rỗ tổ ong. Ổ cối phun plasma tổ ong 30% độ xốp - P133	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly, chuỗi có rãnh dọc chống xoay, phun plasma rỗ tổ ong. Ổ cối phun plasma tổ ong 30% độ xốp	Bộ	30	<p>* Cuống xương đùi: Hợp kim Titanium (Ti6Al4V) phủ Ti-Plasma rỗ tổ ong, chuỗi tiết diện hình chữ nhật, có rãnh dọc chống xoay, được vát thuôn dần hai bên 5°; hai mặt trước-sau 2° làm tăng độ chịu nén, chống lún. Góc cổ chuỗi 132°. Neck Taper 12/14 mm, có 11 kích cỡ, dài 137 - 177mm</p> <p>* Ổ cối: hybrid cup vật liệu Titanium, phủ Titanium – Plasma dạng rỗ tổ ong với hơn 30% độ xốp, hình bán cầu, có 3 lỗ bắt vít, có 10 kích cỡ 44 – 74mm.</p> <p>* Lớp đệm: Polyethylene cao phân tử, có bề chống trật, size Ø28-32mm, đường kính ngoài phù hợp ổ cối. Cơ chế khóa giữa ổ cối và lớp đệm PE giúp cố định an toàn, chống xoay, chống lún</p> <p>* Đầu xương đùi: Ceramic (Sứ) thế hệ 4 (Màu hồng) được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size Ø32-36mm (S, M, L).</p> <p>* Vít: Titanium đường kính Ø6,4mm, chiều dài 15 - 60mm.</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE/FDA</p>
134	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly chòm lớn, có lớp phủ Ti độ dày lớn, phủ HA toàn chuỗi - P134	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly chòm lớn, có lớp phủ Ti độ dày lớn, phủ HA toàn chuỗi	Bộ	30	<p>* Cuống xương đùi: loại H, vật liệu hợp kim Titanium, phủ HA toàn chuỗi dày 155µm, thiết kế rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Góc cổ chuỗi 135°, Neck Taper 12/14, có 10 kích cỡ T09 - T20, chiều dài 130 - 190mm, tiêu chuẩn ISO 5832-3.</p> <p>* Đầu xương đùi: Ceramic cao cấp thế hệ 4 (màu hồng) (ISO 6474-2), dạng hình cầu, size 32; 36; 40mm</p> <p>* Lớp đệm: vật liệu nhựa Polyethylene cao phân tử (ISO 5834-1/2). Chòm lớn, đường kính trong Ø32, 36mm, đường kính ngoài phù hợp ổ cối.</p> <p>* Ổ cối : vật liệu Titanium (Ti6V4 ELI) ISO 5832-3, phun Titanium rỗ tổ ong có độ xốp cao dày 350µm, có 03 lỗ bắt vít. Có 10 kích cỡ ổ cối Ø46 – 64mm</p> <p>* Vít neo: Titanium, Ø6.0mm, dài 20 – 45mm</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE</p> <p>Xuất xứ Châu Âu</p>
135	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly góc cổ chuỗi 125° - P135	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly góc cổ chuỗi 125°	Bộ	5	<p>1. Ổ cối: Ổ cối nén ép không xi măng tương thích với đệm ổ cối loại INLOCK X (polyethylene liên kết chéo cao)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim titan (Ti6Al4V-ISO 5832-3). Lớp phủ: xốp titan (500 µm) và hydroxyapatit (40 µm).</li> <li>- Kích cỡ: 14 kích cỡ (từ size 40 đến 64), tương thích chòm có đường kính từ Ø22.2 mm đến Ø36 mm.</li> <li>- Thiết kế hình bán cầu có đỉnh phẳng 2mm, lực ép chặt tăng dần, đạt 1.4 mm tại vùng xích đạo, phạm vi chuyển động lên tới 142°.</li> <li>- 3 lỗ bắt vít</li> <li>- Các gờ chống trượt bên trong ổ cối cho phép cơ chế click-and-lock, đảm bảo ổn định lâu dài và ngăn chặn sự xoay của lớp đệm.</li> </ul> <p>2. Lớp đệm ổ cối liên kết chéo cao Highly-crosslinked polyethylene</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Highly-crosslinked polyethylene (Chirulen® 1020 X-ASTM F2565)</li> <li>- Kích cỡ: 22.2, 28, 32, 36 mm, gờ 0 độ; 10 độ tương thích ổ cối cỡ 40 - 64mm, bước tăng 2mm.</li> <li>- Đặc tính chất liệu giảm tỉ lệ mài mòn, giảm nguy cơ loãng xương</li> </ul> <p>3. Chòm xương đùi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: ceramic (Al2O3 + ZrO2-ISO 6474-2)</li> <li>- Kích cỡ: Đường kính head (offset tương ứng) : 28 (+0, ±3.5), 32 (+0, ±4,+7), 36 (+0, ±4,+8), 40 (+0, ±4,+8) mm.</li> </ul> <p>4. Cuống xương đùi không xi măng có độ lệch (offset):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium alloy (Ti6Al4V-ISO 5832-3) dày 225 +/- 25 µm, phủ : Hydroxyapatite dày 120 +/- 35 µm.</li> <li>- Kích cỡ: 9-18, chiều dài: 130-180mm</li> <li>- Tương thích với cổ côn: 12 / 14 5°40' taper. Góc cổ chuỗi 125°</li> <li>- Thiết kế tứ giác tự khóa, rãnh ngang giúp ổn định vị trí chuỗi, loe mở dần giúp cố định chắc chắn vùng hành xương.</li> </ul> <p>5. Vít ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium alloy (Ti6Al4V-ISO 5832-3).</li> <li>- Kích cỡ: đường kính 6.5mm. Chiều dài vít từ 15mm đến 60mm với mỗi bước tăng 5mm</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn ISO, EU (châu Âu)</p>

136	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly loại tiêu chuẩn - P136	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly loại tiêu chuẩn	Bộ	5	<p>1. Ổ cối: Ổ cối nén ép không xi măng tương thích với đệm ổ cối loại INLOCK X (polyethylene liên kết chéo cao)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim titan (Ti6Al4V-ISO 5832-3). Lớp phủ: xốp titan (500 µm) và hydroxyapatit (40 µm).</li> <li>- Kích cỡ: 14 kích cỡ (từ size 40 đến 64), tương thích chỏm có đường kính từ Ø22.2 mm đến Ø36 mm.</li> <li>- Thiết kế hình bán cầu có đỉnh phẳng 2mm, lực ép chặt tăng dần, đạt 1.4 mm tại vùng xích đạo, phạm vi chuyển động lên tới 142°.</li> <li>- 3 lỗ bắt vít</li> <li>- Các gờ chống trượt bên trong ổ cối cho phép cơ chế click-and-lock, đảm bảo ổn định lâu dài và ngăn chặn sự xoay của lớp đệm.</li> </ul> <p>2. Lớp đệm ổ cối liên kết chéo cao Highly-crosslinked polyethylene</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Highly-crosslinked polyethylene (Chirulen® 1020 X-ASTM F2565)</li> <li>- Kích cỡ: 22.2, 28, 32, 36 mm, gờ 0 độ; 10 độ tương thích ổ cối cỡ 40 - 64mm, bước tăng 2mm.</li> <li>- Đặc tính chất liệu giảm tỉ lệ mài mòn, giảm nguy cơ loãng xương</li> </ul> <p>3. Chỏm xương đùi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: ceramic (Al2O3 + ZrO2-ISO 6474-2)</li> <li>- Kích cỡ: Đường kính head (offset tương ứng) : 28 (+0, ±3.5), 32 (+0, ±4,+7), 36 (+0, ±4,+8), 40 (+0, ±4,+8) mm.</li> </ul> <p>4. Cuống xương đùi không xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium alloy (Ti6Al4V-ISO 5832-3) dày 225 +/- 25 µm, phủ : Hydroxyapatite dày 120 +/- 35 µm.</li> <li>- Kích cỡ: 8-20, chiều dài: 115-190mm</li> <li>- Tương thích với cổ côn: 12 / 14 5°40' taper. Góc cổ chũoi 129°</li> <li>- Thiết kế tứ giác tự khóa, rãnh ngang giúp ổn định vị trí chũoi, loe mở dần giúp cố định chắc chắn vùng hành xương.</li> </ul> <p>5. Vít ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium alloy (Ti6Al4V-ISO 5832-3).</li> <li>- Kích cỡ: đường kính 6.5mm. Chiều dài vít từ 15mm đến 60mm với mỗi bước tăng 5mm</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn ISO, EU (châu Âu)</p>
-----	--	---	----	---	---

137	Khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic on Poly - P137	Khớp háng toàn phần không xi măng, Ceramic on Poly	Bộ	10	<p>1. Đầu chỏm xương đùi (Femoral head):  - Chất liệu: BioloX Delta vật liệu: Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>-ZrO<sub>2</sub> (ISO 6474), đường kính 28,32,36mm; gồm: S (-4), S (-3.5), M (+0), L (+3.5), L (+4), XL (+7)</p> <p>2. Ổ cối (Acetabular):  - Chất liệu: Titanium-Vanadium : Sandblasted, phủ Ti 100µm và HA 90µm. Kích cỡ từ 40-64mm, bước tăng 2mm  - Dạng Ellip đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tích tiếp xúc lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 11h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, đỉnh bờ chống trật vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp đa răng. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm.</p> <p>3. Cuống xương đùi (Stem):  - Chất liệu: Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb (ISO 5832-11), sandblasted 5µm và phủ HA 80µm. Kích cỡ: 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN,0SN,1SN,...10SN. Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm so với cỡ chuẩn; góc cổ thân 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 37.9-48mm;  - Dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip</p> <p>4. Lớp lót (Liner):  - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử liên kết chéo (UHMWPE HC) dạng Hooded/ Flat . Kích cỡ: đường kính trong 28, 32, 36mm.  - Có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có 2 dạng chính: trung tính và chống trật 10 độ</p> <p>5. Vít ổ cối  - Chất liệu Titanium. Kích cỡ: đường kính 6.5mm, dài 20-45mm.  Tương thích với Bộ trợ cụ định vị di động AMIS, kỹ thuật mổ lối trước ít xâm lấn  Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng  Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE  Xuất xứ: Châu Âu</p>
138	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly, thân chuôi phủ 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatite (HA) 100µm - P138	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly, thân chuôi phủ 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatite (HA) 100µm.	Bộ	30	<p>1. Cuống xương đùi (Stem):  + Chất liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatite (HA) 100µm, thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Kích thước: có 12 kích cỡ từ 7 đến 20. Chiều dài tương ứng 110mm, 115mm, 120mm, 125mm, 130mm, 135mm, 140mm, 145mm, 150mm, 155mm, 160mm, 170mm. Offset tương ứng 35,1/ 36,0/ 37,5/ 39,4/ 40,4/ 41,5/ 41,9/ 42,4/ 43,1/ 43,9/ 44,9/ 45,3. Chiều dài cổ chuôi từ 38mm đến 38,5mm. Góc cổ chuôi: phổ biến ở hai góc độ 135°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối với đầu xương đùi.</p> <p>2. Đầu xương đùi (Head):  + Chất liệu: Composite Ceramic, kích thước 32mm (-4, +0, +4); 36mm (-4, +0, +4).</p> <p>3. Ổ cối (Cup): Chất liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ 2 lớp theo công nghệ Plasma Sprayed porous Titanium (400µm - 600µm) và Calcium HydroxyApatite (HA) 80µm cho độ nhám cao. Thiết kế 4 lỗ bắt vít trên một cung không đối xứng 120°. Kích cỡ: từ 46-62mm.</p> <p>4. Lớp đệm (Insert):  + Chất liệu: Polyethylene được trộn với 0.1% Vitamine E theo công nghệ Highly Crosslinked. Mặt vát 20° của lớp đệm hạn chế sự va chạm với cổ cuống xương đùi. Cổ định lớp đệm bằng 10 mẫu chống xoay gắn vào vành của ổ cối. Kích thước của lớp đệm phổ biến cho các đầu xương đùi 32mm và 36mm.</p> <p>5. Vít ổ cối (Screw):  + Chất liệu titanium TA6V, đường kính 6.0mm, chiều dài vít 20-50mm.  Đạt tiêu chuẩn ISO và CE. Xuất xứ: nhóm G7.</p>

139	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Vital-XE, chuôi phủ: 500µm Titanium - P139	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Vital-XE, chuôi phủ: 500µm Titanium	Bộ	20	<p>1. Cuồng khớp: Chất liệu Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V)-ISO5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất xấp bằng công nghệ phun Plasma. Cấu trúc bề mặt có nhiều rãnh chạy dọc theo trục cuồng khớp. Kích cỡ: có 10 kích cỡ 6,25/137mm; 5/137mm; 8,75/139,5mm; 10/142mm; 11,25/146,5mm; 12,5/147mm; 3,75/151,5mm; 15/152mm; 17,5/162,5mm 20/162,5mm. Góc cổ chuôi: 135°, cổ côn 12/14 (góc trên 5°42'30"). Offset: 2 loại Standard (34,8mm; 36,1mm; 37,0mm; 37,4mm; 38,2mm; 38,7mm; 41,4mm); Lateralized (41,1mm; 42,4mm; 43,5mm; 43,7mm; 44,8mm; 45;47,7mm). Phương pháp khử trùng tia bức xạ với lượng 25 kGy, hoặc phương pháp VH2O2.</p> <p>2. Đầu chòm xương đùi (Ceramic Ball Head): Chất liệu: hỗn hợp Aluminium, Zirconia và một số oxydes khác (Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>+ZrO<sub>2</sub>), độ mài mòn thấp, khả năng chống ăn mòn cao, vật liệu tương thích sinh học. Đường kính: 28mm (-3,5; +0; +3,5), 32mm (-4; +0; +4; +8), 36mm (-4; +0; +4; +8), 40mm (-4; +0; +4; +8)</p> <p>3. Ó cối (Shell): Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) - ISO5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất bằng công nghệ phun Plasma.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ : có 15 kích cỡ từ 42–70mm với mỗi bước tăng 2mm. Phù hợp với tất cả các loại lớp đệm. Kết cấu: có hệ thống khóa giữ chặt lớp đệm, nút đẩy vít có thể tháo rời, vành ngoài mép có gờ để tối ưu hoá đóng press-fit.</li> </ul> <p>4. Lớp đệm (Liner): Chất liệu: Cross-linked UHMWPE không có Calcium Stearate, có Vitamin E - ISO5834/1, Có gờ chống trật: 0°; 10°; 20°. Kích thước : 22mm; 28mm; 32mm; 36mm, 40mm.</p> <p>5. Vít ổ cối (Screw): hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V), đường kính 6.5mm, chiều dài: 20-50mm (mỗi bước tăng 5mm), 50-60mm (mỗi bước tăng 10mm).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Xuất xứ: Châu Âu</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO + CE</li> </ul>
140	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Vital-XE, chuôi 300µm Titanium + 50µm HA - P140	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Vital-XE, chuôi 300µm Titanium + 50µm HA	Bộ	20	<p>1. Cuồng khớp: Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Niobium (Ti6Al7Nb) - ISO5832/11. Lớp phủ: 2 lớp 300µm Titanium xấp nguyên chất + 50µm Hydroxyapatite bằng công nghệ phun plasma. Kết cấu: có nhiều rãnh dọc và ngang xung quanh thân cuồng khớp. Kích cỡ chuôi: có 12 kích cỡ từ 1/130,3mm ; 2/140,3mm; 3/145,4mm; 4/150,4mm; 5/155,5mm; 6/160,5mm; 7/165,5mm; 8/170,4mm; 9/175,4mm; 10/179,9mm; 11/185,4mm; 12/190,4mm. Góc cổ chuôi: 12/14, 5°43'30". Chiều dài cổ chuôi (39mm;41mm;42mm,43mm;44mm;45mm).- Offset: có 2 loại offset Standard CCD: 135° ( 38,6mm; 39,3mm; 40mm; 40,8mm; 41,5mm; 42,2mm; 42,9mm; 43,6mm; 44,1mm; 45,6mm); Lateralized CCD: 127° ( 44,9mm; 45,5mm; 46,3mm; 47,0mm; 47,7mm; 48,4mm; 49,1mm; 49,8mm; 50,3mm;51,8mm). Phương pháp khử trùng tia bức xạ với lượng 25 kGy, hoặc phương pháp VH2O2.</p> <p>2. Đầu chòm xương đùi (Ceramic Ball Head): Chất liệu: hỗn hợp Aluminium, Zirconia và một số oxydes khác (Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>+ZrO<sub>2</sub>), độ mài mòn thấp, khả năng chống ăn mòn cao, vật liệu tương thích sinh học. Đường kính: 28mm (-3,5; +0; +3,5), 32mm (-4; +0; +4; +8), 36mm (-4; +0; +4; +8), 40mm (-4; +0; +4; +8).</p> <p>3. Ó cối (Shell): hất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) - ISO5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất bằng công nghệ phun Plasma.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ : có 15 kích cỡ từ 42–70mm với mỗi bước tăng 2mm.</li> <li>- Phù hợp với tất cả các loại lớp đệm. Kết cấu: có hệ thống khóa giữ chặt lớp đệm, nút đẩy vít có thể tháo rời, vành ngoài mép có gờ để tối ưu hoá đóng press-fit.</li> </ul> <p>4. Lớp đệm (Liner): Chất liệu: Cross-linked UHMWPE không có Calcium Stearate, có Vitamin E - ISO5834/1, Có gờ chống trật: 0°; 10°; 20°. Kích thước: 22mm; 28mm; 32mm; 36mm, 40mm.</p> <p>5. Vít ổ cối (Screw): hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V), đường kính 6.5mm, chiều dài: 20-50mm (mỗi bước tăng 5mm), 50-60mm (mỗi bước tăng 10mm).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất xứ: Châu Âu. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO + CE</li> </ul>

141	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE, chuỗi 300µm Titanium + 50µm HA - P141	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE, chuỗi 300µm Titanium + 50µm HA	Bộ	20	<p>1. Cuồng khớp: Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Niobium (Ti6Al7Nb) - ISO5832/11. Lớp phủ: 2 lớp 300µm Titanium xấp nguyên chất + 50µm Hydroxyapatite bằng công nghệ phun plasma. Kết cấu: có nhiều rãnh dọc và ngang xung quanh thân cuồng khớp. Kích cỡ chuỗi: có 12 kích cỡ từ 1/130,3mm; 2/140,3mm; 3/145,4mm; 4/150,4mm; 5/155,5mm; 6/160,5mm; 7/165,5mm; 8/170,4mm; 9/175,4mm; 10/179,9mm; 11/185,4mm; 12/190,4mm. Góc cổ chuỗi: 12/14, 5°43'30". Chiều dài cổ chuỗi (39mm; 41mm; 42mm; 43mm; 44mm; 45mm).- Offset: có 2 loại offset Standard CCD: 135° (38,6mm; 39,3mm; 40mm; 40,8mm; 41,5mm; 42,2mm; 42,9mm; 43,6mm; 44,1mm; 45,6mm); Lateralized CCD: 127° ( 44,9mm; 45,5mm; 46,3mm; 47,0mm; 47,7mm; 48,4mm; 49,1mm; 49,8mm; 50,3mm; 51,8mm).- Phương pháp khử trùng tia bức xạ với lượng 25 kGy, hoặc phương pháp VH2O2.</p> <p>2. Đầu chỏm xương đùi (Ceramic Ball Head): Chất liệu: hỗn hợp Aluminium, Zirconia và một số oxydes khác (Al2O3+ZrO2), độ mài mòn thấp, khả năng chống ăn mòn cao, vật liệu tương thích sinh học. Đường kính: 28mm (-3,5; +0; +3,5), 32mm (-4; +0; +4; +8), 36mm (-4; +0; +4; +8), 40mm (-4; +0; +4; +8).</p> <p>3. Ổ cối (Shell): Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) - ISO5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất bằng công nghệ phun Plasma. Kích cỡ: có 15 kích cỡ từ 42-70mm với mỗi bước tăng 2mm. Phù hợp với tất cả các loại lớp đệm. Kết cấu: có hệ thống khóa giữ chặt lớp đệm, nút đẩy vít có thể tháo rời, vành ngoài mép có gờ để tối ưu hoá đóng press-fit.</p> <p>4. Lớp đệm (Liner): Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE) không Calcium Stearate - ISO5834/1/2, Có gờ chống trượt: 0°; 10°; 20°. Kích thước: 22mm; 28mm; 32mm; 36mm, 40mm.</p> <p>5. Vít ổ cối (Screw): hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V), đường kính 6.5mm, chiều dài: 20-50mm (mỗi bước tăng 5mm), 50-60mm (mỗi bước tăng 10mm).</p> <p>- Xuất xứ: Châu Âu. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO + CE</p>
142	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi phủ HA, ổ cối R3, chỏm zirconium&niobium - P142	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi phủ HA, ổ cối R3, chỏm zirconium&niobium	Bộ	20	<p>1. Cuồng khớp không xi măng phủ HA: chất liệu hợp kim titanium 6Al-4V tiêu chuẩn ISO5832, phủ Ti-plasma 180 micron, lớp ngoài phủ HA dày 50µm, dài từ 119/125/132/136/139/143/147/151/155/159/163/167/171 mm, góc cổ chuỗi 135 độ hoặc 126 độ hoặc 145 độ. Bề rộng chuỗi 29mm-44mm. Hai loại có hoặc không có viền cổ.</p> <p>2. Chỏm khớp chất liệu chứa 97.5% zirconium và 2.5% niobium, được xử lý nhiệt độ cao và ô xi hoá, tạo thành vật liệu với bề mặt sứ dày 5 micron trên lõi kim loại. kích thước 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8).</p> <p>3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xấp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 µm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt.</p> <p>4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viền bổ sung 4mm bên ngoài.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu titan, đường kính ngoài 6.5mm, đường kính trong là 4.0mm, dài từ 15 đến 70 mm (15,20,25,30,35,40,45,50,60,70mm).</p>
143	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi Polarstem phủ HA, ổ cối R3HA, chỏm zirconium&niobium - P143	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi Polarstem phủ HA, ổ cối R3HA, chỏm zirconium&niobium	Bộ	15	<p>1. Cuồng khớp không xi măng phủ HA: chất liệu hợp kim titanium 6Al-4V tiêu chuẩn ISO5832, phủ Ti-plasma 180 micron, lớp ngoài phủ HA dày 50µm, dài từ 119/125/132/136/139/143/147/151/155/159/163/167/171 mm, góc cổ chuỗi 135 độ hoặc 126 độ hoặc 145 độ. Bề rộng chuỗi 29mm-44mm. Hai loại có hoặc không có viền cổ.</p> <p>2. Chỏm khớp chất liệu chứa 97.5% zirconium và 2.5% niobium, được xử lý nhiệt độ cao và ô xi hoá, tạo thành vật liệu với bề mặt sứ dày 5 micron trên lõi kim loại. kích thước 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8).</p> <p>3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V phủ HA, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xấp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 µm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt.</p> <p>4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viền bổ sung 4mm bên ngoài.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu titan, đường kính ngoài 6.5mm, đường kính trong là 4.0mm, dài từ 15 đến 70 mm (15,20,25,30,35,40,45,50,60,70mm).</p>

144	Bộ khớp háng toàn phần (COP) - P144	Bộ khớp háng toàn phần (COP)	Bộ	20	<p>1. Ổ cối có 3 lỗ bắt vít (Cluster-holed), thiết kế dạng bán cầu, có 12 gờ chống xoay cách nhau 30 độ và gờ khóa lớp lót ổ cối nghiêng 18 độ  Vật liệu: hợp kim Tivanium, bên ngoài được phủ lớp titanium nguyên chất dạng sợi  Có 13 loại đường kính từ 44mm tới 68mm  Vít ổ cối:  Là loại tự ta-rô  Có các loại kích thước: 4.5 x 15mm, 4.5 x 40mm, 4.5 x 50mm, 4.5 x 60mm, 6.5 x 15mm, 6.5 x 40mm, 6.5 x 50mm, 6.5 x 60mm, 6.5 x 70mm, 6.5 x 80mm</p> <p>2. Lót ổ cối:  Vật liệu: Polyethylene cao phân tử có phủ Vitamin E  Đường kính ngoài: 40 - 80mm với mỗi bước tăng 2mm  Đường kính trong: 22, 28, 32, 36 mm  Có gờ chống trật khớp vát 15 độ</p> <p>3. Chỏm khớp:  Vật liệu: BioloX delta ceramic  Kích thước:  - Đường kính 28mm, chiều dài cổ: -3.5, +0, +3.5  - Đường kính 32mm, chiều dài cổ: -3.5, +0, +3.5, +7  - Đường kính 36mm, chiều dài cổ: -3.5, +0, +3.5, +7  - Đường kính 40mm, chiều dài cổ: -3.5, +0, +3.5, +7</p> <p>4. Chuôi khớp háng:  Vật liệu Tivanium phủ Plasma dày 30<math>\mu</math>m - 70 <math>\mu</math>m  Góc cổ chuôi 131 độ, tối ưu hóa tầm vận động;  Cổ chuôi côn 12/14, loại cổ định đầu gần, có rãnh ở phía đầu xa tạo kênh giúp máu và mảnh xương có thể thoát ra ngoài trong quá trình phẫu thuật;  Chuôi được thiết kế giúp cố định trong-ngoài  Đầu xa được thiết kế bề mặt nhẵn bóng cao giúp dễ đưa chuôi vào lòng ống tủy;  Cổ chuôi dạng thon gọn phía dưới cổ côn 12/14 giúp tăng biên độ vận động;  Kích cỡ chuôi (Stem Size) có 14 cỡ từ 4 đến 22.5 mm  Chiều dài chuôi (Stem Length) có 14 cỡ từ 107mm đến 144mm  Độ dài cổ chuôi tiêu chuẩn có các cỡ -3.5, +0, +3.5, +7 và +10.5 tương ứng với 14 cỡ chuôi khác nhau</p>
-----	-------------------------------------	------------------------------	----	----	---

HỒ  
 TÊN  
 HỌ  
 TÊN  
 HỌ

145	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly, lớp đệm và chòm nguyên khối, chuyển động đôi - P145	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly, lớp đệm và chòm nguyên khối, chuyển động đôi.	Bộ	60	<p>1. Chuôi xương đùi: Loại tự khoá</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium, phủ 2 lớp: Titanium 120µm và Hydroxyapatite 80µm</li> <li>- Góc cổ chuôi 135°, côn 12/14 - 5°40', cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương</li> <li>- Kích cỡ: có 9 kích cỡ, size x chiều dài: 8 x 87mm, 9 x 130mm, 10 x 140mm, 11 x 145mm, 12 x 150mm, 13 x 155mm, 14 x 160mm, 15 x 165mm, 16 x 170mm</li> </ul> <p>2. Đầu xương đùi (chòm) và Lớp đệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu xương đùi (chòm): vật liệu: alumina ceramic, đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5)</li> <li>- Lớp đệm: vật liệu: Polyethylene. Kích cỡ: 48-60 (bước tăng 2)</li> <li>- Lớp đệm được lắp sẵn với chòm tại hăng</li> </ul> <p>3. Ổ cối: Ổ cối không bắt vít</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Hợp kim Cobalt-chromium-molybdenum, phủ 2 lớp: Titanium 120µm và Hydroxyapatite 80µm</li> <li>- Mặt ngoài: quanh viền có 6 đỉnh cố định chống xoay, trên đỉnh có 4 đỉnh chống lật và xoay. Mặt trong: được đánh bóng cao với độ nhám &lt;0,05µm. Có vành chống trật 5mm với 2 điểm đánh dấu và có chén (đĩa) đóng lắp sẵn dưới áp lực chân không</li> <li>- Kích cỡ: 48-60 (bước tăng 2)</li> </ul> <p>* Đóng gói tiệt trùng * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</p>
A		Khớp háng toàn phần không xi măng chuôi dài			
146	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi dài, lớp lót HXLPE, ceramic on poly - P146	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi dài, lớp lót HXLPE, ceramic on poly	Bộ	6	<p>1. Chuôi xương đùi: Chuôi thuận 2° và tiết diện hình tròn có thể được đặt với mọi góc xoay. Chuôi có 8 gờ dọc với các cạnh sắc nét, nhằm bám dính chắc chắn vào vỏ xương đùi, từ đó đảm bảo độ ổn định chống xoay, chống lún tối ưu. Có 2 lỗ trên đầu gắn xương đùi để cột cáp hoặc chỉ thép tăng cường độ vững vùng máu chuyển lớn và máu chuyển bé. Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). Bề mặt thân chuôi được xử lý phun cát hoặc phun plasma Titanium ở phần đầu gần. Độ côn: 12/14. Góc cổ chuôi 135°. Có 16 kích cỡ. Chiều dài chuôi 190mm và 225mm. Có 3 cỡ offset: 42mm, 44mm, 46mm. Chiều dài cổ 3 kích thước 59mm, 62mm và 65mm.</p> <p>2. Chòm xương đùi Ceramic: Chất liệu: Ceramic Delta (gồm sinh học cao cấp) là loại vật liệu gốm thể hệ 4 bao gồm Zirconia (ZrO<sub>2</sub>) được gia cường bằng Alumina (Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>) có độ bền cơ học cao hơn so với Ceramic truyền thống. Kích cỡ: 28mm, 32mm, 36mm; có nhiều chiều dài cổ: S, M, L, XL tương ứng với -4, -3.5, 0, +3.5, +4, +8.</p> <p>3. Ổ cối: Chất liệu: Hợp kim Titanium. Bề mặt được phủ lớp plasma Titanium xốp xuất xứ từ Anh. Có 14 kích cỡ từ 38mm đến 64 mm. Mỗi bước tăng 2mm. Ổ cối sử dụng cơ chế khóa Innerchange, tạo ra sự liên kết chắc chắn giữa miếng lót polyethylene và ổ cối. Ổ cối tương thích với tất cả miếng lót là UHMWPE, HXLPE và Ceramic. Thiết kế 12 rãnh răng cưa trên vòng lót, có 3-5 lỗ bắt vít và có 2 lỗ bắt vít ở vị trí ụ ngồi giúp cúp cổ định, vững chắc hơn. Ổ cối sử dụng được big head, cup 46 - 48 sử dụng được head 32mm, cup 50 trở lên sử dụng được cup 36mm.</p> <p>4. Miếng lót ổ cối HXLPE: Chất liệu: HXLPE (Polyethylene PE có độ liên kết chéo cao). Miếng lót được thiết kế để khóa cố định vào ổ cối thông qua một vòng khóa bao quanh, khớp vào rãnh liên kết tương ứng trên ổ cối. Tính ổn định xoay được đảm bảo khi các gờ chống xoay trên ổ cối ăn khớp với các rãnh trên miếng lót. Có gờ chống trật.</p> <p>5. Vít ổ cối: Xoay đa hướng, tự taro. Chất liệu: Hợp kim Titanium. Kích cỡ: Đường kính 6,5mm; có 12 kích cỡ chiều dài từ 15mm đến 70mm (mỗi bước tăng 5mm).</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.</p>

147	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài, lớp lót HXLPE - P147	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài, lớp lót HXLPE	Bộ	6	<p>1. Chuôi xương đùi: Chuôi thuôn 2° và tiết diện hình tròn có thể được đặt với mọi góc xoay. Chuôi có 8 gờ dọc với các cạnh sắc nét, nhằm bám dính chắc chắn vào vỏ xương đùi, từ đó đảm bảo độ ổn định chống xoay, chống lún tối ưu. Có 2 lỗ trên đầu gắn xương đùi để cột cáp hoặc chỉ thép tăng cường độ vững vùng máu chuyển lớn và máu chuyển bé. Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). Bề mặt thân chuỗi được xử lý phun cát hoặc phun plasma Titanium ở phần đầu gần. Độ côn: 12/14. Góc cổ chuỗi 135°. Có 16 kích cỡ. Chiều dài chuỗi 190mm và 225mm. Có 3 cỡ offset: 42mm, 44mm, 46mm. Chiều dài cổ 3 kích thước 59mm, 62mm và 65mm.</p> <p>2. Chòm xương đùi: Chất liệu: Hợp kim Co-Cr-Mo. Kích cỡ: đường kính 22mm, 28mm, 32mm, 36mm; có nhiều chiều dài cổ: -4, 0, +4, +8, +12.</p> <p>3. Ổ cối : Chất liệu: Hợp kim Titanium. Bề mặt được phủ lớp plasma Titanium xấp xỉ từ Anh. Có 14 kích cỡ từ 38mm đến 64 mm. Mỗi bước tăng 2mm. Ổ cối sử dụng cơ chế khóa Innerchange, tạo ra sự liên kết chắc chắn giữa miếng lót polyethylene và ổ cối. Ổ cối tương thích với tất cả miếng lót là UHMWPE, HXLPE và Ceramic. Thiết kế 12 rãnh răng cưa trên vòng lót, có 3-5 lỗ bắt vít và có 2 lỗ bắt vít ở vị trí ụ ngồi giúp cúp ổ định, vững chắc hơn. Ổ cối sử dụng được big head, cup 46 - 48 sử dụng được head 32mm, cup 50 trở lên sử dụng được cup 36mm.</p> <p>4. Miếng lót ổ cối: Chất liệu: HXLPE (Polyethylene PE có độ liên kết chéo cao). Miếng lót được thiết kế để khóa cố định vào ổ cối thông qua một vòng khóa bao quanh, khớp vào rãnh liên kết tương ứng trên ổ cối. Tính ổn định xoay được đảm bảo khi các gờ chống xoay trên ổ cối ăn khớp với các rãnh trên miếng lót. Có gờ chống trật.</p> <p>5. Vít ổ cối: Xoay đa hướng, tự taro. Chất liệu: Hợp kim Titanium. Kích cỡ: Đường kính 6,5mm; có 12 kích cỡ chiều dài từ 15mm đến 70mm (mỗi bước tăng 5mm).</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.</p>
148	Bộ khớp háng toàn phần cổ rời chuỗi dài Z không xi măng - P148	Bộ khớp háng toàn phần cổ rời chuỗi dài Z không xi măng	Bộ	25	<p>1. Ổ cối: hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, độ xấp 30%, độ dày 114μm, gồm đường kính các cỡ từ 44mm-70mm, bước tăng 2mm</p> <p>2. Lớp lót bằng X-Linked Poly (liên kết chéo) có bề chống trật 0 độ; 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Rim-Lock.</p> <p>3. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 28, 32, 36mm. Lỗ tăng giảm (+0mm, +3,5mm, +7mm)</p> <p>4. Cổ rời : Chất liệu: Titanium và Cobalt Chrome. Góc cổ Varus 127 độ, góc cổ Neutral 135 độ, góc cổ Valgus 143 độ, chiều dài cổ: 27mm-38.5mm.</p> <p>5. Cuống xương đùi chất liệu Titanium. Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (34- 43mm), cổ dài (43 - 51mm). Góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (31- 40mm), cổ dài (39 - 47mm). Chiều dài: 176mm, 181mm, 186mm, 191mm, 196mm, 201mm, 206mm, 211mm, 216mm</p> <p>6. Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm (Bước tăng 5mm)</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC và FDA</p> <p>* Xuất xứ các nước G7</p>

149	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài U2, góc cổ chuỗi 130 độ - lớp lót Metal on PE có vitamin E - P149	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài U2, góc cổ chuỗi 130 độ - lớp lót Metal on PE có vitamin E	Bộ	13	<p>1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám dày 0.3 mm và phủ HA 0.08mm. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có 2 loại: ít lỗ vít (Cluster) hoặc nhiều lỗ vít (Multi hole), có 14 cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển 2mm. Cạnh ổ cối có 2 dấu laser giúp định hướng lỗ bắt vít ổ cối. Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ. Các lỗ vít có nút chặn.</p> <p>2. Lớp lót: bằng Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo giúp tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu. Lớp lót có 2 dạng (0° và 20°), có 3 mẫu tròn giúp định hướng góc 20°. Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm.</p> <p>3. Chòm xương đùi: bằng hợp kim CoCrMo; kích thước 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm), 32mm (-3mm, +0mm, +2.5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) và chòm lớn 36mm (-3mm, +0mm, 2.5mm, +5mm, 7.5mm, +10mm) với taper 12/14.</p> <p>4. Chuỗi dài không xi măng: (số lượng: 01 cái) Vật liệu hợp kim Titanium Alloy dạng hình nêm 3 chiều và cổ trơn, bề mặt phun Titanium Plasma Spray toàn thân, góc cổ thân 130 độ, taper 12/14, đầu xa đánh bóng và vuốt nhọn. Có 2 dạng: - Dạng thẳng (chiều dài 180mm với 7 lựa chọn đường kính đầu xa có các cỡ từ size 11mm; size 12mm; size 13mm; size 14mm; size 15mm; size 16.5mm và size 18mm) - Dạng cong + Chân trái: chiều dài 230mm, tương ứng 7 lựa chọn đường kính đầu xa có các cỡ từ size 11mm; size 12mm; size 13mm; size 14mm; size 15mm; size 16.5mm và size 18mm. + Chân phải: chiều dài 230mm, tương ứng 7 lựa chọn đường kính đầu xa có các cỡ từ size 11mm; size 12mm; size 13mm; size 14mm; size 15mm; size 16.5mm và size 18mm.</p> <p>5. Vít ổ cối: làm bằng Titanium (số lượng: 02 cái): mũ lục lăng, đường kính 6.5mm với các độ dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm, 40mm, 45mm, 50mm. Bộ khớp có chứng nhận tiêu chuẩn FDA, PMDA và CE/ISO.</p>
150	Bộ khớp háng Toàn phần ceramic on poly (Chuỗi dài) - P150	Bộ khớp háng Toàn phần ceramic on poly (Chuỗi dài)	Bộ	6	<p>1/ Chuỗi khớp: Chất liệu: Titanium. Góc cổ 135°. Chiều dài thân chuỗi từ 170 - 200mm tương ứng 16 cỡ. Base offset 42mm. Chiều dài cổ 37.5mm. Chiều rộng đầu gần từ 14 - 22mm tương ứng.</p> <p>2/ Ổ cối: Chất liệu: Titanium alloy + Titanium. Đường kính Ngoài/(Trong) tương ứng: Ngoài: 44mm (Trong 36mm) - 64mm (Trong 54mm); bước tăng 2mm.</p> <p>3/ Lót ổ cối: Chất liệu: High Cross Linked Polyethylene. Đường kính Ngoài/(Trong) tương ứng: Ngoài: từ 36 - 38mm (Trong 28mm), từ 40 - 42mm (Trong 32mm), từ 42 - 54mm (Trong 36mm); bước tăng 2mm.</p> <p>4/ Head: Chất liệu: Ceramic. Kích thước: 28, 32 và 36mm, tương ứng 4 cỡ S, M, L, XL (loại 32 và 36mm). Chiều dài cổ tương ứng các cỡ: - Loại kích thước 28mm: -3.5, 0, +3.5mm. - Loại kích thước 32 và 36mm: -4, 0, +4, +8mm.</p> <p>5/ Vít cho ổ cối: Chất liệu: Titanium alloy. Đường kính 6.3mm. Chiều dài 20 - 35mm, bước tăng 5mm.</p> <p>6/ Nút lỗ đi kèm: Chất liệu: Titanium alloy. Đường kính 10mm. Chiều dài 4mm.</p> <p>7/ Nút lỗ vít: Chất liệu: Titanium alloy. Đường kính 8mm. Chiều dài 3mm. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích.</p>

151	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài, chiều dài chuỗi 190/240/300mm, chòm zirconium&niobium, ổ cối titanium 6Al-4V - P151	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài, chiều dài chuỗi 190/240/300mm, chòm zirconium&niobium, ổ cối titanium 6Al-4V	Bộ	8	<p>1. Cuồng khớp đầu côn 12/14. Cổ dạng hình thang tròn, giúp tăng phạm vi chuyển động. Hai tùy chọn cổ: Standard Offset (131 độ), High Offset (125 độ) Chuôi hình thon chất liệu Titanium. Thiết kế rãnh độc quyền: Gồm chốt rãnh lớn và chốt rãnh nhỏ. Chốt rãnh lớn cung cấp độ ổn định dọc và xoay, giảm nguy cơ lún. Tăng chiều rộng 50% từ đầu xa đến đầu gần. Chốt rãnh nhỏ cung cấp độ ổn định dọc, tăng cả chiều rộng và chiều cao từ đầu xa tới đầu gần, tạo cấu trúc hình nêm đa dạng giúp chống lún. Chiều dài chuỗi: 190mm, 240mm, 300mm Đường kính: 12-27mm (bước tăng 1mm). Chuôi dài 190mm có đường kính 12-21mm.</p> <p>2. Chòm khớp chất liệu chứa 97.5% zirconium và 2.5% niobium, được xử lý nhiệt độ cao và ô xi hoá, tạo thành vật liệu với bề mặt sứ dày 5 micron trên lõi kim loại. Kích thước 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8).</p> <p>3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xấp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 µm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt.</p> <p>4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viền bổ sung 4mm bên ngoài.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu titan, đường kính ngoài 6.5mm, đường kính trong là 4.0mm, dài từ 15 đến 70 mm (15,20,25,30,35,40,45,50,60,70mm).</p>
152	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài, chiều dài chuỗi 190/240/300mm, chòm zirconium&niobium, ổ cối phủ HA - P152	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài, chiều dài chuỗi 190/240/300mm, chòm zirconium&niobium, ổ cối phủ HA	Bộ	6	<p>1. Cuồng khớp đầu côn 12/14. Cổ dạng hình thang tròn, giúp tăng phạm vi chuyển động. Hai tùy chọn cổ: Standard Offset (131 độ), High Offset (125 độ) Chuôi hình thon chất liệu Titanium. Thiết kế rãnh độc quyền: Gồm chốt rãnh lớn và chốt rãnh nhỏ. Chốt rãnh lớn cung cấp độ ổn định dọc và xoay, giảm nguy cơ lún. Tăng chiều rộng 50% từ đầu xa đến đầu gần. Chốt rãnh nhỏ cung cấp độ ổn định dọc, tăng cả chiều rộng và chiều cao từ đầu xa tới đầu gần, tạo cấu trúc hình nêm đa dạng giúp chống lún. Chiều dài chuỗi: 190mm, 240mm, 300mm Đường kính: 12-27mm (bước tăng 1mm). Chuôi dài 190mm có đường kính 12-21mm.</p> <p>2. Chòm khớp chất liệu chứa 97.5% zirconium và 2.5% niobium, được xử lý nhiệt độ cao và ô xi hoá, tạo thành vật liệu với bề mặt sứ dày 5 micron trên lõi kim loại. Kích thước 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8).</p> <p>3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V phủ HA, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xấp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 µm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt.</p> <p>4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viền bổ sung 4mm bên ngoài.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu titan, đường kính ngoài 6.5mm, đường kính trong là 4.0mm, dài từ 15 đến 70 mm (15,20,25,30,35,40,45,50,60,70mm).</p>
153	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài, chiều dài chuỗi 190/240/300mm, chòm COCR, ổ cối phủ HA - P153	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài, chiều dài chuỗi 190/240/300mm, chòm COCR, ổ cối phủ HA	Bộ	6	<p>1. Cuồng khớp đầu côn 12/14. Cổ dạng hình thang tròn, giúp tăng phạm vi chuyển động. Hai tùy chọn cổ: Standard Offset (131 độ), High Offset (125 độ) Chuôi hình thon chất liệu Titanium. Thiết kế rãnh độc quyền: Gồm chốt rãnh lớn và chốt rãnh nhỏ. Chốt rãnh lớn cung cấp độ ổn định dọc và xoay, giảm nguy cơ lún. Tăng chiều rộng 50% từ đầu xa đến đầu gần. Chốt rãnh nhỏ cung cấp độ ổn định dọc, tăng cả chiều rộng và chiều cao từ đầu xa tới đầu gần, tạo cấu trúc hình nêm đa dạng giúp chống lún. Chiều dài chuỗi: 190mm, 240mm, 300mm Đường kính: 12-27mm (bước tăng 1mm). Chuôi dài 190mm có đường kính 12-21mm.</p> <p>2. Chòm khớp phù hợp cổ côn 12/14 chất liệu Cobalt Chromium ASTM F 799, kích thước 22mm (+0,+4,+8,+12); 26mm (+0,+4,+8,+12); kích thước 28mm; 32mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16); kích thước 36mm (-3, +0, +4, +8).</p> <p>3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V phủ HA, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xấp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 µm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt.</p> <p>4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viền bổ sung 4mm bên ngoài.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu titan, đường kính ngoài 6.5mm, đường kính trong là 4.0mm, dài từ 15 đến 70 mm (15,20,25,30,35,40,45,50,60,70mm).</p>

154	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài (MOP) - P154	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài (MOP)	Bộ	10	<p>1. Ổ cối có 3 lỗ bắt vít (Cluster-holed), thiết kế dạng bán cầu, có 12 gờ chống xoay cách nhau 30 độ và gờ khóa lớp lót ổ cối nghiêng 18 độ</p> <p>Vật liệu: hợp kim Titanium, bên ngoài được phủ lớp titanium nguyên chất dạng sợi</p> <p>Có 13 loại đường kính từ 44mm tới 68mm</p> <p>Vít ổ cối:</p> <p>Là loại tự ta-rô</p> <p>Có các loại kích thước: 4.5 x 15mm, 4.5 x 40mm, 4.5 x 50mm, 4.5 x 60mm, 6.5 x 15mm, 6.5 x 40mm, 6.5 x 50mm, 6.5 x 60mm, 6.5 x 70mm, 6.5 x 80mm</p> <p>2. Lót ổ cối:</p> <p>Vật liệu: Polyethylene cao phân tử có phủ Vitamin E</p> <p>Đường kính ngoài: 40 - 80mm với mỗi bước tăng 2mm</p> <p>Đường kính trong: 22, 28, 32, 36 mm</p> <p>Có gờ chống trật khớp vát 15 độ</p> <p>3. Chòm khớp:</p> <p>Vật liệu: hợp kim Cobalt-Chromium Molybdenum</p> <p>Sử dụng an toàn trong môi trường cộng hưởng từ (MRI) 1.5T và 3.0T</p> <p>Đường kính (head) có các loại: 28 (-3.5, 0, ±3.5, +7, +10.5)mm, 32 (-3.5, 0, ±3.5, +7, +10.5)mm, 36 (-3.5, 0, ±3.5, +7, +10.5)mm, 40 (-3.5, 0, ±3.5, +7, +10.5)mm, 44 (-3.5, 0, ±3.5, +7, +10.5)mm</p> <p>4. Chuỗi khớp háng:</p> <p>Vật liệu: hợp kim Titanium, thân được phủ Protasul-100 toàn bộ</p> <p>Góc cổ chuỗi (neck angle): 135 độ, cổ chuỗi côn 12/14 loại không xi măng</p> <p>Thân chuỗi hình nón nghiêng góc 2 độ, cổ chuỗi dạng không gờ, có 8 gờ chống xoay chạy dọc thân chuỗi, có 2 lỗ ở thân chuỗi để cố định chỉ thép.</p> <p>Độ dài chuỗi có 4 loại 190mm, 225mm, 265mm, 305mm.</p> <p>Chuỗi dài 190mm có 7 loại đường kính từ 14 mm đến 20 mm, bước tăng 1mm</p> <p>Chuỗi dài 225mm có 9 loại đường kính từ 14 mm đến 22 mm, bước tăng 1mm</p> <p>Chuỗi dài 265mm có 12 loại đường kính từ 14 mm đến 25 mm, bước tăng 1mm</p> <p>Chuỗi dài 305mm có 12 loại đường kính từ 14 mm đến 25 mm, bước tăng 1mm</p>
155	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài, ổ cối chuyển động đôi có xi măng kèm, nẹp rá ổ cối hình chữ thập - P155	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài, ổ cối chuyển động đôi có xi măng kèm, nẹp rá ổ cối hình chữ thập	Bộ	20	<p>1. Chuỗi xương đùi:</p> <p>- Vật liệu: Hợp kim titanium aluminium vanadium, phủ 2 lớp: Titanium 120µm và Hydroxyapatite 80µm. Góc cổ chuỗi 130°, côn 12/14 - 5°40', cổ chuỗi hình elip và được đánh bóng gương, cổ chuỗi có gờ viền quanh. Thân chuỗi có 2 lỗ bắt vít điều chỉnh, vít khóa đường kính 5.5mm, dài 28-55mm, vít điều chỉnh đường kính 5.5mm, dài 30-35mm</p> <p>- Kích cỡ: có 3 cỡ: 12, 14, 16 (bước tăng 2), chiều dài 200, 250mm, 300mm</p> <p>2. Ổ cối + Nẹp rá:</p> <p>- Ổ cối có xi măng: vật liệu: hợp kim cobalt-chromium-molybdenum, kích cỡ: 44-60</p> <p>- Nẹp rá ổ cối: vật liệu: thép không gỉ. Hình chữ thập, gồm 4 lỗ để bắt vít, tương ứng vít đường kính 5.0mm. Kích cỡ: 4, 5, 6 dành cho bên phải hoặc bên trái</p> <p>3. Lớp đệm:</p> <p>- Vật liệu: Polyethylene cao phân tử. Lớp đệm chuyển động đôi. Kích cỡ: 44-60</p> <p>4. Đầu xương đùi (chòm):</p> <p>- Vật liệu: thép không gỉ. Đường kính 22.2mm (-2, 0, +3), đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5)</p> <p>5. Xi măng cùng hãng sản xuất</p> <p>* Đóng gói tiệt trùng</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</p>

A		<b>Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi</b>			
156	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 2 trục linh động, ổ cối không có vít - P156	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 2 trục linh động, ổ cối không có vít	Bộ	5	<p>Tiêu chuẩn ISO, CE</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Ổ cối không xi măng 2 trục linh động: Vật liệu Chrome cobalt, bề mặt được phủ 2 lớp Titanium và HAP, đường kính từ 42 - 66mm bước tăng 2mm, bề mặt bên trong được đánh bóng.</li> <li>Lót ổ cối 2 trục linh động: vật liệu UHMWP - Ultra High Molecular Weight Polyethylene, đường kính ngoài phù hợp với ổ cối từ 42-66mm, đường kính trong 22mm và 28mm</li> <li>Chỏm khớp: Chất liệu CoCrMo, Đường kính gồm các loại 22mm, 28mm, 32mm. Cỏ côn: 12/14.</li> <li>Chuôi khớp: Chuôi khớp háng không xi măng phủ HAP toàn bộ, Chất liệu: Ti6Al4V. Cỏ côn: 12/ 14. Chiều dài chuôi từ 115 đến 180mm. Góc cổ chuôi 135 độ, có 10 cỡ từ 8-18, Chiều dài Offset từ 38.2-44.7mm, độ cao cổ 35.5mm, Chiều dài cổ 38.35mm. Phần đầu gần chuôi có rãnh ngang 2 mặt, Thân chuôi có rãnh dọc 4 hướng giúp tăng cường độ bám xương, Đỉnh chuôi có ren vận giúp tháo lắp dễ dàng.</li> </ol>
157	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 2 trục linh động - P157	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 2 trục linh động	Bộ	5	<p>Tiêu chuẩn ISO, CE</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Ổ cối không xi măng 2 trục linh động: vật liệu Chrome cobalt, bề mặt được phủ 2 lớp Titanium và HAP, đường kính từ 42 - 66mm, bước tăng 2mm. Bề mặt bên trong được đánh bóng. - Có 2 lỗ bắt vít kèm 2 vít chốt dạng đóng, bề mặt phủ HA giúp cố định vững chắc. - Mặt ổ cối có thêm móc tăng cường, có thể bắt thêm vít gúp gia cố độ vững của ổ cối.</li> <li>Lót ổ cối 2 trục linh động: Vật liệu UHMWP - Ultra High Molecular Weight Polyethylene, đường kính ngoài phù hợp với ổ cối từ 42-66mm, đường kính trong 22mm và 28mm.</li> <li>Chỏm khớp: Chất liệu CoCrMo, Đường kính gồm các loại 22mm, 28mm, 32mm. Cỏ côn: 12/14.</li> <li>Vít bắt thành ổ cối: Vật liệu Titanium TA6V4 ELI, tự taro, Đường kính 4.5mm, độ dài từ 15-50mm, (01 cái).</li> <li>Chuôi khớp háng không xi măng phủ HAP toàn bộ: Chất liệu: Ti6Al4V. Cỏ côn: 12/ 14. Chiều dài chuôi từ 115 đến 180mm. Góc cổ chuôi 135 độ, có 10 cỡ từ 8-18, Chiều dài Offset từ 38.2-44.7mm, độ cao cổ 35.5mm, Chiều dài cổ 38.35mm. Phần đầu gần chuôi có rãnh ngang 2 mặt, thân chuôi có rãnh dọc 4 hướng giúp tăng cường độ bám xương, đỉnh chuôi có ren vận giúp tháo lắp dễ dàng.</li> </ol>
158	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động kép - P158	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động kép	Bộ	20	<ol style="list-style-type: none"> <li>Cuống xương đùi: làm bằng hợp kim Titanium (Ti6AL4V) bên ngoài được phủ lớp Hydroxy apatite (HA) <math>\geq 70\%</math>, Độ kết dính <math>\geq 80\%</math> độ dày 120-190<math>\mu\text{m}</math>. Cỏ côn (Taper) 12/14. Độ đi lệch cổ chuôi (Offset): 38.2, 38.5, 39.5, 40.0, 41.0, 41.5, 42.0, 43.0, 43.5, 44.5. Góc cổ chuôi 135°. Có 10 size, chiều dài thân chuôi: 116, 131, 141, 146, 151, 156, 161, 166, 171, 181. Độ bền kéo <math>&gt;15\text{MPa}</math></li> <li>Đầu xương đùi: Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr). Kích cỡ: 22mm, 28mm có các size (S, M, L, XL)</li> <li>Lớp đệm: Vật liệu: UHMWPE. Đường kính trong 22mm tương ứng đường kính ngoài (39, 41, 32, 36, 37mm) và đường kính trong 28mm tương ứng đường kính ngoài (39, 41, 43, 45, 46, 49, 53, 57, 59mm)</li> <li>Ổ cối: Vỏ ngoài của SignaSureTM có hình bán cầu, với bề mặt ngoài được phủ để cố định không cần xi măng với ổ cối của bệnh nhân. Vật liệu và lớp phủ (Ti6Al4V với lớp phủ HA). Bề mặt bên trong được đánh bóng cao cho phép khớp nối với lớp lót polyethylene di động. Bề mặt ngoài của vỏ cũng bao gồm các gân và rãnh để hỗ trợ cố định. Các rãnh cung cấp sự ổn định quay và trục. Kích thước từ 42mm - 64mm (Bước tăng 2mm)</li> </ol> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và TGA * Xuất xứ tại nước châu Âu</p>

159	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động kép, chòm Ceramic - P159	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động kép, chòm Ceramic	Bộ	12	<p>1. Cuống xương đùi: làm bằng hợp kim Titanium (Ti6AL4V) bên ngoài được phủ lớp Hydroxy apatite (HA) <math>\geq 70\%</math>, Độ kết dính <math>\geq 80\%</math> độ dày 120-190<math>\mu\text{m}</math>, Cổ côn (Taper) 12/14. Độ đi lệch cổ chuôi (Offset): 38.2, 38.5, 39.5, 40.0, 41.0, 41.5, 42.0, 43.0, 43.5, 44.5. Góc cổ chuôi 135°. Có 10 size, chiều dài thân chuôi: 116, 131, 141, 146, 151, 156, 161, 166, 171, 181. Độ bền kéo <math>&gt; 15\text{MPa}</math></p> <p>2. Đầu xương đùi: Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr). Kích cỡ: 22mm, 28mm có các size (S, M, L, XL)</p> <p>3. Ổ cối: Vật liệu: Ti6Al4V, bên ngoài được phủ một lớp Hydroxy apatite (HA) trên nền Titanium lỗ tổ ong độ dày 100 micron. Độ kết dính <math>\geq 80\%</math>; Ca/P 1.67. Hàm lượng HA (%HAP) <math>&gt; 70\%</math>. Độ nhám lớp phủ HA 40 micron, có 3 lỗ bắt vít hoặc nhiều lỗ bắt vít. Kích cỡ từ 44mm - 70mm (Bước tăng 2mm)</p> <p>4. Lớp đệm trong: Vật liệu: làm bằng CoCr</p> <p>5. Lớp đệm: Vật liệu: UHMWPE. Đường kính trong 22mm tương ứng đường kính ngoài (39, 41, 32, 36, 37mm) và đường kính trong 28mm tương ứng đường kính ngoài (39, 41, 43, 45, 46, 49, 53, 57, 59mm)</p> <p>6. Vít ổ cối: Đường kính 6.5 mm, chiều dài từ 15-70 mm (Bước tăng 5mm)</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và TGA</p> <p>* Xuất xứ tại nước châu âu</p>
160	Khớp háng toàn phần không xi măng hai trục linh động Dual Mobility - P160	Khớp háng toàn phần không xi măng hai trục linh động Dual Mobility	Bộ	10	<p>1. Chuôi khớp không xi măng: Chất liệu: hợp kim Titanium (TA6V ELI), được phủ 2 lớp gồm 1 lớp titanium xốp cao cấp kết hợp phủ lớp HA (hydroxyl apatite) toàn thân làm tăng khả năng kích thích tạo xương tiêu chuẩn ISO 5832-3/ ASTM F136, cổ <math>5^{\circ}42'30''</math> góc 135 độ, côn 12/14, độ dài cổ 42.43mm. Các rãnh chéo có độ sâu: 1mm, các rãnh dọc có độ sâu: 0,35mm, và các rãnh ngang. Các cỡ và chiều dài tương ứng là: 9x130mm, 10x140mm, 11x145mm, 12x150mm, 13x155mm, 14x160mm, 15x165mm, 16x170mm, 18x180mm, 20x190mm. Khoảng cách bán kính thẳng góc của cổ và Chuôi khớp (Offset) tương ứng là: 9x41.5mm, 10x42.3mm, 11x43.1mm, 12x43.9mm, 13x44.8mm, 14x45.6mm, 15x46.4mm, 16x47.2mm, 18x48mm, 20x48.9mm.</p> <p>2. Ổ cối-không xi măng: Ổ cối không xi măng vát 10 độ so với mặt phẳng xích đạo, cấu tạo từ thép không gỉ được phủ một lớp phủ kép gồm: Titanium TA6V ELI dạng xốp và phủ 1 lớp HA ( hydroxyl Apatite). Lớp titanium xốp có độ hạt lớn (độ dày <math>200 \pm 60 \mu\text{m}</math>, độ xốp <math>30 \pm 10\%</math>) và lớp hydroxyapatite (HA) (độ dày <math>120 \pm 40 \mu\text{m}</math>). Trên ổ cối được đánh dấu 6 rãnh theo kinh tuyến ( Cứ mỗi 60 độ sẽ có một rãnh) mỗi một rãnh trong số đó sẽ được đánh dấu thẳng hướng với dụng cụ lắp ổ cối trước khi đóng. Có 10 cỡ đường kính: 44, 46, 48, 50, 52, 54, 56, 58, 60, 62 mm, không dùng vít. Ổ cối 44/46 dùng chòm 22.22mm, Ổ cối 48 đến 62 dùng chòm 28mm (Sử dụng đường kính chòm 28mm)</p> <p>3. Lót ổ cối: Chất liệu UHMWPE dùng cho chòm đường kính 28 mm 8 cỡ; dùng với chòm đường kính 22.22mm có hai cỡ, mỗi lót ổ cối dùng với một ổ cối.</p> <p>4. Chòm khớp: Đường kính 22.22/ 28 mm chiều dài cổ chòm 22.22mm: -4 ; +0; +4 mm; Chòm 28 chiều cổ: - 3.5 ; +0; +3.5; +7 mm.</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. Xuất xứ: G7</p>



164	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động kép - P164	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động kép	Bộ	10	<p>* Cuống xương đùi: loại H, vật liệu hợp kim Titanium, phủ HA toàn chuỗi dày 155<math>\mu</math>m, thiết kế rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Góc cổ chuỗi 135°, Neck Taper 12/14, có 10 kích cỡ T09 - T20, chiều dài 130 - 190mm, tiêu chuẩn ISO 5832-3.</p> <p>* Ổ cối: vật liệu thép không ri (ISO 5832-1), phủ 02 lớp: HAP 100<math>\mu</math>m (ISO 3779-1/2) trên nền Titanium 300<math>\mu</math>m (ISO 13179-1). Bề mặt tiếp xúc được đánh bóng làm giảm ma sát đến mức thấp nhất chống mài mòn, có 12 kích cỡ <math>\varnothing</math>44 - 66mm</p> <p>* Lớp đệm: Polyethylene cao phân tử (ISO 5834-1/2), độ dày lớp PE tối thiểu 8.5mm, đường kính trong phù hợp đầu xương đùi, đường kính ngoài phù hợp ổ cối.</p> <p>* Đầu xương đùi: thép không ri (ISO 5832-1) được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size: <math>\varnothing</math>22.2; 28mm.</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE Xuất xứ Châu Âu</p>
165	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động kép có lớp phủ Ti độ dày lớn, phủ HA toàn chuỗi - P165	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động kép có lớp phủ Ti độ dày lớn, phủ HA toàn chuỗi	Bộ	10	<p>* Cuống xương đùi: loại H, vật liệu hợp kim Titanium, phủ HA toàn chuỗi dày 155<math>\mu</math>m, thiết kế rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Góc cổ chuỗi 135°, Neck Taper 12/14, có 10 kích cỡ T09 - T20, chiều dài 130 - 190mm, tiêu chuẩn ISO 5832-3.</p> <p>* Ổ cối: vật liệu thép không ri (ISO 5832-1), phủ 02 lớp: HAP 100<math>\mu</math>m (ISO 3779-1/2) trên nền Titanium 300<math>\mu</math>m (ISO 13179-1). Bề mặt tiếp xúc được đánh bóng làm giảm ma sát đến mức thấp nhất chống mài mòn, có 12 kích cỡ <math>\varnothing</math>44 - 66mm</p> <p>* Lớp đệm: Polyethylene cao phân tử (ISO 5834-1/2), độ dày lớp PE tối thiểu 8.5mm, đường kính trong phù hợp đầu xương đùi, đường kính ngoài phù hợp ổ cối.</p> <p>* Đầu xương đùi: thép không ri (ISO 5832-1) được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size: <math>\varnothing</math>22.2; 28mm.</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE Xuất xứ Châu Âu</p>
166	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi loại tiêu chuẩn - P166	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi loại tiêu chuẩn	Bộ	5	<p>1. Ổ cối không xi măng chuyển động đôi phục hồi động học tự nhiên, kiểm soát mài mòn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không ri M30NW, phủ xốp titanium (350 <math>\mu</math>m) and hydroxyapatite (75 <math>\mu</math>m)</li> <li>- Kích cỡ: 12 cỡ từ 42 - 64mm, tương thích chỏm có đường kính <math>\varnothing</math>22.2, <math>\varnothing</math>28 mm.</li> <li>- Cường độ pressfit tập trung dần dần bắt đầu từ 36° và lên đến 1,2 mm tại đường xích đạo.</li> <li>- Tùy theo kích cỡ ổ cối, phần miệng có thể mở rộng từ 1 đến 2,5 mm để tăng độ ổn định của lớp đệm và do đó góp phần giảm nguy cơ trật khớp.</li> <li>- Các cạnh vát trên cốc được « làm mềm » để hạn chế nguy cơ xung đột với các mô mềm và đặc biệt là với cơ chậu thất lưng.</li> </ul> <p>2. Lớp đệm ổ cối di động</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylene (trọng lượng cao phân tử UHMWPE, ISO 5834-2).</li> <li>- Kích cỡ: đường kính <math>\varnothing</math>22.2, <math>\varnothing</math>28 mm, tương thích ổ cối cỡ 42 - 64 mm, bước tăng 2mm.</li> </ul> <p>3. Chỏm xương đùi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt-chrome head (CoCrMo-ISO 5832-12), tương thích với cổ côn 12 / 14 5°40'</li> <li>- Kích cỡ: Đường kính head (offset tương ứng): <math>\varnothing</math> 22.2 (+0, -2, +4); <math>\varnothing</math> 28 (+0, <math>\pm</math>3.5, +7); <math>\varnothing</math> 32 (+0, <math>\pm</math>4, +8); <math>\varnothing</math> 36 (+0, <math>\pm</math>4, +8)mm</li> </ul> <p>4. Cuống xương đùi không xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium alloy (Ti6Al4V-ISO 5832-3) dày 225 +/- 25 <math>\mu</math>m, phủ : Hydroxyapatite dày 120 +/- 35 <math>\mu</math>m.</li> <li>- Kích cỡ: 8-20, chiều dài: 115-190mm</li> <li>- Tương thích với cổ côn: 12 / 14 5°40' taper. Góc cổ chuỗi 129°</li> <li>- Thiết kế tứ giác tự khóa, rãnh ngang giúp ổn định vị trí chuỗi, loe mở dần giúp cố định chắc chắn vùng hành xương.</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn ISO, EU (châu Âu)</p>

167	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi, góc cổ chuôi 125 độ - P167	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi, góc cổ chuôi 125 độ	Bộ	5	<p>1. Ổ cối không xi măng chuyển động đôi phục hồi động học tự nhiên, kiểm soát mài mòn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không rỉ M30NW, phủ xốp titanium (350 µm) and hydroxyapatite (75 µm)</li> <li>- Kích cỡ: 12 cỡ từ 42 - 64mm, tương thích chòm có đường kính Ø22.2, Ø28 mm.</li> <li>- Cường độ pressfit tập trung dần dần bắt đầu từ 36° và lên đến 1,2 mm tại đường xích đạo.</li> <li>- Tùy theo kích cỡ ổ cối, phần miệng có thể mở rộng từ 1 đến 2,5 mm để tăng độ ổn định của lớp đệm và do đó góp phần giảm nguy cơ trật khớp.</li> <li>- Các cạnh vát trên cốc được « làm mềm » để hạn chế nguy cơ xung đột với các mô mềm và đặc biệt là với cơ chậu thất lưng.</li> </ul> <p>2. Lớp đệm ổ cối di động</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylene (trọng lượng cao phân tử UHMWPE, ISO 5834-2).</li> <li>- Kích cỡ: đường kính Ø22.2, Ø28 mm, tương thích ổ cối cỡ 42 -64 mm, bước tăng 2mm.</li> </ul> <p>3. Chòm xương đùi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt-chrome head (CoCrMo-ISO 5832-12), tương thích với cổ côn 12 / 14 5°40'</li> <li>- Kích cỡ: Đường kính head (offset tương ứng): Ø 22.2 (+0, -2, +4); Ø 28 (+0, ±3.5, +7); Ø 32 (+0, ±4, +8); Ø 36 (+0, ±4, +8)mm</li> </ul> <p>4. Cuống xương đùi không xi măng có độ lệch (offset):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium alloy (Ti6Al4V-ISO 5832-3) dày 225 +/- 25 µm, phủ : Hydroxyapatite dày 120 +/- 35 µm.</li> <li>- Kích cỡ: 9-18, chiều dài: 130-180mm</li> <li>- Tương thích với cổ côn: 12 / 14 5°40' taper. Góc cổ chuôi 125°</li> <li>- Thiết kế tứ giác tự khóa, rãnh ngang giúp ổn định vị trí chuôi, loe mở dần giúp cố định chắc chắn vùng hành xương.</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn ISO, EU (châu Âu)</p>
168	Khớp háng toàn phần chuyển động đôi không xi măng, thân chuôi phủ 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatide (HA) 100µm - P168	Khớp háng toàn phần chuyển động đôi không xi măng, thân chuôi phủ 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatide (HA) 100µm.	Bộ	5	<p>1. Cuống xương đùi (Stem):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chất liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatide (HA) 100µm, thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Kích thước: có 12 kích cỡ từ 7 đến 20. Chiều dài tương ứng: 110mm, 115mm, 120mm, 125mm, 130mm, 135mm, 140mm, 145mm, 150mm, 155mm, 160mm, 170mm. Offset tương ứng 35,1/ 36,0/ 37,5/ 39,4/ 40,4/ 41,5/ 41,9/ 42,4/ 43,1/ 43,9/ 44,9/ 45,3. Chiều dài cổ chuôi từ 38mm đến 38,5mm. Góc cổ chuôi 135°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối với đầu xương đùi.</li> </ul> <p>2. Đầu xương đùi (Head):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chất liệu: Co-Cr, kích thước 22.2mm(-2, +0, +2) và 28mm (-7, -3.5, +0, +3.5, +7, +10.5mm).</li> </ul> <p>3. Ổ cối (Cup): Chất liệu: Thép không rỉ, bên ngoài được phủ 2 lớp T40 titanium 150µm và Calcium Hydroxyapatide (HA) 100µm. Chuyển động giữa Head và Liner từ 0 đến 60 độ, chuyển động giữa Liner và Cup từ 60 đến hơn 125 độ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kích cỡ: từ 44-62mm.</li> </ul> <p>4. Lớp đệm (Liner) :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chất liệu: Polyethylen cao phân tử UHMWPE.</li> <li>+ Kích thước lớp đệm phổ biến cho các đầu xương đùi 22.2mm và 28mm.</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO và CE. Xuất xứ: nhóm G7.</p>

169	Khớp háng toàn phần không xi măng PM734, Dual Mobility, chuôi phủ 500µm Titanium - P169	Khớp háng toàn phần không xi măng PM734, Dual Mobility, chuôi phủ 500µm Titanium	Bộ	10	<p>1. Cuồng khớp :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V)-ISO5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất xốp bằng công nghệ phun Plasma. Cấu trúc bề mặt có nhiều rãnh chạy dọc theo trục cuồng khớp.</li> <li>- Kích cỡ: có 10 kích cỡ 6,25/137mm;7,5/137mm;8,75/139,5mm;10/142mm;11,25/146,5mm;12,5/147mm;13,75/151,5mm;15/152mm;17,5/162,5mm 20/162,5mm</li> <li>- Góc cổ chuôi: 135°, cổ côn 12/14 (góc trên 5°42'30").</li> <li>- Offset: 2 loại Standard (34,8mm; 36,1mm; 37,0mm; 37,4mm; 38,2mm; 38,7mm; 41,4mm); Lateralized (41,1mm; 42,4mm; 43,5mm; 43,7mm; 44,8mm; 45;47,7mm)</li> <li>- Phương pháp khử trùng tia bức xạ với lượng 25 kGy, hoặc phương pháp VH2O2</li> </ul> <p>2. Đầu chỏm xương đùi (femoral head):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hỗn hợp thép không ri nitro hóa cao PM734 - ISO5832/9</li> <li>- Đường kính: 22mm (-2; 0; +2), 28mm (-3,5; 0; +3,5; +7; +10,5; +14,0)</li> </ul> <p>3. Ổ cối (Shell):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) - ISO5832/3.</li> <li>Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất bằng công nghệ phun Plasma.</li> <li>- Kích cỡ : có 15 kích cỡ từ 42–70mm với mỗi bước tăng 2mm.</li> <li>- Phủ hợp với tất cả các loại lớp đệm.</li> <li>- Kết cấu: có hệ thống khóa giữ chặt lớp đệm, nút đẩy vít có thể tháo rời, vành ngoài mép có gờ để tối ưu hoá đóng press-fit</li> </ul> <p>4. Lớp lót kim loại Bioloy:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim thép không gỉ nitro hoá cao PM734, được phủ lớp TiNbN.</li> </ul> <p>5.Lớp đệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE) không Calcium Stearate) - ISO5834/1/2</li> <li>- Đường kính trong: 22mm, 28mm.</li> <li>- Đường kính ngoài: có 5 kích thước 36mm-46mm.</li> </ul> <p>6. Vít ổ cối (Screw): hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V), đường kính 6.5mm, chiều dài: 20-50mm (mỗi bước tăng 5mm), 50-60mm (mỗi bước tăng 10mm).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất xứ: Châu ấu</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO + CE</li> </ul>
-----	---	--	----	----	---

170	Khớp háng toàn phần không xi măng CoCr-Dual Mobility, chuỗi phủ 80µm HA - P170	Khớp háng toàn phần không xi măng CoCr-Dual Mobility, chuỗi phủ 80µm HA	Bộ	10	<p>1. Cuồng khớp :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Niobium (Ti6Al7Nb) - ISO5832/11 .</li> <li>- Lớp phủ: Phủ 80µm Hydroxyapatite bằng công nghệ phun plasma.</li> <li>- Kết cấu: có nhiều rãnh dọc và ngang xung quanh thân cuồng khớp</li> <li>- Kích cỡ chuỗi: có 12 kích cỡ từ 1/130,3mm ;2/140,3mm;3/145,4mm;4/150,4mm;5/155,5mm;6/160,5mm;7/165,5mm;8/170,4mm;9/175,4mm;10/179,9mm;11/185,4mm; 12/190,4mm.</li> <li>- Góc cổ chuỗi: 12/14, 5°43'30". Chiều dài cổ chuỗi (39mm;41mm;42mm;43mm;44mm;45mm)</li> <li>- Offset: có 2 loại offset Standard CCD: 135°( 38,6mm;39,3mm;40mm;40,8mm;41,5mm;42,2mm;42,9mm;43,6mm;44,1mm;45,6mm); Lateralized CCD: 127°( 44,9mm;45,5mm;46,3mm;47,0mm;47,7mm;48,4mm;49,1mm;49,8mm;50,3mm;51,8mm)</li> <li>- Phương pháp khử trùng tia bức xạ với lượng 25 kGy, hoặc phương pháp VH2O2</li> </ul> <p>2. Đầu chỏm xương đùi (femoral head):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Cobalt Chromium Molibdenum - ISO5832/12.</li> <li>- Đường kính: 22mm (-2; +0; +2), 28mm (-3,5; +0; +3,5; +7).</li> </ul> <p>3. Ô cối (Shell):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) - ISO5832/3.</li> </ul> <p>Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất bằng công nghệ phun Plasma.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ : có 15 kích cỡ từ 42–70mm với mỗi bước tăng 2mm.</li> <li>- Phù hợp với tất cả các loại lớp đệm.</li> <li>- Kết cấu: có hệ thống khóa giữ chặt lớp đệm, nút đẩy vít có thể tháo rời, vành ngoài mép có gờ để tối ưu hoá đóng press-fit</li> </ul> <p>4. Lớp lót kim loại Bioly:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim thép không gỉ nitro hoá cao PM734, được phủ lớp TiNbN.</li> </ul> <p>5. Lớp đệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE) không Calcium Stearate) - ISO5834/1/2</li> <li>- Đường kính trong: 22mm, 28mm.</li> <li>- Đường kính ngoài: có 5 kích thước 36mm-46mm.</li> </ul> <p>6. Vít ổ cối (Screw): hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V), đường kính 6.5mm, chiều dài: 20-50mm (mỗi bước tăng 5mm), 50-60mm (mỗi bước tăng 10mm).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất xứ: Châu Âu</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO + CE</li> </ul>
-----	--	---	----	----	---

171	Khớp háng toàn phần không xi măng PM734-Dual Mobility, chuỗi phủ 2 lớp 300µm Titanium + 50µm HA - P171	Khớp háng toàn phần không xi măng PM734-Dual Mobility, chuỗi phủ 2 lớp 300µm Titanium + 50µm HA	Bộ	10	<p>1. Cuồng khớp: Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Niobium (Ti6Al7Nb) - ISO5832/11. Lớp phủ: 2 lớp 300µm Titanium xốp nguyên chất + 50µm Hydroxyapatite bằng công nghệ phun plasma. Kết cấu: có nhiều rãnh dọc và ngang xung quanh thân cuồng khớp. Kích cỡ chuỗi: có 12 kích cỡ từ 1/130,3mm ; 2/140,3mm; 3/145,4mm; 4/150,4mm; 5/155,5mm; 6/160,5mm; 7/165,5mm; 8/170,4mm; 9/175,5mm; 10/179,9mm; 11/185,4mm; 12/190,4mm. Góc cổ chuỗi: 12/14, 5°43'30". Chiều dài cổ chuỗi (39mm; 41mm; 42mm,43mm; 44mm; 45mm). Offset: có 2 loại offset Standard CCD: 135° (38,6mm; 39,3mm; 40mm; 40,8mm; 41,5mm; 42,2mm; 42,9mm; 43,6mm;44,1mm;45,6mm); Lateralized CCD: 127° ( 44,9mm; 45,5mm; 46,3mm; 47,0mm; 47,7mm; 48,4mm; 49,1mm; 49,8mm; 50,3mm;51,8mm). Phương pháp khử trùng tia bức xạ với lượng 25 kGy, hoặc phương pháp VH2O2.</p> <p>2. Đầu chỏm xương đùi (femoral head): Chất liệu: Hỗn hợp thép không ri nitro hóa cao PM734 - ISO5832/9. Đường kính: 22mm (-2; 0; +2), 28mm (-3,5; 0; +3,5; +7; +10,5; +14,0).</p> <p>3. Ổ cối (Shell): Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) - ISO5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất bằng công nghệ phun Plasma.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ: có 15 kích cỡ từ 42–70mm với mỗi bước tăng 2mm.</li> <li>- Phù hợp với tất cả các loại lớp đệm. Kết cấu: có hệ thống khóa giữ chặt lớp đệm, nút đẩy vít có thể tháo rời, vành ngoài mép có gờ để tối ưu hoá đóng press-fit.</li> </ul> <p>4. Lớp lót kim loại Biolo: Chất liệu: hợp kim thép không gi nitro hoá cao PM734, được phủ lớp TiNbn.</p> <p>5. Lớp đệm: Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE) không Calcium Stearate) - ISO5834/1/2.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính trong: 22mm, 28mm. Đường kính ngoài: có 5 kích thước 36mm-46mm.</li> </ul> <p>6. Vít ổ cối (Screw): hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V), đường kính 6.5mm, chiều dài: 20-50mm (mỗi bước tăng 5mm), 50-60mm (mỗi bước tăng 10mm).</p> <p>-Xuất xứ : Châu âu - Tiêu chuẩn chất lượng ISO + CE.</p>
172	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài, ổ cối chuyển động đôi có xi măng kèm, nẹp rá ổ cối hình chữ thập - P172	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài, ổ cối chuyển động đôi có xi măng kèm, nẹp rá ổ cối hình chữ thập	Bộ	30	<p>1. Chuỗi xương đùi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Hợp kim titanium aluminium vanadium, phủ 2 lớp: Titanium 120µm và Hydroxyapatite 80µm. Góc cổ chuỗi 130°, côn 12/14 - 5°40', cổ chuỗi hình elip và được đánh bóng gương, cổ chuỗi có gờ viền quanh. Thân chuỗi có 2 lỗ bắt vít điều chỉnh, vít khóa đường kính 5.5mm, dài 28-55mm, vít điều chỉnh đường kính 5.5mm, dài 30-35mm</li> <li>- Kích cỡ: có 3 cỡ: 12, 14, 16 (bước tăng 2), chiều dài 200, 250mm, 300mm</li> </ul> <p>2. Ổ cối + Nẹp rá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ổ cối có xi măng: vật liệu: hợp kim cobalt-chromium-molybdenum, kích cỡ: 44-60</li> <li>- Nẹp rá ổ cối: vật liệu: thép không gi. Hình chữ thập, gồm 4 lỗ để bắt vít, tương ứng vít đường kính 5.0mm. Kích cỡ: 4, 5, 6 dành cho bên phải hoặc bên trái</li> </ul> <p>3. Lớp đệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Polyethylene cao phân tử. Lớp đệm chuyển động đôi. Kích cỡ: 44-60</li> </ul> <p>4. Đầu xương đùi (chỏm):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: thép không ri. Đường kính 22.2mm (-2, 0, +3), đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5)</li> </ul> <p>5. Xi măng cùng hãng sản xuất</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Đóng gói tiệt trùng</li> <li>* Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</li> </ul>

173	Khớp háng toàn phần chuyển động đôi không xi măng - P173	Khớp háng toàn phần chuyển động đôi không xi măng	Bộ	30	<p>1. Chuôi xương đùi: loại tự khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium</li> <li>- Phủ 2 lớp: Titanium 120<math>\mu</math>m và Hydroxyapatite 80<math>\mu</math>m.</li> <li>- Góc cổ chuôi 135°. Côn 12/14 - 5°40'.</li> <li>- Cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương</li> <li>- Kích cỡ: size x chiều dài: 8 x 87mm, 9 x 130mm, 10 x 140mm, 11 x 145mm, 12 x 150mm, 13 x 155mm, 14 x 160mm, 15 x 165mm, 16 x 170mm.</li> <li>- Tiệt trùng bằng tia Gamma</li> </ul> <p>2. Đầu xương đùi (chôm):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: thép không rỉ</li> <li>- Đường kính 22.2mm (-2, 0, +3), đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5)</li> <li>- Tiệt trùng bằng tia Gamma</li> </ul> <p>3. Ổ cối: Ổ cối không bắt vít</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Hợp kim Cobalt-chromium-molybdenum</li> <li>- Phủ 2 lớp: Titanium 120<math>\mu</math>m và Hydroxyapatite 80<math>\mu</math>m</li> <li>- Mặt ngoài: quanh viền có 6 đỉnh, trên đỉnh có 4 đỉnh</li> <li>- Mặt trong: được đánh bóng cao với độ nhám &lt;0,05<math>\mu</math>m</li> <li>- Có vành chống trật 5mm với 2 điểm đánh dấu</li> <li>- Kích cỡ: 44-60 (bước tăng 2)</li> <li>- Tiệt trùng bằng tia Gamma</li> </ul> <p>4. Lớp đệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Polyethylene</li> <li>- Lớp đệm chuyển động đôi</li> <li>- Kích cỡ: 44-60 (bước tăng 2)</li> <li>- Tiệt trùng bằng ethylene oxide</li> </ul> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</p>
174	Khớp háng toàn phần có xi măng, ổ cối chuyển động đôi có xi măng kèm nẹp rá ổ cối hình chữ thập - P174	Khớp háng toàn phần có xi măng, ổ cối chuyển động đôi có xi măng kèm nẹp rá ổ cối hình chữ thập	Bộ	10	<p>1. Chuôi xương đùi: Loại tự khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép không rỉ, góc cổ chuôi 135°, côn 12/14 - 5°40'</li> <li>- Cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương</li> <li>- Kích cỡ: size x chiều dài: 8 x 92mm, 9 x 130mm, 10 x 140mm, 11 x 145mm, 12 x 150mm, 13 x 155mm, 14 x 160mm, 15 x 165mm</li> </ul> <p>2. Ổ cối + Nẹp rá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ổ cối có xi măng: vật liệu: hợp kim cobalt-chromium-molybdenum, kích cỡ: 44-60</li> <li>- Nẹp rá ổ cối: vật liệu: thép không gỉ. Hình chữ thập, gồm 4 lỗ để bắt vít, tương ứng vít đường kính 5.0mm. Kích cỡ: 4, 5, 6 dành cho bên phải hoặc bên trái</li> </ul> <p>3. Lớp đệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Polyethylene cao phân tử. Lớp đệm chuyển động đôi. Kích cỡ: 44-60</li> </ul> <p>4. Đầu xương đùi (chôm):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: thép không rỉ. Đường kính 22.2mm (-2, 0, +3), đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5)</li> </ul> <p>5. Xi măng cùng hãng sản xuất</p> <p>* Đóng gói tiệt trùng</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</p>
A		Khớp háng toàn phần không xi măng MOP			

NH  
NT  
NH

175	Khớp háng toàn phần không xi măng - P175	Khớp háng toàn phần không xi măng	Bộ	15	<p>1. Chuôi xương đùi: Chuôi dạng nêm thuôn, được vát hai mặt phẳng với góc nghiêng 3 độ, có gờ dọc thân chuôi, thiết diện phần gần được thiết kế với mặt trong bo tròn; mặt ngoài xòe rộng. Đầu xa dạng viên đạn được đánh bóng. Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). Lớp phủ bề mặt đoạn gần chuôi phun plasma Titanium, xử lý phun cát tại vùng thân xương. Độ côn 12/14. Góc cổ chuôi 132 độ. Có 10 kích cỡ chiều dài chuôi từ 110mm đến 158mm. Cuồng cổ có 7 offset 39mm, 40mm, 42mm, 44mm, 45mm, 46mm, 47mm. Chiều dài cổ: 33mm, 35mm, 37mm, 38mm, 39mm và 40mm. Đường kính đầu xa: 10 kích cỡ từ 7mm đến 16mm</p> <p>2. Chòm xương đùi: Chất liệu: Hợp kim Co-Cr-Mo. Kích cỡ: đường kính 22mm, 28mm, 32mm, 36mm; có nhiều chiều dài cổ: -4, 0, +4, +8, +12.</p> <p>3. Ổ cối : Chất liệu: Hợp kim Titanium. Bề mặt được phủ lớp plasma Titanium xấp xuất xứ từ Anh. Có 14 kích cỡ từ 38mm đến 64 mm. Mỗi bước tăng 2mm. Ổ cối sử dụng cơ chế khóa Innerchange, tạo ra sự liên kết chắc chắn giữa miếng lót polyethylene và ổ cối. Ổ cối tương thích với tất cả miếng lót là UHMWPE, HXLPE và Ceramic. Thiết kế 12 rãnh răng cưa trên vòng lót, có 3-5 lỗ bắt vít và có 2 lỗ bắt vít ở vị trí ụ ngồi giúp cúp cổ định, vững chắc hơn. Ổ cối sử dụng được big head, cup 46 - 48 sử dụng được head 32mm, cup 50 trở lên sử dụng được cup 36mm.</p> <p>4. Miếng lót ổ cối UHMWPE: Chất liệu: UHMWPE. Miếng lót được thiết kế để khóa cố định vào ổ cối thông qua một vòng khóa bao quanh, khớp vào rãnh liên kết tương ứng trên ổ cối. Tính ổn định xoay được đảm bảo khi các gờ chống xoay trên ổ cối ăn khớp với các rãnh trên miếng lót. Có gờ chống trật.</p> <p>5. Vít ổ cối: Xoay đa hướng, tự taro. Chất liệu: Hợp kim Titanium. Kích cỡ: Đường kính 6,5mm; có 12 kích cỡ chiều dài từ 15mm đến 70mm (mỗi bước tăng 5mm).</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.</p>
176	Khớp háng toàn phần không xi măng, lớp lót HXLPE - P176	Khớp háng toàn phần không xi măng, lớp lót HXLPE	Bộ	15	<p>1. Chuôi xương đùi: Chuôi dạng nêm thuôn, được vát hai mặt phẳng với góc nghiêng 3 độ, có gờ dọc thân chuôi, thiết diện phần gần được thiết kế với mặt trong bo tròn; mặt ngoài xòe rộng. Đầu xa dạng viên đạn được đánh bóng. Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). Lớp phủ bề mặt đoạn gần chuôi phun plasma Titanium, xử lý phun cát tại vùng thân xương. Độ côn 12/14. Góc cổ chuôi 132 độ. Có 10 kích cỡ chiều dài chuôi từ 110mm đến 158mm. Cuồng cổ có 7 offset 39mm, 40mm, 42mm, 44mm, 45mm, 46mm, 47mm. Chiều dài cổ: 33mm, 35mm, 37mm, 38mm, 39mm và 40mm. Đường kính đầu xa: 10 kích cỡ từ 7mm đến 16mm</p> <p>2. Chòm xương đùi: Chất liệu: Hợp kim Co-Cr-Mo. Kích cỡ: đường kính 22mm, 28mm, 32mm, 36mm; có nhiều chiều dài cổ: -4, 0, +4, +8, +12.</p> <p>3. Ổ cối : Chất liệu: Hợp kim Titanium. Bề mặt được phủ lớp plasma Titanium xấp xuất xứ từ Anh. Có 14 kích cỡ từ 38mm đến 64 mm. Mỗi bước tăng 2mm. Ổ cối sử dụng cơ chế khóa Innerchange, tạo ra sự liên kết chắc chắn giữa miếng lót polyethylene và ổ cối. Ổ cối tương thích với tất cả miếng lót là UHMWPE, HXLPE và Ceramic. Thiết kế 12 rãnh răng cưa trên vòng lót, có 3-5 lỗ bắt vít và có 2 lỗ bắt vít ở vị trí ụ ngồi giúp cúp cổ định, vững chắc hơn. Ổ cối sử dụng được big head, cup 46 - 48 sử dụng được head 32mm, cup 50 trở lên sử dụng được cup 36mm.</p> <p>4. Miếng lót ổ cối: Chất liệu: HXLPE (Polyethylene PE có độ liên kết chéo cao). Miếng lót được thiết kế để khóa cố định vào ổ cối thông qua một vòng khóa bao quanh, khớp vào rãnh liên kết tương ứng trên ổ cối. Tính ổn định xoay được đảm bảo khi các gờ chống xoay trên ổ cối ăn khớp với các rãnh trên miếng lót. Có gờ chống trật.</p> <p>5. Vít ổ cối: Xoay đa hướng, tự taro. Chất liệu: Hợp kim Titanium. Kích cỡ: Đường kính 6,5mm; có 12 kích cỡ chiều dài từ 15mm đến 70mm (mỗi bước tăng 5mm).</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.</p>

177	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi phủ HA toàn thân, góc cổ chuỗi 135°, lớp lót HXLPE - P177	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi phủ HA toàn thân, góc cổ chuỗi 135°, lớp lót HXLPE	Bộ	10	<p>1. Chuôi xương đùi: Thiết kế vai bên có độ nghiêng thấp giúp dễ dàng đưa chuỗi vào qua đường mổ nhỏ, đặc biệt là trong phương pháp mổ tiếp cận lối trước. Chuôi nhỏ có đầu xa đường kính 5.5mm, có rãnh ngang, rãnh dọc. Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). Có lớp phủ kép plasma Titanium dày 50mm và HA dày 150mm. Độ côn: 12/14. Góc cổ chuỗi 135 độ. Có 11 cỡ chiều dài chuỗi từ 115mm đến 190mm, chiều dài cổ 3 kích thước 35mm, 38mm và 41mm. Có 11 cỡ offset từ 32mm-44.1mm. Đường kính đầu xa: 11 kích cỡ từ 5,5mm - 13,4mm của từng bệnh nhân.</p> <p>2. Chòm xương đùi: Chất liệu: Hợp kim Co-Cr-Mo. Kích cỡ: đường kính 22mm, 28mm, 32mm, 36mm; có nhiều chiều dài cổ: -4, 0, +4, +8, +12.</p> <p>3. Ổ cối : Chất liệu: Hợp kim Titanium. Bề mặt được phủ lớp plasma Titanium xấp xuất xứ từ Anh. Có 14 kích cỡ từ 38mm đến 64 mm. Mỗi bước tăng 2mm. Ổ cối sử dụng cơ chế khóa Innerchange, tạo ra sự liên kết chắc chắn giữa miếng lót polyethylene và ổ cối. Ổ cối tương thích với tất cả miếng lót là UHMWPE, HXLPE và Ceramic. Thiết kế 12 rãnh răng cưa trên vòng lót, có 3-5 lỗ bắt vít và có 2 lỗ bắt vít ở vị trí ụ ngồi giúp cúp ổ định, vững chắc hơn. Ổ cối sử dụng được big head, cup 46 - 48 sử dụng được head 32mm, cup 50 trở lên sử dụng được cup 36mm.</p> <p>4. Miếng lót ổ cối: Chất liệu: HXLPE (Polyethylene PE có độ liên kết chéo cao). Miếng lót được thiết kế để khóa cố định vào ổ cối thông qua một vòng khóa bao quanh, khớp vào rãnh liên kết tương ứng trên ổ cối. Tính ổn định xoay được đảm bảo khi các gờ chống xoay trên ổ cối ăn khớp với các rãnh trên miếng lót. Có gờ chống trật.</p> <p>5. Vít ổ cối: Xoay đa hướng, tự taro. Chất liệu: Hợp kim Titanium. Kích cỡ: Đường kính 6,5mm; có 12 kích cỡ chiều dài từ 15mm đến 70mm (mỗi bước tăng 5mm).</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.</p>
178	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ HA toàn thân, góc cổ chuỗi 135° - P178	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ HA toàn thân, góc cổ chuỗi 135°	Bộ	10	<p>1. Chuôi xương đùi: Thiết kế vai bên có độ nghiêng thấp giúp dễ dàng đưa chuỗi vào qua đường mổ nhỏ, đặc biệt là trong phương pháp mổ tiếp cận lối trước. Chuôi nhỏ có đầu xa đường kính 5.5mm, có rãnh ngang, rãnh dọc. Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V). Có lớp phủ kép plasma Titanium dày 50mm và HA dày 150mm. Độ côn: 12/14. Góc cổ chuỗi 135 độ. Có 11 cỡ chiều dài chuỗi từ 115mm đến 190mm, chiều dài cổ 3 kích thước 35mm, 38mm và 41mm. Có 11 cỡ offset từ 32mm-44.1mm. Đường kính đầu xa: 11 kích cỡ từ 5,5mm - 13,4mm của từng bệnh nhân.</p> <p>2. Chòm xương đùi: Chất liệu: Hợp kim Co-Cr-Mo. Kích cỡ: đường kính 22mm, 28mm, 32mm, 36mm; có nhiều chiều dài cổ: -4, 0, +4, +8, +12.</p> <p>3. Ổ cối : Chất liệu: Hợp kim Titanium. Bề mặt được phủ lớp plasma Titanium xấp xuất xứ từ Anh. Có 14 kích cỡ từ 38mm đến 64 mm. Mỗi bước tăng 2mm. Ổ cối sử dụng cơ chế khóa Innerchange, tạo ra sự liên kết chắc chắn giữa miếng lót polyethylene và ổ cối. Ổ cối tương thích với tất cả miếng lót là UHMWPE, HXLPE và Ceramic. Thiết kế 12 rãnh răng cưa trên vòng lót, có 3-5 lỗ bắt vít và có 2 lỗ bắt vít ở vị trí ụ ngồi giúp cúp ổ định, vững chắc hơn. Ổ cối sử dụng được big head, cup 46 - 48 sử dụng được head 32mm, cup 50 trở lên sử dụng được cup 36mm.</p> <p>4. Miếng lót ổ cối UHMWPE: Chất liệu: UHMWPE. Miếng lót được thiết kế để khóa cố định vào ổ cối thông qua một vòng khóa bao quanh, khớp vào rãnh liên kết tương ứng trên ổ cối. Tính ổn định xoay được đảm bảo khi các gờ chống xoay trên ổ cối ăn khớp với các rãnh trên miếng lót. Có gờ chống trật.</p> <p>5. Vít ổ cối: Xoay đa hướng, tự taro. Chất liệu: Hợp kim Titanium. Kích cỡ: Đường kính 6,5mm; có 12 kích cỡ chiều dài từ 15mm đến 70mm (mỗi bước tăng 5mm).</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.</p>

179	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng - P179	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng	Bộ	50	<p>1. Chuôi khớp háng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ti-6Al-4v, toàn bộ bề mặt được phủ lớp Porous Plasma Spray + HA có độ xốp tối ưu; Thân xương đùi thiết kế gắn với chỏm B-One TM 12/14 . Kích cỡ: từ 1 đến 11 cỡ với cổ 127 độ và 132 độ, chiều dài cổ 27mm - 40mm; Kích thước thân 96mm, 99mm, 102mm, 105mm, 108mm, 111mm, 114mm, 117mm, 120mm, 123mm, 126mm.</li> <li>2. Đầu xương đùi: vật liệu Cobalt Chrome đường kính 22mm (0, +2, +4), 28mm (-3.5, 0, +3.5, +7), 32mm (-4, 0, +4, +7), 36mm (-4, 0, +4, +8). Taper 12/14</li> <li>3. Ổ cối:</li> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Ti-6Al-4v, thiết kế dạng bán cầu tỷ lệ tối ưu từ đầu đến vò bề mặt nhám tổ ong phủ lớp PPS (Độ dày: 30-150µm, độ xốp &lt; 10%, độ nhám (Rt) 30-80µm, độ kết tinh (Theo ISO 13779-3) &gt; 60%) + HA tinh khiết (Độ dày 350 - 700µm, độ bám dính 35 MPa, độ xốp 30-70%. độ nhám (Rt) 200 - 400µm);</li> <li>- Kích thước từ 40mm-76mm trong đó kích thước 40-46mm 2 lỗ bắt vít, 46- 58mm 3 lỗ bắt vít, 58- 76mm 5 lỗ bắt vít.</li> </ul> <li>4. Lớp đệm: vật liệu: Vitamin E kết hợp UHMWPE , có 2 dạng chống trật neutral (0°) và hooded (10°) đường kính trong 28mm,32mm, 36mm.</li> <li>5. Vít ổ cối: đường kính 6,5mm và chiều dài 16, (20-80mm bước tăng 5).</li> </ul> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và FDA * Xuất xứ các nước G7</p>
180	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi HA cổ liền - P180	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi HA cổ liền	Bộ	50	<p>1. Ổ cối: hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, độ xốp 30%, độ dày 114µm, gồm đường kính các cỡ từ 44mm-70mm, bước tăng 2mm</p> <p>2. Lớp lót bằng X-Linked Poly (liên kết chéo), có bề chống trật 0 độ; 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Rim-Lock.</p> <p>3. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 28, 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm,+3.5mm,+7mm) với taper 12/14.</p> <p>4. Cuống xương đùi với góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm). Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (38- 45mm), cổ trung (43-50mm), cổ dài (46 - 53mm). Thân chuỗi Titanium Alloy phủ Hydroxyapatite (HA). Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm. M/L With 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ côn 12/14</p> <p>5. Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm (Bước tăng 5mm)</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC và FDA * Xuất xứ các nước G7</p>

181	Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate (CaP) HX, Metal on PE - P181	Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate (CaP) HX, Metal on PE	Bộ	15	<p>01. Cuống xương đùi LCU (Ti6Al4V): Bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm), bên trong là hợp kim titanium Ti6Al4V, chuôi dạng thẳng, có các rãnh dọc, rãnh ngang chống lún, chống xoay; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang giúp cố định vững chắc, bảo tồn xương vùng máu chuyển, tương thích giải phẫu học, đầu chuôi dạng Taper: 12/14 mm, được đánh bóng đầu chuôi, góc cổ thân chuôi: 130 độ, có các cỡ/chiều dài 8/115mm, 9/130mm, 10/140mm, 11/145mm, 12/150mm, 13/155mm, 14/160mm, 15/165mm, 16/170mm, 18/180mm, 20/190mm.</p> <p>02. Đầu xương đùi CoCrMo: Kích cỡ: 28(-3.5,0,+3.5)mm, 32(-4,0,+4)mm, 36(-4,0,+4)mm.</p> <p>03. Lớp đệm X-LINKed nhựa cao phân tử (crosslink UHMWPE) các cỡ: đường kính trong 28mm (ổ cối 42 - 44mm) đường kính trong 32mm (ổ cối 46 - 48mm) đường kính trong 36mm (ổ cối 50 - 72mm) Có gờ chống trật 5mm, Có các chốt cố định vị trí.</p> <p>04. Ổ cối MobileLink loại press fit chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V) phủ ngoài lớp Plasma (công nghệ phun Plasma tinh khiết) hoặc phủ Calcium phosphate (TiCaP). Có 3 lỗ bắt vít hỗ trợ hoặc nhiều lỗ bắt vít hỗ trợ dành cho các ca thay lại. Tương thích với cả lớp đệm loại chuyển động đôi, lớp đệm tăng offset để chuyển đổi trong phẫu thuật. Có 16 cỡ từ 42-72mm mỗi bước tăng 2mm.</p> <p>05. Vít ổ cối có đường kính 6.5mm dài từ 15-80mm Có bộ dụng cụ mổ lối trước Có tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE</p>
182	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi dạng cong giải phẫu học (anatomic stem), góc cổ thân chuôi 126 độ, phủ calcium phosphate (CaP) HX, Metal on PE - P182	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi dạng cong giải phẫu học (anatomic stem), góc cổ thân chuôi 126 độ, phủ calcium phosphate (CaP) HX, Metal on PE.	Bộ	10	<p>01. Cuống xương đùi SP-CL hợp kim Ti6Al4V-S (Ti6Al4V): Thiết kế dạng cong theo giải phẫu học xương đùi, bên ngoài phủ lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm) Rãnh chống lún, xoay. Hệ thống chuôi riêng biệt theo 2 bên trái/phải xương đùi 16 size. Góc cổ thân chuôi CCD 126 độ, đầu chuôi dạng taper 12/14.</p> <p>02. Đầu xương đùi CoCrMo: Kích cỡ: 28(-3.5,0,+3.5)mm, 32(-4,0,+4)mm, 36(-4,0,+4)mm.</p> <p>03. Lớp đệm X-LINKed nhựa cao phân tử (crosslink UHMWPE) các cỡ: đường kính trong 28mm (ổ cối 42 - 44mm) đường kính trong 32mm (ổ cối 46 - 48mm) đường kính trong 36mm (ổ cối 50 - 72mm) Có gờ chống trật 5mm, Có các chốt cố định vị trí.</p> <p>04. Ổ cối MobileLink loại press fit chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V) phủ ngoài lớp Plasma (công nghệ phun Plasma tinh khiết) hoặc phủ Calcium phosphate (TiCaP). Có 3 lỗ bắt vít hỗ trợ hoặc nhiều lỗ bắt vít hỗ trợ dành cho các ca thay lại. Tương thích với cả lớp đệm loại chuyển động đôi, lớp đệm tăng offset để chuyển đổi trong phẫu thuật. Có 16 cỡ từ 42-72mm mỗi bước tăng 2mm.</p> <p>05. Vít ổ cối có đường kính 6.5mm dài từ 15-80mm Có bộ dụng cụ mổ lối trước Có tiêu chuẩn chất lượng ISO và CE</p>



183	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng UTF-reduced góc cổ chuôi 130 độ, Metal on PE (kích thước chỏm 28/32/36) - P183	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng UTF-reduced góc cổ chuôi 130 độ, Metal on PE (kích thước chỏm 28/32/36)	Bộ	40	<p>1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám dày 0.3 mm và phủ HA 0.08mm. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có 2 loại: ít lỗ vít (Cluster) hoặc nhiều lỗ vít (Multi hole), có 14 cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển 2mm. Cạnh ổ cối có 2 dấu laser giúp định hướng lỗ bắt vít ổ cối. Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ. Các lỗ vít có nút chặn.</p> <p>2. Lớp lót: bằng Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo giúp tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu. Lớp lót có 2 dạng (0° và 20°), có 3 mẫu tròn giúp định hướng góc 20°. Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm.</p> <p>3. Chỏm xương đùi: bằng hợp kim CoCrMo; kích thước 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm), 32mm (-3mm, +0mm, +2.5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) và chỏm lớn 36mm (-3mm, +0mm, 2.5mm, +5mm, 7.5mm, +10mm) với taper 12/14.</p> <p>4. Chuôi xương đùi: loại cổ định đầu gần, dạng nêm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám dày 0.5mm, đầu taper 12/14.</p> <p>Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm và đến 43.5mm</p> <p>Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 16 cỡ từ #00;#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14,tương ứng với chiều dài từ 114mm ;120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ:#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14, tương ứng với chiều dài từ 120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm).</p> <p>5. Vít ổ cối : làm bằng Titanium (số lượng: 02 cái): mũ lục lăng, đường kính 6.5mm với các độ dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm, 40mm, 45mm, 50mm.</p> <p>Bộ khớp có chứng nhận tiêu chuẩn FDA, PMDA và CE/ISO.</p>
184	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng UTF-reduced góc cổ chuôi 130 độ, Metal on PE có vitamin E (kích thước chỏm 28/32/36) - P184	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng UTF-reduced góc cổ chuôi 130 độ, Metal on PE có vitamin E (kích thước chỏm 28/32/36)	Bộ	40	<p>1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám dày 0.3 mm và phủ HA 0.08mm. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có 2 loại: ít lỗ vít (Cluster) hoặc nhiều lỗ vít (Multi hole), có 14 cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển 2mm. Cạnh ổ cối có 2 dấu laser giúp định hướng lỗ bắt vít ổ cối. Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ. Các lỗ vít có nút chặn.</p> <p>2. Lớp lót: bằng Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo bổ sung vitamin E giúp tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa. Lớp lót có 2 dạng (0° và 20°), có 3 mẫu tròn giúp định hướng góc 20°. Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm.</p> <p>3. Chỏm xương đùi: bằng hợp kim CoCrMo; kích thước 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm), 32mm (-3mm, +0mm, +2.5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) và chỏm lớn 36mm (-3mm, +0mm, 2.5mm, +5mm, 7.5mm, +10mm) với taper 12/14.</p> <p>4. Chuôi xương đùi: loại cổ định đầu gần, dạng nêm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám dày 0.5mm, đầu taper 12/14.</p> <p>Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm và đến 43.5mm</p> <p>Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 16 cỡ từ #00;#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14,tương ứng với chiều dài từ 114mm ;120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ:#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14, tương ứng với chiều dài từ 120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm).</p> <p>5. Vít ổ cối : làm bằng Titanium (số lượng: 02 cái): mũ lục lăng, đường kính 6.5mm với các độ dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm, 40mm, 45mm, 50mm.</p> <p>Bộ khớp có chứng nhận tiêu chuẩn FDA, PMDA và CE/ISO.</p>

185	Khớp háng toàn phần không xi măng, hình côn 3 mặt giải phẫu, cá nhân hóa góc cổ chuôi, phủ Plasmapore (MOP) - P185	Khớp háng toàn phần không xi măng, hình côn 3 mặt giải phẫu, cá nhân hóa góc cổ chuôi, phủ Plasmapore (MOP)	Bộ	40	<p>1. Chuôi khớp liên thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Hợp kim titan Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3, phủ titanium nguyên chất ở đầu gần.</li> <li>- Thiết kế: Dạng hình côn ba mặt giải phẫu, vát thuôn dần 7° ở mặt trước-sau và mặt bên phần gần, 3° ở mặt bên phần xa với đường cắt xương khoảng 50°.</li> <li>- Cổ chuôi: Taper 12/14 mm, phù hợp với nhiều loại chỏm khớp.</li> <li>- Góc cổ chuôi: Có 3 lựa chọn 122°, 132°, 142°, phù hợp với đa dạng hình thái giải phẫu.</li> <li>- Có phiên bản chuôi dành cho bệnh nhân loạn sản khớp háng, cho phép điều chỉnh chiều dài chi lên đến 10 mm.</li> <li>- Đầu chuôi: thiết kế lệch tâm, giúp tránh va chạm với xương trong quá trình đóng chuôi.</li> <li>- Kích thước: Tối thiểu 12 cỡ chuôi (size 0–11), chiều dài từ 119.5 mm đến 149.5 mm.</li> </ul> <p>2. Chỏm khớp háng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt-chromium CoCrMo</li> <li>- Kích cỡ: taper 12/14. Đường kính các cỡ 22.2mm, 28mm; 32mm và 36mm.</li> </ul> <p>3. Lớp lót ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Vitelene nhựa polyethylene UHMWPE-XE kết hợp với vitamin E (0.1% tocopherol) cho khả năng chống oxy hóa và chống mài mòn lớp lót trong thời gian dài.</li> <li>- Độ dày lớp lót tại khu vực chịu lực chính, tối thiểu dày 5,5 mm.</li> <li>- Thiết kế lớp lót có bờ chống trật phía sau, lót gắn vào ổ cối bằng cơ chế nén ép cho cả hai.</li> <li>- Kích cỡ: Có tối thiểu 10 cỡ, phù hợp với các chỏm khớp cỡ 22.2mm, 28mm, 32 mm, 36 mm và ổ cối cỡ từ 40-70mm.</li> </ul> <p>4. Ổ cối nhân tạo không xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim titanium Ti6Al4V. Bề mặt của ổ cối được phủ lớp titanium nguyên chất nhám bằng công nghệ phun plasma trong môi trường chân không, lớp phủ dày khoảng 0,35mm với mật độ vi lỗ khoảng 50% gia tăng bề mặt tiếp xúc với xương.</li> <li>- Thiết kế: ổ cối hình vòm, dẹt phẳng ở phần đỉnh và có các gai mịn ở phần thân ổ cối hỗ trợ cố định vào xương.</li> <li>- Kích cỡ: Gồm tối thiểu các cỡ từ 40mm - 70mm. Có tối thiểu 3 lỗ bắt vít. Dùng được cho cả lớp lót polyethylene, ceramic và chuyển động đối.</li> </ul> <p>5. Vít ổ cối :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim titanium Ti6Al4V hoặc tương đương.</li> <li>- Thiết kế: tự taro, xoay quanh trục +/- 9°</li> <li>- Kích cỡ: Đường kính cỡ 6.5mm; chiều dài khoảng từ 16-68mm, bước tăng 4mm.</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.</p> <p>-- Tặng kèm stapler bấm khâu da sau ca phẫu thuật</p>
-----	--	---	----	----	--

HAN  
 BI  
 CH  
 CH  
 PS

186	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ Plasmapore, lớp đệm kết hợp Vitamin E - P186	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ Plasmapore, lớp đệm kết hợp Vitamin E	Bộ	40	<p>Stem: có taper 8/10 &amp; 12/14, biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh &amp; rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore <math>\mu</math>-CaP ( calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuỗi khớp,</p> <p>* Chuỗi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm.</p> <p>- Chiều dài chuỗi (tính từ cổ chuỗi đến cuối thân chuỗi) 145-190mm.</p> <p>- Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám dày 0.35mm.</p> <p>* Liner: Chất liệu bằng Ultra high molecular weight polyethylene (ISO 5834-2) kết hợp Vitamine E</p> <p>- Độ dày lớp lót tại khu vực chịu lực chính, tối thiểu dày 5,5 mm.</p> <p>* Head: Có đường kính 22.2mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. Chất liệu ISODUR® F Cobalt-chromium forged alloy (CoCrMo / ISO 5832-12)</p> <p>* Ổ cối: Loại ổ cối Plasmafit phủ công nghệ độc quyền Plasmapore® Pure titanium (Ti / ISO 5832-2), Plasmapore CaP giúp mau liền xương từ 8-12 tuần, có các size từ 40mm - 70mm, có 3 lỗ bắt vít hướng 11h, 12h, 13h. Chất liệu Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3), góc xoay đa hướng +/- 9°.</p> <p>* Vít: có các size 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, 44mm chất liệu ISOTAN® F Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3), góc xoay đa hướng +/- 9°.</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO, CE</p> <p>-- Tặng kèm stapler bấm khâu da sau ca phẫu thuật</p>
187	Bộ khớp háng Toàn phần metal on poly - P187	Bộ khớp háng Toàn phần metal on poly	Bộ	10	<p>1/ Chuỗi khớp: Chất liệu: Titanium alloy. Có lớp phủ phản ứng sinh học: 250 <math>\mu</math>mTi+ HA 50 <math>\mu</math>m. Góc cổ 135°. Vai chuỗi có dát thích ứng với phương pháp rạch ít xâm lấn phù hợp tối ưu, bảo tồn xương. Chiều dài thân chuỗi từ 115 - 190mm tương ứng 11 cỡ. Base offset khoảng từ 38 - 42.8mm. Chiều dài cổ 38.2mm.</p> <p>2/ Ổ cối: Chất liệu: Titanium alloy + Titanium. Đường kính Ngoài/(Trong) tương ứng: Ngoài: 44mm (Trong 36mm) - 64mm (Trong 54mm); bước tăng 2mm.</p> <p>3/ Lót ổ cối: Chất liệu: High Cross Linked Polyethylene. Đường kính Ngoài/(Trong) tương ứng: Ngoài: từ 40 - 42mm (Trong 28mm), từ 44 - 54mm (Trong 32mm), từ 48 - 54mm (Trong 36mm); bước tăng 2mm.</p> <p>4/ Đầu xương đùi (Femoral head): Chất liệu: CoCrMo casted. Kích thước: 28 và 32mm, tương ứng 4 cỡ S, M, L, XL. Chiều dài cổ tương ứng các cỡ:</p> <p>- Loại kích thước 28mm: -3.5, 0, +3.5, +7mm.</p> <p>- Loại kích thước 32mm: -4, 0, +4, +8mm.</p> <p>5/ Vít cho ổ cối: Chất liệu: Titanium alloy. Đường kính 6.3mm. Chiều dài 15 - 40mm, bước tăng 5mm.</p> <p>6/ Nút lỗ đi kèm: Chất liệu: Titanium alloy. Đường kính 10mm. Chiều dài 4mm.</p> <p>7/ Nút lỗ vít: Chất liệu: Titanium alloy. Đường kính 8mm. Chiều dài 3mm.</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích.</p>

188	Khớp háng toàn phần không xi măng Optima 135 độ - P188	Khớp háng toàn phần không xi măng Optima 135 độ	Bộ	20	<p>1. Thân cán khớp háng đùi 135 độ không xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium; Kích cỡ: #8(đường kính 5.7x115x135 độ); #9(đường kính 5.1x130x135 độ); #10(đường kính 5.5x140x135 độ); #11(đường kính 6.5x145x135 độ); #12(đường kính 7.5x150x135 độ); #13(đường kính 8.4x155x135 độ); #14(đường kính 9.1x160x135 độ); #15(đường kính 10.0x165x135 độ); #16(đường kính 11.2x170x135 độ).</li> <li>- Đặt tính: Bề mặt chuỗi thô ráp tăng độ bám kích thích mọc xương.</li> </ul> <p>2. Đầu chỏm khớp háng'đùi Co-Cr-Mo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Co-Cr-Mo; Kích cỡ: đường kính đầu chỏm là 24mm với chiều dài chỏm là 3.5mm; đường kính đầu chỏm là 28mm với chiều dài chỏm là 1.5mm, 5mm, 8.5mm, 12mm, 15.5mm.</li> <li>- Đặt tính: được đánh bóng để giúp tối đa lực ma sát hạn chế mài mòn.</li> </ul> <p>3. Chén khớp háng xương chậu không xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium; Kích cỡ: đường kính 44/46/48/50/52/54/56/58/60mm</li> <li>- Đặt tính: bề mặt thô ráp tăng độ bám và có 3 lỗ bắt vít ở cối .</li> </ul> <p>Lớp lót (Liner)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: nhựa cao phân tử Polyethylene-PE; Kích cỡ: đường kính lớp lót dài 24mm và 28mm.</li> </ul> <p>4. Vít chén khớp háng xương chậu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium; Kích cỡ: 6.5mm với chiều dài 20/25/30/35mm.</li> <li>- Đặt tính: Răng to tạo kết nối vững chắc chén ở cối.</li> </ul> <p>Có kèm theo hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng.</p>
189	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ HA toàn thân, góc cổ chuỗi 135° - P189	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ HA toàn thân, góc cổ chuỗi 135°	Bộ	10	<p>1. Chuỗi khớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổ chuỗi 12/14, góc cổ chuỗi 135 độ, chất liệu Titan, phủ HA toàn thân chuỗi. Có rãnh ngang ở đầu gần chống lún và rãnh dọc ở đầu xa giúp cực đại hóa diện tích tiếp xúc của xương và chuỗi.</li> <li>- Có <math>\geq 11</math> kích cỡ chuỗi từ 8 đến 18 tương ứng chiều dài từ 116 mm đến 186mm, trong đó có ít nhất 1 kích cỡ chuỗi có chiều dài <math>\leq 120</math>mm</li> <li>- Có 2 loại chuỗi tiêu chuẩn và chuỗi có độ đi lệch cổ ngang <math>\geq 7.5</math>mm cho phép phục hồi cơ sinh học của háng chính xác</li> <li>- Có 2 lựa chọn có vành cổ chuỗi và không có vành cổ chuỗi.</li> </ul> <p>2. Ổ cối hình bán cầu, đỉnh phẳng, chất liệu Titanium phun plasma titan nhám phủ HA, có <math>\geq 3</math> lỗ bắt vít</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có <math>\geq 13</math> kích cỡ chén liên tục với bước tăng 2mm, trong đó có tối thiểu 1-chén có kích cỡ <math>\leq 42</math>mm;</li> <li>- Kích thước chỏm tương ứng : Ổ cối cỡ <math>\leq 48</math> sử dụng chỏm 32mm; cỡ <math>\geq 50</math> sử dụng chỏm 36mm.</li> </ul> <p>3. Lớp đệm: Chất liệu Polyethylene cao phân tử liên kết chéo, có bề chống trật 0 độ và 15 độ</p> <p>4. Chỏm xương đùi: Chất liệu CoCrMo có đường kính 32mm (Chiều dài cổ -4, +0, +4, +7), 36mm (Chiều dài cổ -4, +0, +4, +7)</p> <p>5. Vít: Chất liệu Titanium; đường kính 6,5mm; chiều dài 20-50mm bước tăng 5mm; côn 24 độ; mũi vít tự dẫn hướng; đầu vít hình lục giác</p> <p>Tiêu chuẩn: CE, ISO  Xuất xứ G7  Cung cấp kèm bộ dụng cụ tương thích khi sử dụng</p>

NH  
N  
T  
NH

190	Khớp háng toàn phần không xi măng, toàn bộ bề mặt được phủ lớp HA 100 ± 20µm, đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm - P190	Khớp háng toàn phần không xi măng, toàn bộ bề mặt được phủ lớp HA 100 ± 20µm, đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm	Bộ	<p>30</p> <p>Khớp háng toàn phần không xi măng Metal on Poly</p> <p>1. Cuống xương đùi (Stem):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V), grade 5ELI (ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100±20µm, Kích cỡ: 9 cỡ từ 1-9 chiều dài: 1x127, 2x137, 3x142, 4x147, 5x152, 6x157, 7x162, 8x167, 9x177mm.</li> <li>- Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuôi 135° và 125°, cổ chuôi dài 41mm/ 42mm; offset 37-43mm/ 44-50mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Taper 12/14 (góc 5°42'30").</li> </ul> <p>2. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt Chrome/ thép không gỉ, đường kính 28mm (-3.5, +0, +3.5, +7, +11), 32mm (-4, +0, +4, +7), 36mm (-4, +0, +4, +8), gồm; S, M, L, XL, XXL</li> </ul> <p>3. Ổ cối (Acetabular):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Ti6Al4V grade 5 ELI (ISO 5832-3), phủ Plasma Ti-Growth-C titanium Plasma Spray (400±100 micron) hoặc Titanium Y 367 (300±100micron); kích thước từ 44mm-72mm,</li> <li>- Có 3 vây cá ở vị trí 70 độ mỗi bên, chống xoay, bề mặt nhám tổ ong; 3 lỗ vít thiết kế lệch trục lên đến 15 độ, cơ chế khóa lớp đệm bằng Neo hình nón (conical Anchor) ngăn chặn các vi chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Tương thích với mũi khoan 4,5mmx56mm (Drill bit)</li> </ul> <p>4. Lớp lót (Liner):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu XLPE (ISO 5834-2) Crosslinked/ XLPE+Vitamin E, đường kính 28, 32, 36mm; kích thước: 42mm; 44-46mm, 48-50mm, 52-54mm, 56-58mm.</li> <li>- Có hoặc không có bờ chống trượt</li> </ul> <p>5. Vít ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Chất liệu: Titanium, đường kính 6,5mm và dài 20-60mm.</li> </ul> <p>Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng  Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE  Xuất xứ: G7</p>
-----	--	---	----	--

191	<p>Khớp háng toàn phần không xi măng chuôi Actinia phủ HA toàn phần, CoCrMo on UHMWPE crosslink siêu liên kết, chòm CoCrMo 32/36mm. Ổ cối phủ HA trên ổ cối có 3 lỗ để bắt vít, góc cổ chuôi 135° - P191</p>	<p>Khớp háng toàn phần không xi măng chuôi Actinia phủ HA toàn phần, CoCrMo on UHMWPE crosslink siêu liên kết, chòm CoCrMo 32/36mm. Ổ cối phủ HA trên ổ cối có 3 lỗ để bắt vít, góc cổ chuôi 135°.</p>	Bộ	25	<p>1. Chuôi:          -Chất liệu: Titan TiAl6V4 phủ HA có độ dày <math>155 \pm 30 \mu\text{m}</math> toàn phần, độ xốp <math>\leq 10\%</math>, Cấu tạo TiAl6V4 alloy phủ tổ ong 60% bề mặt 330 - 390<math>\mu\text{m}</math>          -Kích thước: 11 cỡ trung bình          -Góc cổ thân: 135 độ. Taper 12/ 14 mm. Cỡ chuôi 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20. tương ứng 114,5mm/129,5mm/139,4mm/144,4mm/149,4mm/154,3mm/159,4mm/164,4mm/169,4mm/179,4mm/189,4mm.          Rộng A/P: 26.7/27.9/29.1/30.3/31.5/32.4/33.3/34.9/36.1/38.1/40.1. M/L: 13.3/13.3/14.3/14.7/15.2/15.5/16.3/16.8/16.8/18.7/20.1.          Cuối thân A/P: 5.5/5.2/6/7/7.8/8.3/9.3/10.3/10.8/11.9/12.8.          M/L: 7/8/9/9.5/10/10/10/10/11/11.          Có các cỡ offset: 38.5/ 39/ 39.5/ 40/ 40.5/ 41/ 41.5/ 42/ 42.5/ 43.5/ 44.5mm.</p> <p>2. Chòm :          -Vật liệu CoCrMo có tỷ lệ Chromium: 26,5-30,0%, Molybdenum: 4,5-7,0%, Nickel: max. 1,0%, Iron: max. 1,0%, Carbon: max. 0,35%, Manganese: max. 1,0%, Silicium: max. 1,0%.          -Các cỡ 32/36mm (K(-4), M(0), L(+4), XL(+8))</p> <p>3. Ổ cối:          -Vật liệu: TiAl6V4, có phủ HA. Kích thước: 46/48/50/52/54/56/ 58/60/62/64/66/68mm với bước tăng 2mm. Có 3 lỗ bắt vít ổ cối có nút bịt, góc bắt vít ổ cối lên tới 15°.</p> <p>4. Miếng lót ổ cối:          -Chất liệu polyethylene cao phân tử siêu liên kết crosslinked UHMWPE tiệt trùng bằng công nghệ gama 75kGy          -Đường kính trong/ngoài: các cỡ: 32/39-44-48-52mm, 36/44-48-52mm.          -Chống trật: 10 độ</p> <p>5. Vít ổ cối          - Chất liệu: TiAl6V4. Kích thước: 15-50mm bước tăng 5mm, đường kính 6.5mm          Tiêu chuẩn: ISO, CE</p>
-----	--	--	----	----	--

192	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi phủ HA toàn phần, chòm CoCrMo 28/32mm, góc cổ chuỗi 135 độ - P192	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi phủ HA toàn phần, chòm CoCrMo 28/32mm, góc cổ chuỗi 135 độ.	Bộ	20	<p>1. Chuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Chất liệu: Titan TiAl6V4 phủ HA có độ dày <math>155 \pm 30 \mu\text{m}</math> toàn phần, độ xốp <math>\leq 10\%</math>, Cấu tạo TiAl6V4 alloy phủ tổ ong 60% bề mặt <math>330 - 390\mu\text{m}</math></li> <li>-Kích thước: 11 cỡ trung bình</li> <li>-Góc cổ thân: 135 độ. Taper 12/ 14 mm. Cỡ chuỗi 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20. tương ứng 114,5mm/129,5mm/139,4mm/144,4mm/149,4mm/154,3mm/159,4mm/164,4mm/169,4mm/179,4mm/189,4mm.</li> <li>Rộng A/P: 26.7/27.9/29.1/30.3/31.5/32.4/33.3/34.9/36.1/38.1/40.1. M/L: 13.3/13.3/14.3/14.7/15.2/15.5/16.3/16.8/16.8/18.7/20.1.</li> <li>Cuối thân A/P: 5.5/5.2/6/7/7.8/8.3/9.3/10.3/10.8/11.9/12.8.</li> <li>M/L: 7/8/9/9.5/10/10/10/10/10/11/11.</li> <li>Có các cỡ offset: 38.5/ 39/ 39.5/ 40/ 40.5/ 41/ 41.5/ 42/ 42.5/ 43.5/ 44.5mm.</li> </ul> <p>2. Chòm :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Vật liệu CoCrMo có tỷ lệ Chromium: 26,5-30,0%, Molybdenum: 4,5-7,0%, Nickel: max. 1,0%, Iron: max. 1,0%, Carbon: max. 0,35%, Manganese: max. 1,0%, Silicium: max. 1,0%.</li> <li>- Các cỡ 28mm (-3.5,0,+3.5)/32mm (-4,0,+4,+8) /36mm (-4,0,+4,+8) cỡ đầu 12/14</li> </ul> <p>3. Ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Vật liệu: TiAl6V4. Kích thước: 46/48/50/52/54/56/ 58/60/62/64/66/68mm với bước tăng 2mm. Có 3 lỗ bắt vít ổ cối có nút bịt, góc bắt vít ổ cối lên tới 15°.</li> </ul> <p>4. Miếng lót ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Chất liệu polyethylene cao phân tử siêu liên kết UHMWPE</li> <li>-Đường kính trong/ngoài: các cỡ: 28/39-44-48-52mm, 32/44-48-52mm, 36/48-52mm, Chống trượt: 10 độ</li> </ul> <p>5. Vít ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: TiAl6V4. Kích thước: 15-50mm bước tăng 5mm, đường kính 6.5mm</li> <li>Tiêu chuẩn: ISO, CE</li> </ul>
193	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi thon góc cổ thân 131 độ - P193	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi thon góc cổ thân 131 độ.	Bộ	40	<p>Kết hợp với dụng cụ mô lồi trước.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Ổ cối Variocup Pressfit : Dạng nén ép với nhiều răng nén ép, chất liệu hợp kim Titanium Ti-6AL-4V với cơ chế khóa ổ trục chịu lực , có lỗ bắt 3 vít, gồm đường kính các cỡ từ 42mm - 68mm, bước tăng 2mm .</li> <li>Lớp lót bằng Poly (Highly cross-linked UHMWPE) siêu bền giúp tăng khả năng chịu mài mòn, có bề chống trượt 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Ring-Lock.</li> <li>Chòm xương đùi: chất liệu hợp kim CoCrMo , 28mm (-3,5mm, 0mm, +3,5mm, +7mm, +10,5mm ), 32mm ( -4mm, 0mm, +4mm, +7mm, +10.5mm ), 36mm ( -4mm, 0mm, +4mm, +8mm, +10.5mm ) . Taper 12/14</li> <li>Chuôi khớp không dùng xi măng VarioLoc HA Pressfit chất liệu Titanium Alloy Ti-6AL-4V phủ HA toàn thân. Rãnh ngang chống lún và rãnh dọc chống xoay với đường cắt xương 41 độ .Góc cổ thân 131°, cổ chuỗi 12/14mm, có 10 cỡ 7.5:114mm (offset C:31mm;D:36mm), 9:117mm (offset C:31mm;D:37mm) , 10:119mm (offset C:34mm;D:40mm), 11:121mm (offset C:34mm;D:41mm), 12.5:124mm (offset C:34mm;D:41mm), 13.5:126mm (offset C:37mm;D:45mm), 15:129mm (offset C:37mm;D:45mm), 16:132mm (offset C:37mm;D:46mm), 17,5:134mm (offset C:37mm;D:47mm), 20:139mm (offset C:37mm;D:48mm).</li> <li>Vít bắt ổ cối Titanium tự Taro có đường kính 6.5mm chiều dài từ 15-70mm.</li> <li>Nút vít chặn.</li> <li>Vít chặn</li> </ol> <p>Tiêu chuẩn: ISO, CE</p>

194	Khớp háng toàn phần không xi măng, Liner PE, chuôi có rãnh dọc chống xoay, phun plasma rỗ tổ ong. Ổ cối phun plasma tổ ong 30% độ xốp - P194	Khớp háng toàn phần không xi măng, Liner PE, chuôi có rãnh dọc chống xoay, phun plasma rỗ tổ ong. Ổ cối phun plasma tổ ong 30% độ xốp	Bộ	60	<p>* Cuống xương đùi: Hợp kim Titanium (Ti6Al4V) phủ Ti-Plasma rỗ tổ ong, chuôi tiết diện hình chữ nhật, có rãnh dọc chống xoay, được vát thuôn dần hai bên 5°; hai mặt trước-sau 2° làm tăng độ chịu nén, chống lún. Góc cổ chuôi 132°. Neck Taper 12/14 mm, có 11 kích cỡ, dài 137 - 177mm</p> <p>* Ổ cối: hybrid cup vật liệu Titanium, phủ Titanium - Plasma dạng rỗ tổ ong với hơn 30% độ xốp, hình bán cầu, có 3 lỗ bắt vít, có 10 kích cỡ 44 - 74mm.</p> <p>* Lớp đệm: Polyethylene cao phân tử, có bề chống trượt, size Ø28-32mm, đường kính ngoài phù hợp ổ cối. Cơ chế khóa giữa ổ cối và lớp đệm PE giúp cố định an toàn, chống xoay, chống lác</p> <p>* Đầu xương đùi: hợp kim Co-Cr-Mo được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size: Ø28-32mm (S, M, L)</p> <p>* Vít: Titanium đường kính Ø6,4mm, chiều dài 15 - 60mm.</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE/FDA</p>
195	Khớp háng toàn phần không xi măng, có lớp phủ Ti độ dày lớn, chòm xương đùi lớn, phủ HA toàn chuôi - P195	Khớp háng toàn phần không xi măng, có lớp phủ Ti độ dày lớn, chòm xương đùi lớn, phủ HA toàn chuôi	Bộ	30	<p>* Cuống xương đùi: loại H, vật liệu hợp kim Titanium, phủ HA toàn chuôi dày 155µm, thiết kế rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Góc cổ chuôi 135°, Neck Taper 12/14, có 10 kích cỡ T09 - T20, chiều dài 130 - 190mm, tiêu chuẩn ISO 5832-3.</p> <p>* Ổ cối : vật liệu Titanium (Ti6V4 ELI) ISO 5832-3, phun Titanium rỗ tổ ong có độ xốp cao dày 350µm, có 03 lỗ bắt vít. Có 10 kích cỡ ổ cối Ø46 - 64mm</p> <p>* Lớp đệm: vật liệu nhựa Polyethylene cao phân tử (ISO 5834-1/2). Chòm lớn, đường kính trong Ø32, 36mm, đường kính ngoài phù hợp ổ cối.</p> <p>* Đầu xương đùi: thép không rỉ (ISO 5832-1) được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size: Ø32; 36mm.</p> <p>* Vít neo: Titanium, Ø6.0mm, dài 20 - 45mm</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE</p> <p>Xuất xứ Châu Âu</p>
196	Khớp háng toàn phần không xi măng góc cổ chuôi 125 độ - P196	Khớp háng toàn phần không xi măng góc cổ chuôi 125 độ	Bộ	10	<p>1. Ổ cối: Ổ cối nén ép không xi măng tương thích với đệm ổ cối loại INLOCK X (polyethylene liên kết chéo cao)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim titan (Ti6Al4V-ISO 5832-3). Lớp phủ: xốp titan (500 µm) và hydroxyapatit (40 µm).</li> <li>- Kích cỡ: 14 kích cỡ (từ size 40 đến 64), tương thích chòm có đường kính từ Ø22.2 mm đến Ø36 mm.</li> <li>- Thiết kế hình bán cầu có đỉnh phẳng 2mm, lực ép chặt tăng dần, đạt 1.4 mm tại vùng xích đạo, phạm vi chuyển động lên tới 142°.</li> <li>- 3 lỗ bắt vít</li> <li>- Các gờ chống trượt bên trong ổ cối cho phép cơ chế click-and-lock, đảm bảo ổn định lâu dài và ngăn chặn sự xoay của lớp đệm.</li> </ul> <p>2. Lớp đệm ổ cối liên kết chéo cao Highly-crosslinked polyethylene</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Highly-crosslinked polyethylene (Chirulen® 1020 X-ASTM F2565)</li> <li>- Kích cỡ: 22.2, 28, 32, 36 mm, gờ 0 độ; 10 độ tương thích ổ cối cỡ 40 - 64mm, bước tăng 2mm.</li> <li>- Đặc tính chất liệu giảm tỉ lệ mài mòn, giảm nguy cơ loãng xương</li> </ul> <p>3. Chòm xương đùi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt-chrome head (CoCrMo-ISO 5832-12), tương thích với cổ côn 12 / 14 5°40'</li> <li>- Kích cỡ: Đường kính head (offset tương ứng): Ø 22.2 (+0, -2, +4); Ø 28 (+0, ±3.5, +7); Ø 32 (+0, ±4, +8); Ø 36 (+0, ±4, +8)mm</li> </ul> <p>4. Cuống xương đùi không xi măng có độ lệch (offset):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium alloy (Ti6Al4V-ISO 5832-3) dày 225 +/- 25 µm, phủ : Hydroxyapatite dày 120 +/- 35 µm.</li> <li>- Kích cỡ: 9-18, chiều dài: 130-180mm</li> <li>- Tương thích với cổ côn: 12 / 14 5°40' taper. Góc cổ chuôi 125°</li> <li>- Thiết kế tứ giác tự khóa, rãnh ngang giúp ổn định vị trí chuôi, loe mở dần giúp cố định chắc chắn vùng hành xương.</li> </ul> <p>5. Vít ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium alloy (Ti6Al4V-ISO 5832-3).</li> <li>- Kích cỡ: đường kính 6.5mm. Chiều dài vít từ 15mm đến 60mm với mỗi bước tăng 5mm</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn ISO, EU (châu Âu)</p>

197	Khớp háng toàn phần không xi măng loại tiêu chuẩn - P197	Khớp háng toàn phần không xi măng loại tiêu chuẩn	Bộ	10	<p>1. Ổ cối: Ổ cối nén ép không xi măng tương thích với đệm ổ cối loại INLOCK X (polyethylene liên kết chéo cao)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim titan (Ti6Al4V-ISO 5832-3). Lớp phủ: xốp titan (500 μm) và hydroxyapatit (40 μm).</li> <li>- Kích cỡ: 14 kích cỡ (từ size 40 đến 64), tương thích chỏm có đường kính từ Ø22.2 mm đến Ø36 mm.</li> <li>- Thiết kế hình bán cầu có đỉnh phẳng 2mm, lực ép chặt tăng dần, đạt 1.4 mm tại vùng xích đạo, phạm vi chuyển động lên tới 142°.</li> <li>- 3 lỗ bắt vít</li> <li>- Các gờ chống trượt bên trong ổ cối cho phép cơ chế click-and-lock, đảm bảo ổn định lâu dài và ngăn chặn sự xoay của lớp đệm.</li> </ul> <p>2. Lớp đệm ổ cối liên kết chéo cao Highly-crosslinked polyethylene</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Highly-crosslinked polyethylene (Chirulen® 1020 X-ASTM F2565)</li> <li>- Kích cỡ: 22.2, 28, 32, 36 mm, gờ 0 độ; 10 độ tương thích ổ cối cỡ 40 - 64mm, bước tăng 2mm.</li> <li>- Đặc tính chất liệu giảm tỉ lệ mài mòn, giảm nguy cơ loãng xương</li> </ul> <p>3. Chỏm xương đùi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt-chrome head (CoCrMo-ISO 5832-12), tương thích với cổ côn 12 / 14 5°40'</li> <li>- Kích cỡ: Đường kính head (offset tương ứng): Ø 22.2 (+0, -2, +4); Ø 28 (+0, ±3.5, +7); Ø 32 (+0, ±4, +8); Ø 36 (+0, ±4, +8)mm</li> </ul> <p>4. Cuống xương đùi không xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium alloy (Ti6Al4V-ISO 5832-3) dày 225 +/- 25 μm, phủ : Hydroxyapatite dày 120 +/- 35 μm.</li> <li>- Kích cỡ: 8-20, chiều dài: 115-190mm</li> <li>- Tương thích với cổ côn: 12 / 14 5°40' taper. Góc cổ chuôi 129°</li> <li>- Thiết kế tứ giác tự khóa, rãnh ngang giúp ổn định vị trí chuôi, loe mở dần giúp cố định chắc chắn vùng hành xương.</li> </ul> <p>5. Vít ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium alloy (Ti6Al4V-ISO 5832-3).</li> <li>- Kích cỡ: đường kính 6.5mm. Chiều dài vít từ 15mm đến 60mm với mỗi bước tăng 5mm</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn ISO, EU (châu Âu)</p>
198	Khớp háng toàn phần không xi măng loại tùy chỉnh (custom) - P198	Khớp háng toàn phần không xi măng loại tùy chỉnh (custom)	Bộ	10	<p>1. Ổ cối: Ổ cối nén ép không xi măng tương thích với đệm ổ cối loại INLOCK X (polyethylene liên kết chéo cao)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim titan (Ti6Al4V-ISO 5832-3). Lớp phủ: xốp titan (500 μm) và hydroxyapatit (40 μm).</li> <li>- Kích cỡ: 14 kích cỡ (từ size 40 đến 64), tương thích chỏm có đường kính từ Ø22.2 mm đến Ø36 mm.</li> <li>- Thiết kế hình bán cầu có đỉnh phẳng 2mm, lực ép chặt tăng dần, đạt 1.4 mm tại vùng xích đạo, phạm vi chuyển động lên tới 142°.</li> <li>- 3 lỗ bắt vít</li> <li>- Các gờ chống trượt bên trong ổ cối cho phép cơ chế click-and-lock, đảm bảo ổn định lâu dài và ngăn chặn sự xoay của lớp đệm.</li> </ul> <p>2. Lớp đệm ổ cối liên kết chéo cao Highly-crosslinked polyethylene</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Highly-crosslinked polyethylene (Chirulen® 1020 X-ASTM F2565)</li> <li>- Kích cỡ: 22.2, 28, 32, 36 mm, gờ 0 độ; 10 độ tương thích ổ cối cỡ 40 - 64mm, bước tăng 2mm.</li> <li>- Đặc tính chất liệu giảm tỉ lệ mài mòn, giảm nguy cơ loãng xương</li> </ul> <p>3. Chỏm xương đùi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Ceramic (Al2O3 + ZrO2-ISO 6474-2), tương thích với cổ côn 12 / 14 5°40'.</li> <li>- Kích cỡ: Đường kính head (offset tương ứng): Ø 28 (+0, ±3.5); Ø 32 (+0, ±4, +7); Ø 32 (+0, ±4, +8); Ø 40 (+0, ±4, +8)mm</li> </ul> <p>4. Cuống xương đùi không xi măng loại tùy chỉnh thiết kế riêng cho từng bệnh nhân (Individual Hip):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti6Al4V-ISO 5832-3), phủ xốp titanium and hydroxyapatite, 12 / 14 5°40' taper. Tùy chọn: phủ HA toàn thân/ từng phần; có cổ/ cổ bình thường.</li> <li>- Cung cấp kèm theo chuôi đồng thử loại trơn láng, hoặc có răng bằng chất liệu thép không rỉ (316L-NF S94-090)</li> </ul> <p>5. Vít ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium alloy (Ti6Al4V-ISO 5832-3).</li> <li>- Kích cỡ: đường kính 6.5mm. Chiều dài vít từ 15mm đến 60mm với mỗi bước tăng 5mm</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn ISO, EU (châu Âu)</p>

199	Khớp háng toàn phần không xi măng, loại chuỗi dài bằng Titan-Niobium 127 độ hoặc 135 độ - P199	Khớp háng toàn phần không xi măng, loại chuỗi dài bằng Titan-Niobium 127 độ hoặc 135 độ	Bộ	10	<p>Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài Metal on Poly</p> <p>1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):  - Chất liệu: Cobalt Chrome/ thép không gỉ. Kích cỡ: đường kính 28, 32, 36mm; gồm các cỡ S (-3.5), M (+0), L (+3.5), XL (+7), XXL (+10.5).</p> <p>2. Ổ cối (Acetabular):  - Chất liệu: Titanium-Vanadium : Sandblasted, phủ Ti 100µm và HA 90µm. Kích cỡ từ 40-64mm, bươ tăng 2mm  - Dạng Ellip đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tích tiếp xúc lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 11h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, đỉnh bờ chống trật vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp đa răng. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm.</p> <p>3. Cuống xương đùi (Stem):  - Chất liệu: Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb (ISO 5832-11), sandblasted 5µm và phủ HA 80µm. Kích cỡ:  - Có 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN,0SN,1SN,...10SN. Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm so với cỡ chuẩn; góc cổ thân 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 37.9-48mm;  - Có 10 cỡ chuỗi dài, dài 170, 175, 180, 185, 190, 195, 200, 205, 210, 215mm, offset 43.8mm-56.0mm, góc cổ thân 127°;  - Dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip</p> <p>4.Lớp lót (Liner):  - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử liên kết chéo (UHMWPE HC) dạng Hooded/ Flat . Kích cỡ: đường kính trong 28, 32, 36mm.  - Có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có 2 dạng chính: trung tính và chống trật 10 độ, cỡ C, E, F</p> <p>5. Vít ổ cối  - Chất liệu Titanium. Kích cỡ: đường kính 6.5mm, dài 20-45mm.</p> <p>Tương thích với Bộ trợ cụ định vị di động AMIS, kỹ thuật mổ lối trước ft xâm lấn  Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng  Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE  Xuất xứ: Châu Âu</p>
-----	--	---	----	----	--

200	Khớp háng toàn phần không xi măng chòm 36mm - P200	Khớp háng toàn phần không xi măng chòm 36mm	Bộ	<p>20</p> <p>Khớp háng toàn phần không xi măng Metal on Poly</p> <p>1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cobalt Chrome/ thép không gỉ. Kích cỡ: đường kính 32, 36mm; gồm các cỡ S (-3.5), M (+0), L (+3.5), XL (+7), XXL (+10.5).</li> </ul> <p>2. Ổ cối (Acetabular):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium-Vanadium : Sandblasted, phủ Ti 100<math>\mu</math>m và HA 90<math>\mu</math>m. Kích cỡ từ 40-64mm, bước tăng 2mm</li> <li>- Dạng Ellip đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tích tiếp xúc lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 1h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, đỉnh bờ chống trật vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp đa răng. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm.</li> </ul> <p>3. Cuống xương đùi (Stem):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb (ISO 5832-11), sandblasted 5<math>\mu</math>m và phủ HA 80<math>\mu</math>m. Kích cỡ: 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN,0SN,1SN,...10SN. Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm so với cỡ chuẩn; góc cổ thân 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 37.9-48mm;</li> <li>- Dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip</li> </ul> <p>4. Lớp lót (Liner):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử liên kết chéo (UHMWPE HC) dạng Hooded/ Flat . Kích cỡ: đường kính trong 32, 36mm.</li> <li>- Có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có 2 dạng chính: trung tính và chống trật 10 độ, cỡ C, E, F</li> </ul> <p>5. Vít ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Titanium. Kích cỡ: đường kính 6.5mm, dài 20-45mm.</li> </ul> <p>Tương thích với Bộ trợ cụ định vị di động AMIS, kỹ thuật mổ lối trước ít xâm lấn      Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng      Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE      Xuất xứ: Châu Âu</p>
-----	--	---	----	---

201	Khớp háng toàn phần không xi măng chòm 32mm - P201	Khớp háng toàn phần không xi măng chòm 32mm	Bộ	20	<p>Khớp háng toàn phần không xi măng Metal on Poly</p> <p>1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):  - Chất liệu: Cobalt Chrome/ thép không gỉ. Kích cỡ: đường kính 32mm; gồm các cỡ S (-3.5), M (+0), L (+3.5), XL (+7), XXL (+10.5).</p> <p>2. Ổ cối (Acetabular):  - Chất liệu: Titanium-Vanadium : Sandblasted, phủ Ti 100<math>\mu</math>m và HA 90<math>\mu</math>m. Kích cỡ từ 40-64mm, bước tăng 2mm  - Dạng Ellip đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tích tiếp xúc lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 11h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, đỉnh bờ chống trật vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp đa răng. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm.</p> <p>3. Cuống xương đùi (Stem):  - Chất liệu: Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb (ISO 5832-11), sandblasted 5<math>\mu</math>m và phủ HA 80<math>\mu</math>m. Kích cỡ: 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN,0SN,1SN,...10SN. Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm so với cỡ chuẩn; góc cổ thân 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 37.9-48mm;  - Dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip</p> <p>4. Lớp lót (Liner):  - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử liên kết chéo (UHMWPE HC) dạng Hooded/ Flat . Kích cỡ: đường kính trong 28, 32mm.  - Có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có 2 dạng chính: trung tính và chống trật 10 độ</p> <p>5. Vít ổ cối  - Chất liệu Titanium. Kích cỡ: đường kính 6.5mm, dài 20-45mm.  Tương thích với Bộ trợ cụ định vị di động AMIS, kỹ thuật mổ lối trước ít xâm lấn  Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng  Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE  Xuất xứ: Châu Âu</p>
202	Khớp háng toàn phần không xi măng, thân đuôi phủ 2 lớp T40 titanium 200 $\mu$ m và Calcium Hydroxyapatide (HA) 100 $\mu$ m - P202	Khớp háng toàn phần không xi măng, thân đuôi phủ 2 lớp T40 titanium 200 $\mu$ m và Calcium Hydroxyapatide (HA) 100 $\mu$ m.	Bộ	40	<p>1. Cuống xương đùi (Stem): Chất liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium 200<math>\mu</math>m và Calcium Hydroxyapatide (HA) 100<math>\mu</math>m, thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Kích thước: có 12 kích cỡ từ 7 đến 20. Chiều dài tương ứng: 110mm, 115mm, 120mm, 125mm, 130mm, 135mm, 140mm, 145mm, 150mm, 155mm, 160mm, 170mm. Offset tương ứng 35,1/ 36,0/ 37,5/ 39,4/ 40,4/ 41,5/ 41,9/ 42,4/ 43,1/ 43,9/ 44,9/ 45,3. Chiều dài cổ đuôi từ 38mm đến 38,5mm. Góc cổ đuôi 135°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối với đầu xương đùi.</p> <p>2. Đầu xương đùi (Head):  + Chất liệu: Co-Cr, kích thước 32mm (-4, +0, +4, +8); 36mm (-4, +0, +4, +8).</p> <p>3. Ổ cối (Cup):  + Chất liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ 2 lớp theo công nghệ Plasma Sprayed porous Titanium (400<math>\mu</math>m - 600<math>\mu</math>m) và Calcium Hydroxyapatite (HA) 80<math>\mu</math>m cho độ nhám cao. Thiết kế 4 lỗ bắt vít trên một cung không đối xứng 120°. Kích cỡ: từ 46-62mm.</p> <p>4. Lớp đệm (Insert) : Chất liệu: Polyethylene được trộn với 0.1% Vitamine E theo công nghệ Highly Crosslinked. Mặt vát 20° của lớp đệm hạn chế sự va chạm cổ xương đùi. Cổ định lớp đệm bằng 10 mẫu chống xoay gắn vào vành của ổ cối. Kích thước của lớp đệm phổ biến cho các đầu xương đùi 32mm và 36mm.</p> <p>5. Vít ổ cối (Screw): Chất liệu titanium TA6V, đường kính 6.0mm, chiều dài vít 20-50mm.  Đạt tiêu chuẩn ISO và CE. Xuất xứ: nhóm G7.</p>

203	Khớp háng toàn phần không xi măng PM 734 - P203	Khớp háng toàn phần không xi măng PM 734	Bộ	25	<p>1. Cuống khớp: Chất liệu Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V)-ISO5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất xốp bằng công nghệ phun Plasma. Cấu trúc bề mặt có nhiều rãnh chạy dọc theo trục cuống khớp. Kích cỡ: có 10 kích cỡ 6,25/137mm; 7,5/137mm; 8,75/139,5mm; 10/142mm; 11,25/146,5mm; 12,5/147mm; 13,75/151,5mm; 15/152mm; 17,5/162,5mm; 20/162,5mm. Góc cổ chuôi: 135°, cổ côn 12/14 (góc trên 5°42'30"). Offset: 2 loại Standard (34,8mm; 36,1mm; 37,0mm; 37,4mm; 38,2mm; 38,7mm; 41,4mm); Lateralized (41,1mm; 42,4mm; 43,5mm; 43,7mm; 44,8mm; 45;47,7mm). Phương pháp khử trùng tia bức xạ với lượng 25 kGy, hoặc phương pháp VH2O2</p> <p>2. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hỗn hợp thép không gỉ nitro hóa cao PM734 - ISO5832/9</li> <li>- Đường kính: 22mm (-2; 0; +2), 28mm (-3,5; 0; +3,5; +7; +10,5; +14,0), 32mm (-4; 0; +4; +8; +12; +16,0), 36mm (-3,5; 0; +3,5; +7; +10,5).</li> </ul> <p>3. Ổ cối (Shell): Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) - ISO5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất bằng công nghệ phun Plasma. Kích cỡ : có 15 kích cỡ từ 42–70mm với mỗi bước tăng 2mm. Phù hợp với tất cả các loại lớp đệm. Kết cấu: có hệ thống khóa giữ chặt lớp đệm, nút đẩy vít có thể tháo rời, vành ngoài mép có gờ để tối ưu hoá đóng press-fit.</p> <p>4. Lớp đệm (Liner): Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE) không Calcium Stearate - ISO5834/1/2, Có gờ chống trật: 0°; 10°; 20°. Kích thước: 22mm; 28mm; 32mm; 36mm, 40mm.</p> <p>5. Vít ổ cối (Screw): hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V), đường kính 6.5mm, chiều dài: 20-50mm (mỗi bước tăng 5mm), 50-60mm (mỗi bước tăng 10mm).</p> <p>-Xuất xứ: Châu Âu. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO + CE</p>
-----	---	--	----	----	---

204	Khớp háng toàn phần không xi măng pm734 chuôi phủ 80µm HA - P204	Khớp háng toàn phần không xi măng pm734 chuôi phủ 80µm HA	Bộ	25	<p>1. Cuồng khớp):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Niobium (Ti6Al7Nb) - ISO5832/11 .</li> <li>- Lớp phủ: Phủ 80µm Hydroxyapatite bằng công nghệ phun plasma.</li> <li>- Kết cấu: có nhiều rãnh dọc và ngang xung quanh thân cuồng khớp</li> <li>- Kích cỡ chuôi: có 12 kích cỡ từ 1/130,3mm; 2/140,3mm; 3/145,4mm; 4/150,4mm; 5/155,5mm; 6/160,5mm; 7/165,5mm; 8/170,4mm; 9/175,4mm; 10/179,9mm; 11/185,4mm; 12/190,4mm.</li> <li>- Góc cổ chuôi: 12/14, 5°43'30". Chiều dài cổ chuôi (39mm; 41mm; 42mm; 43mm; 44mm; 45mm)</li> <li>- Offset: có 2 loại offset Standard CCD: 135° ( 38,6mm; 39,3mm; 40mm; 40,8mm; 41,5mm; 42,2mm; 42,9mm; 43,6mm; 44,1mm; 45,6mm); Lateralized CCD: 127° ( 44,9mm; 45,5mm; 46,3mm; 47,0mm; 47,7mm; 48,4mm; 49,1mm; 49,8mm; 50,3mm; 51,8mm)</li> <li>- Phương pháp khử trùng tia bức xạ với lượng 25 kGy, hoặc phương pháp VH2O2</li> </ul> <p>2. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hỗn hợp thép không gỉ nitro hóa cao PM734 - ISO5832/9</li> <li>- Đường kính: 22mm (-2; 0; +2), 28mm (-3,5; 0; +3,5; +7; +10,5; +14,0), 32mm (-4; 0; +4; +8; +12; +16,0), 36mm (-3,5; 0; +3,5; +7; +10,5).</li> </ul> <p>3. Ổ cối (Shell):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) - ISO5832/3.</li> <li>Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất bằng công nghệ phun Plasma.</li> <li>- Kích cỡ : có 15 kích cỡ từ 42–70mm với mỗi bước tăng 2mm.</li> <li>- Phù hợp với tất cả các loại lớp đệm.</li> <li>- Kết cấu: có hệ thống khóa giữ chặt lớp đệm, nút đẩy vít có thể tháo rời, vành ngoài mép có gờ để tối ưu hoá đóng press-fit</li> </ul> <p>4. Lớp đệm (Liner):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE) không Calcium Stearate - ISO5834/1/2, Có gờ chống trượt: 0°; 10°; 20°.</li> <li>- Kích thước : 22mm; 28mm; 32mm; 36mm, 40mm.</li> </ul> <p>5. Vít ổ cối (Screw) : hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V), đường kính 6.5mm, chiều dài: 20-50mm (mỗi bước tăng 5mm), 50-60mm (mỗi bước tăng 10mm).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất xứ: Châu Âu</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO + CE</li> </ul>
205	Khớp háng toàn phần không xi măng chuôi phủ HA, ổ cối R3HA, chòm Cocr - P205	Khớp háng toàn phần không xi măng chuôi phủ HA, ổ cối R3HA, chòm Cocr	Bộ	25	<p>1. Cuồng khớp không xi măng phủ HA: chất liệu hợp kim titanium 6Al-4V tiêu chuẩn ISO5832, phủ Ti-plasma 180 micron, lớp ngoài phủ HA dày 50µm, dài từ 119/125/132/136/139/143/147/151/155/159/163/167/171 mm, góc cổ chuôi 135 độ hoặc 126 độ hoặc 145 độ. Bề rộng chuôi 29mm-44mm. Hai loại có hoặc không có viền cổ.</p> <p>2. Chòm khớp phù hợp cổ côn 12/14 chất liệu Cobalt Chromium ASTM F 799, kích thước 22mm (+0,+4,+8,+12); 26mm (+0,+4,+8,+12); kích thước 28mm; 32mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16); kích thước 36mm (-3, +0, +4, +8).</p> <p>3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V phủ HA, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xốp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 µm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt.</p> <p>4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viền bổ sung 4mm bên ngoài.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu titan, đường kính ngoài 6.5mm, đường kính trong là 4.0mm, dài từ 15 đến 70 mm (15,20,25,30,35,40,45,50,60,70mm).</p>

206	Khớp háng toàn phần không xi măng phủ HA góc cổ chuôi 135/126/145 độ, ổ cối titanium 6Al-4V - P206	Khớp háng toàn phần không xi măng phủ HA góc cổ chuôi 135/126/145 độ, ổ cối titanium 6Al-4V	Bộ	20	<p>1. Cuống khớp không xi măng phủ HA: chất liệu hợp kim titanium 6Al-4V tiêu chuẩn ISO5832, phủ Ti-plasma 180 micron, lớp ngoài phủ HA dày 50<math>\mu</math>m, dài từ 119/125/132/136/139/143/147/151/155/159/163/167/171 mm, góc cổ chuôi 135 độ hoặc 126 độ hoặc 145 độ. Bề rộng chuôi 29mm-44mm. Hai loại có hoặc không có viền cổ.</p> <p>2. Chòm khớp phù hợp cổ côn 12/14 chất liệu Cobalt Chromium ASTM F 799, kích thước 22mm (+0,+4,+8,+12); 26mm (+0,+4,+8,+12); kích thước 28mm; 32mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16); kích thước 36mm (-3, +0, +4, +8).</p> <p>3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xốp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 <math>\mu</math>m, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt.</p> <p>4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viền bổ sung 4mm bên ngoài.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu titan, đường kính ngoài 6.5mm, đường kính trong là 4.0mm, dài từ 15 đến 70 mm (15,20,25,30,35,40,45,50,60,70mm).</p>
207	Bộ khớp háng toàn phần (MOP) - P207	Bộ khớp háng toàn phần (MOP)	Bộ	30	<p>1. Ổ cối có 3 lỗ bắt vít (Cluster-holed), thiết kế dạng bán cầu, có 12 gờ chống xoay cách nhau 30 độ và gờ khóa lớp lót ổ cối nghiêng 18 độ</p> <p>Vật liệu: hợp kim Titanium, bên ngoài được phủ lớp titanium nguyên chất dạng sợi</p> <p>Có 13 loại đường kính từ 44mm tới 68mm</p> <p>Vít ổ cối: Là loại tự ta-rô Có các loại kích thước: 4.5 x 15mm, 4.5 x 40mm, 4.5 x 50mm, 4.5 x 60mm, 6.5 x 15mm, 6.5 x 40mm, 6.5 x 50mm, 6.5 x 60mm, 6.5 x 70mm, 6.5 x 80mm</p> <p>2. Lót ổ cối: Vật liệu: Polyethylene cao phân tử có phủ Vitamin E Đường kính ngoài: 40 - 80mm với mỗi bước tăng 2mm Đường kính trong: 22, 28, 32, 36 mm Có gờ chống trật khớp vát 15 độ</p> <p>3. Chòm khớp: Vật liệu: hợp kim Cobalt-Chromium Molybdenum Sử dụng an toàn trong môi trường cộng hưởng từ (MRI) 1.5T và 3.0T Đường kính (head) có các loại: 28 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm, 32 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm, 36 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm, 40 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm, 44 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm</p> <p>4. Chuôi khớp háng: Vật liệu Titanium phủ Plasma dày 30<math>\mu</math>m - 70 <math>\mu</math>m Góc cổ chuôi 131 độ, tối ưu hóa tâm vận động; Cổ chuôi côn 12/14, loại cố định đầu gần, có rãnh ở phía đầu xa tạo kênh giúp máu và mảnh xương có thể thoát ra ngoài trong quá trình phẫu thuật; Chuôi được thiết kế giúp cố định trong-ngoài Đầu xa được thiết kế bề mặt nhẵn bóng cao giúp dễ đưa chuôi vào lòng ống tủy; Cổ chuôi dạng thuôn gọn phía dưới cổ côn 12/14 giúp tăng biên độ vận động; Kích cỡ chuôi (Stem Size) có 14 cỡ từ 4 đến 22.5 mm Chiều dài chuôi (Stem Length) có 14 cỡ từ 107mm đến 144mm Độ dài cổ chuôi tiêu chuẩn có các cỡ -3.5, +0, +3.5, +7 và +10.5 tương ứng với 14 cỡ chuôi khác nhau</p>

208	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chòm kim loại - P208	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chòm kim loại	Bộ	30	<p>1. Chuôi xương đùi: Loại tự khoá  - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium, phủ 2 lớp: Titanium 120µm và Hydroxyapatite 80µm  - Góc cổ chuôi 135°, côn 12/14 - 5°40', cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương  - Kích cỡ: có 9 kích cỡ, size x chiều dài: 8 x 87mm, 9 x 130mm, 10 x 140mm, 11 x 145mm, 12 x 150mm, 13 x 155mm, 14 x 160mm, 15 x 165mm, 16 x 170mm</p> <p>2. Ổ cối:  - Vật liệu: Hợp kim titanium aluminum vanadium, phủ 2 lớp: Titanium 120µm và Hydroxyapatite 80µm  - Quanh viền có 4 đỉnh cố định chống xoay, đỉnh có 03 lỗ bắt vít. Kích cỡ 46-62mm bước tăng 2.</p> <p>3. Lớp đệm: polyethylene; có 03 kích cỡ: 39, 44, 48</p> <p>4. Đầu xương đùi (chòm): Thép không rỉ, Kích cỡ: đường kính 28mm (-3.5; 0; +3.5)</p> <p>5. Vít ổ cối: titanium, đường kính 5.5mm, dài 25-45mm.</p> <p>* Đóng gói tiệt trùng  * Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</p>
209	Khớp háng toàn phần không xi măng, ổ cối chuyển động đôi, chòm thép không gỉ - P209	Khớp háng toàn phần không xi măng, ổ cối chuyển động đôi, chòm thép không gỉ	Bộ	80	<p>1. Chuôi xương đùi: loại tự khóa  - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium, phủ 2 lớp: Titanium 120µm và Hydroxyapatite 80µm  - Góc cổ chuôi 135°, côn 12/14 - 5°40', cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương  - Kích cỡ: có 9 kích cỡ, size x chiều dài: 8 x 87mm, 9 x 130mm, 10 x 140mm, 11 x 145mm, 12 x 150mm, 13 x 155mm, 14 x 160mm, 15 x 165mm, 16 x 170mm</p> <p>2. Đầu xương đùi (chòm):  - Vật liệu: thép không rỉ. Đường kính 22.2mm (-2, 0, +3), đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5)</p> <p>3. Ổ cối: Ổ cối không bắt vít  - Vật liệu: Hợp kim Cobalt-chromium-molybdenum, phủ 2 lớp: Titanium 120µm và Hydroxyapatite 80µm  - Mặt ngoài: quanh viền có 6 đỉnh cố định chống xoay, trên đỉnh có 4 đỉnh chống lật và xoay. Mặt trong: được đánh bóng cao với độ nhám &lt;math&gt;&lt;0,05\mu\text{m}&lt;/math&gt;. Có vành chống trật 5mm với 2 điểm đánh dấu</p> <p>- Kích cỡ: 44-60 (bước tăng 2)</p> <p>4. Lớp đệm:  - Vật liệu: Polyethylene. Lớp đệm chuyển động đôi  - Kích cỡ: 44-60 (bước tăng 2)</p> <p>* Đóng gói tiệt trùng  * Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</p>
210	Khớp háng toàn phần không xi măng MOP - P210	Khớp háng toàn phần không xi măng MOP	Bộ	20	<p>Chuôi xương đùi: Loại tiêu chuẩn, vật liệu Ti6Al4V, được phủ 2 lớp Ti - Plasma và HA11 Kích cỡ từ 0 đến 11, côn 12/14</p> <p>- Ổ cối bắt vít: Vật liệu Ti6Al4V, được phủ 2 lớp Ti - Plasma và HA. Có 3 lỗ bắt vít với 10 kích cỡ từ 46 - 64mm. mỗi bước tăng 2mm</p> <p>- Lớp đệm: Bằng vật liệu XLPE. Bờ sau lớp đệm có bờ chống trật 0° và 20°. Cơ chế khóa đôi. vành ngoài có tai chống xoay. có 10 kích cỡ, đường kính trong và ngoài: ID 28mm - OD 46 -48mm; ID 32mm - 50 -52mm; ID 36 mm - OD 54 - 56 -58 -60 -62 -64mm</p> <p>- Chòm xương đùi: Làm bằng vật liệu CoCr có kích cỡ 28mm (-3 + 0 +4 +8 +12), 32 mm (-3 + 0 +4 +8 +12) 36mm (-3 +0 +4 +8 ).Côn 12/14</p> <p>- Vít bắt ổ cối: Bằng vật liệu Titan, đường kính 6.5mm chiều dài từ 15 - 40 mm bước tăng 5mm, góc bắt tối đa 15°</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 và có ít nhất 2 giấy chứng nhận lưu hành trở lên, trong đó có 1 giấy chứng nhận lưu hành thuộc nhóm G7.</p>
A		Khớp háng toàn phần không xi măng thay lại			



211	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài U2 Revision, góc cổ chuỗi 130 độ - lớp lót Metal on PE có vitamin E - P211	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài U2 Revision, góc cổ chuỗi 130 độ - lớp lót Metal on PE có vitamin E	Bộ	20	<p>1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám dày 0.3 mm và phủ HA 0.08mm. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có 2 loại: ít lỗ vít (Cluster) hoặc nhiều lỗ vít (Multi hole), có 14 cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển 2mm. Cạnh ổ cối có 2 dấu laser giúp định hướng lỗ bắt vít ổ cối. Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ. Các lỗ vít có nút chặn.</p> <p>2. Lớp lót: bằng Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo giúp tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu. Lớp lót có 2 dạng (0° và 20°), có 3 mẫu tròn giúp định hướng góc 20°. Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm.</p> <p>3. Chôm xương đùi: bằng hợp kim CoCrMo; kích thước 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm), 32mm (-3mm, +0mm, +2.5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) và chòm lớn 36mm (-3mm, +0mm, 2.5mm, +5mm, 7.5mm, +10mm) với taper 12/14.</p> <p>4. Chuỗi dài không xi măng: (số lượng: 01 cái) Vật liệu hợp kim Titanium Alloy dạng hình nêm 3 chiều và cổ trơn, bề mặt phun Titanium Plasma Spray toàn thân, góc cổ thân 130 độ, taper 12/14, đầu xa đánh bóng và vuốt nhọn. Có 2 dạng: - Dạng thẳng (chiều dài 180mm với 7 lựa chọn đường kính đầu xa có các cỡ từ size 11mm; size 12mm; size 13mm; size 14mm; size 15mm; size 16.5mm và size 18mm) - Dạng cong + Chân trái: chiều dài 230mm, tương ứng 7 lựa chọn đường kính đầu xa có các cỡ từ size 11mm; size 12mm; size 13mm; size 14mm; size 15mm; size 16.5mm và size 18mm. + Chân phải: chiều dài 230mm, tương ứng 7 lựa chọn đường kính đầu xa có các cỡ từ size 11mm; size 12mm; size 13mm; size 14mm; size 15mm; size 16.5mm và size 18mm.</p> <p>5. Vít ổ cối: làm bằng Titanium (số lượng: 02 cái); mũ lục lăng, đường kính 6.5mm với các độ dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm, 40mm, 45mm, 50mm. Bộ khớp có chứng nhận tiêu chuẩn FDA, PMDA và CE/ISO.</p>
212	Bộ khớp háng toàn phần thay lại không xi măng 2 trục linh động - P212	Bộ khớp háng toàn phần thay lại không xi măng 2 trục linh động	bộ	5	<p>Tiêu chuẩn ISO, CE</p> <p>1. Ổ cối không xi măng 2 trục linh động: Vật liệu Chrome cobalt, bề mặt được phủ 2 lớp Titanium và HAP, đường kính từ 42 - 66mm bước tăng 2mm, bề mặt bên trong được đánh bóng. - Mặt ổ cối có 3 móc tăng cường gia cố trong đó 1 móc gấp không có lỗ và 2 móc có 4 lỗ có thể bắt thêm vít gia cố giúp ổ cối vững chắc.</p> <p>2. Lót ổ cối 2 trục linh động: vật liệu UHMWP - Ultra High Molecular Weight Polyethylene, đường kính ngoài phù hợp với ổ cối từ 42-66mm, đường kính trong 22mm và 28mm.</p> <p>3. Chôm khớp: Chất liệu CoCrM, Đường kính gồm các loại 22mm, 28mm, 32mm. Cổ côn: 12/14.</p> <p>4. Vít bắt thành ổ cối: Vật liệu Titanium TA6V4 ELI, tự taro, Đường kính 4.5mm, độ dài từ 15-50mm, (4 cái).</p> <p>5. Chuỗi khớp: Chuỗi khớp háng không xi măng phủ HAP toàn bộ: Chất liệu: Ti6Al4V. Cổ côn: 12/14. Chiều dài chuỗi từ 115 đến 180mm. Góc cổ chuỗi 135 độ, có 10 cỡ từ 8-18, Chiều dài Offset từ 38.2-44.7mm, độ cao cổ 35.5mm, Chiều dài cổ 38.35mm. Phần đầu gắn chuỗi có rãnh ngang 2 mặt, thân chuỗi có rãnh dọc 4 hướng giúp tăng cường độ bám xương, đỉnh chuỗi có ren vụn giúp tháo lắp dễ dàng.</p>
213	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuyên động kép loại thay lại (Revision Acetabular Cup) - P213	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuyên động kép loại thay lại (Revision Acetabular Cup)	Bộ	5	<p>* Cuồng xương đùi: loại H, vật liệu hợp kim Titanium, phủ HA toàn chuỗi dày 155µm, thiết kế rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Góc cổ chuỗi 135°, Neck Taper 12/14, có 10 kích cỡ T09 - T20, chiều dài 130 - 190mm, tiêu chuẩn ISO 5832-3.</p> <p>* Ổ cối: loại Mobility R, vật liệu thép không gỉ (ISO 5832-1), phủ lớp HAP dày 155µm. Loại press-fit, neo giữ bằng các tai ngoài và móc, mặt trong được đánh bóng. Có 9 kích cỡ Ø50 - 66mm</p> <p>* Lớp đệm: Polyethylene cao phân tử (ISO 5834-1/2), độ dày lớp PE tối thiểu 8.5mm, đường kính trong phù hợp đầu xương đùi, đường kính ngoài phù hợp ổ cối.</p> <p>* Đầu xương đùi: thép không gỉ (ISO 5832-1) được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size 28mm.</p> <p>* Vít: Titanium, Ø6mm, dài 40 - 60mm</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE Xuất xứ Châu Âu</p>
A		Khớp vai các loại, các cỡ			

214	Bộ khớp vai bán phần không xi măng - P214	Bộ khớp vai bán phần không xi măng	Bộ	25	<p>Sử dụng trong các trường hợp thoái hoá khớp, gãy đầu trên xương cánh tay ko phức tạp</p> <p>1. Chuôi cánh tay không xi măng (Cementless Stems):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Hợp kim titan (Ti6Al4V)</li> <li>- Đầu các các loại với đường kính x chiều dài = 11x60mm; 12x60mm ; 13x60mm ; 14x80mm ; 15x80mm ; 16x80mm ; 17x80mm ; 18x80mm, 19x80mm , 20x80mm , 21x80mm , 22x80mm , 23x80mm , 24x80mm.</li> <li>- Thân chuôi dạng nón ba phù hợp tất cả các loại giải phẫu</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp.</li> </ul> <p>2. Đầu cánh tay với vít khoá (Humeral Bodies with locking screw) :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: hợp kim Ti6Al4V cùng với vít khoá</li> <li>- Có 3 kích cỡ với đường kính x chiều cao lần lượt là : Short: 16x31mm, Medium: 16x34mm, Long: 16x37mm</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp.</li> </ul> <p>3. Chòm và giá đỡ khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chòm khớp: hợp kim CoCrMo</li> <li>- Có 9 kích cỡ với đường kính x chiều cao như sau : từ 38x12.8mm, 40x14.8mm , 42x15mm , 44x16mm , 46x17mm , 48x18mm , 50x19mm , 52x20mm , 54x21mm .</li> <li>- Giá đỡ khóa (Adaptor Tapers) chất liệu hợp kim Titan Ti6Al4V (0,+2,+4,+8)</li> <li>- Cung cấp 50 vị trí giải phẫu của chòm xương cánh tay</li> <li>** Trường hợp ca mổ dùng chòm size 38mm sẽ không dùng giá đỡ khóa</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp.</li> </ul>
215	Khớp vai bán phần có xi măng dạng mô đun - P215	Khớp vai bán phần có xi măng dạng mô đun	Bộ	10	<p>Sử dụng trong các trường hợp loãng xương, thoái hoá khớp, gãy đầu trên xương cánh tay ko phức tạp.</p> <p>1. Chuôi cánh tay có xi măng(Cemented Stems): chiều dài 80 mm, đường kính 12, 14, 16, 18, 20 mm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu : Hợp kim titan Ti6Al4V</li> <li>- Thân chuôi dạng nón ba phù hợp tất cả các loại giải phẫu</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp.</li> </ul> <p>2. Đầu cánh tay với vít khoá (Humeral Bodies with locking screw) :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: hợp kim Ti6Al4V cùng với vít khoá</li> <li>- Có 3 kích cỡ với đường kính x chiều cao lần lượt là : Short: 16x31mm, Medium: 16x34mm, Long: 16x37mm</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp.</li> </ul> <p>3. Chòm và giá đỡ khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chòm khớp: hợp kim CoCrMo</li> <li>- Có 9 kích cỡ với đường kính x chiều cao như sau : từ 38x12.8mm, 40x14.8mm , 42x15mm , 44x16mm , 46x17mm , 48x18mm , 50x19mm , 52x20mm , 54x21mm .</li> <li>- Giá đỡ khóa (Adaptor Tapers) chất liệu hợp kim Titan Ti6Al4V (0,+2,+4,+8)</li> <li>- Cung cấp 50 vị trí giải phẫu của chòm xương cánh tay</li> <li>** Trường hợp ca mổ dùng chòm size 38mm sẽ không dùng giá đỡ khóa</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp.</li> </ul> <p>4. Xi măng kháng sinh với Gentamicine.</p>



216	Khớp vai toàn phần không xi măng loại đảo ngược - P216	Khớp vai toàn phần không xi măng loại đảo ngược	Bộ	5	<p>Sử dụng trong các trường hợp thoái hoá khớp, gãy xương phức tạp và các ca phẫu thuật revision, rách lớn chóp xoay...</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chuôi cánh tay không xi măng (Cementless Stems): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Hợp kim titan (Ti6Al4V)</li> <li>- Đầu các loại với đường kính x chiều dài = 11x60mm; 12x60mm; 13x60mm; 14x80mm; 15x80mm; 16x80mm; 17x80mm; 18x80mm, 19x80mm, 20x80mm, 21x80mm, 22x80mm, 23x80mm, 24x80mm.</li> <li>- Thân chuôi dạng nón ba phù hợp tất cả các loại giải phẫu</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp.</li> </ul> </li> <li>2. Đầu cánh tay ngược với vít khoá (Reverse Humeral Bodies with locking screw): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: hợp kim Ti6Al4V cùng với vít khoá</li> <li>- Đường kính 36 mm</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp.</li> </ul> </li> <li>3. Lớp đệm ngược (Reverse liner): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu Polyethylene cao phân tử (UMHWPE X-Lima) thiết kế tiêu chuẩn kích thước 36mm (Độ dày 0, +3, +6)</li> <li>- Khả năng điều chỉnh phần bù lên đến 15mm</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp.</li> </ul> </li> <li>4. Chòm ngược: đường kính 36mm có 2 loại lệch tâm và không lệch tâm <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu CoCrMo</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp.</li> </ul> </li> <li>5. Ổ chảo <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: hợp kim Ti6Al4V + PoroTi phủ HA</li> <li>- Hình dạng lồi giúp phân bố đều tải trọng</li> <li>- Có 4 kích cỡ Small - R (SR); Small (S); Standard (STD); Large (L)</li> <li>- Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp.</li> </ul> </li> <li>5. Vít xương: chất liệu hợp kim Titanium (Ti6Al4V): Đường kính 6,5mm dài 15 đến 40mm, bước tăng là 5mm</li> </ol>
-----	--	---	----	---	--